

VĂN HÓA PHẬT GIÁO
ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT
TẬP V

Sách này chỉ kính biếu, không bán!

Quý bạn đọc có thể thỉnh sách tại TU
VIỆN CHƠN NHƯ. Ấn bản điện tử được đăng tải
tại trang web:

<https://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TẬP V



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TIẾNG CHUÔNG CẢNH TỈNH



*"Tiếng chuông cảnh tỉnh răn trần thế
Giọng mõ từ bi nhắc mọi người
Phật pháp hiện giờ mê tín quá
Ài ơi! Nên hiểu chớ làm mê"*

Lời nói đầu

*T*ừ nay về sau trong phần vấn đạo, để trả lời mỗi câu hỏi, chúng tôi sẽ giải đáp, thành một bài pháp, chỉ thẳng những pháp nào của đạo Phật và những pháp nào không phải của đạo Phật, bằng cách chứng minh cụ thể, xác thực qua những bài kinh Nguyên Thủy của đức Phật, để quý vị tránh khỏi bị tà giáo ngoại đạo lấy pháp

của mình mạo danh là giáo pháp của Phật giáo.

Ngoài đời, trên thương trường có biết bao nhiêu mặt hàng giả mạo bằng những bao bì, nhãn hiệu, nhưng bên trong toàn là đồ "dỏm". Trong Phật giáo cũng thế, chắc chắn phải có pháp môn giả. Tại sao chúng tôi biết như vậy?

Vì trải qua nhiều thời gian năm tháng, trước kia chúng tôi chỉ nghe các bậc tôn túc thuật lại sự tu chứng đặc của các Tổ mà không trực tiếp thấy, còn hiện giờ chúng tôi đã thấy biết rất rõ ràng với thời gian hơn thế kỷ nay (100 năm). Thầy Tổ của chúng tôi từ người này đến người khác qua đời (viên tịch), không để lại cho chúng tôi một niềm tin sâu với Phật pháp. Khi còn sống

các Ngài thuyết pháp rất hay, nào là thấy các pháp như mộng, như huyễn; nào là tiếp xúc với sáu trần như hoa đóm giữa hư không; nào là chết biết ngày, biết giờ, biết khắc, biết được tánh linh; nào là làm chủ sự sống chết. Nhưng đến giờ phút cuối cùng, chúng tôi chỉ thấy một hình ảnh đau thương nằm trên giường bệnh mệt nhọc khổ sở, đau đớn trần trở và còn có lúc lại mê man chẳng còn biết gì cả trước khi viên tịch (chết).

Thầy Tổ chúng tôi, họ đều là bậc chơn tu, tinh cần siêng năng, thức khuya, dậy sớm, xâu chuỗi không rời tay, lúc nào cũng thấy ngời thiên, niệm Phật, công phu, bái sám không thời nào không có mặt, trừ khi làm Phật sự hoặc bệnh đau.

Từ lúc bé, tám tuổi chúng tôi được vào chùa tu học với các Thầy Tổ, đến ở chùa nào cũng mang dòng phái Thiên Tông, Lâm Tế, Tào Động, Liễu Quán, Thái Thượng v.v.. Nhưng không thấy Thầy Tổ tu Thiên Tông, mà lại tu Tịnh Độ Tông.

Sau những năm tháng theo Thầy tu học, lòng tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, noi theo gương hạnh của Thầy Tổ tu tập, nuôi hy vọng niệm Phật cầu vãng sinh để về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Thời gian ấy, bỗng dưng làn gió Thiên Tông thổi đến, kinh sách Thiên rõ nở như hoa mùa xuân: nào là Pháp Bảo Đàn Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Kim Cang Kinh; nào là Nguồn Thiên,

Luận Tối Thượng Thừa, Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, Thiên Luận, Thiên Đốn Ngộ v.v..

Càng đọc những kinh sách này, chúng tôi càng say mê và tưởng mình như được của báu. Chúng tôi được theo tu học thiền, lớp học đầu tiên tại tu viện Chơn Không, do Hòa Thượng Thích Thanh Từ đảm trách hướng dẫn, ba tháng an cư tu học ở đó, sau ba tháng tu học, chúng tôi liền rời khỏi tu viện về Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh, nhập thất tu tập suốt chín năm trời, chuyên cần tu tập pháp môn “Trí ọng” (Biết ọng liền buông), và hằng ngày thường sống nhìn các pháp như mộng, như huyễn, thấy lục trần như hoa đóm giữa hư không. Gần chín năm mài miệt tu hành, chúng tôi ngộ tất cả “công

án Thiền Tông, ngồi thiền thì không còn vọng tưởng, (chẳng niệm thiện niệm ác) trạng thái tâm hồn yên lặng như hoà mình trong vũ trụ, lúc bấy giờ chúng tôi tỉnh thức rất rõ. Nhưng xét lại không biết cách nào làm chủ sự sống chết, tâm mình cũng vẫn còn bất an, bất toại nguyện, phiền não, (tham, sân, si), biết rằng gặp những việc bất toại nguyện thì thấy những việc đó như mộng, như huyễn, như hoa đóm giữa hư không. Dù biết vậy, nhưng tâm vẫn còn phiền não chưa thật sạch, phải đợi có thời gian nữa, nhưng phải đợi đến bao lâu? Hay đời này hết qua đời khác... Các Tổ dạy: "Tuỳ duyên tiêu cực nghiệp", có chỗ dạy: "Hồn nhiên" câu nói này là một lý thuyết suông, "tuỳ duyên" như thế nào để tiêu cực

nghiệp? Không có pháp hành cụ thể rõ ràng, lời nói suông để lừa người.

Đối với các pháp Đại Thừa, từ Tịnh Độ Tông cho đến Mật Tông, sự tu tập đối với chúng tôi gần như mất hy vọng. Vì chính ông thân của chúng tôi là một tu sĩ Mật Tông, chú thuật của ông có nhiều thần lực lạ kỳ, nhưng lại để trị bệnh, bói toán như một phù thủy, bùa chú tuy linh hiển nhưng chúng tôi không thấy nó làm chủ sự sống chết, tự tại an vui trong cuộc sống mà chỉ làm chuyện danh lợi như các nghề khác trong thế gian.

Chúng tôi tư duy, suy nghĩ và rất khắc khoải trong lòng, nghĩ đến mình tu hành đến giờ này "Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo". Nếu bây giờ chúng tôi trở ra đời thì

quá muộn màng, tuổi đã 44 rồi còn gì nữa, ở trong đạo thì biết pháp nào tu cho đến nơi đến chốn đây: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, độ hết chúng sanh thì thành Phật”. Những điều kinh sách phát triển đã dạy, chúng tôi đều chuyên cần siêng năng, tinh tấn tu hành không dám biếng trễ, thế mà xét lại tâm mình chưa được làm chủ, cuộc sống còn nhiều bất toại nguyện, tâm vẫn còn ham muốn “danh lợi, ăn ngủ còn thích, thấy nữ sắc còn muốn nhìn”, gần suốt chín năm trời, sự tu hành dường như tránh né và trốn chạy các pháp thế gian, không tìm thấy một sự giải thoát chân thật ở nội tâm mình, chúng tôi tư duy và suy nghĩ: “có phải chăng các pháp môn của Đại Thừa và Thiên Đẳng Độ là pháp môn ức chế tâm chăng?”.

Để được trả lời câu hỏi này một cách cụ thể. Sau này chúng tôi tự tu “Giới, Định, Tuệ” pháp môn của đức Phật, theo kinh sách Nguyên Thủy dạy, chúng tôi thấy kết quả xả tâm ngay khi bắt đầu tu rất rõ ràng. Nhờ có tu tập, có kết quả trong pháp môn, “Tam Vô Lậu Học”. Bây giờ chúng tôi đã thấu biết được rõ và mới dám quả quyết xác định “kinh sách Đại Thừa và Thiên Đồng Độ là pháp môn ức chế tâm thuộc loại thiên tướng” (tà thiên).

“Chẳng niệm thiện niệm ác, thấy các pháp như mộng, như huyễn, thấy sáu trần như hoa đốm giữa hư không”, chúng tôi đã thực hiện những câu này đã nằm lòng, hễ có các pháp đến thì những câu này xuất hiện nhanh chóng, chúng tôi dùng nó đuổi các ác

pháp đi hoặc tâm tham muốn của mình (tâm dục), đuổi một lúc nó mới chịu tan biến. Đuổi mãi chúng, chúng mới đi, nhưng chẳng bao giờ diệt chúng được, một bằng chúng hiển nhiên, vì không có đối tượng thì chúng không có mặt, mà hễ có đối tượng thì chúng hiện ra. Thấm thoát thời gian gần chín năm trời mà tâm chúng tôi vẫn chưa an. Tự cảm thấy như mình là kẻ trốn chạy các pháp thế gian, tránh né sáu trần và cuối cùng xét lại các pháp môn tu hành của Đại Thừa và Thiên Đàng Độ này không thể giải thoát được thân tâm.

Không biết giờ này các bạn đồng tu của chúng tôi, tu hành ra sao? Riêng chúng tôi lúc này (năm 1980), chúng tôi rất ngao ngán với số phận làm thầy tu. Một hình

ảnh đen tối đến với chúng tôi, và tự nghĩ: “hay mình tìm một nơi đâu, trong rừng hoang vắng rồi tự tử cho xong đời (kiếp đời tu sĩ)”, nhưng một hình ảnh hiện lên trong chúng tôi, một người mẹ già yếu đuối, tóc bạc phơ, lưng còm, tuổi đời gần chín mươi, sự sống không còn bao lâu nữa, hằng ngày nấu cơm bung vào thất, giúp chúng tôi sống tu hành. Nhờ hình ảnh ấy, nếu không có mẹ, chắc chúng tôi không thể sống và tiếp tục tu theo con đường giải thoát của đạo Phật, niềm hy vọng tu hành giải thoát đã trở thành mây khói.

Trong lúc tâm hồn chúng tôi đang chán nản tận cùng, trước mặt là bước đường cùng của kiếp đời tu sĩ.

Bỗng nhiên, chúng tôi nhớ đến lời của Hòa Thượng Minh Châu, Ngài đã nói trong bài tựa kinh Trung Bộ tập 2 Pàli-Việt đối chiếu: “Càng dịch chúng tôi càng thấy rõ ác ý của các nhà Bà La Môn đã dùng danh từ Tiểu Thừa để gán vào những lời dạy thực sự Nguyên Thủy của đức Phật và khiến cho các Phật tử, không dám đọc, không dám học, không dám tu những pháp môn ấy. Càng dịch càng thấy rõ dụng tâm hiểm độc của các Bà La Môn, đã khôn khéo xuyên tạc đạo Phật, khiến cho những giáo lý căn bản, tinh hoa cao đẹp nhất của tư tưởng nhân loại, đã bị những tư tưởng tà giáo xen lẫn, bị ruồng bỏ, bị che giấu không được biết đến, không được học hỏi tu hành. Nhưng chân lý bao giờ cũng là

chân lý. Mặt trời bao giờ cũng là mặt trời”.

Nhớ đến đây, những lời này, chúng tôi cố tìm lại bộ kinh Nguyên Thủy Pàli-Việt để trên tủ sách trong thất, do Hòa Thượng Minh Châu dịch lần đầu tiên. Tôi lấy xuống và bắt đầu nghiên cứu lại bộ kinh sách này. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu lời Phật dạy rất kỹ, chúng tôi sống và tu tập đúng theo lời dạy của đức Phật: “Giới, Định, Tuệ”.

Theo lộ trình “Tam Vô Lậu Học”, sống đúng giới hạnh, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, đời sống thiểu dục ít muốn, biết đủ luôn theo pháp “Định Tu Cụ”, ngăn ác, diệt ác, sanh thiện, tăng trưởng thiện. Nhờ đó, kết quả tâm hồn thanh thản, an lạc, tâm

thường quay vô, không phóng dật, biết rõ những hoạt động trong nội thân, tâm luôn không để ý sáu trần, nên thấy rõ thân tâm có một cuộc sống giải thoát an lạc, vô sự.

Càng giữ gìn “Giới luật”, càng tu tập “Tứ Chánh Cần” thì kết quả thân tâm giải thoát rất rõ ràng và cụ thể. Càng tu lại càng ham thích, tự tâm siêng năng và tinh tấn không cần cố gắng nhiều và bắt buộc mình, tự nó siêng năng tinh tấn.

Nhờ sự nghiên cứu và tu tập các pháp môn này kết quả tâm bất động trước các pháp, nên trí tuệ được triển khai, nhờ thế chúng tôi rất am tường thông hiểu kinh sách Nguyên Thủy và có đầy đủ kinh nghiệm, vì vừa nghiên cứu lý thuyết, vừa thực hành lời dạy của đức Phật nên từng bài kinh, từng

câu, từng chữ trong tạng kinh Pàli chúng tôi hiểu rất vững vàng.

Riêng về kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ, chúng tôi đã bỏ công tu tập chín năm trời, nên những trạng thái ức chế tâm, tu tập các pháp hành của thiên Đông Độ và Đại Thừa chúng tôi đều biết rất rõ. Vì vậy, khi được hỏi điều gì đến những trạng thái định có liên quan đến Phật giáo dù ở bộ kinh nào của: Đại Thừa, Thiên Tông và Nguyên Thủy của Đại Thừa, Thiên Tông và Nguyên Thủy. Chúng tôi xin trình bày ngay đến quý vị, đáp ứng các yêu cầu để làm sáng tỏ lại Phật giáo, còn nếu không có ai hỏi thì thôi. Đối với chúng tôi ai tu sao cũng được, có giải thoát hay không giải thoát là quý vị nhờ và

chịu lấy. Chuyện Phật Pháp không phải chuyện riêng của chúng tôi mà là của chung mọi người.

Chúng tôi trả lời đây, vì duyên của quý vị hỏi, chứ không phải tự chúng tôi đặt ra câu hỏi để trả lời nhằm có mục đích chống báng ngoại đạo (Đại Thừa và Thiên Tông). Mặc dù, chúng tôi biết Đại Thừa đã truyền vào đất nước Việt-Nam đầu thế kỷ thứ ba cuối thế kỷ thứ hai và Thiên Tông truyền vào thế kỷ thứ năm, thành một truyền thống dân tộc của đất nước này, muốn xóa nó không phải là một việc dễ làm, nhưng chúng tôi nghĩ đến số phận của những người tu như chúng tôi, nên chúng tôi nói, ai có tin thì tin, không tin thì thôi, tu hành có được thì quý vị nhờ, không được thì quý vị

chịu, giải thoát cho quý vị đâu có liên quan gì đến chúng tôi.

Chúng tôi trả lời vì sự bất buộc ở câu hỏi của quý vị, nếu không trả lời, chúng tôi phụ lòng quý vị, mà trả lời cho quý vị thì phải nói thẳng, nói đúng, nói cái sai, cái không đúng của đạo Phật; nói cái sai tu hành sanh ra bệnh tật điên khùng; nói cái sai để quý vị không bị kẻ khác lừa đảo bởi những pháp mê tín, phi đạo đức; nói cái sai để quý vị khỏi bị kẻ khác lường gạt, làm tiền, làm danh, hoặc buôn Phật, bán pháp (kinh doanh tôn giáo).

Vì cảm thông sự tu hành rất khó khăn và dễ bị làm đường lạc lối. Do đó, chúng tôi nói ra cái sai để quý vị không uổng phí một đời tu hành, ngược lại quý vị cho rằng

chúng tôi bài bác các Tổ sư, chống trái kính sách Đại Thừa.

Kính thưa quý vị! Chúng tôi chống trái để làm gì? Khi chúng tôi cũng là một nạn nhân của các pháp môn này, chúng tôi nói ra vì quý vị, quý vị có hiểu thấu chăng? Chúng tôi là chiếc xe đã lọt hố muốn cho các xe sau đừng lọt hố nữa nên cảm thông những câu hỏi của quý vị mà chúng tôi trả lời, biết như thế nào chúng tôi nói như thế này, đúng sai quý vị còn suy ngẫm.

Khi chúng tôi trả lời, chỉ mong quý vị suy ngẫm kỹ lời chúng tôi nói và lời kinh Nguyễn Thủy dạy, có tương ứng, có phù hợp, có đúng nghĩa hay không? Đúng thì quý vị tin chúng tôi, bằng không đúng thì

quý vị đừng tin và cũng đừng cười chề vì chúng tôi cũng chỉ là con người như quý vị.

Chúng tôi cũng là một con người phạm phu như quý vị, nhờ sống đúng giới hạnh và giới đức, tu tập đúng các pháp của Phật đã dạy. Từ đó, chúng tôi sống trong đạo đức “Nhân quả không làm khổ mình, khổ người”. Hằng ngày tu tập tinh thức trong mọi oai nghi tế hạnh, cả niệm hơi thở, chúng tôi đều hướng tâm ly tham, sân, si và ái dục, nhờ thế chúng tôi thấy được tâm mình giải thoát, đó cũng là mãn nguyện lắm rồi.

Vì đã không làm khổ mình, khổ người, chúng tôi thấy rất rõ là tâm chúng tôi đã “ly dục, ly ác pháp”. Ly dục ly ác pháp, tức là chúng tôi đã làm chủ được cuộc sống của chúng tôi. Làm chủ cuộc sống, tức là làm

chủ được “Sanh” như trong kinh Phật đã dạy. Sanh là một trong bốn cái khổ của kiếp con người.

Chúng tôi trở về pháp môn Nguyên Thủy, tu tập chỉ trong vòng sáu tháng, làm chủ được tâm, không còn thấy các pháp như mộng, như huyễn, sáu trần như hoa đốm giữa hư không nữa mà lại được giải thoát.

Nhờ tu tập có kinh nghiệm và nghiên cứu toàn bộ kinh Nguyên Thủy, nên lập trường trả lời của chúng tôi đều dựa vào đó dựng lại Phật giáo, trong lúc giáo pháp của Phật đã bị dim mất, ít có người được biết đến. Vì vậy, chúng tôi trả lời quý vị không ngoài lời Phật dạy. Tin hay không tin, đó là quyền của quý vị, chúng tôi thì nói

thẳng, nói thật mà thôi, chứ không có tâm
phỉ báng giáo pháp ai hết.

Xin thưa cùng quý vị, chúng tôi biết
rằng, “lời thật mất lòng”, nhưng vì bị hỏi
chúng tôi phải nói toạc sự thật thẳng thừng
để cho mọi người không bị tà giáo ngoại đạo
của kinh sách phát triển Đại Thừa và
Thiền Đông Độ lừa đảo và những người
đang tu hành không làm lạc pháp môn của
ngoại đạo này đã tu dở chết dở sống (Đời
chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo) giống như
chúng tôi tu hành ở những năm 1980. Chúng
tôi cảm thông với những người tu sĩ ấy, có
nhiệt tâm có quyết tâm tìm đường giải thoát
trong đạo Phật như chúng tôi lúc trước.

Chúng tôi chỉ ước mong những câu trả
lời của chúng tôi sẽ làm sáng tỏ những gì

của đạo Phật đang bị che mờ bởi giáo pháp của Bà La Môn. Với thâm ý của chúng tôi không muốn chống trái ai hết, ai có duyên tu pháp môn nào cũng được, nhưng có tu giải thoát được thì dạy người, bằng tu chưa có kết quả thì đừng dùng lý thuyết suông lừa đảo gạt người, gây mê tín, dị đoan khiến cho mọi người khổ sở, phí hết kiếp người và cũng đừng vì quyền lợi, ích kỷ, nhỏ mọn mà gán các pháp môn của ngoại đạo đó cho là của Phật giáo, thì chúng tôi rất đau lòng.

Phật giáo không có các pháp môn thiên tượng, không có pháp mê tín, trùu tượng, mơ hồ. Vì thế, buộc lòng chúng tôi phải nói thẳng để cho người đời sau đừng lầm lạc một cách đáng thương.

Chúng tôi tu hành theo Phật giáo mà đã bị lừa gạt và làm lạc pháp môn của ngoại đạo (Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông), nhiều khi chúng tôi muốn chết hơn là sống. Vì sống làm gì “Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo”, sống bằng ba tác lỗi, gạt người, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ gia đình, vợ con, bỏ cả thân bằng quyến thuộc, bỏ của cải, tài sản, sự nghiệp, nhà cửa, để đi tu, mong tìm đường giải thoát thân tâm mình, chứ đâu phải để thành tên lừa đảo có sách vở.

Vì cảm thông nỗi khổ đau của những người đồng “bệnh”, nên chúng tôi nói thẳng, chẳng hề sợ hãi trước thế lực quyền uy của kẻ khác, dù chúng tôi có ra sao và như thế nào, chúng tôi cũng vui mừng, vì đã nói một

sự thật, có lợi ích cho muôn người, không phải vì cá nhân của chúng tôi.

Chúng tôi trả lời thẳng vì tín đồ Phật giáo khắp năm châu bốn biển đang hướng về Phật giáo chân chánh.

Chúng tôi trả lời thẳng vì đạo đức của Phật giáo đã bị đánh mất, bởi giáo pháp của ngoại đạo (Đại Thừa), thay thế vào một đạo đức mê tín, làm cho nhân loại mất đi một nền đạo đức sống thực, một nguồn hạnh phúc, an vui của mọi người.

Chúng tôi trả lời thẳng, chỉ vì con người trên hành tinh này đang cần một nền đạo đức “nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người”.

Trên cuộc đời này duy chỉ có đạo Phật mới có một nền đạo đức công lý và công bằng đúng đắn như vậy mà thôi.

Chúng tôi nói thẳng vì lợi ích chung cho con người trên hành tinh này, dù ai có nghĩ sao về chúng tôi, cho chúng tôi là điên khùng, dốt nát, không thông suốt kinh sách Phật giáo, không hiểu giới luật Phật là gì, nói bậy bạ không trúng vào đâu, chúng tôi vui lòng chấp nhận cả. Nhưng xin mọi người hãy theo đúng giáo pháp Nguyên Thủy của đức Phật mà tu tập và sửa những gì sai trái để xây dựng cho mình một tâm hồn thắm nhuần đạo đức nhân quả của đạo Phật (không làm khổ mình, khổ người) thì chúng tôi đã mãn nguyện lắm rồi.

Trải qua thời gian tu tập chúng tôi biết rất rõ con đường nào tu tập đi đến kết quả làm chủ sanh, già, bệnh, chết của Phật giáo. Con đường ấy không phải để cho những người tu hành phạm giới, bẻ vụn giới, phá giới như các vị Tỷ Khưu của Phật giáo Đại Thừa, Thiên Đông Độ và Phật giáo Nam Tông bây giờ. Phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống không đúng giới đức, giới hạnh, đời sống không thiếu dục tri túc, không lấy giới bốn phòng hộ sáu căn, ăn uống ngủ nghỉ phi thời, không sống độc cư thì dù họ có tu trăm ngàn kiếp vẫn không đến đâu, chỉ uống cho một đời tu mà thôi.

Trả lời những câu hỏi của quý vị, nói thẳng sẽ đụng chạm rất nhiều, mong quý vị vui lòng tha thứ cho và quý vị hãy suy ngẫm

những lời chúng tôi nói, nếu sai xin quý vị bỏ qua cho, còn đúng xin cầu chúc quý vị may mắn gặp thiện hữu tri thức có kinh nghiệm hướng dẫn tu tập đến nơi đến chốn.

Tu hành giải thoát làm chủ thân tâm không phải việc dễ làm, nếu tu tập một mình, giống như người đi biển không có la bàn, vào rừng không có người hướng đạo.

Nếu chúng tôi có trả lời điều chi sai sót xin những bậc cao minh, chân tu, thực đức chỉ giáo, chúng tôi thành kính tri ân.

Kính ghi

Trường Lão Thích Thông Lạc

Ngày 11-12-1998

BỒ TÁT BỆNH VÌ CHÚNG SANH BỆNH

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Như trong kinh Duy Ma Cật dạy: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh”, câu kinh này dạy có đúng theo giáo lý của đạo Phật hay không? Kính xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Kinh Duy Ma Cật là kinh phát triển của Đại Thừa. Kinh giáo Đại Thừa là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình, nó không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị lường gạt tưởng là rỗng thật. Giáo lý kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ cũng lường gạt tín đồ như vậy, tưởng là một chân lý siêu việt của đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chấp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu.

Câu: “*Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh*” cũng giống như câu: “*Chúa chịu đóng đinh trên*

thánh giá là vì Chúa chịu khổ thay cho con người”.

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh của Phật giáo, các vị lãnh đạo Phật giáo, lúc bấy giờ nguồn gốc là những giáo sĩ Bà La Môn và lục sư ngoại đạo. Vì thế, kinh sách phát triển của Đại Thừa do các vị này biên soạn và viết ra, nên các ngài cố tình dim giáo lý của đức Phật xuống và lồng giáo lý của mình vào, để phát triển một Phật giáo mới mang tên mới theo ý mình.

Trước khi nhập diệt, Đức Phật đã nhìn thấy đám môn đồ của mình chưa có ai là người đủ khả năng lãnh đạo giáo hội và duy trì giáo pháp của mình.

Ngài biết rất rõ, những kẻ có khả năng, có trí tuệ, có học thức đều xuất thân từ trong các gia đình của Bà La Môn và Lục sư ngoại đạo, họ còn mang đầy ắp những kiến chấp trong tôn giáo của họ. Do những kiến chấp này họ không thực hiện theo giáo pháp của đức Phật. Và cũng vì thế, họ tu hành không giải thoát, không chứng đạt. Còn những đệ tử của đức Phật đã tu chứng thì họ đã nhập diệt trước Phật còn lại một số ít, khi đức Phật nhập diệt xong và giáo đoàn bị phân hóa chia làm nhiều

bộ phái, do những người có trình độ kiến thức tranh danh, đạt lợi với nhau. Vì thế, đức Phật biết rất rõ trong số những đệ tử này, nên không trao quyền thừa kế lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo cho ai cả, chỉ nhắc nhở các đệ tử của mình nên lấy giới luật và giáo pháp làm thầy, không nên nương tựa vào ai cả. Ngài đã từng dạy: con người có ba tướng:

- 1- Nhân tướng
- 2- Hành tướng
- 3- Đặc tướng

Do ba đặc tướng ấy nên con người không ai giống ai được. Vì thế, đức Phật không trao quyền thừa kế cho người đệ tử nào hết, nếu được trao quyền, họ sẽ dạy đạo theo đặc tướng riêng của họ, thì Phật Pháp sẽ bị lệch đi, không còn đúng chánh pháp, dù đó là những người đệ tử đã tu chứng, còn những hạng đệ tử tu không chứng, thì lại còn không được trao quyền thừa kế hơn nữa. Vậy mà sau này, các vị giáo sĩ Bà La Môn còn bịa chuyện “Niêm hoa” trên núi Linh Thứu rằng đức Phật đã trao quyền cho Ngài Ca Diếp thừa kế làm tổ thứ nhất. Đó là một câu chuyện bịa đặt thế mà mọi người vẫn tin và còn tiếp tục xây dựng thành 33 vị Tổ Sư Thiên Đông Độ.

Tuy rằng, không được trao quyền thừa kế, nhưng họ đã khéo léo biến Phật giáo thành thần giáo. Giáo lý của Phật biến thành một giáo lý chấp ngã, thần quyền, mê tín, mơ hồ, trù tượng, lạc hậu, phi đạo đức đi ngược lại giáo lý chân chánh của đạo Phật.

Những vị giáo sĩ Bà La Môn và giáo sĩ của Lục Sư Ngoại đạo đã theo Ngài tu hành đạt được đạo giải thoát thì lần lượt họ đã thị tịch trước hoặc sau Ngài không bao lâu, còn lại những người tu chưa chứng đắc, tâm danh lợi còn đầy dẫy. Những vị Tỳ Kheo này là những Tỳ Kheo phá giới, phạm giới, sống không đúng Phạm hạnh, tu không đúng lời dạy của Ngài, họ là những người ngoại đạo, với những thâm ý sâu độc, mang lớp tu sĩ Phật giáo, ẩn núp chờ khi đức Phật thị tịch là sẽ biến giáo pháp của Phật thành giáo pháp Bà La Môn và Ấn Độ Giáo.

Quý vị, nên đọc lại kinh Phạm Võng “Bồ Tát Giới” cấm không cho tu sĩ và cư sĩ học và tu theo pháp môn Nguyên Thủy, Bồ Tát Giới cho giáo pháp Nguyên Thủy của Phật là ngoại đạo, là Thịnh Văn Thừa, là Nhị Thừa, là Phạm Phu Thiên v.v..

Độc “Bồ Tát Giới” chúng ta mới thấy rõ thâm ý ác độc của ngoại đạo quyết tâm diệt Phật giáo, có thủ đoạn và sách lược rõ ràng với ý đồ lật đổ đức Phật Thích Ca Mâu Ni thay vào bằng đức Phật Di Lặc, để dễ sử dụng toàn bộ giáo pháp Đại Thừa mà không còn ai nghi ngờ. Và sẽ cấm không cho tín đồ tu và học theo giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, kinh sách và giáo lý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ bị đốt sạch.

Đúng vậy, sau khi đức Phật tịch, trong giáo hội chia làm hai bộ phái:

1- Thượng Tọa Bộ

2- Đại Chúng Bộ

Thượng Tọa Bộ là những tu sĩ già thủ cựu, cố giữ nguyên giáo lý căn bản Nguyên Thủy của đức Phật không cho ai thêm bớt một chữ nào cả. Dem kinh sách này hoằng hóa và phát triển đi về phương Nam nên người thời bấy giờ gọi là Phật giáo Nam Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh, Thượng Tọa Bộ tuy cố giữ gốc Nguyên Thủy, nhưng vì các vị tu hành chưa chứng đắc nên có sự kiến giải trong giáo lý ấy bằng trí tuệ học giả hoặc bằng những kinh nghiệm chưa đến nơi đến

chốn như: Thiên sư Mahàsi (Miến Điện), Thiên sư A-Chaan-chah (Thái Lan). Hai Ngài có những bài kinh soạn theo kiến giải kinh nghiệm tu hành của mình như: Mặt Hồ Tĩnh Lặng, Thiên Minh Sát Tuệ v.v.. Làm sai ý nghĩa và giáo pháp của đức Phật rất lớn.

Vì tu hành chưa tới nơi tới chốn, nên các Ngài biên soạn những loại kinh sách này trong hiện tại và mai sau sẽ để lại cho loài người những tai hại rất lớn, làm hao tài tốn của và phí cả cuộc đời của họ chẳng ích lợi gì, khi họ theo tu những pháp môn này.

Trong thế kỷ này tín đồ Phật giáo khắp năm châu bốn biển đua nhau tu tập thiền Minh Sát Tuệ. Tu tập thiền này phải tập trung theo cơ bụng (Phồng, xẹp) nhằm diệt “vọng tưởng”, loại thiền ấy thuộc về thiền ức chế tâm nó không phải là thiền của đạo Phật, thiền của Phật giáo là loại thiền xả tâm “ly dục ly ác pháp” lấy giới luật đức hạnh chuyển hóa nhân quả, làm chủ nhân quả (Các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp thiện hoặc ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp). Mục đích tu hành của đạo Phật là phải khắc phục cho bằng được tâm tham ưu, tức là diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, để đạt được

tâm thanh tịnh bất động. Theo kinh nghiệm tu hành của những người đã trải qua thì tâm thanh tịnh bất động ấy là tâm không còn tham, sân, si. Khi tâm không còn tham, sân, si thì tâm có đủ bảy năng lực Giác Chi (đạo lực). Từ bảy năng lực Giác Chi mới có đủ Tứ Thần Túc. Tứ Thần Túc là những năng lực siêu việt điều khiển làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Năng lực điều khiển làm chủ sự sống chết của kiếp người mà đức Phật gọi là “Bốn Như Ý Muốn”. Bốn Như Ý Muốn tức là Tứ Thần Túc chứ không phải “Minh Sát” theo kiểu thiên sư Mahàsi dạy.

Cũng trong thế kỷ này, thiên sư A Chaan-Chah người Thái Lan đã kiến giải qua kinh nghiệm tu hành của mình sản xuất ra một loại thiên “Tĩnh Lặng”.

Qua hồi ký tu hành của Ngài, do ước chế tâm hết vọng tưởng, Ngài đã rơi vào thiên tưởng, thay vì Ngài tu đúng pháp “ly dục ly ác pháp” thì tâm Ngài thanh tịnh, khi tâm Ngài thanh tịnh thì Ngài nhập được Nhị Thiên, Tam Thiên đến Tứ Thiên và thực hiện Tam Minh, làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách dễ dàng, không có khó khăn mệt nhọc. Nhưng vì

ức chế tâm để được tâm tĩnh lặng nên thanh tướng phát ra tiếng nổ trong đầu Ngài. Ngài cảm thấy như cả vũ trụ đều tan biến (giống như thiền sư Đông Độ lúc ngộ đạo), rồi từ đó tướng giải phát ra. Ngài đối đáp vấn đạo giống như thiền sư Đông Độ không khác.

Cho nên, kinh sách Nguyên Thủy hiện giờ bên phái Nam Tông chưa hẳn đã là Nguyên Thủy. Vì các nhà học giả mượn lời Phật dạy rồi thêm bớt rất nhiều theo tướng giải của mình, khiến cho người đời sau sưu tầm và nghiên cứu những lời Phật dạy, không biết đâu là đúng, đâu là sai. Thật khó cho những ai ở đời sau, muốn tu theo đạo Phật, nhưng vì không rõ nên lại rơi vào pháp ngoại đạo, rồi chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo là giáo pháp của Phật, thật đau lòng.

Ở đây nói về kinh sách Nam Tông, tức là kinh sách Nguyên Thủy mà các sư còn dám thêm bớt và còn nghĩ tướng theo kiến giải của mình biên soạn và viết ra, thì làm sao đúng ý của Phật được, bằng chứng chúng ta thấy rất rõ thiền sư Mahàsi đã dám làm thì các vị trước kia làm sao không dám thêm bớt. Thế mà kinh sách này lại được phổ biến rộng rãi khắp các nước trên thế giới.

Kinh sách Bắc Tông với sự phát triển theo kiến giải phóng túng của các nhà học giả thì thử hỏi sự sai biệt với lời Phật dạy còn gấp trăm ngàn lần.

Vả lại, kinh sách Đại Thừa bị thế tục mê tín lạc hậu hóa rất nhiều. Ví dụ: một sự mê tín trong dân gian, ngày hai ba tháng chạp, tất cả mọi gia đình đều làm lễ cúng đưa “Ông Táo” châu trời thì trong chùa cũng làm lễ cúng bái đưa “Chư Thiên”. Như vậy các bạn nghĩ sao? Phật giáo mà bị tư tưởng hủ tục thế gian đồng hóa thì Phật giáo còn có nghĩa tự thấp đức lên mà đi hay không? Còn có trên Trời dưới Trời con người là duy nhất không?

Từ khi Tăng Đoàn Phật giáo được chia làm hai nhóm:

1- Thượng Tọa Bộ

2- Đại Chúng Bộ

Sự phân chia này, thì Đại Chúng Bộ không còn bị sự kềm chế của Thượng Tọa Bộ, nên kinh sách tự do phát triển theo kiến giải học giả, không cần có kinh nghiệm tu hành, phần nhiều chịu ảnh hưởng của các tôn giáo khác và phong tục tập quán của dân gian.

Lợi dụng Phật giáo không có người tu chứng điều khiển, nên mặc sức phát triển theo tâm danh lợi của họ. Do đó, kinh sách phát triển Đại Thừa ra đời với một khối lượng vĩ đại. Những người có khả năng viết lách, ai muốn viết muốn luận như thế nào, cứ mặc tình viết và lý luận miên luận sao có lý, nghe xuôi tai là được, đời sau tu được hay không được mặc kệ. Chỉ bây giờ ngồi bút phóng túng viết cho thỏa thích mà thôi.

Muốn truyền bá loại kinh sách này – Đại Thừa giáo không thể hướng phương Nam được, vì nơi đó đã có kinh sách Nguyên Thủy do Thượng Tọa Bộ truyền bá, nên tín đồ ở đó xem kinh sách này (kinh sách Đại Thừa) là kinh sách Bà La Môn giáo, chẳng ai thèm theo và đọc.

Vì thế, kinh sách này truyền về phương Bắc, những người dân ở phương Bắc chưa hiểu gì về Phật giáo, nên kinh sách Đại Thừa truyền đến đâu đều được họ chấp nhận ngay, là vì các nhà Đại Thừa đã biết dựa theo phong tục mê tín lạc hậu của người dân địa phương), triển khai thành kinh sách và sử dụng thần thông, kỳ lạ v.v.. Do thế kinh sách này phát

triển về phương Bắc dễ dàng, nên gọi là Phật Giáo Bắc Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh về phương Bắc gặp tôn giáo nào thì nó thu thập tinh ba của tôn giáo ấy rồi biến thành giáo lý của mình, như đến Trung Hoa lấy tinh ba của Lão Giáo biến thành giáo lý Tối Thượng Thừa của mình, mà các nhà khoa học, tâm lý học gọi “Thiền Tông” là Phật giáo bị thế tục hóa.

Đến Việt Nam không có tôn giáo nào đặc biệt, không có tinh ba triết lý nào vĩ đại nên nó (Đại Thừa) đã dung hợp ba tôn giáo lớn: Phật (Đại Thừa), Lão (Tiên Đạo), Khổng (Nho Đạo) lại thành một Phật Giáo Việt Nam.

“Vạn Hạnh dung tam tế”.

Sinh hoạt của “Phật Giáo Mới” này tiếp tục triển khai kinh sách Đại Thừa bằng cách dựa theo phong tục tập quán dân gian biến dần thành kinh sách của mình, để đáp ứng nhu mê tín của dân gian, cho nên trong chùa thờ đủ loại; Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ma, quỷ, cô, cậu, các bà chúa, Quan Thánh Đế Quân, Thập Điện Minh Vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Long Thần Hộ Pháp, Bát Bộ Kim Cang, cô hồn, các đảng, thập loại âm binh, Nam Tào, Bắc Đẩu, hài cốt loài hổ và vong linh của

những người chết trận mạc (Chiến sĩ trận vong) v.v..

Kinh sách phát triển Đại Thừa dạy đầy ắp những điều mê tín, nào là cúng vong, tiền linh, thí thực cô hồn các đảng, nào là cúng sao, giải hạn, cúng ếm Thần Trù, quý dữ, nào là cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, trừ linh, trừ thần v.v.. Mỗi chiều ở các chùa cổ xưa đều cúng thí thực cô hồn các đảng, quỹ chùa, bạch hồ bằng gạo muối v.v.. Phung phí của đàn na thí chủ vô ích.

Hình thức cúng bái tạo ra có vẻ thật sự có thể giới siêu hình đang sống chung đụng với thế giới hữu hình của con người, mà mỗi tai ương, hoạn nạn, tật bệnh của loài người đều do con người của thế giới siêu hình tạo ra thưởng phạt.

Kinh sách phát triển của Đại Thừa đã lừa đảo con người bằng một thế giới siêu hình mang nhiều hình thức mê tín, lại còn gạt người khác bằng cách hy sinh to lớn với lòng đại từ, đại bi “*Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh*”.

Có bao giờ Bồ Tát “bệnh” để chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh được chăng?

Đạo Phật đã dạy cho chúng ta biết rất rõ ràng: Nhân nào quả nấy, ai đã tạo nhân ác thì phải gặt lấy quả khổ, không ai chịu thay quả khổ đó cho ai được, đó là một đạo luật nhân quả công bằng và công lý của nhân loại. Vậy mà có Bồ Tát chịu khổ, chịu bệnh thay cho chúng sanh, hành động của Bồ Tát làm như vậy có phi đạo đức chăng? Con người sanh ra trên thế gian này, đức Phật đã xác định, từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết về nhân quả. Xác định như vậy thì không có đấng tạo hóa nào sanh ra con người. Vì thế, không có kẻ nào ban phước giáng họa cho con người, mà cũng không có kẻ nào thay thế sự khổ đau của con người được.

Cho nên câu: “*Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh*” là câu lừa đảo gạt người của kinh sách Đại Thừa, để chứng tỏ Bồ Tát là kẻ vĩ đại, Bồ Tát có lòng từ bi rộng lớn thương xót đối với tất cả chúng sanh, nhưng không ngờ lời nói dối trá, thành phi đạo đức. Đối với đạo Phật câu nói này là câu nói gian xảo, lừa bịp người đệ nhất.

Vì thế, ai đã tạo nhân ác thì phải gánh chịu quả khổ, không một ai chịu thay cho ai

được, đó là luật nhân quả công bằng tuyệt đối, không sai một hào li nào cả.

Khi còn tại thế đức Phật đã từ chối: ***“Các con tự thấp đức lên mà đi, ta chỉ là một người hướng đạo chỉ đường mà thôi”***. Lời dạy này đức Phật đã khẳng định sự từ chối không cứu độ ai hết mà mọi người phải tự cứu mình. Cho nên, những lời dạy của Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải tự hành thiện, chỉ có hành thiện mới đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho tất cả muôn loài sanh linh.

Vậy mà Đại Thừa lại có một Duy Ma Cật dám bệnh thay cho chúng sanh, dám chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh, thật là gan dạ dám phá bỏ luật nhân quả. Nếu có một Duy Ma Cật làm được như vậy thì đạo đức trong thế gian này còn gì?

Chúng sanh do không hiểu (vô minh) làm điều ác, tạo tội lỗi rồi phải chịu nhiều thống khổ do hành động đó. Đạo Phật ra đời chỉ có mục đích cứu giúp con người thoát khổ bằng cách chỉ dạy cho họ thấu hiểu những điều họ làm là ác, là bất thiện và sẽ đem đến quả khổ đau cho họ, chứ không ai làm cho họ khổ mà chính họ. Để chứng minh lộ trình nhân quả cụ

thể cho họ thấy và hiểu rõ hơn thì từ đó họ không còn hành động làm ác, làm khổ mình, khổ người nữa; thì chừng đó họ sẽ không còn chịu sự khổ đau nữa, tâm hồn họ sẽ được thanh thản, an lạc và luôn sống tùy thuận hòa hợp với mọi người.

Đạo Phật cứu người là giúp con người vén sạch màn “vô minh”, để từ đó họ sáng suốt hiểu rõ không còn lầm lạc trong hành động ác, để không tự tạo khổ cho mình cho người nữa. Sự hiểu biết tránh làm điều ác và luôn thực hiện làm điều lành, nên đạo Phật gọi sự hiểu biết đó là trí tuệ hay gọi là tri kiến giải thoát. Nhờ có tri kiến giải thoát, nên đạo Phật gọi là đạo giải thoát, tri kiến giải thoát đó không phải của ai khác mà phải chính của mình mới giải thoát cho mình được.

Cho nên câu nói: *“Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh”* là câu nói nghe rất hay nhưng ý nghĩa rất dễ, vì phi đạo đức, thiếu công bằng và công lý.

Đối với luật nhân quả, không ai có thể đau bệnh hoặc chịu tai nạn thế cho ai được và cũng không thể chia sẻ nỗi đau khổ với chúng sanh được.

Câu nói: “*Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh*” là câu nói láo, lừa đảo thật sự. Nếu quả có một Bồ Tát bệnh thay cho chúng sanh hoặc chia sẻ nỗi đau khổ này, thì chúng sanh phải hết khổ và ít nhất cũng phải giảm thiểu được sự đau khổ, nhưng con người trên hành tinh này có hết đau khổ đâu, vậy thì Bồ Tát nói có đúng không? Các bạn nghĩ sao?

Nhưng luật nhân quả đã không chấp nhận điều này, nếu chấp nhận điều này thì thế gian này còn lấy đâu gọi là đạo đức công bằng và công lý.

Một kẻ làm ác mà có người chịu thay tội khổ, thì nhà giàu có, người làm quan, kẻ làm vua chắc không bao giờ có khổ đau bệnh tật và tai nạn v.v..

Nhưng thật sự nhìn cuộc sống con người trên thế gian này từ vua chúa, quan, dân, người giàu có và đến những kẻ nghèo cùng, khốn khổ, mỗi giới, mỗi giai cấp đều có sự khổ đau, bệnh tật như nhau mà không có ai thoát khỏi, nhất là bốn sự khổ: sanh, già, bệnh, chết và cũng chẳng ai thay thế cho ai được bốn sự khổ này chút nào.

Câu nói phi đạo đức nhân bản - nhân quả của Bồ Tát Duy Ma Cật đã làm cho kinh sách

phát triển Đại Thừa mất giá trị, nhất là đạo đức của con người.

Nếu bảo rằng kinh sách Đại Thừa là chỉ để dùng cho bậc Thánh, Hiền, Bồ Tát chư Phật, tâm không còn sống trong các pháp đối đãi (bất nhị), nên lời nói của Bồ Tát Duy Ma Cật vượt thoát các pháp đối đãi. Nếu luận như vậy thì còn sai hơn nữa. Thánh, Hiền, Bồ Tát và chư Phật không còn biết đạo đức làm người nữa hay sao? Tức là không có pháp thiện và cũng không có pháp ác nữa (bất nhị).

Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Công Hòa Thượng, Phật Sống Cự Kim Sơn v.v.. Ăn uống dơ bẩn lại còn ăn thịt uống rượu, phạm giới tận cùng, đó là các Ngài sống tự tại vô ngại trong pháp môn bất nhị của Đại Thừa, vì thế các Ngài không còn là con người mà là loài ác quỷ từ pháp môn bất nhị đã sanh ra và hiện giờ trong pháp môn bất nhị ấy còn sanh biết bao nhiêu là loài ác quỷ nữa, nếu chúng ta không chặn đứng được pháp môn bất nhị thì một nguy cơ khiến cho con người không tiến bộ mà còn sống lạc hậu thụt lùi dã man hung ác.

Nếu bảo rằng: “*Chấp giới*” thì phạm hạnh, tức là đạo đức của người tu sĩ Phật giáo ở chỗ nào? Không lẽ đạo Phật không có đạo đức sao?

Hay toàn là những thầy tu phạm giới, phá giới v.v.. sống ngang nhiên ngoài vòng pháp luật, là những người vô pháp luật, phi đạo đức.

Hai trăm năm chục giới Tỳ Kheo Tăng và ba trăm bốn mươi tám giới Tỳ Kheo Ni, không phải là đạo đức của Phật giáo sao? Phật giáo còn nhiều giới đức giới hạnh nữa, chứ không phải có bấy nhiêu giới đó sao?

Người tu sĩ nào phạm giới, phá giới là người tu sĩ không có đạo đức và thiếu giáo dục đạo đức.

Đừng dùng những danh từ: **“chấp giới và tự tại vô ngại hoặc thông tay vào chợ”** để bung bít hay bịt miệng thiên hạ, để được sống chạy theo đục lạt thế gian mà người ta vẫn tưởng đó là Phật sống. Nên các vị giáo sĩ Bà La Môn dựng lên những nhân vật phá giới, phạm giới: Tế Diên Tăng, Phật Sống Cự Kim Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc, để giúp cho quý thầy Đại Thừa và các Thiền Sư Đông Độ tự do phá giới, sống phạm giới mà tín đồ không dám phê phán, đó là một tấm bình phong che đậy cho những người tu danh, tu lợi.

Kinh sách Đại Thừa đã lầm, hay nói cách khác là không hiểu đạo đức của đạo Phật là gì? Nên thường nói giọng cao kỳ: **“Đại Thừa, Tối**

Thượng Thừa”, tự xưng kinh sách của mình là trên hết, không có kinh sách nào bằng.

Dù Thánh Hiền, chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả phàm phu và chúng sanh đều từ nhân quả sanh ra. Mà đã từ nhân quả sanh ra thì không sống trong hành động thiện, ác sao?

Hành động thiện không phải là đạo đức sao? Và hành động ác không phải là phi đạo đức ư?

Toàn bộ “giới luật” của Phật đều dạy chúng ta phải sống và hành động đạo đức làm người, làm Thánh nhân, làm Phật. Có sao những người thiếu hành động đạo đức mà chúng ta lại xem họ như Phật. Họ chỉ có một vài thần thông tưởng lèo bịp thiên hạ, chứ đức hạnh chẳng ra gì, thì làm gì ai cung kính tôn trọng họ.

Sao mọi người vô minh điên đảo, hễ thấy ai có chút ít thần thông đều cho họ là Phật, Thánh, Tiên cung kính và lễ bái, cúng dường trong khi những hành động đạo đức của họ chẳng ra gì, còn tệ hơn người phàm phu là khác nữa.

Phật và Thánh đều là những con người phàm phu tu tập trau dồi thân tâm xa lìa ác

pháp không còn xảo quyết, gian ngoa, lừa đảo, luôn luôn sống trong hành động đạo đức, thì mới gọi là Thánh nhân, Phật. Có đâu dùng những lời hoa mỹ cao thượng như: ***“tự tại vô ngại, chấp giới, thông tay vào chợ, đói ăn khát uống mệt ngủ liền”***, khiến cho những người chưa hiểu đạo đức nhân quả của Phật, dễ bị lầm lạc, họ tưởng những người này là bậc Thánh cao thượng dám hy sinh mình vì mọi người, chịu khổ đau vì nhân loại, vì loài người dẹp bỏ cá nhân mình thật là vĩ đại. Nhưng trong cái vĩ đại đó, là không vĩ đại gì hết. Vì ai đã làm ác thì người đó phải chịu gánh quả khổ không thể ai gánh vác được cho ai, dù kẻ đó Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát cũng không thể gánh chịu cho ai được, thế mới gọi là công bằng, công lý. Còn có người chịu thay thế được quả khổ đau cho kẻ khác, thì trên thế gian này con người làm sao có một đạo luật gọi là công bằng và công lý được? Nếu có người chịu khổ cho kẻ khác thì thế gian này sẽ ra sao? như trên đã nói.

Nếu trên thế gian này không có một đạo luật công bằng như đạo luật nhân quả, thì con người chỉ còn là loài ác thú, một loài ác quỷ mà thôi.

Vì thế, những lời nói chịu khổ cho nhân loại là lời lừa đảo, bịp người với những người còn đang sống trong giấc mơ **“siêu hình”**. Thế giới siêu hình chịu khổ cho loài người hay mang lại tai họa cho loài người!?

Chúng ta là những người còn phạm phư tục tử, còn sống trong cảnh đối đãi, nên chỉ biết ở trong cảnh đối đãi mà tu tập trau dồi đạo đức như thế nào, để cùng sống chung nhau, đối xử với nhau mà tâm hồn thanh thản, an lạc, không làm khổ mình, khổ người thì đó là chân hạnh phúc của loài người và đó cũng là sự giải thoát của đạo Phật. Giải thoát chung cho loài người, chứ không riêng như kinh Duy Ma Cật chỉ dành cho những bậc Bồ Tát, Chư Phật và Thánh Hiền với trí tuệ **“Bát Nhị”**.

Nhìn chung các tôn giáo hiện có mặt trên thế gian này đều xây dựng cho loài người một thế giới tuyệt vời **“bát nhị”**. Cái thế giới ấy rất xa vời với loài người, vì con người không thể với tới, không thể có trí tuệ: **“Nhất nguyên”** đó được, chỉ có những bậc Thánh, Hiền như Bồ Tát Duy Ma Cật trong kinh sách Đại Thừa mà thôi. Thậm chí như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng còn sống phạm hạnh trong đạo đức nhân quả, vì thế Ngài còn thua

xa Bồ Tát Duy Ma Cật. Chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Ngài cũng không dám sống trong pháp môn **“Bát Nhị”** vì đó là pháp môn phi đạo đức.

Những bậc Thánh **“Bát Nhị”** này lý luận mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, hư tưởng, tưởng giải, chỉ là giấc mộng đẹp của Bà La Môn Giáo mà thôi.

Nhìn chung giáo lý của các tôn giáo đều xây dựng cho loài người một giấc mơ đẹp để an ủi tinh thần con người trong cuộc sống lầm than và nhiều đau khổ hơn là trên thực tế giải khổ cho họ. Ngoài những giáo lý ấy, có một thứ giáo lý khác được mang một cái tên nhỏ bé **“Tiểu Thừa Phật Giáo”**.

Tiểu Thừa Phật Giáo chỉ mang một cái tên như vậy cũng đủ khiến cho người ta xem thường, coi rẻ, người ta tưởng tượng trong đầu giáo pháp đó chẳng ra gì, chẳng bằng ai, không cao siêu, vi diệu, nhỏ mọn, hạn hẹp, tầm thường chẳng có gì để cho mọi người đáng quan tâm.

Chính chúng tôi trong những ngày đầu mới xuất gia tu học theo Phật, thấy kinh sách Tiểu Thừa Phật Giáo là chúng tôi cũng có tư

tưởng không muốn đọc và cũng không muốn tu theo nó nữa.

Các bậc Thầy tổ thường ca ngợi kinh sách Đại Thừa, khuyên chúng tôi nên học, đọc và tu theo những bộ kinh Đại Thừa như: Pháp Hoa Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Viên Giác Kinh, Qui Nguyên Kinh, Đại Bửu Tích Kinh, Huê Nghiêm Kinh, Pháp Bảo Đàn Kinh v.v..

Khi học và đọc những bộ kinh này, chúng tôi thấy nó quá vĩ đại, lý luận tuyệt vời, chỉ rõ bản thể con người rất cụ thể, nếu không có kinh sách này dạy thì khó mà ai nhận ra được **“Phật Tánh”** từ đó chúng tôi tin kinh sách này như là của báu.

Các Tổ, các bậc Tôn Túc và các Thầy từ bao nhiêu thế kỷ nay đã bị kinh sách này lừa đảo khiến tu hành lầm lạc, cứ tu theo các pháp môn đó mà tu chẳng đi đến đâu cả, kết quả cũng chẳng có gì, chỉ có cảm giác an lạc của dục tưởng xúc và cuối cùng thì có một vài thần thông tưởng, các Thầy Tổ đã tự mãn nguyện, hoặc thấy sắc tưởng, thanh tưởng, phát hiện thấy trước mắt và tiếng nổ trong tai là tự cho mình tu chứng đạo. Con đường tu như vậy thật là đau lòng, họ không biết chứng đạo là chứng

cái gì? Hay chỉ cần nói: **“Vô sở đắc”** là đủ mãn nguyện tu hành.

Phật tánh, thần thông, các cảnh giới siêu hình: xuất hồn, nhập định, hay là tự tại vô ngại, ngũ uẩn giai không, phần bốn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu, v.v.. đó chỉ là sống trong thế giới tưởng của tướng tri.

Ngộ nhận những trạng thái tưởng này cho là chứng đạo, nên các Ngài truyền thừa với nhau về phương Bắc, nhưng vì danh lợi, nên hùng cứ một phương chia ra làm năm tông bảy phái (Thiền Tông Trung Quốc).

Đến Việt Nam Thiền Tông thành lập ra phái Thảo Đường, Trúc Lâm, Liễu Quán v.v.. Nhưng tên thì có khác, khuôn Thiền Đông Độ thì không có gì khác cả, đều nhai lại bã mía của Trung Quốc.

Đến thời đại chúng ta vẫn phát triển đều đều, người tu thì đông vô số kể, mà đạt được thì chẳng có gì, chỉ là một trò lừa đảo bịp bợm người mà thôi. Truyền thừa với nhau từ đời này sang đời khác lúc thịnh lúc suy, nhìn chung chẳng có ai tu đến đâu cả, chỉ là diễn xuất tuồng hát trên sân khấu, hết màn Tịnh Độ Tông, đến màn Thiền Tông; hết màn Thiền Tông, đến màn Mật Tông; hết màn Mật Tông,

đến màn Pháp Hoa Tông v.v.. Cứ những Tông này diễn tới diễn lui chẳng có gì mới mẻ cả.

Người truyền Đạo thì cũng chẳng biết mình truyền đúng hay sai của đạo Phật, người tu thì lại nhắm mắt tu đũa, chẳng cần suy nghĩ xem xét kỹ lưỡng, chỉ nghe Đại Thừa, Tối Thượng Thừa là ngon lành, là siêu việt, còn những loại kinh sách Tiểu Thừa Nguyên Thủy thì xem chẳng ra gì, liệt kê những loại kinh sách này là ngoại đạo.

Lúc chúng tôi mới bước vào chùa tu hành, thích học được kinh sách Đại Thừa và thích tu thiền Tối Thượng Thừa, xem kinh sách Tiểu Thừa A Hàm như đồ bỏ (ngoại đạo) mà trong kinh Phạm Võng Bồ Tát giới đã cấm không cho học và tu giáo lý này.

Tu như ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, tiên nữ rắc hoa còn dính mắc, các Ngài chỉ là hàng Thỉnh Văn không bằng Bồ Tát và Phật, uống công tu hành chỉ ở những bậc thấp lẽ tè. Đối với Đại Thừa lời dạy của đức Phật là ngoại đạo, sao bằng kinh sách Đại Thừa của các Tổ biên soạn ra dạy: kiến tánh thành Phật, nhanh chóng như trở bàn tay.

Đó là quan niệm hết sức sai lầm của chúng tôi, do bị ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa

và Thiên Đông Độ. Vì Thầy Tổ truyền dạy cho nhau không ngoài kinh sách Đại Thừa thì làm sao chúng tôi biết đâu là kinh sách Phật, đâu là kinh sách của Bà La Môn ngoại đạo.

Xương minh pháp môn Tịnh Độ, Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ lại còn gạt người hơn nữa bằng những từ ngữ rất kiêu: ***“Người tu Thiên mà không tu Tịnh Độ 10 người chưa được một người tu chứng”***. ***“Người tu thiên mà tu thêm Tịnh Độ như cọp mọc sừng 10 người đều chứng cả”***.

Tịnh Độ còn dùng những lời lẽ căm dỗ và hăm dọa hơn những lời lẽ ở trên để ngăn chặn là lừa đảo tén đồ một cách có thủ đoạn. Tịnh Độ Tông cho rằng thời đại chúng ta là thời đại mạt pháp, loài người sắp tận thế chỉ có pháp môn Tịnh Độ tu hành dễ chứng và tu chưa chứng đạt cũng được đức Phật A Di Đà rước về cõi Cực Lạc rồi tiếp tục tu hành.

Sau những năm tháng tu hành với hoài bão làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sự khổ đau của kiếp người. Nhưng bị các pháp môn của các hệ phái Đại Thừa và Thiên Tông lừa đảo, đã phí hết thời gian của tuổi thanh xuân. Hơn nữa đời người đem hết sức lực tu hành theo các pháp môn Đại Thừa và Thiên

Tông. Tu hành theo cách thức của Đại Thừa và Thiền Tông, chúng tôi kiến giải (triệt ngộ) được tất cả các công án và đang sống trong trạng thái tĩnh lặng, biết bao nhiêu trạng thái tưởng xảy ra, như thần thông biết chuyện quá khứ vị lai, dù biết như vậy, nhưng xét kỹ chúng tôi cũng chưa làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Chúng tôi đã trở về với pháp môn Tiểu Thừa may ra, hy vọng còn làm chủ được thân tâm.

Chúng tôi sống độc cư, sống đời sống trầm lặng, sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, với đời sống thiếu dục tri túc, chỉ xin cơm ngày một bữa mà thôi, chẳng có mong cầu gì khác.

Chúng tôi tu pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định, kết quả chúng tôi hướng tâm đến Tam Minh, chỉ trong vòng sáu tháng với một nhiệt tâm nồng cháy; với một nghị lực dũng mãnh; với một ý chí sắt đá kiên cường, chúng tôi thành tựu, làm chủ sự sống chết, tâm chẳng hề dao động trước bất cứ một đối tượng nào.

Từ đó, chúng tôi biết rất rõ, kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ là của tôn giáo

khác hoặc bị thế tục hóa tôn giáo, với dụng tâm của các vị Tỳ Kheo giáo sĩ Bà La Môn, thâm ý sâu độc muốn diệt trừ Phật giáo tận gốc. Chỉ vì Phật giáo tồn tại và phát triển thì các tôn giáo khác không phát triển được mà còn có thể bị diệt vong.

Tại sao vậy?

Tại vì Phật giáo đập phá thế giới siêu hình, hủy diệt thần quyền sáng tạo đem lại cho loài người một nền đạo đức giải thoát không làm khổ mình, khổ người, biến cảnh thế gian thành Thiên Đường, Niết Bàn. Đó là một chân lí đi ngược lại giáo điều giáo lý của các tôn giáo, làm cho họ không còn đất đứng trên hành tinh này, chỉ còn có nước di cư lên cung trăng sao hỏa, sao mộc mà xây dựng Niết Bàn, Cực Lạc, Thiên Đàng v.v..

Đạo Phật và các tôn giáo khác không thể đi chung nhau một đường. Vì các tôn giáo khác có thế giới siêu hình, có thần quyền sáng tạo, có cảnh giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền, có cuộc sống sau khi chết. Ngược lại, Phật giáo thiết thực và cụ thể hơn nhiều, không có thế giới siêu hình, không có thần quyền sáng tạo, không có thế giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền và không có cuộc sống sau khi chết.

Nếu chánh pháp và đạo đức nhân bản – nhân quả của Phật giáo, được phổ biến sâu rộng, khiến mọi người am tường và thực thi sửa đổi thói hư tật xấu, thì xã hội loài người mới sống đúng đời sống công bằng, bác ái, thì các tôn giáo khác làm sao còn có chỗ đất đứng trên hành tinh này như trên đã nói.

Thấy rõ điều lợi hại này, nên bằng mọi giá, các tôn giáo khác đều ước muốn biến dần Phật giáo thành một tôn giáo chấp ngã, có bản thể vạn hữu (Phật tánh, Đại ngã) và còn đạo đức của Phật giáo thì biến thành một thứ đạo đức nhân quả mê tín, để Phật giáo cũng giống như các tôn giáo khác trên hành tinh này.

Cho nên, câu nói **“Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh”** cũng là một câu nói lừa đảo phi đạo đức, nhằm để lường gạt những người chưa hiểu đạo đức nhân quả thiện ác của Phật giáo. Chứ không thể lừa đảo, lường gạt những người có giới đức và giới hạnh của Phật giáo được.

Hiện giờ, mọi người chưa ai thông suốt đạo đức nhân quả và luật nhân quả, kinh sách nhân quả của các nhà Đại Thừa và Thiên Đông Độ viết ra thuộc về loại kinh sách mê tín, dị đoan. Đó toàn là kinh tương, hiện nay tín đồ Phật giáo phát triển họ đặt trọn lòng tin

những vị Bồ Tát. Vì những vị Bồ Tát này thường ban phước lành và cứu khổ cứu nạn, cùng chia sẻ những sự đau khổ của chúng sanh. Không ngờ sự cứu khổ, cứu nạn và chia sẻ sự đau khổ với chúng sanh, là một điều không thể làm được, không thể làm được là vì luật nhân quả rất công bằng và công lý, cho nên hành động cứu khổ và chia sẻ khổ nạn là phi đạo đức, làm mất công bằng và công lý, trong kiếp sống của loài người.



THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Câu hỏi của Cô Châu

Hỏi: Kính thưa Thầy, theo Đạo Phật Thầy đã giảng là không có thế giới siêu hình, nhưng trong các kinh Nguyên Thủy, Đức Phật đã dạy, có 33 cõi Trời và các cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, A Tu La, súc sanh, và cõi Người, như trong kinh có thuật lại:

“Một hôm Đức Thế Tôn cùng tôn giả A Nan đi khát thực, trên đường về, tôn giả A Nan thấy đức Phật mỉm cười, nên lấy làm lạ,

muốn thưa hỏi Phật liền, nhưng giới luật Phật cấm, “Chẳng được nói chuyện trên đường đi”. A Nan chờ sau khi thọ thực xong, Ngài đến thưa hỏi Phật: “Kính bạch Thế Tôn, trong lúc đang đi khát thực về, có duyên có gì mà Như Lai mỉm cười?”

Đức Phật bảo:

“Trên đường đi khát thực về ta thấy trên trời có một loài ngạ quỷ đang đói khổ, sau lưng bị một đoàn ó theo cắn rủa, thật là đau khổ”.

Kính bạch Thầy, có phải cảnh giới này là địa ngục không? Nếu quả có địa ngục thì phải có đời sống sau khi chết. Nếu có đời sống sau khi chết thì phải có thế giới siêu hình?”

Và đây là câu chuyện thứ hai:

“Vào lúc cuối đêm, đến chỗ Đức Phật ngự có một Thiên nữ Câu-Ca-Ni có dung sắc tuyệt diệu, cúi đầu lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp tịnh xá Sơn Cốc. Thiên nữ đọc lên một bài kệ. Khi Đức Phật nghe xong bảo Thiên nữ:

– “Đúng thế! Đúng thế!”

“Thiên nữ Câu Ca Ni nghe Phật khen, hoan hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất”.

Thưa Thầy, câu chuyện trên đây trong kinh Tạp A-Hàm tập IV trang 483 kinh số 1.271. Theo bài kinh này như vậy có cõi Trời, có cõi Trời tức là có thế giới siêu hình, có thế giới siêu hình, tức là có sự sống sau khi chết. Xin Thầy dạy rõ cho chúng con hiểu?

Đáp: Đã từ lâu, cũng chỉ vì thế giới siêu hình điên đảo này, Thầy đã xác định nhiều lần không có thế giới siêu hình, mà chỉ có thế giới siêu hình tưởng. Thế mà đến giờ này các con vẫn chưa đủ niềm tin hay sao?

Sự thật thế giới siêu hình không có, nhưng biết nói làm sao cho các con tin. Một thế giới siêu hình đã ăn sâu vào lòng người, từ khi con người có mặt trên hành tinh này, với một tưởng thức của con người tạo ra. Đó là một điều không thể trách được các con ạ! Các hiện tượng của thế giới siêu hình tưởng hằng ngày đang diễn biến chung quanh cuộc sống con người thì thử hỏi làm sao người ta tin rằng không có thế giới siêu hình.

Thêm vào các tôn giáo và cả Phật giáo Đại Thừa đều xác định có thế giới siêu hình

thì dù tiếng nói của Thầy có thật sự đi nữa là không có, cũng khó có ai tin theo được. Đức Phật đã dạy kinh Ngũ Uẩn, kinh Thập Nhị Nhân Duyên mà Thầy đã giảng, nhưng các con chưa đủ niềm tin. Bây giờ Thầy sẽ dẫn chứng một bài kinh khác cụ thể rõ ràng hơn chính lời Phật đã dạy: **“Bài kinh Pháp Môn Căn Bản”** trong kinh Trung Bộ tập I trang 9.

- **“Này các Thầy Tỳ Kheo. Ta sẽ giảng cho các Người: “Pháp môn căn bản tất cả pháp”.**

“Này các Thầy Tỳ Kheo! Ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp của các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc chân nhân, không thuần thực pháp các bậc chân nhân, không tu tập pháp các bậc chân nhân, tưởng tri đại địa là đại địa. Vì tưởng tri đại địa là đại địa, người ấy nghĩ đến đại địa (là có thật). Nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với đại địa thì tự ngã có thật. Cho nên, người ấy nghĩ “Đại địa là của ta” sanh ra ưa thích chấp đắm đại địa. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri đại địa.

Người ấy tưởng tri thủy đại là thủy đại. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại người ấy nghĩ đến thủy đại (là có thật) nghĩ đến tự ngã đối chiếu với thủy đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ “Thủy đại là của ta” sanh ra ưa thích chấp đắm thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại.

Người ấy tưởng tri hỏa đại là hỏa đại: Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại (là có thật) nghĩ đến tự ngã đối chiếu với hỏa đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ hỏa đại là của ta, sanh ra ưa thích chấp đắm hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại.

Người ấy tưởng tri phong đại là phong đại. Vì tưởng tri phong đại là phong đại, người ấy nghĩ đến phong đại (là có thật), nghĩ đến tự ngã đối chiếu với phong đại là tự ngã có thật, cho nên người ấy nghĩ phong đại là của ta, sanh ra ưa thích, chấp đắm phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.

Người ấy tưởng tri sanh vật là sanh vật. Vì tưởng tri sanh vật là sanh vật, người ấy nghĩ đến sanh vật (là có thật), nghĩ đến tự ngã đối chiếu với sanh vật thì tự ngã có thật, cho nên, người ấy nghĩ “sanh vật là của ta” sanh ra ưa thích chấp đắm sanh vật. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri sanh vật”.

Đọc qua những lời dạy của đức Phật trên đây, chỉ cho thế giới hữu hình của chúng ta là thế giới tưởng. Tưởng đất đai, sông, núi, cây, cỏ, vạn vật là có thật. Vì tưởng nó có thật nên con người sanh ra chấp đắm, ham thích, rồi mới tranh chấp đấu tranh, giành giật của cải, tài sản, đất đá, sông, rạch, núi, rừng, vàng, bạc, châu, báu v.v.. Giết người, cướp của, dùng mọi thủ đoạn phương tiện lừa đảo, lường gạt người bằng mọi cách, thậm chí có kẻ lợi dụng ngay cả tôn giáo, buôn Phật, bán Pháp, buôn Thần, bán Thánh v.v..

Do chỗ không hiểu thế giới hữu hình là thế giới tưởng nên mới sanh tạo ra nhiều thứ dính mắc và tạo biết bao nhiêu sự đau khổ cho mình, cho người, từ kiếp này đến kiếp khác và mãi mãi chịu khổ đau vô cùng tận, cũng chỉ vì ***“tưởng tri của loài người”***.

Đức Phật đã thấy thế giới hữu hình của con người là thế giới tưởng, cách đây 2542 năm, Người đánh tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người, thế giới hữu hình là thế giới tưởng, nhưng ai là người đã tin Ngài. Nếu không phải là người tu đúng giáo pháp của Người thì làm sao tin được thế giới này là thế giới tưởng.

Thế giới hữu hình là thế giới tưởng thì thế giới vô hình làm sao có thật, thế giới vô hình là bóng dáng của thế giới hữu hình, đã là bóng dáng thì làm gì có sự sống sau khi chết, đó chẳng qua chỉ là một ảo tưởng của loài người mà thôi.

Cho nên, hiện giờ các tôn giáo trên thế gian này, ngay cả Đại Thừa Phật Giáo cũng thấy thế giới hữu hình này là thế giới tạm bợ không có thật, vì mọi vật đều vô thường, như lời đức Phật đã dạy qua bài kinh trên **“Pháp môn căn bản”**. Từ đất, đá, cỏ, cây và tất cả sinh vật đang sanh sôi nảy nở trên hành tinh này đều do tướng tri của chúng sanh, tướng là có thật, chứ thực ra thế giới hữu hình này là thế giới duyên hợp. Mọi vật có mặt (vạn hữu) trên hành tinh này đều do duyên hợp mà thành, mọi vật (vạn hữu) hoại diệt đều do duyên tan rã mà hoại diệt, không có một vật

nào thường còn bất biến, toàn là vạn vật đều vô thường.

Chỉ vì người thế gian với trí hữu hạn không thấu rõ thế giới hữu hình này cho là thật có. Đối với người có trí vô hạn thì thế giới hữu hình là thế giới tưởng của loài người. Nhưng các tôn giáo kể cả Đại Thừa Giáo cũng cho thế giới hữu hình là không thật, nhưng lại xây dựng một thế giới vô hình có thật, thì đó là đi ngược lại Phật giáo. Phật giáo cho thế giới vô hình là thế giới tưởng tri (không có).

Cũng trong bài kinh Pháp Môn Căn Bản trong Trung Bộ kinh tập 1 trang 11 kinh dạy: *“Người ấy tưởng tri Phạm thiên là Phạm thiên... Người ấy tưởng tri Quang âm thiên là Quang âm thiên... Người ấy tưởng tri Biến tịnh thiên là Biến tịnh thiên... Người ấy tưởng tri Quảng quả thiên là Quảng quả thiên... Người ấy tưởng tri Abhibhù (Thắng giả) là Abhibhù... Người ấy tưởng tri Không vô biên xứ là không vô biên xứ thiên... Người ấy tưởng tri Thức vô biên xứ là Thức vô biên xứ thiên... Người ấy tưởng tri vô sở hữu xứ là vô sở hữu xứ thiên... Người ấy tưởng tri Phi tướng phi phi tướng xứ là Phi tướng phi phi tướng*

xứ thiên... Người ấy tưởng tri Sở kiến là Sở kiến... Người ấy tưởng tri Sở văn là Sở văn... Người ấy tưởng tri Sở tư niệm là Sở tư niệm... người ấy tưởng tri Sở tri là Sở tri... Người ấy tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất... Người ấy tưởng tri Sai biệt là Sai biệt... Người ấy tưởng tri Tất cả là Tất cả... Người ấy tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn... Vì tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn người ấy nghĩ đến Niết Bàn (là có thật), nghĩ đến tự ngã đối chiếu Niết Bàn (thì tự ngã có thật nhập Niết Bàn) cho nên, người ấy nghĩ “Niết Bàn là của ta” sanh ra ưa thích chấp đắm Niết Bàn (dục hỷ). Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri (không hiểu, không biết) Niết Bàn.”

Phật giáo không chấp nhận thế giới hữu hình là có thật tri mà chỉ là tưởng tri, đến thế giới siêu hình các cõi trời địa ngục và Niết Bàn cũng là tưởng tri chứ không phải thật tri.

Vì, thế giới siêu hình là bóng dáng của thế giới hữu hình như trên chúng tôi đã nói. Vì thế, con người hữu hình như thế nào thì thế giới siêu hình con người giống như thế nấy, tất cả núi, sông, đất, đá, cây, cỏ, thảo, mộc, nhà,

cửa, đèn, đài, cung, điện đều giống thế giới hữu hình. Chỉ khác hơn ở thế giới hữu hình là không có không gian và thời gian mà thôi.

Bởi vậy, những người ông lên, bà xuống, nhập đồng, nhập xác, nói chuyện quá khứ, vị lai, chỉ nơi siêu mô, lạc mả cho người lấy cốt đều đúng không sai một mảy, là nhờ tướng uẩn không có không gian và thời gian, nhưng khi tướng uẩn¹ hoạt động thì biết đúng, nói không sai, còn khi tướng uẩn không hoạt động thì không biết, thường nói sai.

Do chỗ nói chuyện quá khứ, vị lai không sai, khiến người ta tin rằng có linh hồn người chết, ông này, bà kia, cậu nọ nhập xác, lên đồng, nhập cốt v.v..

Bởi tướng uẩn làm việc như vậy người ta không rõ, rồi tin rằng có thế giới siêu hình thật sự.

Từ tướng tri thế giới hữu hình là thật có người ta đã mang đến cho chính mình mọi sự khổ đau cho đến ngày nằm xuống lòng đất,

¹ Tướng uẩn là danh từ trong kinh sách Phật để chỉ cho nhóm tế bào thần kinh não hoạt động không có không gian và thời gian trong một đời khi nhóm tế bào thần kinh não ý thức (sắc uẩn) ngưng hoạt động.

xuôi tay vẫn còn đau khổ, thế mà có ai biết rõ điều này, mọi người đều vô minh, ngay đến những nhà khoa học cũng đành bó tay không giải thích được vì các hiện tượng kỳ lạ mà mọi người đều phải chấp nhận thế giới siêu hình, cho nên thật khó cho ai không tin thế giới siêu hình là không có.

Sự sợ hãi và sự đau khổ do các hiện tượng thời tiết của thế giới hữu hình mới khiến con người tạo ra thế giới siêu hình để có sự phò hộ che chở giúp cho tinh thần con người được an ổn, bớt sợ hãi.

Từ khi sản xuất ra thế giới siêu hình, mọi người luôn tin tưởng có sự gia hộ, che chở, ban phước, giáng họa, nhưng sự thật, không thể phò hộ, gia bị, giáng họa, ban phước cho ai cả, chỉ con người tưởng ra để an ủi tinh thần như vậy mà thôi.

Cho nên, sự tưởng ra thế giới siêu hình lại còn tạo thêm một lớp khổ cho con người nữa, đã khổ vì thế giới hữu hình dính mắc trói buộc các pháp thế gian, rồi lại bị lường gạt bởi thế giới siêu hình nữa. Do đó có một số tà sư, ngoại đạo lợi dụng sự vô minh và lòng mê tín này tạo ra các vị thần linh để khiến con người tôn sùng, cung kính, sợ hãi và chịu biết bao

nhiều tổn hao tiền của và giết hại sanh linh, làm tội ác thêm để cúng bái, tế lễ, cầu khẩn, van xin v.v..

Cách thức làm ăn của bọn tà sư, ngoại đạo này có hiệu quả làm giàu trên xương máu của kẻ khác không phí sức lao động, chỉ cần tụng đọc ê a, hoặc vẽ bùa, đọc chú, ợ, ợ, ngáp, ngáp nói bậy bạ là hốt tiền bạc của những kẻ đang gặp nhân quả nghiệp báo xấu, nặng nề, trong lúc quá khổ đau, quá sợ hãi trước tai họa hiểm nghèo, trước bệnh tật nan y, trước sự sống chết như chỉ mảnh treo chuông, trí óc không còn sáng suốt. Lúc bây giờ, bọn thầy lừa đảo này nói sao họ nghe vậy, họ làm tiền một cách dễ dàng (ngồi mát ăn bát vàng).

Lại có một số tà sư ngoại đạo khéo léo hơn, dùng ba tactic lối lý luận như Trương Nghi – Tô Tần thời Lục Quốc bên Trung Hoa, pháp môn này, pháp môn nọ, triết lý này triết lý kia, chân lý này chân lý nọ, lường gạt những kẻ vô minh chạy theo pháp này, chạy theo pháp kia tu tập để chứng đạt chân lý này chân lý khác.

Từ xưa đến nay, ai là người đã đi tìm chân lý thoát khổ? Chân lý ấy được bao nhiêu người đạt được? Hay chỉ là một lý luận suông?

Tại sao các người không nói thật? Để biết bao nhiêu con người phải mất công, mất của và còn tốn biết bao công lao khổ công tu tập mà chẳng được những gì. Từ tôn giáo này đến tôn giáo khác, từ pháp môn này đến pháp môn khác, để nuôi một hy vọng hão huyền giải thoát, Thiên Đường, Cực Lạc, Niết Bàn v.v..

Danh lợi ở thế gian có nhiều việc làm nên danh, nên lợi mà rất **“thiện”**. Tại sao các người không làm việc kia mà lại làm việc này, để lường gạt người khác chi vậy. Biết bao nhiêu thế hệ con người đã qua, họ đã chạy theo tu hành và rèn luyện thân tâm, nhưng họ được những gì ở các chân lý ảo tưởng ấy?

Trong khi đó họ đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi, công lực, tiền của và công sức. Giải thoát đâu không thấy chỉ thấy khổ và khổ, cho đến lúc chết lại càng khổ hơn, (Các Hòa Thượng khi viên tịch quá khổ sở) họ chỉ mua được cái **“danh”** và cái **“lợi”** giả.

Bởi vậy, các thế giới siêu hình tưởng, tai ương bệnh tật đều là tưởng, Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đều là tưởng, pháp môn tu hành cũng đều là tưởng, vì thế cái khổ của con người cũng hoàn lại cái khổ.

Do đó, Phật giáo ra đời quyết đập tan tành cái thế giới hữu hình duyên hợp và xé nát cái thế giới siêu hình tưởng. Giống như một vị Thần để đem lại sự công bằng và công lý cho loài người, giúp họ sống an vui, thanh thản và hạnh phúc. Tạo sự sống an vui trên hành tinh này là một cảnh giới Thiên Đàng.

Bài pháp Thân Ngũ Uẩn, Thập Nhị Nhân Duyên, Pháp Môn Căn Bản trong tạng kinh Nikaya và kinh A Hàm không đủ để chứng minh đập phá thế giới siêu hình và hữu hình này sao?

Nếu đập phá được cả hai thế giới này, thì sẽ mang lại cho con người một đời sống thoải mái, thanh thản, an lạc và hạnh phúc. Bằng ngược lại, thì con người phải chịu khổ vô cùng tận và vô lượng kiếp.

- “Trên giường bệnh hấp hối của một vị quan sát thủ, được nhà vua đến thăm căn dặn ông nhiều lần: “Khanh là một vị quan chuyên môn giết người” như vậy khanh phải đọa địa ngục, khi vào địa ngục, bằng mọi cách khanh về báo cho trăm biết, khanh đã xuống địa ngục và địa ngục có thật, khanh nhớ kỹ lời trăm,

đừng phụ lòng trẫm. Vị quan sát thủ gật đầu và xin hứa.

Nhà vua căn dặn xong chẳng bao lâu vị quan này chết.

Chờ mãi, chờ mãi từ 1 tháng đến một năm rồi đến 3 năm mà chẳng có tin tức gì cả. Nhà vua đến một vị Đạo sư hỏi:

- ***“Thưa Ngài, Ngài nói có địa ngục, trẫm có một vị quan sát thủ trước khi chết trẫm đã căn dặn đôi ba lần: “Khi xuống địa ngục, bằng mọi cách khanh hãy về báo cho trẫm biết, nhưng đến nay đã ba năm rồi chẳng có tin tức gì cả, như vậy theo trẫm nghĩ “chẳng có địa ngục”.***

Vị Đạo sư trả lời:

- ***“Tâu bệ hạ, vị quan ấy là tội nhân làm sao có quyền đi lại được để về báo cho bệ hạ hay”.***

Nhà vua gật đầu chấp nhận ra về, sau ba năm nhà vua trở lại thăm vị Đạo sư và hỏi:

- ***Thưa Ngài, Ngài nói có Thiên Đàng phải không?***

Vị Đạo sư tâu:

- Vâng, thưa bệ hạ, có Thiên Đàng, ai làm thiện sẽ sanh lên Thiên Đàng, ai làm ác sẽ đọa xuống Địa Ngục.

Nhà vua phán:

- Ta có một vị quan đại thần suốt đời làm thiện, làm quan thì cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, làm người thì hằng ngày thường trường chay, không sát hại sanh linh, trước giờ phút lâm chung, hấp hối trẫm đến căn dặn nhiều lần: “Khanh là một người hiền lành sống thì trường chay, chẳng hề giết hại chúng sanh, làm quan thì liêm chính ngay thẳng, chắc chắn khi chết khanh được về Thiên Đàng. Vậy bằng mọi cách sau khi chết, nhà người về báo cho ta biết có cảnh Thiên Đàng chân thật hay không? Để trẫm yên lòng”.

Như thế đến nay đã ba năm mà ta chẳng được tin tức gì, chắc chắn là chẳng có Thiên Đàng.”

Trong bài kinh này, Đức Phật còn xác định thêm: *“Nếu có cảnh giới siêu hình thật thì phải có người đến và người về, đàng này đi thì có, về thì không”.*

Như vậy, chúng tổ không có thế giới siêu hình mà chỉ có một thế giới siêu hình tưởng mà thôi. Kinh Pháp Môn Căn Bản đức Phật đã dạy rất rõ ràng và cụ thể nhất.

Cho nên, trong kinh Nguyên Thủy các vị Trời đến bạch Phật cũng như Ma Vương, Ác quỷ và quỷ đói đều là cảnh giới tưởng của thế giới tưởng ám của con người tạo ra. Tạo ra như vậy để mà chịu khổ thêm chẳng ích lợi gì cho đời sống mà còn làm hao tổn tiền của một cách vô lý.

Các tôn giáo khác, Phật Giáo Đại Thừa và Thiền Đông Độ đua nhau xây dựng thế giới siêu hình bằng nhiều hình thức và những xưng danh khác nhau để khéo lừa đảo con người, chứ kỳ thật cũng chỉ là thế giới tưởng mà thôi.

Nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Đức Phật đã xác định rõ ràng: ***“Người ấy tưởng tri Sở kiến là Sở kiến... Người ấy tưởng tri Sở văn là Sở văn.. Người ấy tưởng tri Sở tư niệm là Sở tư niệm.. Người ấy tưởng Tri sở là Tri sở.. Người ấy tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất.. Người ấy tưởng tri Sai biệt là Sai biệt... Người ấy tưởng tri Tất cả là Tất cả... Người ấy tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn..”*** Đó toàn là sống trong

tưởng mà mọi người mấy ai biết. Trên đời chỉ có một mình đức Phật biết rất rõ.

Bởi vậy, nhìn chung các tôn giáo trên thế gian này đang xây dựng một thế giới siêu hình để thỏa mãn lòng tham vọng của loài người.

Xưa, vua Tần Thủy Hoàng vì tham vọng sống lâu, nên đã cho người đi tìm thuốc trường sanh bất tử. Theo lời dạy của các vị tu Tiên, nhưng nào có được gì đâu, chỉ hoài công vô ích.

Phương pháp tập dưỡng sinh và đạo Yoga đều tập luyện kéo dài tuổi thọ để đạt được “*Trường sanh bất tử*”, nhưng có vị nào không bệnh đau và trường sanh bất tử đâu. Cuối cùng rồi cũng bệnh đau mà chết.

Những việc làm này, con người trên thế gian ai đã làm được. Đó là một tưởng vọng của loài người, không thể thành sự thật. Như đức Phật đã dạy đó là sự tưởng tri của loài người. (tưởng tri là tưởng tri làm sao sự thật được).

Tìm mọi cách để loài người sống mãi muôn đời, nhưng không thành tựu, nên con người quay lại tìm “*sự sống sau khi chết*”. Do đó, mới sản xuất ra cảnh giới Thiên Đàng, Địa Ngục, Bồng Lai Tiên Cảnh, Cực Lạc Tây

Phương, cõi Niết Bàn, Bản Thể Vạn Hữu, Đại Ngã, Phật Tánh v.v..

Riêng đức Phật, Ngài dạy: *“Tuồng tri Niết Bàn là Niết Bàn”*.

Câu nói của Ngài có một giá trị rất lớn đối với các Tôn giáo. Toàn bộ tất cả cảnh giới siêu hình của các Tôn giáo đều đối với đạo Phật là cảnh giới tướng, không thể lừa đảo lường gạt người đệ tử của Phật được, vì đức Phật đã dạy cho các đệ tử của mình rất rõ ràng và cụ thể.

Các pháp môn của các tôn giáo này chỉ lừa đảo, lường gạt được những người vô minh, vì cuộc sống còn mang đầy dẫy tham vọng nên mới tìm tu và nghe theo các giáo phái đó mà thôi.

Sáu nẻo luân hồi chỉ là sáu trạng thái của tâm, chứ không phải sáu cõi giới gồm có từ hữu hình đến siêu hình. Sáu cõi giới ấy là:

- 1/ Cõi Trời
- 2/ Cõi Người
- 3/ Cõi A Tu La
- 4/ Cõi súc sanh
- 5/ Cõi Ngạ quỷ

6/ Địa ngục.

Chỉ trong một thời gian ngắn, nếu một người không biết phương pháp tu theo Phật giáo thì có thể luân hồi sáu nẻo ngay tại kiếp sống của họ.

Ví dụ: Một người đang sống trong mười điều thiện (Thập thiện) thì trạng thái tâm hồn của họ cảm nhận được sự an lạc yên vui hạnh phúc và cơ thể của họ không có một chút nào mỗi mệt, đau nhức khổ sở, mà người khác không sống đúng mười điều lành thì không thể cảm nhận biết được. Nhưng khi họ rời khỏi mười điều lành này mà chỉ còn giữ được năm điều lành (ngũ giới) thì lúc bây giờ họ luân hồi vào cõi người sự bình an của họ không bình an và an vui bằng trạng thái của cõi Trời. Trong khi họ đang ở trong trạng thái tâm cõi người họ không giữ gìn được tâm để cơn sân bùng cháy trong lòng thì ngay đó họ đã luân hồi vào cõi A Tu La.

Nếu ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn năm giới trọn vẹn thường thiếu lòng yêu thương sự sống của muôn loài, không buông xả các pháp ác cố chấp tị hiềm, ganh đua, hơn thiệt, dâm dục, thiếu thành thật nói những lời hung ác, nói những lời vu khống, chuyện có nói

không, chuyện không nói có, tâm hồn họ luôn luôn buồn phiền khổ đau lo sợ, sống bất an, đó là họ đã luân hồi vào cõi súc sanh một trạng thái khổ đau như vậy.

Từ ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn tâm sống đúng năm giới, để tâm khởi muốn ăn, muốn uống và bụng cảm giác thấy đói khát rồi đi ăn uống phi thời, đó là họ đã luân hồi vào trạng thái cõi giới ngạ quỷ.

Từ ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn tâm sống đúng năm giới, thường giết hại, ăn thịt chúng sanh và chạy theo khẩu vị ăn những món ăn hảo hạng ngon miệng, nhưng trong đó có chất độc, sống không yêu thương sự sống, không giữ vệ sinh chung, thường làm ô nhiễm môi trường sống, nên cơ thể dễ sinh ra nhiều bệnh tật nan y. Cơ thể bị bệnh đau nhức khổ sở, đó là luân hồi vào trạng thái địa ngục.

Cho nên, sáu nẻo luân hồi không phải là sáu cõi giới hữu hình và vô hình mà là sáu trạng thái của tâm trong một con người như trên đã nói.

Còn những câu chuyện trên, Phật đã nói với ông A Nan là những câu chuyện của tướng uẩn lưu xuất phóng ra những hình ảnh từ

trường trong không gian. Khi nào một người có tướng uẩn mạnh tức là tướng uẩn hoạt động thì sẽ bắt gặp những hình ảnh cảnh giới của những từ trường này. Hình ảnh này không phải là cõi giới mà là hình ảnh từ trường của những người còn sống cũng như của những người đã chết phóng xuất còn lưu giữ trong không gian.

Trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật đã dạy: Tất cả cõi Trời, cõi Người, A Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục đều là tướng tri chứ không phải liễu tri.



GIỚI LUẬT

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tại sao tu sĩ Phật giáo hiện giờ không giữ gìn giới luật, sống phi giới luật, sống bẻ vụn giới luật. Như vậy con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống tu hành của họ?*

Người tu sĩ giữ gìn giới luật nghiêm túc, sống đúng Phạm hạnh, thiếu dục tri túc,

phòng hộ các căn đây đủ, con đường tu của họ sẽ đi về đâu?

Và có ích lợi gì cho kiếp sống của họ? Con cúi mong Thầy chỉ dạy để cho chúng con được rõ.

Đáp: Như Thầy đã dạy giới luật là một pháp môn tu hành của đạo Phật, chứ không phải là pháp luật của một quốc gia. Cho nên các bộ giới luật do các Tổ biên soạn thành một bộ pháp luật của Phật giáo hơn là một pháp môn tu tập để tâm được vô lậu.

Pháp môn giới luật cùng với pháp môn Thiền định và pháp môn Trí tuệ, gọi chung có tên là **“Tam Vô Lậu Học”**.

Tam Vô Lậu Học là ba pháp môn tu tập không còn lậu hoặc, tức là ba cấp tu tập trong tám lớp học sẽ chấm dứt đau khổ của kiếp người hay nói cách khác là làm chủ sanh, già, bệnh, chết của đạo Phật.

Ba pháp môn vô lậu này, kỳ thật chỉ là ba cấp học đạo đức duy nhất của Phật giáo, nên nó được chia ra làm ba giai đoạn tu tập: Giới, Định, Tuệ.

Ba cấp học này chỉ có giới luật là cấp học quan trọng nhất và tu tập khó nhất trên đường tìm cầu đạo giải thoát theo đạo Phật.

Bởi thế, người nào tu hành mà không giữ gìn giới luật, không tu giới luật, không sống đúng giới luật, thì có tu suốt đời cũng tu chẳng tới đâu, chỉ còn tu danh, tu lợi, tu tướng, tu chùa to Phật lớn mà thôi (chẳng bao giờ có giải thoát thật sự).

Nếu không tu giới luật mà tu định, thì Thiền định đó là tà thiền, định tướng.

Nếu không tu giới luật mà tu trí tuệ thì trí tuệ đó là tà tuệ, kiến giải, tướng giải, là trí tuệ tích lũy, nhai lại bã mía của người xưa, thêm râu, thêm ria, vẽ rắn thêm chân.

Từ xưa đến giờ các Tổ chỉ lập đi, lập lại lối mòn của nhau, chỉ dùng từ hiện đại cho lạ tai mà thôi, chứ lối mòn vẫn là lối mòn, không thể nào lối mòn là đường cái được.

Như trên Thầy đã dạy, giới luật là pháp môn quan trọng nhất trong Tam Vô Lậu Học. Cho nên, vì lợi ích chúng sanh, vì muốn thoát ra sự đau khổ của kiếp người đức Phật đã dạy: ***“Vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm xong, vì lòng thương tưởng Ta đã dạy các người”***.

Đây là một bài kinh mà Đức Phật đã khéo nhắc nhở cho các vị Tỳ Kheo tu tập giới luật, vì giới luật rất quan trọng trên đường cầu đạo giải thoát. Bài kinh **“Ước Nguyện”** Trung Bộ tập 1 trang 79 Phật dạy:

- “Này các Thầy Tỳ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới”.

Đoạn kinh này là lời dạy khuyên nhắc nhở của đức Phật thấm thía vô cùng, một lời khuyên từ cõi lòng vì thương tưởng chúng sanh đang sống trong cảnh khổ mà chẳng biết đường nào ra. Trên thế gian này chỉ còn có con đường duy nhất để tu tập, thoát ra sự đau khổ của kiếp người **“Giới, Định, Tuệ”**. Không thể còn có con đường thứ hai nào khác được nữa.

Biết rất rõ điều này, trên bước đường tâm sư học đạo. Ngài đã sáu năm gian khổ, nhưng vẫn không tìm ra con đường giải thoát. Bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề trầm tư và nhập Tứ Thánh Định, chứng Tam Minh. Ngài đã tự tìm ra chân pháp, chân pháp ấy là thầy của Ngài, đã dẫn đường Ngài đi đến đích, thoát

khỏi sanh, già, bệnh, chết và chám dứt luân hồi.

Chân pháp ấy là gì?

Chân pháp ấy là **“Giới, Định, Tuệ”**. Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta với lòng yêu thương tha thiết đối với chúng ta như con một: **“Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các giới học”**.

Thế mà người tu sĩ Phật giáo hiện giờ lại xem thường giới luật, oai nghi chánh hạnh không có, xem thường trong các lỗi nhỏ nhặt, phạm giới không biết xấu hổ, chẳng bao giờ lấy giới phòng hộ sáu căn, sống ăn uống phi thời, nam nữ trai gái kề cận chẳng biết đó là tai họa khổ đau, chẳng biết đó là con đường sanh tử luân hồi.

Bài kinh Ước Nguyện, đức Phật đã xây dựng nó trên nền tảng đạo đức nhân bản - nhân quả. Ngài không dạy chúng ta cầu nguyện mà dạy chúng ta ước nguyện.

Muốn ước nguyện được thành tựu sở nguyện thì phải sống đúng giới luật, giới luật là thiện pháp, do nhân thiện pháp thì chuyển được ác pháp. Vì thế, do nhân thiện pháp thì quả của thiện pháp là ước nguyện của chúng ta viên mãn.

Ví dụ: Một người có bệnh tật, tai nạn xảy đến hoặc tai nạn bệnh tật chưa xảy đến nhưng ước nguyện bệnh tật tai nạn sẽ chấm dứt và bệnh tật tai nạn sẽ không xảy ra, thì người ấy phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới, thì ước nguyện sẽ thành tựu.

Nếu ai giữ gìn giới luật đúng như vậy thì tai nạn, bệnh tật sẽ qua và không xảy đến. Như vậy, Ngài đã dạy chúng ta tu tập giải thoát trên nền đạo đức nhân bản - nhân quả, lấy hành động thiện làm gốc, diệt trừ mọi hành động ác và lòng ham muốn.

Trong bài kinh Ước Nguyện, Đức Phật dạy:

“- Mong rằng ta được mọi người thương mến, yêu quý, cung kính, và tôn trọng”.

“- Mong rằng ta được các vật dụng đầy đủ không thiếu hụt”.

“- Mong rằng những người bố thí cúng dường các vật dụng sẽ được quả báo và lợi ích lớn”.

“- Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi bệnh tật tai nạn chết, mệnh chung với tâm hoan hỷ, an lạc, được quả báo và lợi ích lớn”.

Trên đây là những ví dụ ước nguyện trong bài kinh, muốn được toại nguyện cho mình cho người thì chỉ tu tập và giữ gìn giới luật nghiêm túc.

Kinh Phật đã dạy như vậy, thế mà kinh sách Đại Thừa lại dạy cúng tế, cầu khẩn, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cầu an, cầu siêu để được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ (do chư Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ).

Kinh sách Đại Thừa lối dạy tu tập đều cầu tha lực, (Tam bảo gia hộ) cho đến những ước nguyện cho mình, cho người đều dựa vào tha lực. Còn ngược lại, kinh sách Nguyên Thủy dạy

tự lực. Muốn lợi mình lợi người thì người ấy phải tự mình tận lực sống đúng giới hạnh, nói cách khác là phải sống đúng thiện pháp không được sống trong ác pháp.

Nói chung đức Phật dạy, con người muốn có cuộc sống an vui, hạnh phúc thì phải sống có đầy đủ đạo đức không làm khổ mình, khổ người, thì được mọi toại nguyện.

Đọc qua bài kinh Pháp Môn Căn Bản ta thấy rõ Phật giáo không đi nhằm lại lối mòn của các tôn giáo khác, tự mình vạch ra một lối đi độc đáo, tự lực, cụ thể không mơ hồ, chính xác để giải quyết kiếp sống con người, thoát ra mọi cảnh khổ, tạo thế gian, có cuộc sống con người thành một cõi Thiên Đàng, Cực Lạc.

Để chiến thắng sự ưa thích dục lạc thế gian, sự không ưa thích, sự bất toại nguyện, và sự khiếp đảm, sợ hãi, Phật dạy: “- **Này các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chứ không phải lạc và bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên. Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chứ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn**

nhiep phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên nơi Tỳ Kheo, Tỳ kheo ấy “phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định (tĩnh thức), thành tựu quán hạnh (vô lậu), thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)”.

Lời dạy trên đây rất cụ thể cho người tu, muốn nhiep phục tâm ham muốn và sợ hãi thì chỉ có giới luật và bốn pháp định, Định Chánh Niệm Tĩnh Giác, Định Niệm Hơi Thở (không gián đoạn thiền định), nội tâm tịch tĩnh (Định Sáng Suốt), thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu), thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).

Trong bài kinh Ước Nguyện đức Phật dạy nhập Bốn Thánh Định rất rõ ràng và dễ dàng không có khó khăn.

Vì muốn nhập Bốn Thánh Định này không khó khăn, không có ức chế tâm như các nhà học giả kiến giải dạy ra. Chỉ cần sống đúng giới hạnh và tu tập các pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để xả tâm cho thật sạch (không còn tham sân, si, mạn, nghi) nữa, thì chỉ ra lệnh nhập thiền định nào thì nhập ngay thiền định ấy.

“- Này các Thầy Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng, Tỳ Kheo ý muốn, không khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiên thuộc tăng thượng tâm hiện tại lạc trú, Tỳ Kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh (Sáng Suốt Định), không gián đoạn thiên định (Thân Hành Niệm Nội Ngoại), thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu), thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)”.

Nếu người nào muốn tu tập thiên định của đạo Phật nhập Bốn Thánh Định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không có khó khăn, chỉ cần thành tựu viên mãn giới luật, tức là sống đúng giới luật.

Xét ra từ khi đức Phật nhập diệt đến giờ, không có ai nhập được Bốn Thánh Định, chỉ vì không thành tựu viên mãn giới luật.

Nếu đã có người nào viên mãn được giới luật sống đầy đủ chánh hạnh thì Phật pháp đâu bị ngoại đạo biến thể như ngày nay và như thế này. Phật giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo hỗn tạp mang đủ thứ pháp môn của ngoại đạo (84 ngàn pháp môn) mà còn tự xưng

những danh từ ngã mạn cống cao khác (Đại Thừa, Tối Thượng Thừa).

Như trên Phật đã dạy trong bài kinh Ước Nguyện. Từ đức hạnh làm người, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Để đem lại sự giải thoát, an lạc, hạnh phúc cho nhau trên hành tinh này thì ***“Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới thì được toại nguyện, mãn nguyện làm người có đạo đức đầy đủ”***.

Nếu muốn thành tựu những đức hạnh của bậc Thánh nhân và thực hiện thiên định làm chủ sự sống chết của bậc chân nhân mà người đời thường hay ưa thích tu thiên định, nhưng không biết thiên định nào đúng sai, cứ nghe thiên định là cứ tu, nhắm mắt tu đũa, tu không suy nghĩ đúng sai phải trái, đã mất công sức tu hành lại còn mất tiền mất của, bỏ đời sống thế gian, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc v.v.. Chỉ vì muốn thoát khỏi mọi sự đau khổ của cuộc đời, để trở thành bậc Thánh nhân, nhưng lại tu sai đường, Thánh

nhân đâu không thấy, giải thoát đâu không thấy, ngấm lại cuộc đời mình mà đau lòng, bị các nhà tôn giáo lừa đảo mà không dám nói ra, ngậm miệng tự an ủi mình, phải tu nhiều kiếp, kiếp này chưa xong thì kiếp khác tu nữa, Phật Thích Ca ngày xưa còn tu vô lượng kiếp mới thành Phật, câu này là câu an ủi nhất của những người bị lừa đảo, tu lạc tà pháp, họ muốn hy vọng hảo huyền để mà hy vọng, để mà sống.

Nhưng trong bài kinh Ước Nguyện Phật dạy tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú.

Như vậy, thiên định tu tập đâu có khó khăn gì, thế mà người tu thiên thời nay lại tu quá khó khăn, tu mãi từ hai ba chục năm, nhưng không thành tựu. Các Tổ như Ngài Đại An 12 năm, Diệu Cao Phong 30 năm mà chỉ có triệt ngộ những công án mà thôi, còn làm chủ sanh tử thì chẳng biết gì, tâm sân hận thì vẫn còn cao ngút. Giải thoát đâu không thấy, làm chủ sanh, già, bệnh, chết đâu không thấy, chỉ thấy được mồm mép bén nhạy đối đáp như gió thổi (cơ phong). Còn một số người nữa lại tu

vào các loại thiền khác, xuất hồn, Khí công, Yoga, Mật Tông luyện bùa, niệm chú, bắt ấn v.v.. Biến thành các tu sĩ này, thay vì tu giải thoát họ lại tu để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ hoặc tập luyện dưỡng sinh, tức là thiền định biến thái thành phương pháp ngừa bệnh.

Thiền định thời nay biến dần thành phương pháp ngừa bệnh (dưỡng sinh) chứ đâu còn là thiền định làm chủ sự sống chết như thời đức Phật.

Nhìn sự tu hành của Phật giáo hiện giờ, ta rất buồn cười, thiền định của Phật thì đẹp qua không tu, mà lại tu thiền của ngoại đạo, chỉ vì thiền của ngoại đạo không có giới luật nghiêm túc, đời sống theo dục lạc dễ dàng, ăn uống ngủ nghỉ phi thời.

Do đó, tu mãi không kết quả, chạy sang tu các pháp môn khác như Tịnh Độ **“vừa tu Thiền vừa niệm Phật”** như các Tổ Vĩnh Minh, Vân Thê, Từ Vân v.v..

Có người chuyển sang Tịnh Độ hẳn chuyên rờn niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc như Tổ Tông Bồn, Khánh Anh, Thiện Hoa, Thiện Hòa v.v..

Có người chuyển sang vừa tu Tịnh Độ cầu vãng sanh vừa tu Mật Tông; có người lại

chuyển sang qua hẳn Mật Tông, chuyên ròng niệm chú, bất ấn.

Có người tu Tịnh Độ lâu ngày chẳng thấy kết quả gì chuyển qua tu Thiên Tông, lại cũng có người tu Mật Tông lâu ngày chẳng thấy linh ứng chuyển qua tu Thiên Tông. Họ chuyển qua pháp môn này, chuyển lại pháp môn kia, tu mãi từ đời này sang đời khác mà chẳng ra gì, vẫn chết trong đau khổ và còn đau khổ hơn người thế gian.

Hiện giờ người ta tu theo Phật Giáo Đại Thừa, cứ chạy theo ba pháp môn Thiên, Tịnh, Mật và chuyển qua chuyển lại tu tập, cứ thế tu tập cho đến bây giờ chẳng ai tu đến đâu, cứ loanh quanh, lẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn, loanh quanh.

Có người tu các loại tà thiên Yoga, xuất hồn lại rơi vào trạng thái Định tưởng; có người tu Thiên Đông Độ rơi vào Pháp tướng nên gọi là triệt ngộ.

Tịnh Độ Tông thì rơi vào sắc, thanh tưởng thấy cảnh giới Tây Phương, Phật Di Đà và Thánh chúng, thấy hoa sen, thấy tên họ được đăng ký trên hoa sen và thấy ánh sáng hào quang, nghe Phật Di Đà thuyết pháp v.v.. Đó toàn là sắc thanh tưởng.

Mật Tông thì rơi vào Tha tâm tướng, nên biết chuyện quá khứ vị lai khiến cho mọi người quá nể phục và thường làm trò ảo thuật (thần thông) lừa đảo người.

Tất cả những sự việc đã xảy ra khiến cho người tu tưởng mình đã chứng đạo, nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật dạy: ***“Tất cả những kết quả đó là tướng tri chứ không phải thực chứng giải thoát (liễu tri)”***.

Bởi vậy, một người tu tìm cầu sự giải thoát mà không sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống không phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, không đầy đủ oai nghi chánh hạnh, không thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới, thì dù tu ngàn đời Thiên, Tịnh, Mật cũng chẳng đi đến đâu, chỉ uổng phí một đời tu hành mà thôi, rồi cũng chạy theo danh, lợi, buôn Phật, bán Pháp mà sống, sống trong cách thức lừa đảo tén đồ để ngồi mát ăn bát vàng.

Thần thông của ngoại đạo do dùng tướng tu tập như: Yoga, Mật Tông, Khí công, Nội công v.v.. Do dùng tướng tu tập nên có thần thông mà tâm dục chưa diệt, ác pháp chưa trừ,

nên dễ sa ngã trong nữ sắc, danh, lợi thế gian v.v.. Do sa ngã nữ sắc, danh, lợi thế gian nên thần thông mất dần.

Vì vậy, có nhiều vị giáo chủ mới xuống núi, thanh sắc đầy đủ, uy nghi chánh hạnh nghiêm trang khiến cho mọi người ai cũng kính nể, lại có thần thông kêu mây, hú gió, sai binh, khiến tướng, sai đạo thành binh, tàng hình, biến hóa, đi trên nước lửa như đi trên đất bằng, ngồi trên hư không như thuyền nổi trên nước, đi xuyên qua vách đá, chôn dưới đất mà vẫn sống, đi trong hư không như chim bay v.v..

Những hành động trên đã khiến cho mọi người kính trọng, đem dâng cúng của cải, tài sản và ngay cả sắc đẹp, không có vật gì mà họ tiếc.

Thử hỏi, thần thông như vậy để làm gì, có ích lợi gì cho loài người đâu? Chỉ là một trò ảo thuật cho người ta xem chơi mà thôi, để cám dỗ những người nhẹ dạ, ham mê thần thông, chứ không thể lường gạt những người đệ tử Phật được.

Chỉ có một hành động lừa đảo gạt người, một vị đạo sư chỉ dùng một tờ báo nấu sôi một nồi nước đã làm cho mọi người kính nể. Nấu

sôi một nồi nước chỉ có một tờ báo, hành động đó ích lợi gì cho con người ở thế gian. Vậy mà mọi người vô minh đều kính phục.

Các vị giáo chủ loại này tâm dục chưa trừ, ác pháp chưa diệt, nên khi thấy cửa cải, tài sản, sắc đẹp thì ham thích nên lần lần sa ngã và thần thông tưởng tiêu mất.

Cho nên, thỉnh thoảng báo chí Công an phát giác ra đảng tin, vị giáo chủ này, vị giáo chủ kia, ông đạo này ông đạo kia làm chuyện lừa đảo tín đồ nhẹ dạ.

Ngược lại, thần thông của đạo Phật, không do tu tưởng mà có, chỉ dùng pháp hướng như lý đạo tác ý, để ly dục, ly ác pháp, diệt ngã xả tâm, đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi cùng diệt sạch thất kiết sử. Do tu tập đoạn dứt những điều này mà tâm được thanh tịnh. Nhưng, phải biết rõ, muốn dùng pháp hướng tâm như lý tác ý có hiệu quả, thì phải sống đúng giới luật, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống đời sống thiểu dục tri túc, oai nghi tế hạnh hần hoi, đi đứng trang nghiêm, đức hạnh trọn vẹn, không hề sai sót một lỗi nhỏ.

Thần thông của đạo Phật là thần thông vô dục, vô ác pháp. Người tu sĩ đạo Phật, phải biết rõ, vô dục vô ác pháp chỉ do nhờ có giới

luật, mới diệt trừ được dục và ác pháp, nên trong kinh Ước Nguyện Phật dạy: ***“Nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta chứng được các loại thần thông, một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân ta, hiện hình tất cả các loài vật, biến hình đi ngang qua vách qua thành, qua núi đá như đi ngang qua hư không; ta độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền, ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên.***

Muốn được vậy, Tỳ Kheo hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bốn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bốn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới”.

Qua bài kinh Ước Nguyện đối với đạo Phật, ta muốn những gì để đạt được kết quả theo ý muốn của mình, thì đều phải thực hiện tu tập và sống đúng giới luật, đó là một nền

tảng vững chắc của đạo Phật, một nền tảng đạo đức thật sự của loài người. Nếu ai bỏ nền tảng đạo đức vững chắc này, dù tu tập có tu đúng thiên định của đạo Phật thì cũng trở thành tà thiên, tà định.

Tại sao vậy?

Tại vì, khi đã lìa khỏi pháp môn căn bản của đạo Phật, tức là giới luật, một pháp môn đầu tiên trong ba pháp môn vô lậu **“Giới, Định, Tuệ”** thì người đó dù có tu theo đạo Phật, nhưng vẫn là tu tà đạo.

Bởi vậy, nhìn tu sĩ Phật giáo hiện giờ, biết Phật giáo suy hay thịnh, mất hay còn. Không phải ở số đông tu sĩ Phật giáo, không phải ở chỗ Phật giáo được chấp nhận là quốc giáo; không phải Giáo Hội Phật Giáo được tổ chức như một quốc gia có tổ chức hẳn hoi, có các trường học từ sơ, trung, cao đẳng để tu sĩ học tập có cấp bằng cử nhân, tiến sĩ, v.v.. Cũng không phải ở chỗ xây cất chùa to, tháp lớn, kiến trúc kiên cố vĩ đại mà ở chỗ tu sĩ phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt. Nói tóm lại, vị Tỳ Kheo phải giữ gìn giới luật nghiêm túc thì

Phật giáo mới còn và hưng thịnh, còn chúng Tỳ Kheo phá giới thì Phật giáo mất và không hưng thịnh.

Lời di chúc năm xưa của đức Phật còn vang mãi trong tai chúng ta ***“giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất”***.

Hỡi quý vị Tăng, Ni và Cư Sĩ! Quý vị có muốn Phật giáo trường tồn với loài người trên hành tinh này chăng? Hay để cho Phật giáo mai một suy tàn chìm mất trong lớp bụi mù dày đặc của tà pháp ngoại đạo đang phủ trùm che khắp.

Nếu muốn Phật giáo được trường tồn và hưng thịnh mãi mãi, đem lại hạnh phúc an vui cho loài người và mọi người trên hành tinh này không còn làm khổ mình, khổ người nữa, thì người cư sĩ đệ tử Phật tại gia hãy giữ gìn giới luật của người cư sĩ mà đức Phật đã dạy, phải nghiêm túc khi thọ Tam quy, Ngũ giới và Thập thiện, phải lấy nó phòng hộ cuộc sống của mình, giữ gìn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không làm khổ mình, khổ người thì Phật giáo sẽ còn với quý vị, với loài người trên hành tinh này.

Còn Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni đệ tử xuất gia của đức Phật, nếu muốn Phật giáo được trường tồn, làm ngọn đuốc sáng soi đường đạo đức cho mọi người trên quả địa cầu này và để có hướng đi tìm chân lý giải thoát, thoát khỏi kiếp sống khổ đau của loài người và cũng chính ngay bản thân của quý vị. Quý vị có muốn làm chủ bốn sự khổ đau sanh, lão, bệnh, tử đang tấn công quý vị hằng giây, hằng phút không? Nếu quý vị lơ đãng thì ô hô! uổng một kiếp người.

Nếu muốn làm chủ bốn sự khổ đau này thì quý vị đã thọ cụ túc giới phải nghiêm chỉnh sống đầy đủ giới hạnh đầy đủ giới bổn, không được bẻ vụn giới luật như các Tổ đã làm, mà quý vị đang chịu ảnh hưởng rất nặng, sống phá giới.

Quý vị hãy bỏ xuống những gì của các Tổ mà phải trở lại sống đúng như Phật, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, phải đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.



BỐN ĐỊNH VÔ SẮC

Hỏi: Kính thưa Thầy! Từ lâu con được nghe Thầy giảng dạy về Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định, Tứ Như Ý Túc, Tam Minh, v.v.. mà chưa hề nghe Thầy dạy Bốn Định Vô Sắc.

- Vậy Bốn Định Vô Sắc tu như thế nào?

- Tu nó có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không?

- Tu nó có hại gì cho cơ thể và tinh thần không?

- Tại sao trong kinh sách Phật không dạy rõ cách thức tu nó?

Đáp: Bốn loại định vô sắc trong kinh Nguyên Thủy Phật dạy rất rõ, nếu muốn đạt được Tam Vô Lậu Học giải thoát thì phải vượt qua² bốn loại định tướng nhập vào Vô Tướng

² Vượt qua có nghĩa là bỏ qua không cần phải nhập bốn định này, vì bốn loại định này Đức Phật đã được Ngài Kalama dạy nhập Vô Sở Hữu Xứ Tướng Định và Ngài Lam Phát dạy nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định, những loại định không có quả giải thoát, nên đức Phật dạy bỏ, chỉ cần nhập Vô Tướng Tâm Định là tìm thấy

Tâm Định. Từ nội Vô Tướng Tâm Định này phải tư duy quán xét thì được giải thoát khỏi lậu hoặc vì ở Định Phi Tướng còn nổi ưu phiền là sáu nhập duyên mạng, tức là duyên với thân mạng. Người ấy muốn giải thoát thì phải thường hằng tuệ tri hiểu biết về sáu nhập duyên mạng này, cho nên khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì sáu nhập duyên thân mạng mà không có lậu hoặc như:

1- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có dục lậu.

2- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có hữu lậu.

3- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có vô minh lậu.

Bởi vì lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tác động vào thân ta, tức mạng sống của ta, nhưng không sanh khởi ba lậu hoặc là nhờ tâm đang ở trong Định Vô Tướng Tâm, Vô Tướng Tâm Định có một trạng thái tĩnh thức cao độ, do thế mới tuệ tri được dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để đẩy lui chúng ra khỏi tâm.

được sự giải thoát ngay liền. Cho nên nghĩa vượt qua ở đây là ném bỏ không cần thiết cho sự tu tập theo đường lối của Phật giáo.

Vô Tướng Tâm Định không giống định Không Vô Biên Xứ Tướng Định, là vì còn cái không phải không, tức là còn lục nhập duyên mạng nhưng lục nhập duyên mạng lại không có lậu hoặc nhờ có tuệ tri, nên tất cả các pháp đến đều không tác động được tâm, vì thế các pháp đều được xem là không có mặt ở đây, nên được gọi là không có, nhưng đối với cái còn lại là lục nhập duyên mạng thì cái kia có, cái này có, nhưng cái có này hoàn toàn không điên đảo hoàn toàn thanh tịnh, cho nên cái có này mà tâm không dao động, vì thế gọi là “không tánh” chứ không phải theo kiểu Tánh không của ông Long Thọ.

Chỗ này là chỗ lầm lạc của các nhà Đại Thừa, vì không có kinh nghiệm tu hành các Ngài tưởng giải Không Tánh hay là Chân Không còn gọi là Chân Không Diệu Hữu, vì còn tuệ tri nên các nhà Đại Thừa gọi là trí tuệ Bát Nhã. Do hiểu như vậy, nên các nhà Đại Thừa rất “quê” với kinh sách Phật. Lỗi ấy là do các Tổ không tu tập chứng đạt chân lí nên làm sao hiểu nghĩa kinh Phật nổi.

Do bài kinh Tiểu Không này trong kinh Nguyên Thủy, Trung Bộ Kinh, tập 3 trang 291 các Ngài soạn thành một bộ kinh Đại Bát Nhã

và cho rằng Đức Phật đã thuyết giảng kinh này 22 năm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại bài kinh Tiểu Không trong kinh Nguyên Thủy để thấy sự tương giải của các Tổ biên soạn ra bộ kinh Đại Bát Nhã vĩ đại đã khiến cho các nhà học giả tốn biết bao nhiêu giấy mực để luận thuyết về “Tánh Không”.

Thiền Đông Độ lấy bộ kinh Kim Cang Bát Nhã làm cốt tủy của Thiền Tông và lập luận dung hòa để tránh khỏi sự tranh chấp giữa Thiền và Giáo, nhưng người sau không biết tương thiên là của Phật thuyết nên mới có sự kiện Thiền Giáo đồng hành ra đời.

“Lại nữa, này A Nanda vị Tỳ Kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tướng, không tác ý Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy được thích thú hân hoan an trú, hướng đến Vô Tướng Tâm Định. Vị ấy tuệ tri như sau: “Vô Tướng Tâm Định này thuộc hữu vi, do tâm tự tạo nên. Phạm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô tướng, chịu sự đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy”. Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục

lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa. Vị ấy tuệ tri các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Vị ấy tuệ tri. “Loại tưởng này không có dục lậu vị ấy tuệ tri. Loại tưởng này không có hữu lậu. Vị ấy tuệ tri. Loại tưởng này không có vô minh lậu. Loại tưởng này đã ly hết dục tưởng). Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: Cái kia có cái này có. “Này A Nanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.

Qua bài kinh Tiểu Không trên đây, quý vị nhận xét kỹ sẽ hiểu không khác chúng tôi, chúng tôi cũng đã xác định ở trên Đại Thừa dùng bài kinh Tiểu Không này lý luận thành lập hệ thống Bát Nhã, nhưng các Tổ đã đi quá xa thực tế nên biến thành trí tuệ Bát Nhã trừu tượng “Chân Không”.

Một cái sai lầm nữa, nếu chúng ta nhận xét không kỹ trong bài kinh Tiểu Không này thì hành giả phải nhập Bốn Định Vô Sắc:

- 1- Không Vô Biên Xứ Định
- 2- Thức Vô Biên Xứ Định
- 3- Vô Sở Hữu Xứ Định
- 4- Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định

Và cuối cùng cũng phải bỏ các loại định này để trở lại nhập vào **“Vô Tướng Tâm Định”**. Ở bài kinh trên đức Phật xác định: *“Không cần phải tác ý nhập Bốn Định Vô Sắc, mà chỉ cần tác ý nhập “Vô Tướng Tâm Định”*. Ở trạng thái định này hành giả dùng tuệ tri quán xét dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để tự kiểm lại tâm mình khi lục trần tác động vào thân mà không thấy có lậu hoặc, như vậy chỗ lục trần tác động mà không có các lậu

hoặc khởi lên, tức là không có ưu bi sầu khổ tham muốn, chỗ này tức là lục trần duyên mạng, lục trần duyên mạng là cái còn lại của ý thức vô dục chứ không phải của tướng thức dục, nhưng hoàn toàn thanh tịnh vô dục, nên không có lậu hoặc, do đó đức Phật gọi là không tánh của thức, tức là **“Vô Tướng Tâm Định”**.

Đức Phật dạy: **“Nhưng đối với cái còn lại, ở vị ấy biết: “Cái kia có cái này có”. Nay A Nanda, cái này đối với vị ấy (Không Tánh) thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh (lục trần duyên mạng không có lậu hoặc gọi là không tánh)”**.

Như trên chúng tôi đã dạy, các nhà Đại Thừa và Thiên Đông Độ đã lầm, lấy lục trần duyên mạng (Không Tánh) cho là Chân Không diệu hữu, Tánh Không, Chân Không, Chân Như, Trí Tuệ Bát Nhã v.v..

Bây giờ chúng ta bắt đầu trở lại con đường tu tập như thế nào, để đi đến Chân Không diệu hữu?

Như trong kinh Tiểu Không Phật dạy: **“Muốn đi vào không tánh này, trước tiên**

là sẽ tập quan sát cái không của nó". Ví dụ như ngôi nhà chúng ta đang ở đây.

- 1- Không có giường, chõng, bàn, ghế, tủ, rương, đồ đạc v.v..
- 2- Không có người ở.
- 3- Không có đèn đuốc.
- 4- Không có màn, thảm.

Toàn bộ đều trống không, đây chỉ cho không tánh của cái nhà.

“Thật vậy này Ananda, điều ông đã nghe là đúng, ghi nhớ là đúng, tác ý là đúng, thọ trì là đúng v.v..

Ví như lầu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, không có vàng bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội và chỉ có một cái nhà không, phải không?”

Đoạn kinh trên đã xác định không tánh của lầu đài Lộc Mẫu.

Ở đoạn kinh này xác định cách thức tu hành của chúng ta cụ thể rõ ràng về không tánh, chứ không phải như kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ dạy chúng ta kiến tánh thành Phật (đốn ngộ ngang xương), vì thế mà hiện giờ bao nhiêu người đã kiến tánh, rõ

thông tánh, thấu triệt tánh, ngộ được tánh, vậy mà chẳng có ai thành Phật được cả. Từ xưa các Tổ cho đến bây giờ ai tu học về Đại Thừa và Thiền Đông Độ một thời gian mọi người ai cũng đều kiến tánh được cả, nhưng đời sống và đức hạnh thì không giống Phật chút nào, sống với tâm sắc dục thấy nữ sắc còn ham mê, thấy danh lợi còn chìm đắm, ăn ngủ phi thời theo thế gian, ai động đến thì tâm sân nổi lên âm âm.

Kiến tánh thành Phật rồi sao còn như vậy, hễ ai hỏi đạo, hỏi thiền thì đối đáp như nước chảy, như mưa tuôn mà sống thì phi đạo đức, phá giới luật. Đó là những điều tu sai mà đi đến lạc lằm không hay biết, người trước dẫn người sau đi mãi, đi mãi mà chẳng đến đâu, chỉ có tưởng giải, lý luận quanh co, lừa đảo bằng miệng lưỡi. Người đời không minh mẫn, tu không kết quả mà cứ đeo theo mãi, tưởng trạng thái tĩnh lặng và hỷ lạc là định sao? Định như vậy làm chủ được cái gì? Thấy được Phật Tánh như vậy, rồi ngấm lại mình làm chủ được cái gì cho cuộc sống này.

Trong sáu năm tu hành, đức Phật đã thay đổi biết bao nhiêu loại pháp môn. Ngài đã nhập đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định

mà còn nghiệm xét thấy không giải thoát đối với cuộc sống đầy khổ đau của kiếp người.

Cho nên, từ Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Người đã bỏ định này để nhập vào Vô Tướng Tâm Định, từ Vô Tướng Tâm Định, Người dùng tuệ tri quán xét lậu hoặc thấy lục nhập duyên mạng mà không khởi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, Người biết rằng tâm đã hết lậu hoặc thanh tịnh. Ở trạng thái này Ngài đặt tên là “Không Tánh” tức là tánh không còn lậu hoặc.

Mặc dù làm chủ được cái tâm (tâm vô lậu) không còn tái sanh luân hồi, vì nguyên nhân tái sanh là do tâm tạo nghiệp (nghiệp luân hồi chứ không phải tâm luân hồi, khi người chết nghiệp còn tâm mất). Chỗ này Ngài thực hiện làm chủ được cái tâm, không nói đến làm chủ cái thân, nhưng chúng ta phải biết, tâm đạt đến chỗ này thì nhập định rất dễ dàng chỉ còn tác ý ra lệnh là tiến tới làm chủ thân, tức là phải nhập Tứ Thiên và Tam Minh.

Kết quả trong bài kinh Tiểu Không Phật dạy: ***“sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”***.

Đoạn kinh này ý nói làm chủ nghiệp, chấm dứt tái sinh luân hồi (không còn trở lui trạng thái này nữa), tu đến đây cũng vừa đủ cho người tìm đạo giải thoát, không cần phải tu tập tới nữa, nếu có tu tập tới nữa là thừa, mà thừa thì chẳng ích lợi gì, phí thì giờ vô ích.

Chỗ này, cần giải thích thêm để quý vị hiểu rõ. Con đường tu hành của đạo Phật có bốn giai đoạn làm chủ:

- 1- Làm chủ cuộc sống (sinh).
- 2- Làm chủ già (lão).
- 3- Làm chủ thọ (bệnh).
- 4- Làm chủ sự hoại diệt (chết).

Giai đoạn làm chủ sinh có nghĩa là làm chủ cuộc sống, luôn tạo nhân lành nên dù sinh bất cứ nơi đâu cũng đều hưởng phước báo an lạc cho đến khi tu tập chấm dứt sinh tử luân hồi.

Bài kinh “Tiểu Không” chỉ cho ở giai đoạn một (vô lậu) tâm không còn tham, sân, si (các ác pháp), và lòng tham muốn dục lạc thế gian nữa, nói chung trong bài kinh dạy tu tập rất rõ từ Không Vô Biên Xứ đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, không thấy giải thoát, tức là tâm không vô lậu, phải trở lại nhập Vô Tướng Tâm

Định mới thấy lậu hoặc sạch, mới làm chủ cuộc sống và nghiệp tái sinh luân hồi.

Vô Tướng Tâm Định là loại định gì?

Vô Tướng Tâm Định là một tên khác của Bất Động Tâm Định. Như trong kinh Tiểu Không đã dạy: ***“Khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu không còn, chỉ còn lục nhập duyên mạng mà thôi. Vậy lục nhập duyên mạng là gì?”***

Lục nhập là lục căn và lục trần, mạng là thân mạng. Câu này có nghĩa là căn, trần tiếp xúc tác động vào thân mạng mà không sanh ra ba lậu hoặc, ở trạng thái này gọi là Vô Tướng Tâm Định.

Ba lậu hoặc là gì? Ba lậu hoặc là tham, sân, si. Dục lậu ứng cho tâm tham, hữu lậu ứng cho tâm sân và vô minh lậu ứng cho tâm si. Như vậy, nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì tham, sân, si không có, cũng như nhập vào Bất Động Tâm Định thì tâm tham, sân, si cũng không có, tức là ba lậu hoặc không còn. Như vậy Bất Động Tâm Định và Vô Tướng Tâm Định chỉ là một loại định mà hai tên khác nhau.

Bất Động Tâm Định là một tên khác của Sơ Thiên, nhưng Sơ Thiên tâm còn bị trụ vào năm chi thiên:

1/ Tâm

2/ Tứ

3/ Hỷ

4/ Lạc

5/ Nhất tâm

Đó là năm trạng thái của Sơ Thiên Thiên. Như chúng ta đã biết Sơ Thiên phải ly dục ly ác pháp, mà đã ly dục ly ác pháp thì tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham sân, si tức là ba lậu hoặc cũng không có, như vậy nhập Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định là nhập Sơ Thiên. Nhưng Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định thì không có năm chi thiên.

Cho nên, trong bài kinh Tiểu Không đức Phật đã xác định rõ ràng, dù nhập đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ vẫn phải bỏ, vì không hết lậu hoặc nên phải nhập lại “Sơ Thiên”, bằng một cái tên khác, nhưng xét cho cùng tận chúng ta cũng nhận ra nó là Sơ Thiên, một loại thiên trong Tứ Thánh Định. Sơ Thiên thuộc về tâm định, chứ không phải thân định.

Chỉ có Sơ Thiên tâm vô lậu mới làm chủ cuộc sống (sanh) nhưng chưa hoàn tất con đường tu nên phải tiếp tục đạt đến tuệ Tam Minh để quét sạch mầm mống lậu hoặc tái sanh luân hồi. Người tu sĩ không thực hiện được Tam Minh thì không thể nào chấm dứt luân hồi.

Từ Nhị Thiên đến Tứ Thiên, các loại định này làm chủ già, bệnh, và chết và duy nhất chỉ có pháp môn **“Tứ Thánh Định”** này mới làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người.

Bây giờ, chúng ta trở lại vấn đề **“Không tánh”**. Như chúng ta ai cũng biết, mọi vật, từ con người đến muôn loài vật không một ai mà không gây ưu phiền cho nhau, như vậy không thể nào có không tánh được. Chúng ta lần lượt loại trừ ra người và vật thì ta còn lại cỏ, cây, đất, đá, núi, sông v.v.. Như vậy ta không tác ý người và vật thì tâm ta không tánh người vật (không khởi niệm người vật) chỉ còn cỏ, cây, đất, đá, núi, rừng, như vậy không này chưa phải là không.

Nhưng ta thấy rằng tâm ta không người vật, thật có không điên đảo, sự thực hiện như vậy tâm ta thanh tịnh người vật không có, nên

không gây ưu phiền cho ta đó là thanh tịnh không tánh người vật.

Trong bài kinh Phật dạy: ***“Này Ananda, Tỳ Kheo không tác ý những tưởng, chỉ tác ý nhất trí do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, tưởng đến lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau “Các ưu phiền do duyên thân tưởng, nhân tưởng, không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này do duyên lâm tưởng v.v..”. Như vậy, này A nanda, cái này đối với vị ấy là như vậy thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh”.***

Để xác định cái không đầu tiên và để chúng ta nhận xét, cái nhà trống không và so sánh với cái tâm không niệm tức là *“Không Vô Biên Xứ”*.

Khi ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ ta tuệ tri các ưu phiền do duyên niệm thiện niệm ác không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này (là không tiến tới đâu được nữa) tức là Không Vô Biên Xứ Tưởng. Nhưng Không Vô Biên Xứ Tưởng có, tức là niệm thiện ác vẫn còn có mặc dù cái Không Vô Biên Xứ này thật sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh đối với niệm thiện niệm ác, nhưng trong lúc

nhập Không Vô Biên Xứ còn khi xuất ra khỏi Không Vô Biên Xứ thì niệm thiện niệm ác vẫn còn nguyên vẹn như trên chúng tôi đã nói. Vì thế nhập Không Vô Biên Xứ không bao giờ có giải thoát.

Chỗ này kinh sách Đại Thừa lâm tưởng khi nhập vào Không Vô Biên Xứ Tướng, các Ngài cho là Phật Tánh nơi đây, nên các kinh Đại Thừa dạy: **“*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”** hoặc **“*Bồ Tát độ hết chúng sanh thì thành Phật*”** hoặc **“*Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã vị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai*”**, chỗ này Thiền Đông Độ dạy: **“*chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền*”**. Tu đến đây, tức là nhập Bốn Định Vô Sắc không thấy có sự giải thoát cho nên đức Phật dạy: **“*Phải nhập Vô Tướng Tâm Định*”**, khi đức Phật nhập Vô Tướng Tâm Định thì Ngài mới thấu rõ và xác định Bốn Định Vô Sắc: **“*Cái kia có, cái này có, cái kia không cái này không*”**, do như vậy Bốn Định Vô Sắc không giải thoát, còn ngược lại Vô Tướng Tâm Định thì khác: **“*Cái này có nhưng lại cái kia không, tức là có lục nhập duyên mạng mà không có ba lậu hoặc*”**, do chỗ này các nhà học giả Bát Nhã

dựa vào bài kinh Tiểu Không này lý luận: **“Sắc tức thị không không tức thị sắc”** có tức là không, không tức là có, từ đó trí tuệ Bát Nhã thành hình để đập phá các luận giải của các bộ phái.

Dựa vào chỗ **“Không Tánh”** này các nhà Đại Thừa thành lập trí tuệ Bát Nhã, lấy trí tuệ Bát Nhã tướng này lý luận đập phá hết cả giáo lý Phật giáo (Trung Quán Luận) do Ngài Long Thọ tướng luận ra.

Sau này các vị thiên sư Đông Độ không chấp nhận **“Chẳng niệm thiện niệm ác”** là cứu cánh, trong Pháp Bảo Đàn Kinh, tức lời dạy của Lục Tổ Huệ Năng dạy, nên bảo: **“Vô tâm còn cách lớp rào”**. Do đó các Ngài (Tổ Sư Thiên) tiến tới vượt qua Không Vô Biên Xứ, nhập vào Thức Vô Biên Xứ, nơi đây các ngài chấp nhập được xem là **“Phản bốn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu”**. Nên Bà Bàng Long Uẩn nói: **“Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư”** hay **“Sáng sáng, đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư”**. Thiên Đông Độ tu đến đây được xem như viên mãn.

Đối với đạo Phật, sự tu tập của Thiên Đông Độ và Đại Thừa mới nhập được hai loại

Định Vô Sắc mà vội cho là chứng đạo. Cho nên tâm dục chưa hết, danh, lợi chưa trừ, bản ngã chưa diệt, vì thế các Ngài tự tôn mình là Đại Thừa, là Tối Thượng Thừa, là Phật Thừa, v.v..

Lời nói này chúng tôi khuyên các bạn đừng tin nơi chúng tôi mà cứ suy ngẫm sự tu hành của các bạn đã tu Thiền Đông Độ từ năm 10 năm đến 20 năm mà bây giờ các bạn tu đã đến đâu? Thì các bạn tự biết, các bạn có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không? Chắc điều này các bạn rõ hơn ai hết.

Trong kinh sách Nguyên Thủy đức Phật đã xác định rõ ràng: Từ Không Vô Biên Xứ đến Thức Vô Biên Xứ. Cách thức tu tập do tâm thích thú, hân hoan an trú hướng đến tâm không (không niệm thiện ác) do sự thích thú hân hoan ấy nên nhất trí tác ý **“không”**, Tổ Huệ Khai khi chứng thiền bằng **“tâm không”** **“không, không, không, không”** bài kệ chứng đạo Ngài còn lưu lại:

“Vô vô vô vô vô”

“Vô vô vô vô vô”

“Vô vô vô vô vô”

“Vô vô vô vô vô”

Theo như lời hỏi của cô Diệu Quang thì nên tu Bốn Định Vô Sắc như thế nào?

Như trong bài kinh Tiểu Không Phật đã dạy và chúng ta nhận xét cái không, khi đã thông hiểu cái không thì cái không ở tâm tức là không niệm thiện niệm ác, tâm không có niệm thiện ác, tức là ý thức thanh tịnh, ý thức thanh tịnh không liên hệ ngũ căn là Không Vô Biên Xứ Định, lời dạy này đức Phật đã xác định một cách rõ ràng trong Kinh Tương Ứng.

Cách thức tu nó chỉ giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác như các thiền sư đã dạy: **“Giữ ông chủ, chặn trâu, biết vọng liền buông”**, sau này các thiền sư lại chế ra pháp tu **“tham thoại đầu, tham công án”** và cuối cùng thì niệm danh hiệu Phật Di Đà tức là **“Niệm Phật là ai?”**. Đây là những pháp môn tu ức chế tâm tối đa mà các Tổ đã tu sai lọt vào tưởng giải mới sản sanh ra những pháp môn như vậy, khiến cho người đời sau tu hành chẳng đi đến đâu mà trở thành phế nhân, bệnh thân kinh, uống phí một đời người. Nếu không thức tỉnh nhận ra kịp thời ngăn chặn những tà pháp này thì hậu quả không lường cho đời sau, những người có nhiệt tâm tìm tu giải thoát.

Loại thiền định này tu chẳng làm chủ được cái gì cả cho kiếp sống con người, chỉ có được trạng thái an ổn (xúc tướng hỷ lạc) và triển khai được tướng tuệ, triệt ngộ mà thôi (ngộ kinh sách Đại Thừa và công án Thiền Tông).

Muốn tu tập 4 loại Định Vô Sắc này như trong kinh Tiểu Không Phật đã dạy: ***Tỳ Kheo nên tác ý Không Vô Biên Xứ và tâm thích thú hân hoan với trạng thái “Không” này thì sẽ đạt Không Vô Biên Xứ, không mấy khó khăn***”.

Muốn nhập Thức Vô Biên Xứ thì không ưa thích, hân hoan trạng thái không và không tác ý Không Vô Biên Xứ, chỉ nên tác ý Thức Vô Biên Xứ, tu tập như vậy một thời gian sau Thức Vô Biên Xứ hiện tiền hay ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ mà tâm đừng chạy theo, tức là đừng bám trụ hỷ lạc của Không Vô Biên Xứ Tưởng mà phải giữ “*Thức*” đừng cho mất và tác ý Thức Vô Biên Xứ, rồi sanh tâm ưa thích, hân hoan với nó, tu tập như vậy một thời gian sau thì Thức Vô Biên Xứ sẽ hiện tiền không còn ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ nữa.

“Này Ananda, Tỳ Kheo không tác ý Địa Tướng, không tác ý Không Vô Biên Xứ Tướng, chỉ tác ý Thức Vô Biên Xứ với sự nhất trí. Tâm vị ấy thích thú hân hoan, an trú hướng đến Thức Vô Biên. Vị ấy tuệ tri như sau: Các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không Vô Biên Xứ Tướng không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ. Vị ấy tưởng tri “loại tướng này không có địa tướng, loại tướng này không có Không Vô Biên Xứ Tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ Tướng”. Và cái gì không có mặt ở đây vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri. “Cái kia có cái này có”. Này Ananda cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh”.

Trong đoạn kinh này đức Phật đã xác định, dù là nhập được Không Vô Biên Xứ Tướng nhưng vẫn còn ưu phiền cho đến Thức Vô Biên Xứ Tướng, Vô Sở Hữu Xứ Tướng, Phi Tướng Phi Tướng Xứ Tướng vẫn còn ưu

phiền: ***“và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên phi tướng phi phi tướng xứ tướng”***.

Đến khi nhập Vô Tướng Tâm Định thì mới chấm dứt ưu phiền, mới làm chủ được cuộc sống và chấm dứt luân hồi, còn bốn loại Định Vô Sắc kia còn ưu phiền nên chưa được giải thoát, vì thế đức Phật nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Tướng Ngài nhận thấy tâm còn ưu phiền không giải thoát nên liền rời bỏ vị thầy dạy mình tu tập định này.

“Lại nữa, này A nanda, vị Tỳ Kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tướng và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy thích thú, hân hoan, an trú hướng đến Vô Tướng Tâm. Vị ấy tuệ tri như sau; Vô Tướng Tâm Định này hữu vi do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt. Vị ấy tuệ tri như vậy thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát sanh đã tận v.v..”

Đến đây chúng ta mới thấy rõ những người tu định tướng không bao giờ có giải thoát (bốn định vô sắc thuộc vô vi) nên phải trở về định hữu vi vô tướng tâm, Định Hữu Vi Vô Tướng Tâm thuộc về Định Hữu Sắc, do tu tập định Hữu Vi nên mới có được giải thoát hoàn toàn, còn Định Tướng Vô Sắc nên tu tập không giải thoát.

Tóm lại, bốn loại định tướng tu chẳng có lợi ích gì, còn mất công tu tập và mất thì giờ vô ích, chẳng có làm chủ được gì cả, chỉ có vọng ngữ là hơn hết.

Tu định này, nếu không biết cách ức chế tâm cho hết vọng tưởng, mà cứ cố tập trung thì căng thần kinh não hoặc căng mặt rồi sanh ra bệnh tật (rối loạn cơ thể) có khi điên khùng mà người ta gọi là **“tẩu hỏa nhập ma”**, hoặc rơi vào pháp tướng, chuyên lý luận. Những kẻ tu thiền này rơi vào những trạng thái tướng thì rất khó xả bỏ. Những ai đã tu sai lọt vào những loại thiền bệnh này thì hết phương cứu trị.

Đọc đến đây các bạn cứ suy ngẫm kỹ con đường các bạn đang tu tập thì sẽ rõ, đừng tin và nghe lời chúng tôi nói trên đây mà hãy nghiệm xét theo lời Phật dạy và lời chúng tôi

nói, đúng hay sai rồi mới tin, còn không thời gian sẽ trả lời các bạn điều này.



VỌNG TƯỚNG

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong khi tọa thiền hoặc đi kinh hành khéo giữ tâm đừng cho niệm khởi, niệm khởi tức là vọng tưởng, có vọng tưởng thì không thể nào gọi là thiền định, có phải vậy không thưa Thầy? Vậy cúi mong Thầy chỉ dạy cho chúng con hiểu rõ chỗ này.*

Đáp: Ưc chế vọng tưởng không cho niệm khởi, tức là ức chế tâm; ức chế tâm tức là ức chế tâm tham, sân, si; ức chế tâm tham, sân, si sẽ rơi vào định tướng (Không Vô Biên Xứ Tướng).

Vọng tưởng là gì?

Vọng tưởng là những tư niệm lăng xăng tự động khởi niệm trong đầu, phần nhiều thuộc về quá khứ và vị lai (hồi niệm, hồi ức). Những tư niệm này căn gốc đều do lòng ham muốn và

ác pháp tham, sân, si sanh ra, nên kinh sách Nguyên Thủy gọi là tâm ác.

Tâm ác là những suy tư, nghĩ tưởng làm khổ mình, khổ người. Theo kinh sách Nguyên Thủy có hai loại tâm đi song song nhau. Vì thế, có bài kinh gọi là Kinh Song Tâm. Kinh Song Tâm dạy chúng ta tư duy quán xét để thấu rõ:

1- Tâm ác

2- Tâm thiện

Người tu theo đạo Phật lúc nào cũng cảnh giác, ngăn chặn và diệt tâm ác. Ngược lại lúc nào cũng tăng trưởng tâm thiện, sống trong tâm thiện.

Bài Kinh Song Tâm trong tập 1 Trung Bộ Kinh trang 261 Phật dạy: ***“Khi Ta chưa thành Chánh Giác còn đang tu, Ta suy nghĩ như sau: “Ta sống suy tư và chia sự suy tư làm hai phần. Phần có dục tâm, sân tâm, hại tâm nào, Ta phân thành phần thứ nhất. Phần có ly dục tâm, vô sân tâm và vô hại tâm nào, Ta phân thành phần thứ hai”.***

Như ở trên đã dạy, phạm làm người đều có hai sự suy tư:

1- Suy tư ác

2- Suy tư thiện

Suy tư ác thì phải ngăn chặn và đoạn diệt, suy tư thiện thì nuôi lớn và tăng trưởng, như trong kinh **“Tứ Chánh Căn”** Phật đã dạy: **“Ngăn ác diệt ác, sanh khởi thiện tăng trưởng thiện”**.

Suy tư nào ác sẽ làm khổ mình, khổ người thì phải chấm dứt ngay liền; suy tư nào thiện sẽ không làm khổ mình, khổ người thì cần phải phát triển những suy tư ấy. Đó là cách thức tu tập tâm ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm.

Khi phân ra được hai dạng suy tư. Bấy giờ chúng ta quyết tâm sống không phóng dật, nhiệt tâm siêng năng tỉnh giác từng hành động thân ý, từng sự việc, từng đối tượng, từng hoàn cảnh v.v.. Khi có niệm khởi lên, ta quán xét niệm ấy có làm khổ mình, khổ người không? Nếu niệm ấy đưa đến khiến ta phiền não, khiến ta mất an vui, thanh thản, cũng như niệm đó khiến cho người khác mất an vui

thanh thân, thì đó là niệm ác. Khi ta biết nó là niệm ác thì niệm ấy liền biến mất, nếu không biến mất thì ta dùng pháp như lý tác ý diệt ngay niệm ác đó, nếu nó còn tới lui thì ta tiếp tục quán xét cho thông suốt để trừ bỏ, xả ly và đoạn dứt. Đó là cách thức tu tập thiền định của đạo Phật, đó là Định Vô Lậu.

Khi đã phân chia làm hai thứ niệm ác và niệm thiện xong, đức Phật khép mình trong khuôn khổ tu tập. ***“Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Khi dục tâm (niệm ưa thích) khởi lên. Ta tuệ tri: Dục tâm này khởi lên nơi Ta và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai diệt trí tuệ (làm mất trí tuệ) dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn. Chư Tỳ Kheo, khi Ta suy tư như vậy: “Dục tâm này đưa đến tự hại”, thì dục tâm này được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: “Dục tâm này đưa đến hại người”, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: “Dục tâm đưa đến hại cả hai”, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: “Dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn”, dục tâm được biến mất.***

Chư Tỳ Kheo như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ xả ly và đoạn tận dục tâm”.

Đọc đoạn kinh trên các bạn cần suy nghĩ kỹ. Phật dạy chúng ta xả tâm, ly dục, ly ác pháp, diệt ngã bằng những niệm ác khởi lên trong tâm, khi ta biết nó là niệm ác làm ta khổ, người khác khổ, làm hại ta, hại người khác và làm mất trí tuệ giải thoát của ta, đưa đến khổ đau, phiền não v.v.. Khi ta biết như vậy thì tự nó biến mất. Và cứ tiếp tục tu tập xả ly tâm và đoạn tận từng niệm như vậy, thì tâm chúng ta được thanh tịnh, đời sống chúng ta được giải thoát hoàn toàn không còn khổ đau, phiền não nữa.

Ở đây, các bạn chỉ cần thấy được niệm ác khởi lên trong tâm, nó là sự nguy hại, hạ liệt, ướm nhiễm, đau khổ thì các bạn sẽ trừ bỏ, xả ly, đoạn tận, viễn ly, khi trừ bỏ, xả ly, đoạn tận thì sự lợi ích rất lớn đến với các bạn, sự thanh tịnh của tâm và các thiện pháp sẽ hiện tiền trước mắt, tâm các bạn sẽ được hoàn toàn an lạc và thanh thản.

“Chư Tỳ Kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần như vậy, khi ly dục tâm khởi lên. Ta tuệ tri

như vậy: Ly dục tâm khởi lên nơi Ta và ly dục tâm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não đưa đến Niết Bàn. Chư Tỳ Kheo nếu ban đêm Ta suy tư quán xét (về sự ly tâm) mà không ly tâm ác thì Ta thấy sợ hãi, dù rằng ban ngày Ta cũng sợ hãi. Chư Tỳ Kheo nếu ban đêm lẫn ngày, Ta suy tư quán xét quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi, khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động thì tâm rất khó định tĩnh. Nay chư Tỳ Kheo, rời tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn định tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động”.

Đọc đoạn kinh này các bạn thấy Phật dạy tu tập rất cụ thể: Khi ta tu tập ly dục, ly ác pháp do sự tư duy quán xét lâu quá khiến thân ta mệt mỏi và do mệt mỏi tâm ta bị dao động nhưng cuối cùng nội thân chúng ta phải tự trấn an, định tĩnh. Chỗ này chỉ cần chúng ta quán xét cố gắng ly tâm dục và ác pháp dù chúng ta có mệt mỏi nhưng phải cố gắng tiếp tục quán xét để ly tâm dục và ác pháp cho

được. Ở đây chúng ta cũng phải hiểu sự mỗi một cũng là một ác pháp, vì thế chúng ta đừng nên dao động tâm mà tiếp tục sự tu hành đẩy lui các chương ngại pháp trong đó có pháp mỗi một. Sự mệt mỏi đến mức độ nào đó là nội thân ta tự nhiên phản xạ hoặc ta quán xét trấn an và định tĩnh tâm, tức là tâm không dao động về sự mỗi một, khi đó ta liền đạt được nhất tâm.

Ở đây chúng ta quán xét để ly dục ly ác pháp (tâm dục) thì chúng ta đạt được nhất tâm, chứ không như kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy tu ức chế tâm (chẳng niệm thiện niệm ác để được nhất tâm).

Hai cách thức tu tập khác nhau rất xa. Một bên thì ức chế không cho niệm thiện niệm ác khởi để được nhất tâm; một bên quán xét xả tâm ly dục ly ác pháp để được nhất tâm.

Một bên ức chế tâm để được nhất tâm, rơi vào định tướng nên đạt được tướng pháp, không làm chủ sanh, già, bệnh, tử chạy theo tướng dục, sanh tâm ngã mạn cống cao, dính mắc kiến chấp Phật Tánh. Rơi vào tà đạo, không có đạo lực nên không điều khiển sự

sống chết và thọ được, biến Phật giáo vô ngã ác pháp thành Phật giáo hữu ngã vô vi.

Một bên thì xả tâm ly dục ly ác pháp, nên tâm thanh tịnh, tham, sân, si mạn, nghi không còn. Do sự thanh tịnh tâm, nên tâm có đạo lực làm chủ được sự sống chết, thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

Nếu một người quyết tâm ly dục ly ác pháp thường theo pháp như lý tác ý thì tâm có khuynh hướng sẽ ly dục ly ác pháp và tâm ly dục ly ác pháp thì nội thân được trấn an tâm, trấn tĩnh khiến tâm được nhất tâm và định tĩnh. Khi tâm tự nhất tâm, định tĩnh, lúc bấy giờ tự tâm phát dũng mãnh, tinh tấn không có tiêu cực, niệm không tán loạn, được an trú, khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm luôn định tĩnh, nhất tâm. Khi ấy ta nhập Bất Động Tâm, từ nơi Bất Động tâm ta có đủ Tứ Thần Túc, từ Tứ Thần Túc ta nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền bằng sức tịnh chỉ thanh tịnh của tâm. Cuối cùng sức thanh tịnh tịnh chỉ của tâm đó, ta thực hiện Tam Minh một cách dễ dàng không có mệt nhọc, không có khó khăn.

“Chư Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo suy tư, quán xét nhiều về ly dục tâm, vị ấy từ bỏ dục tâm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tâm, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tâm... Chư Tỳ Kheo, ví như về cuối mùa hè, khi tất cả lúa gạo cất vào kho thóc, một người mục đồng giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm và người ấy nghĩ: “Đây là những con bò”. Chư Tỳ Kheo cũng vậy ở đây có việc cần phải làm và ta nghĩ: “Đây là những pháp”.

“Chư Tỳ Kheo. Ta phát tâm dũng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Ta ly dục ly ác pháp chứng và trú Thiên Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm tứ. Diệt tâm tứ, Ta chứng và trú Thiên Thứ Hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh. Không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là

xả niệm lạc trú. Ta chứng và an trú Thiên Thứ Ba. Xả lạc, xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước. Ta chứng và trú Thiên Thứ Tư không khổ, không lạc xả niệm thanh tịnh”.

Đến đây các bạn đã hiểu rõ bài kinh Song Tâm đức Phật đã chỉ dạy cặn kẽ rõ ràng chỉ còn chúng ta có quyết tâm tu hay là không tu mà thôi.

Đường lối tu tập của đạo Phật không phải diệt niệm thiện, niệm ác, mà phải xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp trong tâm ta, sống và nuôi lớn thiện pháp, nghĩa là diệt tâm ác mà sống tâm thiện, tức là ly dục ly ác pháp, để đem lại cuộc sống an vui và hạnh phúc cho mình, cho người.

Khi sống với tâm thiện thì tâm ta thanh tịnh không có hoàn cảnh, đối tượng nào, khiến tâm ta dao động, do đó gọi là tâm giải thoát không còn khổ đau vì cuộc sống làm người. Người sống được như vậy gọi là nhập Bất Động Tâm Định hay là nhập Vô Tướng Tâm Định.

Tâm thanh tịnh (tâm như đất) là tâm thiên định của đạo Phật, chứ không phải tâm hết vọng tưởng (chẳng niệm thiện niệm ác).

Tâm hết vọng tưởng chỉ là tà thiên, tà định của ngoại đạo.

Tâm thanh tịnh là tâm có đủ đạo lực sai khiến (điều khiển) và làm chủ được sanh già, bệnh, chết, tức làm chủ nhân quả hay còn gọi là làm chủ sự sống chết (muốn chết lúc nào chết cũng được, muốn sống lúc nào sống cũng được, gọi là tự tại sanh tử hay là ra vào nhà sanh tử).

Bởi vậy, kinh sách Phật dạy tu tập thiên định không khó mà không sợ điên khùng loạn óc (tẩu hỏa nhập ma) chỉ có duy nhất chuyên tu xả tâm mà thôi, để đạt được một tâm hồn thanh thản, an lạc, và vô sự, từ đó nhập các định làm chủ sự sống chết dễ như trở bàn tay.

Tà kiến, ác pháp mà các bạn đang theo tu, không chịu xả tâm mà cứ mãi ức chế tâm cho hết niệm thiện, niệm ác thì các bạn rơi vào tà định, tà thiên thì ngàn đời muôn kiếp các bạn tu chẳng tới đâu cả, chỉ uống công tu mà thôi.

Cho nên, Phật bảo chúng ta phải sống đúng tám nẻo gọi là **“Bát Chánh Đạo”**, tám nẻo dẫn tâm đến chỗ xả ly không còn đau khổ, phiền não làm chủ cuộc sống. Ngược lại, các

bạn sống không hiểu rõ đường lối của Phật dạy bị kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ lừa đảo, tu chết người mà chẳng ra gì.

Nếu người trước dạy người sau này miệng nói Bát Chánh Đạo mà sống thì trong Bát Tà Đạo:

- 1- Tà kiến
- 2- Tà tư duy
- 3- Tà ngữ
- 4- Tà nghiệp
- 5- Tà mạng
- 6- Tà tinh tấn
- 7- Tà niệm
- 8- Tà định

Trong Kinh Song Tâm Phật nhắc nhở các vị Tỳ Kheo: ***“Chư Tỳ Kheo, con đường nguy hiểm chỉ là con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định”***.

Những điều tu sai, ức chế tâm, đó là tà định, sống phạm giới, bẻ vụn giới, không lấy

giới luật phòng hộ sáu căn, sống cuộc đời không thiếu dục tri túc, ăn uống phi thời là sống trong tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm. Điều này chắc ai cũng biết, biết mà nói ra, nói ra sẽ đụng chạm với các Phật tử và tu sĩ Phật giáo Đại Thừa hiện giờ đều sống tu trong Bát Tà Đạo; vì con đường của Phật giáo hiện giờ tu sĩ đều thực hành pháp của ngoại đạo, từ pháp môn niệm Phật để được nhất tâm, đến pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh đều là hương đi của ngoại đạo biến dần người tu sĩ Tịnh Độ làm thầy cúng giống như các vị Bà La Môn cúng tế. Chùa có cuộc sống như gia đình thế gian, có vợ con làm đủ mọi nghề sanh sống, thậm chí còn làm nghề bắt tôm, nuôi cá, tu sĩ chỉ còn là chiếc áo và cái đầu cạo trọc mà thôi.

Mật Tông đưa các thầy tu tập đi đến đạt thần thông, phép lạ để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ biến dần vị Tỳ Kheo thành một vị phù thủy. Những vị thầy này thường xưng là Giáo Chủ, bày nhiều trò, lừa đảo gạt người cúng tiền của và cả tình yêu. Pháp môn tu hành bày ra nhiều điều gợi tâm dục khiến cho con người dễ sa ngã vào đường tội lỗi.

Thiền Tông thì khéo léo hơn hai Tông trước, nhưng lại xây dựng một thế giới Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh tuyệt vời, cao vời vợi như **“Phật tánh”** qua những ngôn ngữ rất kêu. **“Kiến tánh thành Phật”, “giác ngộ, triệt ngộ, chứng ngộ, v.v..”** nhưng lại phạm giới, phá giới luật. Sống không thiếu đức tri túc, không phòng hộ sáu căn, tuy ngoài miệng nói không dính mắc nhưng cuộc sống đều dính mắc tất cả.

Đọc bài Kinh Song Tâm, các bạn hiểu rõ đạo Phật không diệt vọng tưởng cũng không dùng vọng tưởng, mà chỉ biết vọng thiện, vọng ác, để biết tâm mình có ly dục, ly ác pháp chưa, thì hãy cố gắng xả ly tâm ác của mình (tham, sân, si), còn tâm thiện thì luôn luôn sống với nó. Chỉ xả tâm ác chứ không phải xả niệm ác, còn Thiền Tông thì xả niệm ác, niệm thiện mà không xả tâm ác nên tu mãi, kết quả chẳng có gì, chỉ vì tu sai pháp.

Trên đây là nói về phần **“tâm”**, còn **“tứ”** thì chưa nói đến. Bên Thiền Tông khi giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác, tự chủ khởi ra một niệm gì thì Thiền Tông cho đó là **“vọng tưởng”**. Nếu tác ý, tức là **“tứ”** thì Thiền Tông

cũng không chấp nhận, cho đó là “**vọng tưởng**” và tu như vậy không đúng trạng thái tâm vô niệm của Thiền Tông vì còn tùy ý, phải giữ tâm niệm không có một niệm nào xen vào thì mới gọi là thiền định. Cho nên, vào thế kỷ thứ 18 các thiền sư Trung Hoa chế ra pháp môn tham thoại đầu và khán công án vốn những pháp này ức chế tâm rất cao độ, gọi là lấy độc diệt độc. Do chỗ ức chế tâm cao độ, nên con đường Thiền tông bế tắc không còn lối tu tiến tới được nữa.

Tuy chế ra pháp môn ức chế tâm như vậy, nhưng người tu khó đạt thành “**tâm không**”, vì ở tâm không niệm sanh ra nhiều trạng thái tưởng, dễ lạc vào tà thiền. Người có khả năng ức chế gom tâm được thì rơi vào Pháp tướng mà Thiền Tông gọi là “**Triệt ngộ**” tưởng giải toàn bộ kinh sách Đại Thừa và 1700 công án.

Người không ức chế và gom tâm được thì tu chẳng đến đâu, chỉ kiến giải lượm lặt như nhai lại bã mía của người xưa rồi nói thiền nói đạo chứ chẳng biết thiền đạo là gì.

Cho nên, người tu theo Thiền Tông nghe tác ý trong lúc ngồi thiền đều cho đó là vọng tưởng. Không ngờ sự tu tập “**Như lý tác ý**” lại

biến thành một đạo lực siêu việt làm chủ được thân tâm, muốn sống muốn chết dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc. Muốn ngồi nhập định bảy tám ngày hoặc một tháng, hai, ba tháng đều như ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, ngồi bất động như gốc cây, cục đá, nhưng rất tỉnh táo không ai bằng, trời sét không nghe.

Thế mà Thiên Đông Độ chê pháp như lý tác ý là vọng tưởng, không ngờ pháp môn như lý tác ý là một pháp môn tuyệt vời, giải quyết được bốn sự đau khổ của con người và còn giúp cho chúng ta thực hiện ba loại thần thông mà không có một loại thần thông nào của ngoại đạo hơn được.

Toàn bộ giáo trình về pháp môn tu tập thực hành của đạo Phật thì pháp như lý tác ý là một pháp môn độc đáo tuyệt vời nhất, cũng là một pháp môn nòng cốt nhất của đạo Phật, bắt đầu từ tu tập giới luật xả tâm đến tu tập Thiền Định và Tam Minh đều dùng nó. Do đó, duy nhất tu tập chúng ta phải nhiệt tâm với pháp môn này, nhờ đó mới có đủ đạo lực, mới có thể làm chủ sanh, lão, bệnh, chết.

Chỉ có pháp môn này tu tập mới trở thành một đạo lực siêu việt không thể nghĩ lường được.

Muốn xa lìa và đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi thì chỉ duy nhất có pháp môn này mới ly và đoạn dứt các dục và ác pháp, ngoài ra không còn có pháp môn nào khác nữa.

Muốn nhập các Định thì Tứ Như Ý Túc là pháp môn có đủ thần lực để giúp cho hành giả muốn nhập loại định nào thì tùy ý nhập được liền.

Muốn thực hiện được Tam Minh và Thần Túc Thông thì ngoài pháp môn này ra không có pháp môn nào thực hiện được.

Bởi vậy, pháp như lý tác ý là pháp môn độc nhất của đạo Phật để đưa con người thoát ra cảnh khổ của kiếp người và biến hành giả trở thành một siêu nhân, một Thánh nhân.

Thiền Tông và Đại Thừa không hiểu chệ nó là vọng tưởng thật là một việc sai lầm rất lớn.



NHƯ LÝ TÁC Ý

Hỏi: Kính thưa Thầy, tại sao Thầy dạy chúng con phải tự kỷ ám thị, mà trong kinh Phật không có dạy, cuối mong Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ?

Đáp: Như lý tác ý là pháp môn tự kỷ ám thị, đó là một danh từ ngày xưa đức Phật dùng ám thị để thực hiện xa lìa tâm ham muốn và các ác pháp. Ngày nay, các nhà học giả không có kinh nghiệm tu hành, nên không hiểu pháp như lý tác ý là phương pháp tự kỷ ám thị.

Hầu hết các nhà học giả thuyết kinh điển Phật đều không hiểu pháp này, nên đã biến pháp môn của Phật thành một lý thuyết suông. Vì thế, hơn 25 thế kỷ không có người nào tu chứng và làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách cụ thể, chỉ huyền thuyết một vài mẫu chuyện thần thông cho vui mà thôi.

Nếu không có pháp “**như lý tác ý**” thì tu hành không có đạo lực, không có đạo lực thì không làm chủ sự sống, chết của con người được.

Nếu một người tu thiền định mà không biết sử dụng pháp như lý tác ý thì không thể nào nhập được các định.

Ở đây, chúng ta hãy nghe đức Phật dạy một người muốn tu thiền định phải dùng pháp như lý tác ý như thế nào để nhập được định, không giống như Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy.

“Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo muốn thực hiện tu tăng thượng tâm thiền định thì cần phải thường tác ý năm tướng.

Thế nào là năm tướng?

Năm tướng là:

1- Tham

2- Sân

3- Si

4- Mạn

5- Nghi

“Ở đây Tỳ Kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nấy. Các ác bất thiện pháp liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si, liên hệ đến mạn, và liên hệ đến nghi sanh khởi, thời này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến

thiện không phải tướng kia (ác bất thiện pháp liên hệ đến dục) thì các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục (tham) liên hệ đến sân, liên hệ đến si, liên hệ đến mạn, liên hệ đến nghi được diệt trừ đi đến diệt vọng. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tỉnh”.

Đoạn kinh trên đây đức Phật dạy tu thiền, không phải chỗ nhiếp tâm hết vọng tướng để nhập định và nhất tâm, định tỉnh. Ngược lại, Phật dạy dùng pháp như lý tác ý để trừ diệt, đi đến diệt vọng tâm tham, sân, si, mạn, nghi. Chính nhờ diệt trừ chúng mới đạt được nhất tâm, nhập được Tứ Thánh Định.

Bài kinh này chỉ dạy rất rõ ràng, thế mà thời nay người tu thiền cứ mãi mê nhiếp tâm cho hết vọng tướng. Tu như vậy gọi là thiền của Phật thật là oan cho Phật giáo biết chừng nào! Phật dạy như vậy mà bây giờ tu sĩ lại tu khác. Chỉ có Phật giáo Đại Thừa và Phật giáo Tối Thượng Thừa mới chấp nhận pháp ức chế tâm đó là chân chánh, vì thế tu sĩ ngày nay là tu theo pháp môn ngoại đạo mà cứ tưởng mình tu theo Phật giáo. Cho nên, tu từ đời ông đến đời cha mà chẳng có ai giải thoát cả.

Nếu khi gặp một hoàn cảnh, một đối tượng, một sự việc xảy đến khiến tâm đau khổ và phiền não, khi ấy hành giả dùng pháp như lý tác ý và tác ý với một tướng khác với tướng kia, tức là tướng không phiền não, đau khổ, tướng này liên hệ đến thiện, không tham, sân, si, mạn, nghi. Các ác pháp, bất thiện pháp có tâm liên hệ đến dục tham, sân, si, mạn, nghi kia không lìa ra được, hoặc đoạn diệt được, thì phải mau quán xét các niệm ác và bất thiện pháp kia là nguy hiểm, là khổ đau cho mình cho người. Những niệm như vậy là ác độc, là có tội lỗi và sẽ tạo ra khổ báo phiền não, đau khổ hiện giờ và mai sau.

Do quán xét và tác ý như vậy thì tâm ta sẽ xả được các ác pháp và trở về trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự.

Khi quán xét và tác ý như vậy, các ác bất thiện pháp tham, sân, si, mạn, nghi sẽ được diệt trừ và xả ly. Nhờ có quán xét và tùy ý như vậy tâm chúng ta mới xả ly được, nội tâm mới được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh và an lạc.

Nếu khi quán xét và tác ý các pháp ác đó là nguy hiểm, là tội khổ, là khổ báo mà tâm vẫn còn hậm hực, hờn giận, phiền não, sợ hãi,

lo toan v.v.. Lại khởi lên các ác niệm nữa, thì ta không tác ý tâm như đất nữa và không quán xét nữa, ta để tâm tự nhiên rồi như lý tác ý: **“Thân tâm thư giãn xuống, các cơ bắp xuống, tâm buông xuống, thân tâm phải thoải mái, nhẹ nhàng, an lạc”**. Hướng tâm xong, ta đi kinh hành hoặc ngồi hít thở, thỉnh thoảng ta lại hướng tâm như vậy thì các ác pháp kia sẽ tan biến và diệt trừ đoạn dứt tâm bất động, đau khổ và phiền não sẽ dứt sạch, nội tâm ta được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Nếu dùng pháp hướng tâm như lý tác ý và thư giãn thân tâm mà **“ác niệm còn khởi tâm ta chưa an tịnh”** thì lại dùng pháp hướng tâm đến các hành của các ác pháp thì các ác pháp bất thiện sẽ được diệt trừ, xa lìa đoạn dứt. Nhờ có đoạn trừ, diệt chúng được, nội tâm mới được thanh thản, an lạc, định tĩnh, nhất tâm.

Dùng pháp hướng tâm đến các hành như thế nào?

Muốn hiểu nghĩa này chúng tôi cho những ví dụ cụ thể mới dễ nhận ra rõ ràng nghĩa lý này.

Ví dụ: ***“Một người đang đi nhanh, họ suy nghĩ và hướng tâm như lý tác ý tại sao ta lại đi nhanh? Ta hãy đi chậm lại. Trong khi hướng tâm như vậy, người ấy đi chậm lại, người ấy suy nghĩ. Như lý tác ý: Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại. Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ và tác ý. Tại sao ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống. Trong khi ngồi người ấy suy nghĩ và hướng tâm như lý. Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống”.***

“Dùng pháp hướng tâm như lý tác ý bỏ dần các hành động thô của ác pháp đi đến những hành động tế nhị và cuối cùng xa lìa đoạn diệt các ác pháp liên hệ đến tâm tham, sân, si, mạn, nghi sẽ được diệt trừ đi đến đoạn diệt nên nội tâm được thanh thản, an lạc, nhất tâm, định tĩnh”.

Nếu dùng pháp hướng như lý tác ý đến các hành của ác pháp liên hệ đến niệm dục mà không diệt được và xa lìa được thì phải nghiền răng dán chặt lưới lên nóc họng lấy tâm và các cơ chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm bằng pháp hướng như lý tác ý: ***“Tâm tham dục phải đoạn dứt liền, phải lìa xa nơi***

niệm tham muốn, sân hận, phải đi đi, đi cho khỏi nơi đây”.

Dùng pháp hướng mạnh bạo để diệt trừ tâm tham dục, ngã chấp tạo nên đau khổ, phiền lụy cho mình cho người, phải đoạn dứt một cách nhanh chóng để phục hồi tâm lại bình thường, an lạc, thanh thản. ***“Dùng pháp hướng mạnh bạo ấy, ví như người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu xách bổng họ và muốn ném đầu tùy ý”.***

Tóm lại, muốn ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm thì phải dùng pháp như lý tác ý bằng năm cách như trên đã dạy mà trong Kinh Song Tâm và Kinh An Trú Tâm đức Phật đã dạy rất rõ ràng, để làm chủ được cuộc sống không còn khổ đau, và bất toại nguyện, luôn luôn lúc nào tâm hồn cũng thanh thản, an lạc, định tĩnh và vô sự.

Nên đức Phật dạy: ***“Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy được gọi là đã an trú trong “đoạn tâm pháp môn”. Vị ấy có thể tác ý đến tâm nào vị ấy muốn, có thể không tác ý đến tâm nào vị ấy không muốn, vị ấy đã đoạn trừ khả ái, đã giải thoát các kiết sử, khéo***

chỉnh phục kiêu mạn và đã chấm dứt khổ đau”.

Pháp thế gian mà kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ gọi là ***“vọng tưởng”***, còn niệm thiện niệm ác và như lý tác ý thì kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy đó là tâm ác, tâm thiện và pháp như lý tác ý, biết tâm thiện, tâm ác và pháp như lý tác ý là biết pháp tu hành theo Phật giáo, ngược lại Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy người tu tập:

- 1- Biết vọng không theo.
- 2- Đối cảnh không tâm.
- 3- Không kẹt hai bên.
- 4- Hằng sống với cái chân thật, không theo cái giả.

Bốn cách tu tập này cũng nhằm vào diệt vọng tưởng mà thôi.

*“Muốn thấy nó bạn đừng theo vọng tưởng,
Niệm lãng xảng chìm đắm biển thanh
bình.*

*Đến đây rồi hạnh phúc khó thừa trình,
Chỉ xem thấy nụ cười luôn hé nở”.*

Trên đây là một bài thơ của một thiền sư đã chứng đạo, để chứng minh pháp diệt vọng tưởng của họ.

Kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ nhắm vào chỗ **“vọng tưởng”**, vọng tưởng hết rồi thì viên mãn **“niệm lãng xảng chìm đắm biển thanh bình”**. Nhưng đối với đạo Phật thì khác xa. Tâm ác, tức là vọng tưởng ác thì ngăn chặn và diệt sạch còn tâm thiện thì sanh khởi và tăng trưởng không diệt mà còn nuôi dưỡng, để không làm khổ mình, khổ người. Nhờ tâm thiện đó mà mỗi con người xây dựng cho mình một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người.

Muốn diệt tâm ác (vọng tưởng ác, niệm ác) thì dùng pháp hướng tâm tác ý (như lý tác ý, sẽ ngăn chặn và diệt trừ) tăng trưởng tâm thiện (vọng tưởng thiện, niệm thiện) để giúp tâm không làm khổ mình, khổ người, để trở về trạng thái bình thường, thanh thản, an lạc, vô sự và định tĩnh.

Xét qua hai cách tu tập thì Đại Thừa và Thiền Đông Độ do ức chế tâm diệt vọng tưởng để đạt trạng thái yên lặng đến tĩnh lặng mà họ gọi là thiền định, còn Phật dạy dùng pháp hướng tâm như lý tác ý để ly dục, ly ác pháp,

diệt ngã, xả tâm quét sạch ngũ triền cái, đoạn dứt thất kiết sử, tâm vô lậu thanh tịnh không còn đắm nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của thế gian, tâm được thanh tịnh đó gọi là định.

Vì thế, thiên định của Đại Thừa, Thiên Tông và thiên định của Phật không giống nhau; một bên thì tìm cái tĩnh lặng với trạng thái thường, lạc, ngã, tịnh (bốn tánh Niết Bàn). Lấy cái biết không niệm thiện niệm ác làm **“Phật Tánh”** để hằng sống với cái chân thật đó của mình.

Một bên thì tìm về cuộc sống, có một trạng thái an lạc, thanh thản, làm chủ bốn cái khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết; còn một bên tu tập để tìm về thế giới vĩnh hằng của **“Phật Tánh”**, không có đạo lực, không có làm chủ sự sống chết, chỉ có đạo thông tưởng pháp, nói thiên nói đạo như gió thổi mưa sa; một bên tu tập vừa có đạo thông vừa có đạo lực điều khiển sự sống chết luân hồi theo ý muốn. Như vậy rõ ràng hai bên có hai lối tu và hai kết quả khác nhau.

Qua sự kinh nghiệm tu tập của chúng tôi và kinh sách Nguyên Thủy dạy rất rõ ràng và cụ thể, bằng ý thức chủ động điều khiển sự

sống chết của con người, không mơ hồ, trừu tượng như thế giới tưởng của Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Cho nên, sự tu hành như vậy, cuộc sống của các thiền sư còn chìm đắm trong danh, lợi, tham, sân, si của thế gian.

Vọng tưởng là một đề tài của Đại Thừa và Thiền Đông Độ dùng làm đối tượng để tu tập thiền định, còn Phật giáo Nguyên Thủy “vọng tưởng” không thành vấn đề tu tập mà đối tượng tu tập là tâm tham, sân, si, mạn, nghi và thất kiết sử.

Muốn diệt trừ tâm tham, sân, si, mạn, nghi và thất kiết sử thì Phật giáo Nguyên Thủy lại dùng pháp môn như lý tác ý, (Thiền Tông cho là vọng tưởng) để tu tập, để rèn luyện Ngũ lực. Đại Thừa và Thiền Đông Độ lại chê là vọng, dẹp bỏ. Nguyên Thủy biến nó trở thành pháp môn hướng tâm như lý tác ý để diệt trừ tam độc và thất kiết sử, khiến cho tâm được giải thoát hoàn toàn, không còn khổ đau của kiếp người và biến pháp như lý tác ý trở thành một đạo lực siêu việt làm chủ điều khiển sự sống chết của kiếp con người và đó là thực hiện Tứ Như Ý Túc, Tam Minh một cách dễ dàng, không mấy khó khăn.



ỨC CHẾ TÂM CÓ HẠI GÌ?

Câu hỏi của Minh Tông

Hỏi: Kính thưa Thầy, người tu thiên định ức chế tâm dưng và diệt vọng tưởng có hại gì? Có lợi gì? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Đạo Phật tu hành không có thiên định ức chế tâm, thiên định ức chế tâm là những pháp môn thiên định của ngoại đạo, của Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Xưa đức Phật đi tu, đạo Phật chưa có. Ngài tu theo giáo pháp của ngoại đạo, toàn bộ giáo pháp đều dạy ức chế thân tâm. Đó là những pháp môn khổ hạnh, do những pháp môn khổ hạnh ức chế thân tâm này mà cơ thể Ngài hoàn toàn suy yếu đến nỗi phải nằm liệt không thể đứng dậy nổi, nhờ người chăn dê đổ sữa, lần lần Ngài mới tỉnh lại, quán xét tất cả các pháp môn ức chế thân tâm không thể giải thoát sự khổ đau của kiếp người.

Đầu tiên, Ngài tu với một vị Đạo sư tên là Alara Kalama dạy Ngài ức chế tâm nhập Vô Sở Hữu Xứ Định. Sau khi nhập xong định Vô

Sở Hữu Xứ Ngài tự suy nghĩ: Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết Bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ, chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ để làm gì? Không có ích lợi gì cả cho cuộc sống con người. Do đó, Ngài không tôn trọng pháp này và từ bỏ, Ngài đi tìm pháp môn khác.

Đọc bài Kinh Thánh Cầu trong kinh Trung Bộ tập 1 trang 370 đức Phật tìm đến vị Đạo sư đầu tiên của mình là Ngài Alara - Kalama dạy Ngài tu chứng đạt nhập Vô Sở Hữu Xứ Định như trên đã nói, kinh dạy: ***“Như vậy, này các Tỳ Kheo, Alara Kalama là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, là đệ tử của người ngang hàng với mình và tôn sùng Ta tối thượng. Này các Tỳ Kheo, rồi Ta tự suy nghĩ “pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết Bàn mà chỉ đưa đến chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy này các Tỳ Kheo. Ta***

không tôn kính pháp này và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi”.

Đoạn kinh này chúng ta thấy Alara Kalama không có dạy đức Phật nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Vô Biên Xứ đến Thức Vô Biên Xứ mà chỉ dạy nhập định Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy chúng ta đã biết có bốn thiên hữu sắc và bốn thiên vô sắc. Đỉnh cao nhất của thiên Hữu sắc là “*Tứ Thiên*”, và đỉnh cao nhất của thiên Vô sắc là “*Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định*”. Thế mà có nhà học giả bảo rằng đức Phật đã được Alara Kalama dạy nhập Bốn Thiên mà không thấy giải thoát nên Ngài bỏ tìm pháp khác. Đây là một sự bịa đặt của các nhà học giả, để làm sai lệch ý kinh sách của đạo Phật, sai lệch lời dạy của đức Phật để làm gì?

Các nhà Đại Thừa muốn xiển dương giáo pháp Đại Thừa nên cố tình đìm mất chánh pháp của Phật, khiến cho người sau không hiểu thiên định của Phật là gì?

Nhiều nhà học giả không phải là hành giả nên hiểu qua kiến giải của mình trong kinh sách Đại Thừa, nghĩ tưởng rằng phải nhập định Hữu sắc trước rồi sau mới nhập định Vô

sắc. Hiểu như vậy là cái hiểu của người chưa biết thiền định.

Nếu không có bài kinh Đại Kinh Saccaka thì làm sao chúng minh điều lầm lạc này mà nhà học giả cố tình thuyết giảng sai lệch Phật pháp để người sau không còn biết thiền định của Phật và mất lối tu hành giải thoát.

Phúc duyên của con người trên hành tinh này còn duyên với Phật Pháp, nên Kinh Trung Bộ tập 1 bài kinh Saccaka còn giữ lại nguyên văn cho đến ngày nay. Bài kinh này cả quyết và đã xác định đức Phật thành tựu viên mãn đạo giải thoát không phải ở chỗ **“Kiến tánh thành Phật, không phải ở chỗ đại ngộ, triệt ngộ”**, mà ở chỗ tu tập đúng pháp, tức là phải nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, nhờ đó tâm Phật định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh dẫn tâm đến Tam Minh.

Con đường tu theo đạo Phật chỉ có tu như vậy mới đạt được kết quả làm chủ đời sống con người, thế mà các nhà Đại Thừa xây dựng nhiều pháp môn (84 ngàn Pháp môn) mà chẳng có pháp môn nào đưa dắt con người đến

chỗ giải thoát kiếp lầm than, đau khổ của loài người.

Đạo Phật chỉ có một pháp môn duy nhất, nếu ai đọc suốt tạng kinh Nguyên Thủy sẽ không thấy có pháp môn nào khác hơn là pháp môn **“Giới, Định, Tuệ”**. Cả tạng kinh chúng ta thấy đức Phật cố ý lặp đi lặp lại nhiều lần trong các bài kinh mà không rời khỏi ba pháp môn vô lậu **“Giới, Định, Tuệ”**.

Đây, ta hãy nghe đức Phật thuật lại quá trình tu tập với pháp môn nào? Để đi đến cứu kính giải thoát. Thế mà các nhà học giả Đại Thừa dám cả gan bác bỏ pháp môn **“Tứ Thánh Định”** của Phật là thiền định phàm phu, Nhị Thừa, Thanh Văn, ngoại đạo, cấm không cho người sau học và tu tập.

“- Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: Ta biết trong khi Phụ thân Ta, thuộc giòng Sakka (Thích Ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây Diêm Phù Đề (gambu), Ta ly dục ly pháp bất thiện chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: “Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?”

Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: “Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ”. Nay Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: “Ta không sợ chãng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục ly bất thiện pháp?”. Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: Nay thật không dễ gì chứng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua (tức là ăn lại bình thường ngày một bữa có thực phẩm). Nay Aggivessana, Ta ăn thô thực cơm chua, lúc bây giờ năm Tỳ Kheo đang theo hầu hạ Ta, suy nghĩ và chờ đợi Ta khổ hạnh chứng đạo, nhưng thấy Ta ăn thô thực, các vị ấy chán ghét Ta bỏ đi và nói: “Sa môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tinh tấn khổ hạnh, trở lui đời sống sung túc”.

Và Aggivessana, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Diệt tâm và tứ, Ta chứng và trú Thiền Thứ Hai, một trạng

thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ngày Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền Thứ Ba. Ngày Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Xả lạc, xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền Thứ Tư không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Ngày Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Sau khi chứng được bốn thiền xong, tâm Đức Phật thuần tịnh, trong sáng, nhu nhuyễn dễ sử dụng, nên Ngài dẫn tâm đến Tam Minh.

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng đến Túc Mạng Minh. Ta nhớ đến các đời quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, ba mươi, bốn mươi đời, năm

mười đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Ngày Aggivessana, đó là Minh Thứ Nhất, Ta đã chứng trong đêm canh một vô minh diệt, minh sanh ám diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy. Ngày Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đó là canh một lúc bảy giờ đức Phật chứng Túc Mạng Minh. Sau khi chứng xong Túc Mạng Minh, Ngài tiếp tục hướng dẫn tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ngài chứng Thiên Nhân Minh.

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ v.v.. Ngày Aggivessana đó là Minh Thứ

Hai Ta đã chứng được, trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy. Nay Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đó là canh giữa đức Phật đã chứng được Thiên Nhân Minh. Với tâm nhu nhuỷễn dễ sử dụng đức Phật tiếp tục dẫn tâm hướng tâm đến Lưu Tận Minh.

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuỷễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng tâm đến Lưu Tận Trí. Ta biết như thật “đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân khổ”, biết như thật “đây là sự diệt khổ”, biết như thật “đây là con đường đưa đến diệt khổ”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu,

thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy. Ta khởi lên sự hiểu biết “Ta đã giải thoát”. Ta đã biết: “Sanh đã diệt phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa”. Đây Aggivessana, đó là Minh Thứ Ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy đây Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Trên đây là bài kinh Đại Kinh Saccaka, trong bài kinh này đức Phật đã thuật lại quá trình tu tập của mình từ các pháp môn ức chế thân tâm của ngoại đạo để nhập các loại định tưởng và nhập được định tưởng cao nhất là Phi Tưởng Phi Tưởng Xứ Định, nhưng cuối cùng Ngài phải bỏ tất cả các pháp ức chế thân tâm này. Ngài sống trở lại đời sống bình thường của một tu sĩ ăn ngày một bữa sống không phóng dật, ***“Do Ta sống không phóng dật mà thành Chánh giác”***.

Sau khi bỏ các pháp môn ức chế thân tâm của ngoại đạo Ngài hồi ức lại nhớ lúc còn bé đi

theo vua cha trong ngày lễ hạ điền. Vua cha xuống ruộng cày buổi cày đầu tiên để làm gương cho nhân dân.

Lúc bấy giờ, đức Phật còn bé ngồi dưới bóng cây Diêm Phù Đề (Yambu), cây hồng táo, nghỉ mát, Ngài ly dục ly ác pháp trong tâm chúng và trú Thiền Thứ Nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm có tứ. Ngài tự nghĩ: ***“Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ. Đây là con đường giải thoát”***.

Sau khi ăn uống trở lại bình thường, sức khoẻ hồi phục, Ngài không còn khổ hạnh như trước. Ngài nỗ lực theo pháp môn lúc còn bé Ngài đã vô tình ngồi chơi mà thực hiện được. Theo đạo lộ này Ngài đã thuật lại cho chúng ta nghe trong 49 ngày tu tập: Tức là Ngài bắt đầu tu tập nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và Tam Minh. Sau khi tu tập xong Ngài làm chủ sanh, tử và chấm dứt luân hồi với pháp môn này rất rõ ràng. Vậy mà các nhà Đại Thừa dám phỉ báng pháp môn này là Thiền Phạm phu, là Thiền Tiểu Thừa, là Thiền Ngoại Đạo v.v..

Pháp môn này do đức Phật vô tình tìm ra trong lúc còn bé, chứ không có một Đạo sư ngoại đạo nào dạy, thế mà nhà học giả Đại

Thừa cho rằng Alara Kalama dạy đức Phật tu, đó là một điều phỉ báng giáo pháp của Phật vô căn cứ, nếu không có bài kinh này chứng minh thì người sau không còn biết tin vào đâu.

Trong bài kinh Đại Kinh Saccaka, đức Phật thuật lại từ pháp ức chế thân tâm của ngoại đạo và chỉ đến pháp môn Tứ Thiền mà Ngài vô tình đã tìm ra được trong lúc còn bé mới có giải thoát. Nhờ Bốn Thánh Định này Ngài nhập xong, hướng tâm đến Tam Minh. Ngài phát giác ra lý Tứ Đế: **“Đây là khổ”, “Đây là nguyên nhân khổ”, “Đây là sự diệt khổ”, “Đây là con đường đưa đến diệt khổ”**.

Ngoài đức Phật ra, không còn có một tôn giáo nào trên thế gian này thấy được bốn chân lý này. Thấy được bốn chân lý này, đức Phật bắt đầu khởi xướng đạo Phật ra đời.

Dựa vào bài kinh **“Đại Kinh Saccaka”** ta thấy đường lối tu tập của đạo Phật rất rõ ràng, cụ thể. Phân biệt đâu là pháp ức chế thân tâm, đâu là pháp xả tâm, thư giãn, diệt ngã, ly dục, ly bất thiện pháp, và còn cho ta thấy được đường lối tu tập của đạo Phật do một nhân duyên của chúng sanh kỳ lạ, một đứa bé (lúc đức Phật còn bé) đã ngồi dưới cây

yambu (Diêm Phù Đề) nhập Sơ Thiên, một pháp môn thiền xả tâm, diệt ngã, ly dục, ly ác pháp tuyệt vời. **“Ta ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền Thứ Nhất”**. Theo như đoạn kinh này chúng ta tự hỏi. Tại sao một đứa bé 9, 10 tuổi mà biết được thiền xả tâm? Ai dạy? Cách thức tu tập như thế nào?

Vậy thiền xả tâm như thế nào mà một đứa bé 9, 10 tuổi đã nhập được một cách dễ dàng? Như chúng ta đã biết, muốn nhập được thiền xả tâm (Sơ Thiên) thì chỉ cần nương vào hơi thở khéo tác ý như trong kinh Nguyên Thủy dạy: **“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”** rồi lại hít vô thở ra khoảng 5, 10 hơi thở rồi lại khéo tác ý nhắc tâm **“Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi thở ra”**. Đó là mấu chốt tu tập thiền định của đạo Phật dùng Định Niệm Hơi thở khéo tác ý xả tâm ly dục ly ác pháp, để thành tựu tâm thanh tịnh, tức là tâm bất động định.

Khi tu tập các pháp môn của ngoại đạo, đức Phật dốc hết toàn lực tu tập nghĩa là ức chế thân tâm tối đa để mong đạt được cứu cánh giải thoát, nào ngờ toàn bộ công trình tu tập đến giờ phút cuối cùng chỉ còn là số

“không”. Cũng giống như chúng ta hiện giờ, từ pháp môn Tịnh Độ, Mật Tông đến Thiên Tông, chúng ta cũng đem hết sức lực ra tu tập gần như suốt cả cuộc đời, nhưng nhìn lại cũng chỉ là số **“không”**.

Qua kinh nghiệm bản thân của chúng tôi tu tập các pháp môn của Đại Thừa và Thiên Đông Độ cũng vậy, chúng tôi mất tất cả hy vọng đối với Phật giáo. Chúng tôi cho rằng: các tôn giáo nói được, chứ chẳng làm được, nhưng đã lỡ theo Phật giáo hơn nửa đời người, bây giờ trở về đời sống thế tục thì đã muộn màng, còn tu tập chẳng ra gì **“Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo”**, tiến thoái lưỡng nan. Trong lúc lòng chúng tôi đang buồn bã, ưu sầu vì đường tu tập chẳng đến đâu. Nhớ đến lời Hòa Thượng Minh Châu và đảo mắt nhìn tú kinh sách: Nào là Hé Mở Cửa Giải Thoát, Nghiệp Dẫn Đi Trong Luân Hồi, Đường Vào Hiện Sinh, Phật Học Phổ Thông, Trái Tim Thiên Định, Đường Xưa Mây Trắng, Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, v.v.. Nào nề chúng tôi lấy tập 1 Trung Bộ Kinh, lật vài trang ra đọc cho khuây khoả.

Nhưng may mắn thay, gặp ngay bài kinh **“Đại Kinh Saccaka”**. Ngồi suy ngẫm, một đứa

bé chín mười tuổi làm sao ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiên dễ dàng?

Tự đặt câu hỏi chúng tôi lần lượt phanh dân và đọc lại các bài kinh khác như: Tứ Niệm Xứ, Xuất Tức, Nhập Tức, Tứ Chánh Cần, v.v.. thì ra là phương pháp của Phật tu như vậy, chứ không như các pháp môn tu tập của Đại Thừa và Thiên Đông Độ. Nên cuối cùng chúng tôi tập thử thấy có kết quả xả tâm có tầm tứ, có hỷ lạc và nhất tâm, một cách cụ thể, rõ ràng.

Do đó chúng tôi quay sang 180 độ, bỏ sạch các pháp môn Thiên Tông và Đại Thừa. Chuyên ròng tu tập **“Tam Vô Lậu Học”**.

Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề tu tập ức chế tâm, dừng vọng tưởng có hại gì mà Thiên sinh Minh Tông đã hỏi?

Tu ức chế tâm, dừng vọng tưởng có nhiều pháp:

1- Tịnh Độ Tông niệm Phật nhất tâm (Ức chế bằng câu niệm Phật, lục tự Di Đà).

2- Mật Tông ức chế tâm để có thần thông tưởng (niệm chú ức chế vọng tưởng).

3- Thiên Tông ức chế tâm dừng vọng tưởng bằng những pháp: **“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, chẳng niệm thiện niệm ác,**

chăn trâu, biết vọng liên bông, tham thoại đầu, tham công án, số tức quán, tuý tức, chỉ tức v.v..” đều là những pháp ức chế tâm dùng vọng tưởng để đạt được trạng thái khinh an, xúc tưởng hỷ lạc v.v.. và các pháp tưởng mà Thiên Tông gọi là đốn ngộ, đại ngộ, triệt ngộ.

Tu những pháp này không có làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, nên không ích lợi thiết thực cho đời người, chỉ được cách thuyết giảng lừa đảo người khác để dàng nhờ có dục tưởng (khinh an), nhờ có pháp tưởng (triệt ngộ), nhờ có thần thông tưởng (linh ứng) và nhờ sắc tưởng (ánh sáng hào quang, thấy Phật, Tổ và các cõi Cực Lạc Tây phương).

Thời đức Phật tu hành, ngoại đạo hướng dẫn ức chế tâm tối đa: ***“Này Aggivessana rồi ta suy nghĩ: “Ta hãy nghiên rằng dán chặt lưỡi lên óc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp tâm đánh bại tâm! thì mô hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Aggivessana như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại người ấy. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm***

ting cần, tinh tấn tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đây là cách ức chế tâm rất mạnh của đức Phật ngày xưa tu tập. Ngồi lâu thân sanh mỗi mệt và đau nhức, đức Phật vẫn tinh tấn chống lại khổ thọ để tu tập kéo dài thời gian. Tuy đau nhức, tâm đức Phật không bị chi phối, nhưng chẳng có giải thoát gì được cả. Đức Phật lại tu tiếp pháp hơi thở ức chế tâm tối đa: *“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy tu thiền nín thở và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bẽ đang thổi của người thợ rèn. Này Aggivessana, dầu Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không*

được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại, nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đức Phật tu thiền nín thở đầu tiên phát ra âm thanh tiếng gió thổi ngang qua lỗ tai rất là kinh khủng (phong tướng thanh) khiến cho thân bị kích động không được khinh an, khổ thọ khởi lên nhưng không chi phối được tâm của đức Phật.

Lần thứ hai đức Phật tiếp tục tu tập thiền nín thở: *“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: Ta hãy tu thiền nín thở. Và này Aggivessana rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng ngang qua mũi và ngang qua tai thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta, ví như một người lực sĩ chêm đầu một người khác với một thanh kiếm sắc, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy, tuy vậy khổ thọ ấy vẫn khởi lên nơi Ta, được tồn tại, nhưng không chi phối tâm Ta”.*

Lần thứ hai đức Phật tu thiền nín thở một ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu, đối với khổ thọ đó không chi phối được tâm của đức Phật.

Lần thứ ba, Đức Phật tu thiền nín thở thì một cảm giác đau đầu kinh khủng như ai lấy sợi dây cột quanh đầu xiết mạnh, cảm thọ đó khởi lên, nhưng không chi phối tâm Đức Phật: *“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy tu thiền nín thở”. Và Này Aggivessana, Ta nín thở vô thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Ta cảm giác đau đầu kinh khủng, ví như một người lực sĩ lấy một sợi dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu và xiết mạnh. Này Aggivessana, dù Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh cần chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại, nhưng không chi phối tâm Ta”.*

Lần thứ tư Đức Phật tu thiền nín hơi thở một cảm giác đau đớn như ai cầm dao sắc bén cắt ngang qua bụng.

Lần thứ năm Đức Phật cũng tu thiền nín hơi thở, một sức nóng kinh khủng khởi lên như đốt người trên hố than đỏ, trong trường hợp đó một số chư thiên, tức là những người hiền đức bảo đức Phật đã chết, chưa chết, sắp chết v.v..

Đó là những pháp môn thiền hơi thở ức chế tâm, đức Phật nín thở tối đa để mong tìm được sự giải thoát, nhưng do tu pháp ức chế hơi thở sai, đức Phật sắp gần chết. Ngài bỏ các pháp ức chế tâm, chuyển qua pháp ức chế thân. Ngài dự định tuyệt thực hoàn toàn, nhưng có một số người hiền biết chuyện khuyên Ngài không nên tuyệt thực, nếu Ngài tuyệt thực chúng tôi sẽ đem đồ ăn đồ cho Ngài.

“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy hoàn toàn tuyệt thực”. Rồi chư Thiên (tức là những người lành) đến với Ta và nói như sau: Này hiền giả chớ có hoàn toàn tuyệt thực, này hiền giả, nếu hiền giả hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đem thực phẩm đồ cho hiền giả và nhờ vậy hiền giả vẫn phải sống”.

Đó là sự suy tư ức chế thân tối đa để tìm sự giải thoát khi thân bị ức chế sẽ không còn tham, sân, si nữa. Đức Phật đã suy tư như vậy và cố thực hành cho bằng được. Nhưng nghe điều này một số thiện hữu đến ngăn cản. Vì tuyệt thực hoàn toàn sẽ mang đến cái chết, nếu chết là giải thoát thì bao nhiêu người đã chết nằm lơ nhô ngoài nghĩa địa là giải thoát hết sao.

Nghe lời khuyên có lý này, do đó đức Phật không tuyệt thực mà tiết thực để ức chế thân khiến cho thân thoát ra khổ dục và khổ ác pháp. Lần đầu tiên Ngài giảm thiểu sự ăn uống chỉ ăn ít từng giọt một, như cháo đậu xanh, cháo đậu đen, cháo đậu đỏ, vì ăn uống quá ít thân đức Phật hết sức gầy yếu giống như cọng cỏ, những đốt cây leo khô héo, bàn chân Phật giống như móng chân con lạc đà, xương sống phô bày giống như một chuỗi banh, xương sườn gầy mòn giống như rui cột một sàn nhà hư nát, hai con mắt long lanh nằm sâu thẳm trong hai lỗ con mắt giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Da đầu Phật đã trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đặng cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhú khô

cần, đức Phật sờ da bụng, đụng xương sống, sờ xương sống đụng da bụng. Đi đại tiểu tiện thì ngã quỵ úp mặt xuống đất. Lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng cả nắm. Có người thấy vậy nói, da đức Phật đen thui, xám xịt, vàng sẫm.

Đức Phật đã từng sống khổ hạnh khốc liệt như thế mà vẫn không chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng là bậc Thánh, không có hay còn có một đạo lộ nào đưa đến giác ngộ chăng?

Ức chế tâm và ức chế thân tối đa như đức Phật từng sống và tu tập như vậy, nó không mang lại một sự giải thoát mà chỉ mang đến cho một sự khốc hại, như chúng tôi đã tu cách đây mười mấy năm. Nếu chúng sanh không có đủ duyên phước thì đức Phật không thể sống nổi qua những trận tu khổ hạnh, thì ngày nay đâu có Phật giáo truyền thừa trên thế gian này.

Tự ức chế tâm bằng pháp thiên nín thở thì tất cả pháp ức chế tâm của ngoại đạo, không có pháp nào ức chế bằng pháp này hơn được.

Tự ức chế thân bằng pháp môn tiết thực tối đa như đức Phật, thì cũng không có pháp

môn tiết thực nào hơn được. Bởi vậy, bài kinh Tiếng Hống Sư Tử đã nói lên các pháp môn ức chế thân tâm rất rõ ràng và cụ thể. Xét cho cùng pháp ức chế thân tâm dù ít dù nhiều thì cũng không bao giờ tìm được giải thoát. Muốn hiểu rõ sự tu tập ức chế thân tâm của đức Phật thì nên đọc lại bài kinh Đại Kinh Saccaka thì các bạn sẽ rõ pháp ức chế không đi đến giải thoát sanh tử, luân hồi mà đi đến sự khổ đau tồi tệ hơn nữa.

Các pháp môn của ngoại đạo phần nhiều cầu tha lực còn một số các pháp môn khác như: Thiền Đông Độ, Thiền Đại Thừa, Thiền Yoga, Thiền xuất hồn, Khí công, Nội công v.v.. đều là pháp dùng tưởng ức chế tâm cho nên chẳng có sự làm chủ khổ đau của kiếp người chỉ có một vài pháp thuật thần thông để lừa đảo người khác mưu cầu danh, lợi.

Minh Tông đã hỏi Thầy: *“Ức chế vọng tưởng, tức là ức chế tâm có hại và có lợi gì?”*.

Thầy sợ các con không đủ niềm tin, nên đã dẫn chứng một số bài kinh Phật để chứng minh cho các con thấy pháp môn ức chế tâm là những pháp môn đem đến tai hại rất lớn cho những người tu hành mà hầu hết các pháp môn Thiền Đông Độ và các pháp môn Đại

Thừa đều dạy người tu tập ức chế tâm, nên từ xưa đến giờ nó đã giết chết ông cha và Thầy Tổ của chúng ta nhiều đời, nhiều kiếp cho đến ngay bây giờ, chúng ta cũng chết dần mòn với những pháp môn này, và ngày mai với những pháp môn này nó sẽ giết con cháu của chúng ta cũng sẽ chết dần mòn trong sự tu tập.

Bằng chứng qua sự kinh nghiệm tu hành của con (Minh Tông), con đã ức chế thân, ngồi trên vết thương rướm máu suốt sáu tháng trường mà đạt được những gì?

Cô Diệu Quang đã chỉ trích cách tu của các con như: Minh Tông, Diệu Hồng, Diệu Thiện v.v.. ***“Ngồi như cóc, tu như vầy rất uổng công chẳng ích lợi gì”***.

Trong lúc các con tu hành, kẻ ngồi sáu tiếng đồng hồ, người ngồi tám tiếng, ba tiếng, hai tiếng v.v.. Không có ai ngồi dưới một tiếng, đua nhau ngồi cho nhiều, nhưng kết quả chẳng ra gì, kẻ thì thuyết giảng lung tung như Diệu Thiện, thuyết ra toàn là pháp tướng, tướng giải, bị ma tướng ám ảnh; kẻ thì thờ ra không thờ vô suốt cả tám tiếng đồng hồ; người thì tuyên bố nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và thấy được bóng dáng Tứ Thiền, mãi cho đến hôm nay, con (Minh Tông) đã khắc ra

máu ba lần. Lần thứ nhất khi khạc ra máu, Thầy bảo con đình chỉ không được gom tâm ức chế tịnh chỉ hơi thở như vậy mà phải xả tâm diệt ngã ly dục ly ác pháp thì mới tịnh chỉ hơi thở được, con không nghe lời Thầy để xảy ra lần thứ hai rồi đến lần thứ ba, ra máu quá nhiều con mới sợ hãi và mới chịu bỏ gom tâm ức chế tịnh chỉ hơi thở.

Như vậy, pháp môn ức chế tâm có lợi và có hại gì chắc con đã rõ thấu hơn ai hết. Vì suốt năm năm trời theo Thầy tu hành, con đã dùng pháp môn ức chế thân tâm mà chẳng chịu nghe lời Thầy: ***“Sống độc cư trọn vẹn để diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp thì mới đủ sức tịnh chỉ tâm tứ, hỷ tưởng và hơi thở”***.

Qua bài kinh Song Tâm, bài kinh An Trú Tâm, bài kinh Xuất Tức Nhập Tức và Đại Kinh Saccaka thì con sẽ hiểu thế nào là ức chế tâm, thế nào là xả tâm.

Kể tu hành dùng pháp môn ức chế tâm chẳng bao giờ tịnh chỉ khẩu hành (tâm tứ), tịnh chỉ tưởng hành (ly hỷ), tịnh chỉ thân hành (hơi thở), tịnh chỉ ý hành (thọ tưởng) và chẳng bao giờ thực hiện được Tứ Như Ý Tác và Tam Minh.

Cô Diệu Hồng ngồi suốt tám tiếng đồng hồ trong trạng thái an lạc, thế mà xả thiên ra bị cô Diệu Quang đập cho một đòn, tâm phiền não sân hận nổi lên bỏ về Long Hải, thì thử hỏi ngồi 7,8 tiếng đồng hồ có ích lợi gì, cho cuộc sống. Ngồi để mà ngồi, như đức Phật nói: **“Nhập Vô Sở Hữu Xứ để mà nhập Vô Sở Hữu Xứ, chứ không có nghĩa gì”.**

Diệu Thiện ngồi thiền tịnh chỉ hơi thở từ 30 phút đến một giờ, thân bất động, tâm bất động có lợi ích gì cho bản thân, khi đọc bộ Đường Xưa Mây Trắng do Hòa Thượng Nhất Hạnh biên soạn rồi đem ra thuyết giảng lung tung, đang bị ma pháp tướng mà không biết. Kết quả tu hành chẳng ra gì.

Suốt năm năm trời theo Thầy tu hành, rồi đây con cũng sẽ như các bạn con, cũng chẳng đi về đâu, chỉ vì không nghe lời Thầy, sống không độc cư trọn vẹn, không chịu diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, chỉ thích ngồi thiền ức chế tâm để nhập các định, nhưng các định ấy trở thành một giấc mơ.



NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Minh Tông

Hỏi: Kính thưa Thầy, bậc tu hành đã chứng đạo làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi còn có bị tai nạn và bệnh tật xảy ra hay không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con rõ.

Đáp: Như các con đã biết, con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết trở về nhân quả.

Bậc tu hành sanh ra cũng như mọi người, từ nhân quả sanh ra và cũng đang sống như mọi người, ăn, uống, ngủ, nghỉ, nói, nín, sinh hoạt, hoạt động đều đang sống trong nhân quả và chết cũng như mọi người già cả, yếu đuối, bệnh tật và tử vong, nhưng không trở về nhân quả.

Có lẽ các bạn đã hiểu rằng một người tu chứng, làm chủ sanh tử luân hồi không bao giờ có tai nạn, bệnh tật, già, chết đến với họ. Hiểu như vậy, tức là hiểu sai, hiểu không đúng.

Bậc tu hành đắc đạo trước khi chưa tu hành, chưa đắc đạo thì các bậc ấy vẫn sanh ra như mọi người khác, vẫn mang thân nhân quả,

như các bạn đã biết thân nhân quả là thân vô thường có vui, có buồn, có tai nạn, có bệnh tật, có sân hận, có si mê, có ganh tị, có tị hiềm, có nghi ngờ, có tật đố, có san tham và có già chết cũng như mọi người khác. Nhưng bậc tu hành dù đã chứng đạo, vẫn phải còn mang thân xác nhân quả đó, thì mọi sự kiện vô thường của thân nhân quả không thể tha thứ cho bất cứ một ai còn mang thân xác đó, dù đó là đức Phật vẫn bị thân nhân quả vô thường chi phối theo luật nhân quả. Vì thế, mới bảo rằng luật nhân quả rất công bằng và công lý không nề mặt một ai.

Nên khi sắp sửa nhập Niết Bàn, Đức Phật cũng bị đau, Ngài bảo ông A Nan: ***“Ta đau lưng quá, hãy trải chỗ cho ta nằm”***.

Nói như vậy, các bạn sẽ hỏi đã nói tu hành chứng đạo, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, cơ sao lại bảo còn có phiền não, già, bệnh, chết và có tai nạn?

Thưa các bạn, ở đây chúng tôi nói bậc tu hành chứng đạo làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nghĩa là thân nhân quả vô thường là thân sanh, già, bệnh, chết thì người tu hành chỉ làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chứ không phải làm chủ cái thân giả tạo vô thường duyên hợp. Cái

thân giả tạo vô thường duyên hợp, nó là một vật không có thật, nên sự sanh, già, bệnh, chết của nó là phải đến với nó nhưng nó không tác động vào người tu chứng được. Vì thế sanh, già, bệnh, chết không còn làm tâm họ dao động. Đó là giai đoạn làm chủ thứ nhất của người tu chứng.

Chỗ làm chủ thứ hai: nghĩa là khi có sanh, già, bệnh, chết đến thì người tu chứng sẽ làm chủ cái đó, bằng cách dùng đạo lực đẩy lui để lúc nào thân tâm cũng thanh thản và an lạc, không có khổ não.

Ví dụ: Làm chủ sanh khi cuộc sống chúng ta có xảy tai nạn, tranh tụng, ham muốn, thèm khát, sợ hãi, lo toan v.v.. Người tu chứng sẽ dùng trí tuệ nhân quả quán xét thì ngay đó tâm sẽ được an ổn không còn buồn lo, sợ hãi, sân hận v.v.. Còn khởi tâm ham muốn cái này, cái khác thì ta dùng trí tuệ Tứ Niệm Xứ quán xét các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã thì tâm ham muốn (tham dục) dừng liền. Đó là cách làm chủ sanh thứ hai.

Làm chủ già, thân hành, khẩu hành, ý hành, tịnh chỉ, tức là tịnh chỉ tầm tứ. Một người tu chứng tới tuổi già tám mươi vẫn quắc thước, đi đứng vững vàng, không run rẩy,

không lụm cùm, trí tuệ sáng suốt không lẫn lộn v.v.. đó là làm chủ già.

Làm chủ bệnh, khi thân có bệnh đau nhức khổ sở, chúng ta muốn làm chủ bệnh thọ này thì phải ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên, từ nơi trạng thái Tam Thiên theo pháp như lý tác ý xả thọ khổ. Kinh dạy ly hỷ trú xả, tức là sau khi trú được xả, trú được xả, tức là nhập Tam Thiên. Khi đã nhập Tam Thiên xong liền xả lạc, xả khổ, xả lạc xả khổ, tức là xả thọ, xả thọ tức là xả sự đau khổ của thân. Ở đây các bạn nên nhớ, phần nhiều bệnh đau của con người đều do tướng sanh ra bệnh, vì thế khi nhập Tam Thiên đã ly tướng, do ly tướng mà tâm không dao động trước các cảm thọ, nên xả cảm thọ rất dễ. Đó là làm chủ bệnh bằng thiên định, còn làm chủ bệnh bằng pháp môn Định Niệm Hơi Thở. Khi thân có bệnh liền nhiếp tâm an trú vào hơi thở rồi dùng pháp như lý tác ý: ***“Thọ là vô thường bệnh gì (nói tên ra)... ra khỏi thân ta. An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”***, khi tác ý xong liền hít thở năm hơi thở rồi lại tác ý lại câu trên. Cứ tu tập như vậy cho đến khi hết bệnh. Đó là phương pháp làm chủ bệnh. Còn một phương

pháp làm chủ bệnh nữa, đó là Tứ Thần Túc, chỉ cần hướng tâm về thân không bệnh là bệnh hết ngay.

Làm chủ chết, khi thân suy yếu sắp chết, ta tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên, hướng tâm xả bỏ thân tứ đại nhân quả một cách dễ dàng, không có mệt nhọc, không có đau khổ, không có ngộp thở, chết một cách yên nhàn và thanh thản.

Làm chủ sanh, già, bệnh, chết có hai phần:

1/ Phần thứ nhất: Làm chủ tâm bất động trước cảnh sanh, già, bệnh, chết.

2/ Phần thứ hai: Làm chủ những trạng thái sanh, già, bệnh, chết của thân xảy đến, tức là trực tiếp tịnh chỉ các trạng thái đau khổ của sanh, già, bệnh, chết chứ không phải ngăn chặn không cho sanh, già, bệnh, chết hoặc ngăn chặn tai nạn đến với thân này. Vì thân này là thân nhân quả nên phải vay trả những điều thiện ác trước kia mà ta đã tạo ra, thì không thể ngăn chặn được.

Ngăn chặn, tức là dừng nhân quả. Đạo Phật dạy làm chủ nhân quả, vượt qua nhân quả, chuyển nhân quả, chứ không dạy ngăn

chặn và dừng nhân quả. Vì từ nhân quả con người sanh ra thì chỉ có làm chủ tâm không tạo nhân quả ác nữa, thì nhân quả sẽ chấm dứt, như Phật đã dạy trong pháp Tứ Chánh Cần: **“ngăn ác diệt ác, sanh khởi thiện, tăng trưởng thiện”**. Đó là pháp tu tập làm chủ nhân quả, chuyển nhân quả hay là pháp môn tu tập nhập định để làm chủ sanh tử, luân hồi.

Tóm lại, muốn làm chủ nhân quả, chấm dứt luân hồi là phải tu tập điều khiển khẩu hành, thân hành và ý hành luôn luôn thực hiện nhân thiện để tạo quả lành, hoàn toàn phải ngăn và diệt trừ nhân ác. Đó là giai đoạn tu tập thứ nhất mà người đệ tử của Phật cần phải tinh cần siêng năng tu tập, không được biếng trễ (Sơ Thiền).

Muốn làm chủ điều khiển nghiệp quả của thân (lão, bệnh, tử) thì phải tu tập nhập Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền. Đó là giai đoạn thứ hai mà người đệ tử của Phật cần phải tinh cần tinh tấn siêng năng tu tập không được biếng trễ.

Muốn điều khiển làm chủ sự tái sanh luân hồi thì phải tu tập Tứ Niệm Xứ để có Tứ Thần Túc. Đó là giai đoạn thứ ba, người đệ tử của

Phật cần phải tinh cần tinh tấn, siêng năng tu tập không được biếng trễ.

Quý Phật tử đừng hiểu lầm, làm chủ nhân quả là đừng nhân quả. Hay nói cách khác, làm chủ nhân quả có nghĩa là làm cho thân tâm thanh thản, an lạc trước thọ lạc, thọ khổ, thọ bất lạc bất khổ chứ không như **“Bất muội nhân quả”** của các nhà Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Tóm lại, làm chủ nhân quả, tức là làm chủ thân tâm của mình trước các pháp ác, bất thiện pháp, khiến cho thân tâm bất động và tự tại.



LÀM CHỦ SANH, GIÀ, BỆNH, CHẾT

Câu hỏi của Minh Tông

Hỏi: Kính thưa Thầy, người cư sĩ có quyết tâm tu tập đúng theo pháp của Phật đã dạy nhưng đời sống còn tại gia không xuất gia có thể làm chủ sanh, già, bệnh, chết được hay không?

Đáp: Đạo lộ của Phật đã vạch ra rất rõ ràng, có ba giai đoạn tu tập:

1- Giai đoạn tu tập cho người cư sĩ, thọ Tam quy ngũ giới, Thập thiện, sống và làm việc sống đúng đạo đức nhân quả.

2- Giai đoạn chuyển tiếp thọ Bát quan trai giới, tu tập tỉnh thức trong việc làm hằng ngày dùng tuệ tri nhân quả nhãn nhục, tùy thuận, bằng lòng để xả tâm. Đó là người cư sĩ tu tập Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để khắc phục tâm tham ưu ở đời và giai đoạn này gọi là “Chánh Niệm Tỉnh Thức”. Sự tu tập này trong những ngày thọ Bát quan trai.

3- Giai đoạn tu tập của người tu sĩ, ly gia, cắt ái, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, tu tập Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định và Tam Minh. Với chiếc áo của người cư sĩ tu tập chỉ làm chủ được cuộc sống (sanh), chứ không thể làm chủ tự tại sống, chết và chấm dứt luân hồi được.

Làm chủ sanh, tức là làm chủ được cuộc sống, làm chủ được cuộc sống, tức là luôn luôn hành động thân, miệng, ý đều thiện không làm khổ mình, khổ người.

Người cư sĩ còn sống tại gia tu tập chỉ được tâm hồn thanh thản, an lạc mà thôi không thể đi xa hơn nữa được. Tuy đã xa lìa tham, sân, si, mạn, nghi nhưng chưa đoạn dứt và thất kiết sử còn trói buộc (7 sợi dây đang trói chặt và sai sử) chưa bứt ra được, nên khó mà tiến tới giải thoát hoàn toàn, tức là khó tiến vào thiền định sâu mầu.

Tuy mang hình thức người cư sĩ mà đời sống và tình cảm của người này phải sống y như người tu sĩ xuất gia, tức là sống đúng giới hạnh và giới đức của người ly gia cắt ái.

Xa lìa các nghề nghiệp thế gian, không làm việc gì cả, nhờ người thân giúp đỡ ngày một bữa cơm, hằng ngày tinh tấn chuyên cần tu tập ba giai đoạn rốt ráo của đạo lộ mà đức Phật đã vạch ra (Bát Chánh Đạo) thì người cư sĩ này sẽ làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi như người tu sĩ xuất gia chân chánh.

Ngược lại, người tu sĩ vị Tỳ Kheo mang hình thức tu sĩ sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới tu tập theo pháp môn của ngoại đạo như Đại Thừa và Thiền Đông Độ thì chẳng bao giờ làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Tâm hồn của họ không được giải thoát, tính tình họ còn

mang đầy tạp khí tham, sân, si, mạn, nghi chưa sạch. Người tu sĩ này không bằng người cư sĩ tại gia mà biết sống với trí tuệ nhân quả, biết ngăn ác diệt ác như trong kinh Tứ Chánh Cần đã dạy thì tâm hồn họ thanh thản, an lạc, vô sự hơn nhiều.

Người tu sĩ tu hành không đúng giáo pháp và giới luật của Phật, đã không được giải thoát mà còn mang nợ của đàn na thí chủ, ngàn kiếp muôn kiếp phải trả nợ áo cơm nhân quả mà chẳng biết chừng nào xong.

Các bạn hãy nhìn các ngôi chùa đồ sộ vĩ đại kia, mồ hôi nước mắt của bao nhiêu tín đồ đóng góp, chừng nào các ngôi chùa kiên cố tàn rụi như đồng tro tàn thì nợ đàn na thí chủ mới trả xong, nếu nó còn mãi với không gian và thời gian thì nợ kia cũng còn mãi với muôn đời muôn kiếp. Đừng hãnh diện rằng ngôi chùa kiên cố đồ sộ kia là công lao rất lớn của quý Thầy, mà là khối nợ vĩ đại của quý Thầy đấy, nó còn là nợ quý Thầy còn mãi, nó mất thì nợ quý Thầy mới mất. Bởi vậy người tu sĩ biết tu, biết xả theo đúng đạo lộ của đạo Phật thì rất sợ của đàn na thí chủ.

Nói như vậy, đạo Phật sẽ không còn có những gì trên thế gian này sao? Đối với đạo

Phật nhìn các pháp trong thế gian này là vô thường nên không lưu lại những hình ảnh vật chất vô thường ấy, nó làm hao tổn tiền của, mồ hôi nước mắt của loài người, đạo Phật chỉ lưu lại cho loài người ***“một tâm hồn cao thượng và đẹp đẽ, một đạo đức không làm khổ mình, khổ người, khổ tất cả chúng sanh”***.

Trên hành tinh này, nếu người có trí, có mắt, thì sẽ nhận xét thấy những gì còn lưu lại gọi là Phật giáo, thì không chính đó là của Phật giáo mà là của Bà La Môn giáo.

Chính các tu sĩ Phật giáo hiện giờ, họ cũng đang lầm chính họ, họ tưởng họ là tu sĩ Phật giáo, nhưng sự thật họ là những tu sĩ Bà La Môn.

Người cư sĩ đệ tử của đức Phật luôn luôn phải sống và làm việc với tinh thần đạo đức nhân quả giải thoát không làm khổ mình, khổ người, thì không cần gì phải có chùa to tháp lớn, phải có cảnh quang đẹp đẽ, u nhàn v.v.. Chỉ cần có một nền đạo đức nhân bản – nhân quả chân thật của đạo Phật, thì đạo Phật vẫn sáng tỏ như ánh hào quang trên thế gian này mãi mãi muôn đời.



SÁU NẸO LUÂN HỒI

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Xin Thầy giảng cho con hiểu đúng nghĩa “Sáu nẻo luân hồi: Trời, Người, Atula, Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sanh”.

Đáp: Sáu nẻo luân hồi, theo kiến giải của các nhà học giả Đại Thừa thì có sáu cõi từ hữu hình đến siêu hình, hữu hình là thế giới của loài người và vạn vật, còn thế giới siêu hình là để cho linh hồn người chết về đó, tùy theo việc làm thiện hay ác mà tiếp tục tái sinh tại các cảnh giới đó.

Ví dụ: Như cõi Trời, ở đó chư Thiên hưởng phước báo, nhưng lại sanh lòng dục, do sanh lòng dục mà tạo ác pháp, chớ hưởng hết phước báo cõi Trời thì các vị Trời ấy sẽ chết, chết vì lòng dục và ác pháp nên phải đọa làm thân Người, nói cách khác là chư Thiên chết sanh làm người do dục và ác pháp. Còn ngược lại ở cõi thế gian, con người làm thiện, ít ham muốn thì lại được sanh lên cõi Trời. Đó là sự hiểu

biết của Đại Thừa, từ thế giới hữu hình sang thế giới siêu hình.

Nếu ở cõi làm Người sanh tâm làm ác, thường giận dữ, thích đánh đá, đến khi lìa bỏ thân người linh hồn tiếp tục (nghiệp lực ác) đi tái sanh vào cõi Atula. Đây là cõi Atula siêu hình mà các nhà Đại Thừa hiểu lầm dựng lên.

Nếu sanh vào cõi Atula mà biết làm thiện ít giận hờn, không đánh đá ai hết đến khi chết sẽ được sanh làm Người trở lại. Hoặ những Atula này làm thiện, ít dục, không giận dữ, không đánh đập, không làm khổ mình, khổ người thì đến khi chết sẽ được sanh vào cõi Trời. Đó là sự lý luận của Đại Thừa giáo trong tưởng.

Nếu một Atula tâm thường giận dữ, ích kỷ, bòn xén, hà tiện không dám tiêu xài, không dám bố thí cho những người bất hạnh. Sau khi Atula này chết bỏ thân được tái sanh làm thân Ngạ quỷ.

Đời sống thân Ngạ quỷ thường đói khổ, muốn ăn không có mà ăn hoặc muốn ăn mà không ăn được; muốn uống không có mà uống hoặc có mà không uống được.

Nếu ngay trong cuộc sống Ngạ quỷ mà một Ngạ quỷ biết bố thí, biết san sẻ nhưng

không từ bỏ những tâm sân, dữ tợn thì đến khi chết được sanh vào cảnh giới Atula.

Còn nếu ở trong cảnh giới Nga quý mà biết bố thí và biết san sẻ, không giận dữ, biết ngăn ngừa các ác pháp, biết không làm khổ mình, khổ người thì từ một Nga quý chết được sanh vào cõi Người. Đó là từ một thế giới siêu hình đến thế giới hữu hình do các nhà Đại Thừa hiểu lầm dựng lên.

Nếu một Nga quý đang ở cõi Nga quý mà sống toàn thiện, không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì đến khi chết họ được sanh vào cõi Trời.

Nếu một Nga quý đang sống trong cảnh giới Nga quý mà tính tình hung dữ, thường làm nhiều điều tội ác, sát hại chúng sanh để ăn thịt, ích kỷ bỏn sẻn không từ bỏ thì Nga quý đến khi chết được sanh vào cảnh giới Địa ngục, tức là thân tâm và cuộc sống của họ thường phải chịu nhiều khổ đau cũng giống như tội nhân ở thế gian chịu mọi cực hình khổ sở như: tù tội, giam cầm, gông cùm, tra tấn, đánh đập v.v..

Cõi Địa ngục là nơi Trời, Người, Atula, Nga quý làm ác đang, sẽ và đã sanh về ở đó chịu đủ thứ mọi cực hình khổ đau, nói chung

cõi Địa ngục là cõi tiếng kêu khóc không hề dứt. Đó là một thế giới vô hình mà các nhà Đại Thừa hiểu lầm dựng lên.

Sau khi sanh về ở cõi Địa ngục, ở đó con người tiếp tục thọ khổ và không từ bỏ việc làm ác. Và vì thế khi những người này chết họ được sanh làm loài vật. Như chúng ta đã thấy các loài vật đang sống quanh ta, đó là cõi Súc sanh. Cõi súc sanh là những loài động vật đang sống quanh ta trong thế giới hiện hữu này, chứ không có cõi nào khác nữa cả.

Đó là cái hiểu của các nhà học giả Phật giáo phát triển có sáu cảnh giới rõ ràng: Trời, Người, Atula, Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sanh mà con người phải tiếp tục trôi lăn trong sáu nẻo ở đó.

Tóm lại, theo đúng nghĩa của kinh sách Nguyên Thủy thì sáu cõi luân hồi tưởng này chỉ ở tại thế gian của chúng ta trên hành tinh này, không có ở nơi nào khác nữa. Tùy theo đặc tính, cách sống của mọi con người và những loài vật trên hành tinh này mà phân chia ra làm sáu nẻo luân hồi:

1/ Để chỉ cho cõi Trời, đó là những người đang sống trong cảnh tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, không làm khổ mình, khổ người

và không làm điều ác, toàn làm điều thiện, muốn chi có vậy. Đó là những bậc chân tu, những bậc Đại Đức đang sống trầm lặng, sống với trí tuệ nhân quả, sống với tâm hồn tha thứ và thương yêu mọi loài chúng sanh.

2/ Để chỉ cho cõi Người có thiện, có ác, có dục, có ái, có thương, có ghét, v.v.. đó là những con người sống một đời sống bình thường nên có vui, có buồn, có bệnh tật, tai nạn, có phiền não khổ đau, có bất toại nguyện, có rầu lo sợ hãi, nhưng lại biết buông xả nhẹ nhàng nên vẫn thấy có hạnh phúc. Tuy cơm ăn áo mặc đầy đủ, không thiếu trước hụt sau, nhưng vì là đời sống con người nên không thể tránh khỏi luật nhân quả chi phối.

3/ Để chỉ cho cõi Atula, đó là chỉ cho những người bản chất nóng nảy sân hận, giận dữ chuyên đánh đấu đá với nhau.

Kinh Nguyên Thủy thường nhắc đến vua Atula đem quân đánh Trời Đế Thích, đó là chỉ cho những hạng người chuyên môn đi đánh cướp nước người mà lịch sử của loài người đã chứng minh điều đó cụ thể. Vì thế, chúng ta nên biết kẻ nào đem quân xâm chiếm nước người giết hại sanh linh là Atula.

4/ Để chỉ cho cõi Ngạ quỷ, đó là chỉ cho những người sống trong cảnh đói khổ thiếu trước hụt sau mọi mặt, muốn ăn không có mà ăn, muốn ăn mà ăn không được. Cho nên, kinh thường diễn tả một Ngạ quỷ bụng to như trống chầu mà cổ nhỏ như cây kim vì thế đói khát mà ăn uống chẳng được nên gọi là Ngạ quỷ.

5/ Để chỉ cho cảnh Địa ngục, đó là những người bệnh tật trầm kha kinh niên. Quanh năm suốt tháng đau nhức chỗ này chỗ kia, khổ sở vô cùng hoặc nằm trên giường bệnh suốt nhiều năm tháng, chết không chết, sống không sống, đại tiểu tiện một chỗ, chịu hôi chịu thối của chính bản thân mình v.v.. Thật là đầu đội chậu máu, đít ngồi bàn chông.

6/ Để chỉ cho cõi súc sanh có hai phần:

- Phần thứ nhất: là chỉ cho những con người mang hình dáng con người mà tâm địa súc sanh.

- Phần thứ hai: là chỉ cho các loài vật hiện có mặt trên hành tinh này.



ĐẠO PHẬT CHỈ CÓ MỘT Đấng GIÁO CHỦ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con có nghe nhiều, thấy nhiều kinh sách nói về Phật A Di Đà, Phật Di Lặc, Hội Long Hoa, v.v.. con không hiểu, kính xin Thầy giảng để chúng con hiểu.*

Đáp: Phật A Di Đà là do các nhà Đại Thừa dựng lên để xây dựng thế giới siêu hình Cực Lạc Tây Phương tưởng, nhất là tưởng tượng và hy vọng “**Cực Lạc**” có nghĩa là rất vui, là nơi lý tưởng của các nhà Đại Thừa để sau khi chết họ sẽ về đó để hưởng hạnh phúc an lạc đời đời, kiếp kiếp.

Đức Phật Di Lặc cũng là một vị Thần trong kinh Vệ Đà mà các Tổ đã biến thành Giáo Chủ của Phật giáo trong thời vị lai.

Đức Phật Di Lặc là một đức Phật tưởng do các nhà Đại Thừa dựng lên, hy vọng ngày mai xây dựng một Phật giáo mới. Nói đúng hơn là lấy đức Phật Di Lặc đem lại niềm tin kinh điển Đại Thừa cho mỗi con người hơn.

Đức Phật Di Lặc đã được kinh sách Đại Thừa nói rất nhiều và kinh A hàm thuộc Hán

tạng cũng có nói đến, đó là những bài kinh gạch nối của các Tổ sau này soạn viết đưa vào, đó là một thâm ý nham hiểm của các nhà Đại Thừa, đưa đức Phật Di Lạc ra để làm một cuộc cách mạng Phật giáo lật đổ đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thay thế đức Phật Di Lạc làm Giáo Chủ Đạo Phật.

Hội Long Hoa, tức là cuộc cách mạng Phật giáo do các nhà Đại Thừa lãnh đạo, để mở màn cho đức Phật Di Lạc lên nắm quyền Giáo Chủ Phật giáo toàn bộ thì lúc bây giờ kinh sách Nguyên Thủy sẽ bị triệt tiêu (tức là đường lối giáo lý của Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ bị quét sạch).

Trong kinh sách Nguyên Thủy không bao giờ có nói đến đức Phật Di Lạc và trong hàng Thánh Tăng đệ tử của đức Phật trong thời điểm đó cũng không có ai tên là Di Lạc. Cho nên đối với kinh sách Nguyên Thủy tên Di Lạc là một tên xa lạ. Vậy mà sắp sửa lên nắm quyền giáo chủ Phật giáo, Xin quý vị Phật tử suy ngẫm.

Hội Long Hoa được xem như một cuộc trưng cầu dân ý bầu cử Đức Giáo Chủ mới cho Phật giáo. Các tôn giáo khác không hiểu dựa vào và bị ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa, do

đó tưởng ấm của con người này thể hiện qua **“cơ bút”** bằng cách lập lại cho biết ngày tận thế và hội Long Hoa sắp mở bày.

Riêng Phật giáo Nguyên Thủy không chấp nhận điều này:

*“Quá khứ không truy tìm
Vị lai không ước vọng
Chỉ có hiện tại thôi”.*

Ba câu kệ trên đây xác chứng Phật giáo Nguyên Thủy không chấp nhận những chuyện quá khứ và vị lai, chỉ biết sống trong hiện tại, vì thế quá khứ vị lai không cần biết đến, chỉ sống và làm mọi việc lành ngay trong hiện tại thì quá khứ và tương lai là hạnh phúc.

Biết Hội Long Hoa là một sự bịa đặt của các nhà Đại Thừa, chờ cơ hội thuận tiện nhất để mở một cuộc họp Phật giáo toàn thế giới, nếu tất cả tu sĩ Phật giáo Nam Tông đều rơi vào các pháp thiên tượng và chịu ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa thì cuộc lật đổ Phật giáo Nguyên Thủy đã bắt đầu, nhưng vì Phật giáo Nguyên Thủy còn có những người giữ gìn lời dạy của đức Phật nên Hội Long Hoa chưa triển khai được, vì thế các tổ chức Phật giáo kêu gọi

sự hòa hợp bằng cách thống nhất các hệ phái Phật giáo.

Hiện nay các tổ chức Phật giáo thế giới đều công nhận Đại Thừa Phật giáo là một hệ phái của Phật giáo, đó là một bước thắng lợi thứ nhất của Phật giáo Đại Thừa. Chờ đến khi các sư Phật giáo Nguyên Thủy Nam Tông chịu ảnh hưởng sâu đậm của giáo pháp Đại Thừa, và các sư Nam Tông Nguyên Thủy lần lượt tu tập sai pháp của Phật, do tưởng giải các Ngài rơi vào giáo pháp Đại Thừa mà không hay biết như thiền sư: Mahashi và A Chancha. Từ đó Phật giáo Nam Tông chỉ còn danh từ Nguyên Thủy, còn pháp môn tu tập là của Đại Thừa. Do đó, suy ra hiện giờ Phật giáo Nguyên Thủy gần như bị mất gốc, chỉ còn chờ một thời gian nữa cho chín mùi thì Hội Long Hoa ra đời thành lập một Phật giáo mới, Đức Giáo Chủ là đức Phật Di Lặc.

Đó là một thâm đồ sâu sắc của Bà La Môn giáo đã dựng lên đức Phật Di Lặc là có ý diệt trừ Phật giáo tận gốc, mà hầu hết các tu sĩ Phật giáo hiện giờ: Nam Tông lẫn Bắc Tông đều vô tình không thấy ý đồ thâm độc của Bà La Môn giáo ngày xưa.

Kinh sách nói về Phật Di Lặc và Hội Long Hoa là do các giáo sĩ Bà La Môn viết, soạn ra rồi đưa vào kinh sách Phật giáo, mạo nhận Phật thuyết, lợi dụng Phật giáo kết tập kinh sách chưa thành văn bản, nên lúc bấy giờ ai muốn thêm bớt sao cũng được và dễ dàng.

Cho nên, người nghiên cứu kinh sách Phật hiện giờ đều gặp phải khó khăn, vì những bài kinh này mâu thuẫn với những bài kinh khác, khiến cho chẳng biết đâu là lời Phật dạy chân chánh, đâu là lời giả. Ở trường hợp này chỉ đối gạt người chưa tu chứng, không thể đối gạt người tu đã chứng.

Vì thế, chúng tôi mạnh dạn lật tẩy bộ mặt thâm độc của Bà La Môn giáo để cho Phật tử và mọi người hiểu rõ.

Nếu bảo rằng quá khứ có bảy vị Phật thì khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi tu thì phải có đạo Phật. Cớ sao trong thời đó lại chỉ có Lục Sư ngoại đạo mà không thấy có cái tên Phật giáo?

Đến khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành chứng quả giải thoát thành lập tôn giáo Phật giáo, nhờ thế chúng ta hiện giờ mới có đạo Phật, mới có bốn chân lý: khổ, tập, diệt, đạo.

Trong thời đức Phật đi tu không nghe nói đến bốn chân lý này như vậy mà bảo rằng có đạo Phật ở quá khứ là sai, do người sau đặt ra thêm vào để mưu đồ lật đổ đức Phật Thích Ca mâu Ni.

Do thế mà thời tương lai có một người tên là Từ Thị hiệu là Di Lặc được suy tôn chức Giáo Chủ thay đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong tôn giáo mà cũng có những sự tranh giành vị trí lãnh đạo như các nhà vua phong kiến ở thế gian thường tranh giành ngai vàng.

Theo kinh sách Đại Thừa đạo Phật có ba vị Giáo Chủ:

- 1/ Bảy vị Phật giáo Chủ ở quá khứ.
- 2/ Một vị Phật giáo Chủ ở hiện tại là: Thích Ca Mâu Ni.
- 3/ Một vị Phật giáo Chủ ở tương lai là: Đức Phật Di Lặc.

Sự phân chia đạo Phật có ba thời gian Giáo Chủ như vậy chẳng khác gì như các vua quan phong kiến như đã nói ở trên. Ông vua này xuống đến ông vua khác lên thay. Mỗi ông vua cai trị đều có cách khác nhau. Giáo Pháp Đại Thừa cũng giống như vậy, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni đã trở thành Phật quá khứ

và giáo pháp của Người cũng lỗi thời vì thế mới gọi nó là **“Tiểu Thừa Ngoại Đạo”**.

Chúng ta thử xét qua Thiền Đông Độ, từ Tổ này dạy như vậy đến Tổ khác dạy khác như: **“Chẳng niệm thiện niệm ác, Vô tâm còn cách một lớp rào”** còn pháp thực hành tu thì có: giữ ông chủ, chặn trâu, biết vọng liền buông, tham thoại đầu, tham công án v.v.. Chỉ có một pháp không vọng tưởng mà tu hành lại chế ra nhiều pháp, nhưng pháp nào cũng chỉ là pháp ức chế tâm, tập trung tâm, để không niệm khởi, chứ không có pháp gì khác.

Còn nếu bảo rằng giáo pháp cần phải phát triển cho phù hợp với mọi hoàn cảnh và sự tiến bộ của loài người thì đó là phỉ báng đức Phật xem như đức Phật không thông suốt thời vị lai nên đã di chúc: **“Lấy giới luật và giáo pháp của mình làm Thầy, làm chỗ nương tựa tu hành vững chắc”**. Nếu đức Phật di chúc như vậy và bây giờ các Tổ Phát triển kinh sách như vậy thì chúng ta còn tin Phật nữa hay không?



TU HÀNH NÊN TRÁNH PHÁP ỨC CHẾ

Câu hỏi của Từ Tuệ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong đời sống của người cư sĩ, con nhận thấy phải tập dần cho bớt ăn bớt ngủ. Về ăn con nên giảm bữa ăn sáng trước hay bữa ăn tối trước, như thế nào tốt hơn?*

Khi đã quen hai bữa mà không yếu sức khỏe thì có thể giảm xuống một bữa ngay tại đời sống cư sĩ không?

Con đang chuẩn bị để tăng dần “hành trang” thuận lợi cho giai đoạn sống ở tu viện. Kính xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Muốn sống một đời sống Phạm hạnh thì phải sống đúng như lời dạy đức Phật dạy, thì phải hết sức tránh sự ức chế thân tâm.

Giáo pháp của đức Phật là giáo pháp xả tâm, nếu không khéo tu sai một chút xíu, hành lệch lạc thì sẽ bị ức chế tâm ngay liền. Hầu hết tu sĩ Phật giáo ngày nay tu sai lệch rơi vào pháp ức chế tâm mà không biết.

Sự giảm thiểu bớt bữa ăn, bớt giờ ngủ, tức là con phải thay thế bằng những việc làm khác có mục đích ly tham đoạn ác pháp để giúp tâm thanh thản, an lạc.

Ví dụ: Hằng ngày, 9 giờ chúng ta đi ngủ lúc bấy giờ chỉ cần thức thêm 5', 10' hoặc 30'. Trong lúc thức thêm thì chúng ta tu tập tỉnh thức và xả tâm trong khi đi kinh hành, vừa đi vừa tác ý nhắc tâm để xả tham, sân, si: ***“Quán ly tham tôi biết tôi đi kinh hành”***. Mới đầu tập bớt ngủ thì chỉ cần thức thêm 5' mà thôi rồi từ từ tăng dần lên 10', tu tập cho thuần thục trong 10', rồi mới tăng lên 15' đến 30'. Đó là cách thức tập bớt ngủ, bớt ngủ tỉnh thức trong chánh niệm thì rất có lợi làm giảm bớt tâm tham, sân, si, giảm bớt tâm tham, sân, si là tâm thanh thản, an lạc, giải thoát.

Ăn cũng vậy, buổi sáng mọi người đều có ăn điểm tâm. Ta có thể bớt ăn buổi sáng, ăn trưa và chiều. Vì trưa cả gia đình đều hội họp hoặc buổi chiều.

Muốn cho gia đình đầm ấm yên vui và hạnh phúc thì bữa ăn là bữa sum họp cả gia đình, có như vậy mới tìm thấy tình thân thương trong huyết quản.

Tùy theo sự có mặt đầy đủ mọi người trong gia đình thì chúng ta không nên bỏ bữa ăn đó. Nhiều khi trưa ở sở không về được chỉ có buổi tối mới có buổi ăn sum họp.

Muốn có sự yên vui của mọi người thì bữa ăn tối hoặc trưa là buổi họp mặt đầy đủ nhất, ta không nên vì sự tu tập mà làm mất sự sum họp của gia đình.

Vậy ba bữa ăn trong ngày con nên khéo léo chọn lấy bữa ăn, tạo hoàn cảnh sum họp gia đình yên vui và hạnh phúc. Chỉ một hành động nhỏ như vậy mà không cần nhắc kỹ lưỡng, khiến cho bữa ăn trong gia đình buồn tẻ.

Đạo Phật là đạo trí tuệ, đạo đức không làm khổ mình, khổ người, tạo cảnh tu tập cho mình mà luôn luôn làm cho mọi người vui mình vui, đó là tu thiện định xả tâm.

Thiền định xả tâm còn có tên gọi là **“Bất Động Tâm Định”**. Bất Động Tâm Định là đạo đức nhân bản – nhân quả làm người, là mục đích sống đời sống Phạm hạnh, là những oai nghi tế hạnh của những bậc Thánh Tăng, là mục tiêu của đạo Phật, cho nên người nhập Bất Động Tâm Định là người sống đầy đủ đức

hạnh làm người **“Không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai”**.

Người có bất động tâm định không có nghĩa là tâm họ trơ trơ như đá; người có bất động tâm định là người sống biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng với mọi người, với mọi hoàn cảnh, với mọi sự việc không làm chướng ngại mình, chướng ngại người; người có bất động tâm định là người sống trong trí tuệ nhân quả, ứng dụng nhân quả, chủ động điều khiển nhân quả, chuyển hóa nhân quả.

Tất cả những sự trau dồi thân tâm và tu tập thì phải tu tập từng bước một và phải sáng suốt trong khi tu tập, phải có nghị lực và bền chí, không nên tu tập vài ba hôm rồi nghỉ, mà phải tu tập liên tục có ý chí quyết liệt. Đừng nên lúc thích thì tu, lúc hết thích thì bỏ tu. Tu hành mà theo kiểu một nắng hai sương thì uống công lắm các bạn ạ!

Đời người trên thế gian này phải vạch ra cho mình một hướng đi rõ ràng, một cuộc sống có đạo đức làm lợi ích cho mình cho người và nhất là phải đạt được mục đích của hướng đi đó.



ĂN CHAY LÀM CÂY CỎ BIẾT ĐAU

Câu hỏi của Diệu Hiền

Hỏi: *Kính bạch Hoà Thượng! Con còn hai điều không biết rõ, xin Hoà Thượng chỉ dạy:*

1- Có người bảo rằng: “Ăn chay để tránh sự sát sanh, đau khổ, vậy cây, cỏ đang sống mình bẻ ngang ăn, nó cũng biết đau đớn vậy? Con không biết phải trả lời sao cho đúng với đạo đức nhân quả.

2- Có một số người nói: “Trứng gà công nghiệp dùng cho ăn chay được, tại vì nó không có kết hợp trứng mái?”.

Kính bạch Hoà Thượng! Những điều trên đây con chưa thấu hiểu. Ngưỡng mong Hoà Thượng dành chút thời gian quý báu để chỉ dạy cho con được rõ.

Con xin kính chúc cho Hoà Thượng và cô Út được nhiều sức khoẻ và ánh sáng chánh Phật pháp luôn lan tràn khắp hành tinh này.

Đáp: *Nếu con trả lời ngắn gọn thì nên hỏi lại: “Các bạn có bệnh thân kinh không? Chỉ có những người bệnh thân*

kinh mới có cảm tưởng cây cỏ biết đau khổ. Khi biết chúng đau khổ, sao bạn lại nhân tâm ần chúng?”.

1- Nói cỏ cây biết đau khổ là nói đúng, nhưng các bạn nhận ra sự đau khổ của nó bằng gì? Các bạn không chứng minh được cây cỏ đau khổ, chỉ nói trong tưởng thành các bạn nói sai. Khi muốn nói cây cỏ đau khổ thì phải nói có một sự chứng minh cụ thể các bạn ạ!

Khi ta bẻ ngọn, cắt cành, nhổ gốc, sao loài thực vật không kêu la, rên xiết, không giãy dụa phản ứng như loài động vật vậy?

Ý của các bạn trên đây là bạn sống trong tưởng tri, ***“tưởng cây cỏ biết đau khổ”***. Chứ các bạn không chứng nghiệm được sự khổ đau của nó. Các bạn sống trong tưởng như những nhà thơ, nhà văn...

Vì nhân quả khổ đau của chính mình mà ta không nỡ nhân tâm sống trên tiếng kêu la rên xiết, giãy dụa khổ đau của loài động vật.

Thực vật tuy có đời sống, có sự đau khổ như loài động vật, nhưng không kêu la, không giãy dụa, không máu đỏ v.v.. Vì thế, ta mới sống trong thực phẩm thực vật để không còn mắt thấy sự giãy dụa, máu đỏ, thịt rơi; để

không còn tai nghe tiếng kêu la, rên xiết của loài động vật trước khi tắt thở.

Các bạn có những lý luận này, là chính các bạn đã tự dối lòng mình, tự mâu thuẫn với sự sống của mình. Vì chính các bạn đang sống trong các loại thực phẩm động vật và thực vật mà các bạn có như thật biết chúng đau khổ đâu. Các bạn đâu có lòng thương yêu chúng, các bạn đang nhai nuốt chúng, đang nở nhần tâm chà đạp lên sự sống của chúng, các bạn chỉ nói lời ấy là để bác bỏ đạo đức hiếu sinh của người khác. ***“Mình sống không đạo đức hiếu sinh thì cũng muốn người khác sống không đạo đức như mình”***. Ý các bạn hỏi câu này là chỉ cho những người ăn thực phẩm thực vật cũng giống như ăn những người ăn thực phẩm động vật. Vì cả hai đều có sự đau khổ như nhau; ý các bạn hỏi câu này không phải các bạn thương yêu sự sống của muôn loài. Bởi vì các bạn đang sống bằng xương máu của động vật và thực vật.

Chúng tôi biết rất rõ tâm các bạn đều sợ đau khổ, sợ chết, đều ước mong có sự bình an, yên lành. Thế mà hằng ngày các bạn lại sống trong sự đau khổ của loài động vật, thực vật khác. Các bạn sống vui cười hạnh phúc trong

sự khổ đau của động vật và thực vật. Các bạn có biết không?

Các bạn có biết sự đau khổ không? Các bạn chỉ nói được bằng miệng, **“Cỏ cây cũng biết đau khổ”**, chứ các bạn có biết chúng đau khổ như thế nào đâu?

Ví dụ: Nếu có ai đánh đập, đâm chém và làm thịt các bạn thì các bạn nghĩ sao? Chừng đó các bạn mới nếm được mùi vị đau khổ như thật; chừng đó các bạn mới có buồn khổ, căm tức và thù hận kẻ làm đau khổ mình... Nếu các bạn hỏi được câu này thì các bạn đừng ăn thực phẩm động vật và thực phẩm thực vật thì sự sống của các bạn sẽ ra sao, các bạn có biết không?

Có lẽ các bạn là cỏ cây nên đã cảm thông với cỏ cây mà nêu ra những ý kiến này. Nếu các bạn thật sự là cỏ, cây, đất, đá thì chúng tôi không có ý kiến gì với các bạn cả, vì các bạn nói đúng. Còn chúng tôi nói cỏ cây có sự đau khổ là có sự chứng minh cho các bạn thấy cụ thể.

Còn các bạn là cỏ cây, đất đá... thật thì làm sao các bạn có ý kiến, có cảm giác của loài động vật. Những loài động vật có ý kiến là loài người các bạn ạ! Mà loài người thì sống phải

có đạo đức, có tình cảm, có lương tri, lương năng, có sự yêu thương nhau.

Các bạn là con người, sao gọi lên những ý tưởng không đúng sự thật **“cây cỏ biết đau khổ”**, cây cỏ biết đau khổ có bao giờ nói với các bạn chưa? Các bạn có thấy chúng đau khổ chưa? chúng biểu hiện sự đau khổ ấy như thế nào?

Các bạn giàu tưởng tượng, để bắt bí người khác không sống trong ảo tưởng như các bạn; để lôi kéo người khác vào sự khổ đau bằng chính những hành động ác của họ (nhân ác); để lôi kéo những người khác vào sự phá hoại sự sống trên hành tinh này, chứ nào bạn có thương yêu sự sống của muôn loài, bằng chứng bạn nói cỏ cây đều biết có sự đau khổ, nhưng bạn vẫn sống trên sự đau khổ không những loài động vật mà còn loài thực vật nữa.

Trên hành tinh này là hành tinh có môi trường sống, vì thế mọi vật luôn luôn phải biết bảo vệ sự sống của nhau, cỏ cây nuôi loài động vật, động vật phải biết bảo dưỡng cỏ cây thì môi trường sống càng ngày càng tốt đẹp hơn, do đó cỏ cây xanh tươi mát mẻ, loài động vật thương yêu nhau như anh em trong một nhà.

Ngược lại, hiện giờ loài động vật đang tự hoại diệt sự sống của nhau trên hành tinh này.

Thực vật để lại hoa trái và lá nuôi loài động vật, loài động vật thì biết chăm sóc bón phân, tưới nước cho loài thực vật. Thì bông, trái, lá là món ăn của loài động vật và loài động vật ăn hoài không hết. Ngược lại, con người và loài vật lớp ăn lớp diệt khiến cho cây cỏ cần cỗi khô chết, thậm chí người ta còn đốt rừng phá hoại sự sống của ngàn cây nội cỏ và còn ăn thịt lẫn nhau.

Ngàn cây nội cỏ là sự sống của loài động vật thế mà người ta còn huỷ diệt, huống là loài động vật thì làm sao mà không ăn thịt lẫn nhau. Con lớn ăn thịt con bé, con mạnh ăn hiếp con yếu. Đó là một hình ảnh bất công phi đạo đức trên môi trường sống này, trên hành tinh này, là một nỗi buồn đau của những người biết thương yêu sự sống của muôn loài.

Với những người này con nên trả lời đúng nhân quả:

Khi bạn biết nó đau đớn thì bạn đừng có ăn nó, còn chúng tôi chỉ biết loài động vật có sự đau đớn nên chúng tôi không ăn.

Bạn biết cây cỏ đau đớn mà bạn ăn nó, tức là bạn quá ác tâm, quá tàn nhẫn, mà người quá ác tâm, quá tàn nhẫn như vậy thì có khác chi là loài ác quỷ.

Còn chúng tôi biết cỏ cây có sự đau đớn, nên chúng tôi quyết chí tu hành để chỉ còn có một kiếp này nữa mà thôi. Vì có sự sống này là có sự khổ đau và chúng tôi không muốn thấy sự khổ đau nữa dù bất cứ loài động vật hay loài thực vật.



TRỨNG GÀ CÔNG NGHIỆP LÀ NHỮNG CHẤT BẤT TỊNH

Câu hỏi của Diệu Hiền

2- **7** rúng gà công nghiệp, người ăn chay có thể dùng được, vì không có sự đau khổ trong ấy: Nhưng ăn chay kiểu đó chỉ mới thực hiện được lòng thương yêu (lòng từ bi) chứ chưa thực hiện được sự thanh tịnh của thân, tâm.

Trong trứng gà, vịt có chất bất tịnh mùi tanh của nó.

Một người muốn nhập được thiền định làm chủ sự sống chết, mà thân tâm không thanh tịnh thì làm sao nhập định được?

Vốn trong thực phẩm động vật có nhiều chất độc và nhiều chất bất tịnh, vì thế người muốn tu tập để thân tâm thanh tịnh và giải thoát hoàn toàn thì phải ăn uống rau quả là tốt nhất.

Trứng gà, vịt là một chất bất tịnh, nên khi ăn nó, chúng ta cần phải có sự tư duy kỹ. Nếu sống để ăn thì nên ăn. Còn ăn để sống, để tu, để ly dục ly ác pháp, để thân tâm thanh tịnh, để thân tâm nhập được thiền định thì không nên ăn.

Do sự tu tập giúp cho thân tâm thanh tịnh, thì chúng ta còn phải tránh ăn năm loại rau kích dục và có mùi tanh hôi như: Hành, hẹ, tỏi, nén và rau bắp cá, hướng hồ là ăn trứng gà, vịt.

Thăm và chúc con vui mạnh, tu tập xả tâm tốt.



THẦN THÔNG

Câu hỏi của Pháp Huệ

Hỏi: Xin Thầy đọc “Á Châu Huyền Bí” và cho con biết về những Thần Thông ở đây có đúng hay là sai?

Đúng là như thế nào?

Sai là như thế nào?

Đáp: Sau khi đọc xong tập “Á Châu Huyền Bí” trong sách này phần đông là các Đại sư Yoga, họ là những người đam mê thần thông, nên rất chịu khó tu luyện để trở thành người siêu việt.

Riêng đối với bản thân của Thầy là một tu sĩ Phật giáo, tu tập chỉ có mục đích là tìm cầu sự giải thoát thân tâm, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, còn thần thông thì Thầy xem nó như trò ảo thuật khiến mọi người kính phục, chứ không ích lợi cho mọi người.

Một người tu sĩ Phật giáo chứng quả A La Hán, có đầy đủ năng lực thần thông và còn hơn các vị đạo sĩ Yoga nữa, nhưng họ không thị hiện. Trong tu luyện, họ cũng không tu

luyện thần thông, họ chỉ biết tu lìa ác pháp và tâm ham muốn, cho nên thần thông họ cũng lìa. Khi tâm lìa ác pháp và lòng ham muốn, thì năng lực thần thông của tâm họ thật là siêu việt, họ muốn làm một việc gì đều theo như ý.

Do lìa lòng ham muốn nên họ xem thần thông là thứ trò lừa bịp thiên hạ.

Những việc làm của các đạo sĩ Yoga trong sách chỉ là những việc làm sơ đẳng thần thông của đạo Phật.

Người tu sĩ đạo Phật khi chứng quả A La Hán còn làm những việc phi phạm gấp trăm ngàn lần, nhưng họ chẳng háo danh như các Đạo sĩ Yoga.

Pháp Huệ hãy trở về với con người thật của mình, con người toàn thiện, con người sống trong đạo đức không làm khổ mình, khổ người, chứ đừng nghĩ tưởng đến thần thông vì thần thông không ích lợi cho bản thân Pháp Huệ. Thần thông sẽ dẫn dắt con người vào danh, nhưng danh cũng là ác pháp. Hãy tránh xa, vô tình cầu thần thông, tức là cầu danh. Còn danh là còn trôi lăn trong lục đạo.

“Á Châu Huyền Bí” chỉ là một cuốn sách không có giá trị cho con người, nó chỉ là một

cuốn sách lý thuyết thần thông siêu, không có phương pháp thực hành, nó chỉ là một cuốn sách ghi lại những hiện tượng phô trương tài ba thần thông của các Đạo sĩ Yoga, nó chẳng giúp ích gì cho con, chỉ gây vào lòng đam mê của con mà thôi, chứ chẳng bao giờ con thực hiện được.

Thăm và chúc Pháp Huệ mạnh khoẻ an vui.



DIỆT TRỪ BẢN NGÃ

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con có vài điều chưa hiểu, xin Thầy từ bi chỉ dạy cho chúng con được rõ:

Con hiểu diệt trừ bản ngã là tâm quan trọng của việc tu. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, diệt trừ bản ngã là điều quan trọng trong Phật giáo. Nếu không diệt bản ngã thì không bao giờ có giải thoát.

Nói diệt ngã thì dễ mà hành diệt ngã thì khó, hành diệt ngã còn phải hành đúng pháp, đúng pháp như thế nào?

Đúng pháp là phải đúng Bát Chánh Đạo, ngoài Bát Chánh Đạo ra thì không có pháp nào tu tập diệt ngã được.

Các con nên lưu ý: đức Phật đã xác định trên Bát Chánh Đạo có những pháp môn tu tập rõ ràng và cụ thể. Đừng nên nghe ngoại đạo lừa đảo đưa những tà pháp không đúng chánh pháp như lời Phật dạy trong kinh sách Nguyên Thủy.

Đức Phật thường dạy chúng ta tu tập: ***“Thân này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta”*** hoặc dạy về thân ngũ uẩn: ***“Sắc uẩn này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Thọ uẩn này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Tưởng uẩn này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Hành uẩn này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Thức uẩn này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta”***. Khi chúng ta thường tác ý quán như vậy thì bản ngã của chúng bị diệt.

Khi Bàhiya tha thiết cầu Phật dạy pháp trên đường Phật đang đi khát thực. Ba lần Phật từ chối, nhưng ba lần Ông cầu thỉnh với lòng tha thiết. Vì thế, đức Phật dạy ngay bài kinh diệt ngã trên đường đang đi xin ăn: ***“Này Bàhiya, Ông cần phải học như sau: “Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri”. Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng này Bàhiya, nếu Ông, trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri”. Do vậy, này Bàhiya. Ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau”.*** (Tiểu Bộ kinh tập 1 Trang 128).

Khi nhận ra sáu căn, sáu thức này không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta thì ngay đó bản ngã đã được diệt và bản ngã đã được diệt thì sự giải thoát ở chỗ đó.



DIỆT TRỪ BẢN NGÃ LÀ CHỨNG ĐẠO

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Như vậy có phải người đã diệt sạch được bản ngã, là vị đó đã vượt qua được một giai đoạn dài trên con đường tu chứng của vị đó. Có phải không thưa Thầy?

Đáp: Diệt sạch được bản ngã là vị đó đã chứng đạo, đã tu xong, chứ không phải còn ở trên đường đang tu tập nữa.



ĐỜI KHỔ LÀ DO CHẤP NGÃ

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: Kính xin Thầy giảng rộng cho chúng con được rõ tâm quan trọng của diệt trừ bản ngã.

Đáp: Do người ta chấp có cái ngã chân thật của mình, vì thế khi làm việc gì đều làm cho ngã, làm danh, làm lợi, làm hơn thua,

ganh ghét, tị hiềm, hờn giận đều là vì cho cái ngã của mình v.v.. Nói chung về cuộc sống của con người, là một cuộc sống chấp ngã, sống cho ngã, làm cho ngã v.v.. Buồn vui, khổ đau hay phiền lụy đều do chấp ngã. Cho nên, cái ngã có tầm quan trọng trong cuộc sống của con người rất lớn không thể nghĩ lường.

Cho nên, sự diệt ngã có một tầm quan trọng rất lớn của một đời người tu sĩ theo Phật giáo. Nếu tu đúng chánh pháp của Phật thì mới diệt được ngã, bằng tu sai pháp thì vô lượng kiếp chẳng diệt được ngã mà còn nuôi lớn ngã thêm lên, bằng chứng các con nhận thấy tu sĩ và cư sĩ Phật giáo hiện giờ đang sống cho ngã, đang nuôi ngã, đang phục vụ cho ngã, đang làm tô tở cho ngã, họ là những người nô lệ cho ngã v.v.. Lời Thầy dạy như vậy các con xét có đúng không?

Mọi người trên hành tinh này đều khổ vì chấp ngã, ngã đã giết chết họ từng giây từng phút, nếu không có ác pháp thì thôi, mà có ác pháp tác động thì ngã hiện ra rõ ràng dưới mọi hình thức. Cho nên, đạo Phật còn gọi là đạo vô ngã, vì vậy người tu theo Phật giáo là phải diệt ngã hàng đầu. Mọi pháp tu tập đều

nhắm vào chỗ diệt ngã xả tâm, ly dục lý ác pháp.



PHƯƠNG PHÁP DIỆT NGÃ

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi diệt ngã thì phải diệt bằng cách nào?*

Đáp: Như chúng ta đã biết ngã có tầm quan trọng rất lớn như vậy thì diệt ngã không phải là một việc dễ làm. Vì thế, trước Phật và sau Phật không có pháp nào diệt ngã được, chỉ có Phật pháp mới diệt được ngã mà thôi. Ngoài giáo pháp của Phật ra thì không còn có giáo pháp nào diệt được ngã. Chúng tôi nói lời này là lời nói đúng, nói không sai, vì xét qua tất cả lịch sử văn minh của loài người không có phương pháp nào giúp con người thoát khổ, diệt ngã. Phải không các bạn?

Tại sao chúng ta nói trước Phật sau Phật không có pháp nào diệt được ngã?

Khi Đức Phật đi tu và tu tất cả các pháp của ngoại đạo trong thời đó, Ngài đã không

tìm được pháp nào diệt được ngã, vì thế Ngài phải tự tìm ra một lối tu tập và cuối cùng Ngài diệt được ngã. Đó là **“Bát Chánh Đạo”**. Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất trên thế gian này diệt được ngã, vì nó là chương trình đào tạo đạo đức nhân bản – nhân quả làm người, sống không làm khổ mình, khổ người. Chính thế nó đã diệt được ngã ác pháp và nó tồn tại với ngã thiện pháp. Cho nên, các bạn đừng lầm tưởng diệt ngã để trở thành cây đá đùng ngơ thì đó là diệt ngã sai lầm lớn.

Tại sao chúng ta nói sau đức Phật không có pháp tu tập nào diệt được ngã?

Từ khi đức Phật nhập diệt đến nay ta chưa từng nghe thấy biết có một vị tu sĩ Phật giáo nào sống đúng Phạm hạnh như Phật, vì thế mà ta biết rằng: Sau đức Phật không có pháp diệt ngã, vì pháp Phật đã bị pha màu sắc của ngoại đạo.

Cho nên, người ta nói vô ngã thì không biết bao nhiêu là kinh sách đã nói và để lại cho đời, như rừng, như núi, nhưng tìm một cuốn kinh sách để tu tập diệt ngã thật sự thì rất là khó khăn vô vàn.

Muốn diệt được ngã như chúng tôi đã nói ở trên thì chỉ có **“BÁT CHÁNH ĐẠO”**, nhưng

đừng tu theo Bát Chánh Đạo lai căng của Đại thừa thì muôn đời ngàn kiếp cũng khó diệt được ngã.



KẾT QUẢ DIỆT NGÃ NHƯ THẾ NÀO?

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi đã diệt được ngã thì kết quả ra sao? Con nhận thấy người tu thường vướng phải chổ này, bằng chứng là sau những cuộc thử thách của cô Út thì các vị đó phải ra đi do diệt trừ bản ngã chưa sạch có phải không thưa Thầy?*

Đáp: Một người tu sĩ và cư sĩ khi diệt trừ được ngã thì tâm họ như đất dù ai có đổ các chất bẩn trên đất thì đất cũng không buồn phiền, và nếu ai có đổ vàng ngọc trên đất thì đất cũng chẳng mừng vui.

Người diệt được ngã là người sống trong trạng thái tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm định trên thân, tâm định trên thân là tâm bất động, tâm bất động là

một trạng thái “**Diệt Đế**”, tức là một chân lý trong bốn chân lý của đạo Phật.

Những người tu sĩ và cư sĩ bị cô Út thử thách bỏ ra đi là những người không diệt ngã vì họ là người tu sai pháp, không chịu xả tâm mà tu ức chế tâm vì tu cách đó là nuôi ngã.



Ý THỨC THANH TỊNH

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi tư duy quán xét thì phải sinh trí tuệ. Trí tuệ đó có phải thuộc về ý thức thanh tịnh không thưa Thầy?*

Nếu là ý thức thanh tịnh thì cần phải lưu giữ và phát triển, như vậy thì ý nào phải dừng lại? Có phải là những ý niệm lăng xăng phóng dật không thưa Thầy?

Đáp: Sự tư duy quán xét không phải là trí tuệ, vì trí tuệ phải phát sanh từ thiên định, nhưng bây giờ các con chưa có thiên định, sao lại gọi ý thức là trí tuệ được?

Sự tư duy quán xét thì ý thức đó được gọi là tri kiến mà thôi, cho nên Phật dạy: **“Tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó, giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó”**. Những tu sĩ và cư sĩ phạm giới phá giới là những tu sĩ và cư sĩ không có tri kiến Phật pháp, mà họ có tri kiến phàm phu tục tử, nên chỉ những tu sĩ và cư sĩ này chạy theo dục vọng vật chất thế gian.

Phật dạy tiếp: **“Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”**. Cho nên, ý thức thanh tịnh là nhờ giới luật, ngoài giới luật ra thì không có pháp nào làm thanh tịnh ý thức. Vậy ý thức thanh tịnh là ý thức của giới luật. Những tu sĩ và cư sĩ này chạy theo dục lạc vật chất thế gian chùa to Phật lớn tiền nhiều là những tu sĩ và cư sĩ ý thức không thanh tịnh.

Ý Thức thanh tịnh cũng chưa được gọi là trí tuệ, ý thức thanh tịnh chỉ được gọi tri kiến giải thoát.



Ý THỨC CÓ MẤY LOẠI?

Câu hỏi của Diệu Thanh

Hỏi: *Kính xin Thầy giảng cho chúng con được rõ về ý thức có đến mấy loại? Và ý nào cần phải phát triển ý nào cần phải dừng? Kính xin Thầy từ bi chỉ dạy.*

Đáp: Có hai loại ý thức:

1/ Ý thức thiện.

2/ Ý thức ác.

Ý thức thiện cần phải phát triển.

Ý thức ác cần phải ngăn diệt

Theo kinh Tứ Chánh Cần Phật đã dạy: **“Ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện”**. Kinh Pháp Cú Phật dạy: **“Các pháp ác chớ làm, nên làm các pháp thiện”**.

Nhờ biết được ý thức có hai loại nên Đức Phật mới dạy chúng ta tu tập luôn luôn phải ngăn và diệt ý thức ác, không được nuôi dưỡng và tăng trưởng nó, khi nó đến thì phải diệt tức khắc ngay liền, diệt sớm chừng nào tốt chừng nấy, vì càng diệt sớm thì tâm càng được giải thoát sớm, sớm phút nào tốt phút nấy. Bởi vì

đạo Phật là đạo giải thoát mà để pháp ác trong tâm thì làm sao được gọi là tu theo đạo Phật. Đó chính là mục đích pháp hành của đạo Phật là vậy.

Pháp hành như vậy được đức Phật gọi là phương pháp tu tập thiền định (Định tư cụ). Vậy pháp tu tập thiền định của đạo Phật là pháp ngăn diệt ác pháp trong tâm. Khi nào không còn ác pháp trong tâm thì người ấy nhập định, chứ không giống như loại thiền định ức chế tâm của tà giáo ngoại đạo.

Ý thức thiện vô lậu của đạo Phật thì không ngoài tâm thanh thản, an lạc và vô sự, vì thế đức Phật bảo phải tăng trưởng và kéo dài ra cái ý thức này. Đó là một phương pháp tu tập giải thoát tuyệt vời mà không có một pháp thiền nào sánh kịp. Chính ý thức thanh thản, an lạc và vô sự là trạng thái sung mãn của Tứ Niệm Xứ; là trạng thái bất động của thân tâm không bị một ác pháp nào tác động vào được. Con đường tu hành theo Phật giáo chỉ cần chứng đạt được chân lí này cũng đủ mãn nguyện cho một đời tu tập của chúng ta không uổng. Hãy cố gắng lên các bạn ạ! Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Phật pháp không

khó vì tu tập, mà khó vì lòng người chẳng muốn lìa tham, sân, si.

Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì?

Thở ra chẳng lại còn chi nữa.

Vạn pháp vô thường buông xuống đi!

Đời người là như vậy, có buông bỏ hay không buông bỏ, mọi vật đều buông bỏ chúng ta mà đi. Ngày mai khi xuôi tay vào lòng đất thì chúng ta mới thấy Phật pháp là chân thật, không lừa đảo ai hết. Phải không các bạn?



CÁC HÀNH CÓ ÁC VÀ THIỆN

Pháp Thoại

1/ **7** trong các hành có thiện và có ác, khi người khởi một ý niệm ác hoặc một hành động ác là đã gieo một từ trường ác trong không gian.

Trong không gian liên tục tiếp nhận những từ trường thiện và những từ trường ác. Do đó, khi có một cơn mưa hay một cơn bão lụt

cũng là do nhân quả thiện ác của những từ trường đó tạo thành.

2/ Thân là vô thường nên phải có bệnh đau, do có bệnh đau nên thân mới hoại diệt. Thân bệnh, đau và hoại, diệt đều do nhân quả thiện ác của mình tạo tác.

Bởi vậy chúng ta hằng ngày phải tu tập tỉnh giác chánh niệm. Tu tập chánh niệm tỉnh giác để làm gì?

Để tỉnh giác trên từng hành động thân, miệng, ý của chúng ta và như vậy ta đã làm chủ được đường đi của nhân quả; để tỉnh giác trên từng các pháp chung quanh ta và như vậy ta mới hàng phục được chúng; để tỉnh giác trên từng tâm niệm của ta và như vậy ta mới khắc phục được những nỗi ưu phiền trên tâm; để tỉnh giác trên từng thân hành của ta và như vậy ta mới khắc phục được những sự đau đớn bệnh tật trên thân ta. Nhờ có tỉnh giác như vậy thì ta mới làm chủ được các hành. Làm chủ được các hành là làm chủ được nhân quả thiện ác. Làm chủ được nhân quả thiện ác là làm chủ được sanh, già, bệnh, chết. Làm chủ được sanh, già, bệnh, chết là chấm dứt sự khổ đau của kiếp sinh ra làm người. Đó là mục đích của đạo Phật, chứ không phải kiến tánh thành

Phật hay niệm Phật để cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương. Xin các bạn lưu ý: đạo Phật ra đời là đem lại cho mỗi con người có đạo đức sống không làm khổ mình, khổ người, nhờ đó xây dựng cho đời đẹp đẽ hơn. Phải không các bạn?



TÂM SẮC DỤC

Pháp Thoại

1) Tâm sắc dục rất nguy hiểm, người tu nếu không xả được khi tâm sắc dục để nó khởi lên, người đó sẽ lỏng lộn lên như con trâu điên khó kìm giữ, có thể lời nói và hành động bất nhã còn hơn người chưa tu.

Muốn xả tâm sắc dục, người tu phải thường quán thân bất tịnh, phải biết phòng hộ sáu căn, phải ly dục ly ác pháp và dùng câu tác ý diệt tâm sắc dục khi nó vừa móng khởi lên từ trong ý niệm.

2) Người tu phải xả tâm phân biệt trọng nam khinh nữ. Tuy 2 hình thể nam nữ khác nhau nhưng tâm thể thì tương đồng.

Tâm không hình tướng thì nào phân biệt được nam hay nữ?

Do đó, nếu người nữ quyết tâm tu giải thoát, nghiêm túc giữ gìn giới luật, biết phòng hộ 6 căn, phải ly dục ly ác pháp, không vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào thì sự chứng đắc cũng y như người nam vậy.

3) Phải xả tâm tỉnh thức, khi bất chợt có người hỏi thì phải nhạy bén đối đáp, không thể ngờ ngờ mất tỉnh thức được.

Phải luôn luôn quán tâm, khi tâm thanh thản biết tâm đang thanh thản, khi tâm khởi niệm biết tâm đang khởi niệm, thì dùng câu pháp hướng đánh bật niệm khởi xuống rồi, buông niệm, buông luôn câu pháp hướng không được ôm giữ khư khư câu pháp hướng, có nghĩa là quán xét xả tâm trong trạng thái câu pháp hướng đó, chứ không phải niệm pháp hướng.

Xong rồi để tâm trở về trạng thái bình thường, thanh thản, an lạc và vô sự.

4) Người tu thiền phải thận trọng về âm thanh, khi ngồi thiền nghe tiếng chim hót hoặc những tiếng hay lạ khác mà đắm chìm trong âm thanh đó thì sẽ bị hư nhĩ căn, người tu thiền phải luôn luôn cảnh giác.

5) Người nữ tu phải xả tâm phân biệt nam nữ.

Khi tiếp xúc với người nam phải biết vượt qua những thường tình nữ tính, phải dũng mãnh tự xem mình là người nam như họ để không còn e thẹn không còn rụt rè, để tâm không bị dao động về những ý niệm, những cảm thọ về ái dục. Và nhất là không nhận sự giúp đỡ, thọ ân của họ. Vì thọ ân thì tâm dễ sanh ra ái dục.

Tiếp xúc với người nam hay nữ với một tâm hồn vô tư trong sáng. Do đó, không thể phạm giới, giữ trọn vẹn đức hạnh của một người chơn tu.

6) Dừng cái ý có nghĩa là ý khởi niệm gì thì không duyên theo ý niệm đó, nếu duyên theo ý niệm đó là hành động theo dục, nó sẽ đưa đến hại mình, hại người và hại cả hai.

Ví dụ: Thấy người làm sai một điều gì thì không được nói, không được nhắc nhở họ, chỉ có thể nói cho Thầy biết để sửa đổi họ mà thôi. Do đó, tâm không duyên theo cảnh mà khởi động. Tại vì mình còn đang tu tập nên dù có nhắc họ, nhưng họ cũng không nghe theo.

7) Sống trong Tu Viện mọi người phải giữ hạnh độc cư nên không được nói chuyện với nhau. Nói chuyện sẽ có nhiều bất lợi trong việc tu có hại cho mình và cho người, làm động mình, động người.

Thứ nhất, nói chuyện thì tâm duyên theo cảnh không nhiếp tâm trong thiền định xả tâm được. Không tỉnh giác trong lúc đang làm việc, lúc đang đi đứng. Vì vậy tâm thường phóng dật.

Thứ hai, nói chuyện dễ sanh kết bạn, kết phe nhóm, nói xấu người này người kia làm động trong chúng, rối loạn trong tu viện. Đó là điều không lợi ích, là sự tai hại cho mình, cho người.

Vì vậy, người tu hành phải giữ hạnh độc cư cho đúng, không được nói chuyện, chỉ nói những điều cần thiết mà thôi.

8) Người tu phải luôn diệt trừ tâm ngã mạn. Bản ngã càng nhỏ bé thì con đường tu càng tiến bộ.

Khi bản ngã khởi lên thấy mình hơn người thì phải tự quán xét mình và tác ý: ***“Mình hơn người này, nhưng còn nhiều người khác hơn mình, mình phải bỏ cái***

tâm ngã mạn đó đi". Và khi thấy người hơn mình thì không sanh tâm ganh ghét đố kỵ. Đó cũng là một thứ ngã mạn.

Khi quán xét và tác ý như vậy thì người đó dần dần sẽ xả được tâm ngã mạn.

9) Người tu tập phải tự rèn cho mình có ý chí tự lập, việc gì mình cũng có thể làm được, không có tính ỷ lại vào người khác.

10) Khi gặp ác pháp đến người tu phải tự xét hỏi: ***"Ác pháp đến ta phải làm gì? Không lý ác pháp đến ta lại cột mình vào ác pháp, phải sống trong ác pháp hay sao? Phải biết xả, xả cho thật sạch, không còn một chút ác pháp nào dính mắc trong tâm ta được"***.

11) Những người đạo cao chức trọng và những người kiến thức sâu rộng hoặc giàu có hơn người khác mà không xả tâm được thì bản ngã càng ngày càng to lớn theo đạo cao chức trọng, sự hiểu biết và sự giàu sang của họ, thì con đường tu của họ không đi đến đâu cả.

Người tu mà xả được bản ngã thì không thấy mình hơn người, không thấy mình đạo cao chức trọng, đi đến đâu gặp người tiếp đón

ân cần nông hậu thì không mừng, nếu gặp người tiếp đón lơ là thì cũng không buồn.

12) Hằng ngày ta phải tập ngăn ác diệt ác, khi ý khởi làm cái này muốn cái kia ta phải chủ động dùng pháp hướng để điều khiển cái ý, không để lệ thuộc theo ý.

Khi ta điều khiển ý được thuần thục đến lúc bệnh đau hoặc trước giờ lâm chung, ta giữ được tâm thanh thản, an vui. Nhờ đó tâm được an nhiên tự tại ra đi do sức tự lực điều khiển ý của mình, chứ không phải dùng tướng lực.

13) Người tu khi làm một việc gì thì phải tùy thuận, bằng lòng theo ý của mọi người khác, không được tùy theo ý mình mà làm, phải tỉnh thức và tự lực trong việc làm, như vậy tu mới tiến bộ được.

14) Tâm dục do từ nơi ý khởi lên, vì vậy phải ngăn ác diệt ác thì sẽ không còn thấy ham thích, không còn muốn hơn thua tranh chấp.

Ngăn ác diệt ác thì tâm phát khởi sáng, nhận thức đúng những sự việc của mình của người mà không bao giờ lầm lạc.

15) Người tu cần phải có ý chí kiên nhẫn, chịu đựng khắc phục những khó khăn, để dừng

mãnh vượt qua, quyết chí cố tiến lên, chứ không lùi bước trước một khó khăn, một trở ngại nào.

16) Hằng ngày chúng ta phải quan sát và chủ động điều khiển ý thức.

Khi gặp chuyện buồn ta biết đó là ác pháp, ta tác ý cho chuyện buồn rơi rụng xuống, tâm ta trở lại thanh thản, bình thường hoặc gặp chuyện mừng vui thì tâm ta vẫn bình thản không mừng, vì mừng vui hoặc buồn khổ quá độ sẽ khiến ta mất tự chủ, ảnh hưởng không tốt đến việc tu.

17) Người tu khi ăn một món ngon muốn ăn thêm nữa thì phải biết rằng: Đây là tâm tham vẫn còn nên tác ý chủ động điều khiển ý tham ấy dừng lại: ***“Bao nhiêu đó đủ rồi, không còn tham ăn nữa”***.

Nếu thấy ăn ngon, vẫn ăn cho thỏa thích như người thế gian thì còn gì đạo hạnh của người tu.

Xả tâm sân giận cần có tình thương đi đôi thì xả tâm nhanh chóng và dễ dàng. Nếu thiếu tình thương trong đó mà thêm cái ghét thì rất khó xả. Có tập xả thì cũng xả tâm trong sự ức chế mà thôi.

Vì vậy, người tu tập hằng ngày nên rèn luyện cho mình có cái tâm thương tất cả mọi người, nên nhìn thấy cái tốt của mọi người mà thương. Trước sau không còn một người nào mình ghét thì sự tu tập xả tâm mới tốt được.

19) Khi mình làm được điều gì có lợi ích cho đời, cho người thì nên âm thầm im lặng không nói cho ai biết, có người hỏi cũng không nói. Nếu nói cho người biết là tâm danh còn, nó làm cho bản ngã càng thêm lớn, rất có hại cho người tu. Vì vậy, người tu hành cần nên cảnh giác trong lời nói của mình suy xét cho kỹ rồi mới nói.

20) Người tu luôn luôn quán xét tâm mình, nếu thấy có làm điều gì lỗi lầm thì tự răn mình sửa đổi không nên đổ lỗi cho người này người kia, là tu sai rồi. Phải nhìn thấy lỗi mình trước, chứ đừng nhìn thấy lỗi của người.

21) Khi gặp ác pháp thì ta phải tư duy quán xét cho tận nguồn gốc, ta có làm điều gì lỗi hay không? Khi đã nhận ra lỗi lầm thì xả cho thật sạch, không còn một chút buồn giận nào dính mắc trong tâm ta nữa.

Lúc đang buồn giận vì bị la rầy mà vào thất đọc sách hay nghe giảng thì buồn giận sẽ

lướt qua trong sự ức chế đè nén là đào lấp sự buồn giận chứ không phải là xả tâm.

Muốn xả tâm cho rốt ráo ta phải đào bứng cho tận gốc rễ sự buồn giận bằng cách tư duy quán xét nhận cho ra lỗi lầm là thiếu sự tùy thuận, rồi dùng câu tác ý mà xả cho sạch và diệt bản ngã bằng sự sám hối, nói lời xin lỗi.

22) Không dính mắc vào sự khen chê có nghĩa là khi có người khen mình, mình không khởi tâm vui mừng vì mừng vui thì bản ngã càng lớn là tâm danh còn. Và khi bị người chê, thì ta không buồn giận, nhưng phải quán xét ta có làm điều gì sai quấy hay không mà bị người chê. Nếu có sai quấy lỗi lầm thì tự răn, mình sửa đổi, còn nếu không có lỗi lầm thì an nhiên tự tại trước lời khen chê, phải tự tin nơi mình.

23) Khi nghe có người nói xấu mình một điều gì thì đừng vội tin, vì tin liền là mình mất tự chủ, mà phải suy xét cho kỹ nếu đúng thì ta tự răn mình và sám hối, sửa đổi. Còn nếu lời nói sai thì ta xả, không quan tâm tới nữa.

24) Trong sự giao tiếp sinh hoạt hằng ngày, sự quán xét tư duy là quan trọng. Nếu thiếu quán xét thì công việc dễ bị lệch lạc, dễ bị hư hao thất bại. Vì vậy, người tu hành cần

phải thường xuyên quán xét, quán xét tâm niệm, quán xét sự việc để tâm lúc nào cũng ở trong trạng thái tỉnh thức qua lời dạy của Thầy và những thử thách trên bước đường tu tập.



ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con tu tập như sau: “Hít vào tôi biết tôi hít vào, thở ra tôi biết tôi thở ra”. Vừa nhắc thầm câu pháp hướng trên đồng thời cũng vừa hít vô đến khi hơi thở dứt thì câu pháp hướng cũng vừa đủ. Câu pháp hướng đồng một lúc với hơi thở ra, vô tùy theo đặc tướng hơi thở của mỗi người dài hay ngắn mà chọn câu pháp hướng phù hợp, với chiều dài hơi thở, nếu câu pháp hướng dài quá mà hơi thở của mình ngắn quá thì phải kéo dài hơi thở thêm một chút nữa như vậy nó mất đi tính tự nhiên của hơi thở bình thường, con hiểu như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Người mới tu tập thì pháp hướng tâm đi liền với hành động hít thở ra vô, để dễ nhiếp tâm. Nhưng khi chuyên sâu vào hơi thở cho đúng theo phương pháp Định Niệm Hơi Thở thì pháp hướng tâm phải đi trước rồi hành động thở sẽ theo sau, cho nên trong bài kinh Thân Hành Niệm Đức Phật dạy về hơi thở “**sẽ**” hít vô “**sẽ**” thở ra. Chữ “**sẽ**” có nghĩa là tác ý trước khi hít thở.

Trong khi tu tập hơi thở thứ năm dứt, ta nín thở tác ý. Sau khi tác ý xong ta mới hít vô và thở ra. Đúng năm hơi thở lại tác ý một lần, cứ tu tập như thế cho đến hết giờ.

Về hơi thở các bạn nên lưu ý nó là thân hành nội, khi thở không đúng cách nó có thể gây rối loạn nội tạng của các bạn như: hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, bài tiết v.v..

Muốn tu tập hơi thở phải được một vị Thầy có kinh nghiệm tu chứng đạt chân lý dạy thì mới được phép tu tập, còn không thì các bạn nên tu tập tỉnh giác chánh niệm tức là đi kinh hành. Chánh niệm tỉnh giác đi kinh hành có bốn giai đoạn tỉnh thức xin hẹn lại các bạn khi nào tu tập chánh niệm tỉnh giác thì chúng tôi sẽ trực tiếp chỉ dạy cho. Còn về pháp môn hơi thở có 16 đề mục, mỗi đề mục của hơi thở

là một pháp môn tu hành để đối trị thân tâm, khi bị các ác pháp tác động.

Định Niệm Hơi Thở là một pháp môn diệt ác pháp rất tuyệt vời. Vậy các bạn hãy tu tập cẩn thận kỹ lưỡng từng đề mục, khi nào tu tập đề mục này có kết quả rồi mới tu tập tới đề mục khác.

Tu tập về Định Niệm Hơi Thở có lợi ích rất lớn trên đường ly dục ly ác pháp để đạt được cứu cánh.



ƯỚC NGUYỆN LOÀI VẬT NHỎ BÉ ĐƯỢC SINH LÀM NGƯỜI

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Mỗi buổi sáng con thường quét sân, dù có cẩn thận cách mấy cũng không thể tránh khỏi sự vô tình giẫm đạp lên loài chúng sanh nhỏ bé dưới đất, những lúc như vậy trong lòng con rất ray rứt, xót xa cho loài kiến, sanh ra làm loài thân phận thấp bé, mạng sống mong manh nhiều*

khi con không muốn quét mà chịu khó ngồi lượm từng chiếc lá như vậy mình giảm bớt sự chết chóc của loài kiến vì mỗi đợt chổi quét đi thì vô số sanh mạng nhỏ nhoi này đau đớn giãy dụa.

Làm sao để phá tâm trạng ray rứt này. Vì con hàng ngày phải quét sân dọn dẹp nhà cửa. Xin Thầy cho con một lời khuyên.

Đáp: Nếu tâm từ con đã thực hiện được là rất tốt. Vậy mỗi khi làm việc gì, chỗ nào có kiến và côn trùng nhiều thì con nên tránh bằng cách lượm lá chứ không nên quét, chỗ nào không có côn trùng thì con quét.

Tâm từ giúp con có nhiều tiến bộ trong sự tỉnh giác, nhờ sự tỉnh giác đó mà con ly dục ly ác pháp dễ dàng hơn. Muốn phá tâm ray rứt này khi làm việc con nên cẩn thận và kỹ lưỡng từng hành động đó cũng là cách tu tập tỉnh thức tốt nhất. Và cũng nhờ đó mà từng việc làm con đều rất cẩn thận kỹ lưỡng; và cũng nhờ đó mà tâm từ bi con phát triển mạnh; và cũng nhờ đó mà tâm tỉnh thức mỗi ngày một gia tăng, gia tăng đến khi tâm định tỉnh hoàn toàn.



ỨC CHẾ

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong lúc tu Định Niệm Hơi Thở, dọc sống mũi luôn có cảm giác và vùng trán căng như vậy là ức chế hơi thở phải không thưa Thầy? Làm sao khắc phục tình trạng này?

Đáp: Nếu có cảm giác tê tê nặng đầu, hay căng đầu là do tu tập sai pháp, do dùng hơi thở ức chế tâm, chứ không phải tu Định Niệm Hơi Thở. Vì Định Niệm Hơi Thở là phương pháp dẫn tâm chứ không tập trung ức chế tâm như các loại thiền khác để hết vọng tưởng. Con nên tu tập lại cho đúng cách, nhẹ nhàng dẫn tâm như ru con ngủ sẽ khắc phục được. Nếu vì đã tu tập pháp ức chế tâm quen, nên mỗi khi nhiếp tâm vào hơi thở là có cảm giác căng đầu thì con nên xả bỏ không tu tập về hơi thở nữa, mà tu thân hành ngoại như đi kinh hành tập tỉnh thức nơi bước đi, nếu chú ý bước đi mà bị căng đầu nữa thì con tu Tứ Niệm Xứ, tức là ngồi kiết già quan sát bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp, thấy có chướng ngại gì trên đó thì tác ý xả bỏ, tác ý chùng nào chướng ngại pháp đó

rời khỏi bốn chỗ đó mới thôi. Pháp tu tập này không có căng đàu, vì không có đối tượng để tập trung tâm. Tu tập như người vô sự, an nhàn, chỉ khi nào có chướng ngại pháp mới dùng tri kiến tác ý để giúp cho thân tâm thanh thản an lạc và vô sự.



TÁC Ý PHÁP CẢM THỌ

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi thân có một cảm thọ đau xuất hiện, con hướng tâm đuổi nó đi, mỗi lần hướng tâm xong con để cho tâm nó lặng đi khoảng năm hoặc mười hơi thở con lại tác ý tiếp, hay con phải hướng tâm liên tục?*

Đáp: Khi thân có cảm giác thọ đau thì nên tác ý liên tục để tâm ôm chặt pháp hơi thở mà quên đi thọ khổ. Trong Định Niệm Hơi Thở Đức Phật dạy: Khi thân bị thọ khổ thì nên hướng tâm nhắc **“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”**. Cứ nương theo hơi thở mà dẫn tâm như vậy thì sẽ không còn đau khổ nữa.

Nhưng con phải thiện xảo dùng câu pháp hướng nhẹ nhàng, êm ái theo nhịp của hơi thở ra, vô như người mẹ ru con theo nhịp đung đưa của chiếc võng. Đó là người mới tu, còn người tu lâu thì trạng thái thân an tịnh một cách rất tuyệt vời, khiến cho các cảm thọ không tác động được vào thân. Dù các cảm thọ có đau đến đâu, nó cũng nhiếp phục được. Đó là một phương pháp làm chủ bệnh rất tuyệt hảo.



TỨ QUẢ VÀ TỨ THÁNH ĐỊNH CÓ GIỐNG NHAU KHÔNG?

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong Tứ Thánh Định và Tứ Quả của Sa Môn: Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán, có những điều nào giống và khác nhau? Có một vị Thầy giảng rằng trong Tứ Thánh Định tùy theo mức độ tâm thanh tịnh của hành giả đến đâu thì nhập vào những trạng thái định mức đó, còn đứng về phía Tứ Quả Sa Môn là căn cứ vào*

giá trị đạo đức của vị ấy sâu hay cạn. Như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Câu hỏi này có hai phần: 1/ Hỏi về bốn quả giống nhau và khác nhau. Bốn quả là bốn kết quả của bốn thiền, chứ không phải bốn quả khác bốn thiền khác. Vì bốn thiền tu tập, để có bốn kết quả. Nếu khác nhau thì cần gì để tu tập bốn thiền? Bốn thiền là pháp tu tập để giúp cho người tu tập ly dục ly ác pháp. Ly dục ly ác pháp là đức Thánh hạnh của vị tu sĩ ấy. Nếu không tu bốn thiền này thì làm sao có bốn Thánh quả. Bốn thiền là bốn cấp bậc Thánh hạnh của vị Sa Môn từ thấp đến cao. Nhà học giả giảng bốn quả khác bốn thiền là nhà học giả không hiểu bốn thiền và bốn quả. Trong kinh Sa Môn Quả, đức Phật không dùng những danh từ suông để chỉ bốn quả “*Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán*” mà xác định bốn trạng thái kết quả của bốn thiền rất rõ ràng và cụ thể. Những trạng thái tuyệt vời, chứ không có lý luận suông như các học giả.

Trong chân lý “*Đạo Đế*” có tám nẻo và nẻo cuối cùng là Chánh Định, nhưng Chánh Định Đức Phật đã xác định là bốn thiền. Bốn thiền được xem là phương pháp thiền độc đáo nhất của Phật giáo.

Khi chúng ta mới bước vào Thiên Thứ Nhất thì Đức Phật đã chẳng bảo: Ly dục ly ác bất thiện pháp mới nhập được Sơ Thiên.

Thưa các bạn! Một người chưa ly dục ly ác pháp có được nhập vào dòng Thánh hay chẳng? Họ tu pháp gì có thể ly dục ly ác pháp? Bảo rằng căn cứ vào đạo đức của họ sâu cạn. Vậy đạo đức chỗ nào mà có ra đây? Pháp nào mà họ tu tập có đạo đức?

Sơ Thiên giúp chúng ta thấy được đạo đức của người tu hành. Đó là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp không phải là một đạo đức sao? Ly dục ly ác pháp là đạo đức không làm khổ mình, khổ người. Người mà không làm khổ mình, khổ người, không phải là người được vào dòng Thánh hay sao? Người mà được vào dòng Thánh thì không phải người chứng quả Tu Đà Hoàn sao?

Bốn thiên là bốn phương pháp nhập định, mỗi định có một kết quả của nó. Như Sơ Thiên kết quả của nó là ly dục ly ác pháp, người ly dục ly ác pháp là người được vào dòng Thánh.

Như vậy, quả Tu Đà Hoàn là do tu tập Sơ Thiên. Ngoài Sơ Thiên không có quả Tu Đà Hoàn; ngoài Nhị Thiên không có quả Tư Đà Hàm; ngoài Tam Thiên không có quả A Na

Hàm; và ngoài Tứ Thiên và Tam Minh thì không có quả A La Hán.

Theo kiến giải của các học giả giải thích bốn quả là không đúng trong kinh sách Nguyên Thủy của Phật giáo. Đó là ảnh hưởng kiến giải, tưởng giải của các nhà học giả Đại Thừa thuộc về tà thuyết ngoại đạo nhất là Đại Thừa đã chịu ảnh hưởng tư tưởng giáo pháp của Bà La Môn Ấn Độ; Lão Giáo và Nho Giáo của Trung Hoa.



HƠI NÓNG CHỖ NÀO THÌ TÁI SINH CHỖ ĐÓ

Câu hỏi của Minh Ngã

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có nhiều sách viết rằng: Khi một người tắt hơi thở rồi, nếu sờ vào mình người đó mà hơi nóng dồn vào chỗ nào đó, tất cả chỗ khác đều lạnh hết, thì biết được rõ chỗ tái sanh của họ.*

Ví dụ: Ở hai bàn chân nóng là sanh địa ngục, ở trái tim là người, ở mắt là trời, v.v.. Căn cứ vào đâu mà họ nói như vậy hay do tưởng tượng mà nói? Xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Cơ thể khi chết đều có sự hoại diệt của cơ thể, chỗ nào hoại diệt trước là chỗ đó lạnh trước, chỗ nào hoại diệt sau là chỗ đó lạnh sau. Sự hoại diệt đều do căn bệnh của cơ thể.

Trong thư con ghi những lời giải thích của các nhà học giả đều là sai, không có căn cứ logic khoa học, đó là tưởng giải của các nhà Đại Thừa.

Đạo Phật xác định sáu nẻo luân hồi rất rõ ràng:

1/ Cõi Trời bằng trạng thái tâm Thập thiện, còn tưởng thức dục.

2/ Cõi Người bằng trạng thái tâm năm giới còn ý thức dục.

3/ Cõi A Tu La bằng trạng thái tâm sân, thuộc về ý thức dục và tưởng dục.

4/ Cõi Ngạ Quỷ bằng trạng thái thân tâm đói khát, thuộc về ý thức dục và tưởng dục.

5/ Cõi Súc Sanh bằng trạng thái thân tâm ích kỷ, nhỏ mọn, hẹp hòi, bản thủ, ăn uống đồ bất tịnh, hôi thối, rượu chè say sưa quậy phá v.v..., thuộc về ý thức dục và tưởng dục.

6/ Cõi Địa Ngục bằng trạng thái thân tâm đau khổ, nhức nhối, phiền não, bất an, bất toại nguyện v.v., thuộc về ý thức dục và tưởng dục.

Trong sáu trạng thái tâm này khi còn đang sống cũng như lúc sắp lâm chung đã xác định hướng đi rõ ràng của người này khi tiếp tục tái sinh.

Đó là một điều xác định sáu nẻo luân hồi rất khoa học, thực tế và cụ thể của đạo Phật mà không có một tôn giáo nào xác định đúng được như vậy. Bởi vì, đạo Phật là một chân lí của loài người, nên nó là một sự thật, không hề có một chút sai lệch nào được. Chỉ vì các tôn giáo đều có thế giới siêu hình, họ cho có thế giới siêu hình nên hơi ấm ở chân là sanh vào cõi địa ngục, ở tim sanh làm người, ở mắt sanh lên cõi Trời v.v..

Họ căn cứ vào kinh sách Đại Thừa là một loại kinh sách tưởng giải của các nhà học giả thiên tưởng, tưởng giải ra cho hơi nóng xuất ra ở hai bàn chân là địa ngục, ở tim là người, ở mắt là Trời v.v.. Vì những điều này họ không căn cứ và biết chắc được cõi Trời, cõi Địa Ngục ở đâu? Chỉ nói trong ảo tưởng mà thôi.

Kính thưa các bạn! Có bao giờ các bạn đi đến cõi Trời và cõi Địa ngục chưa? Dù cho các

vị Thầy Tổ sơ khởi của Đại Thừa là những người viết ra kinh sách Đại Thừa cũng chưa biết cõi Trời và cõi Địa ngục ở đâu?

Cô Ba Cháo Gà và Lâm Tử Kỳ du địa ngục, chỉ là một giấc mơ trong tưởng uẩn. Hình ảnh do nhà văn giàu tưởng tượng viết ra kinh Địa Tạng Kinh Thập Vương.

Các Phật tử đừng tin theo luận điệu mê tín lừa đảo người mà hầu hết kinh sách Đại Thừa, kinh nào cũng có. Không lừa gạt thế này thì lừa gạt thế khác, không dụ dỗ thế này thì dụ dỗ thế khác. Thường kinh sách này đưa chúng ta vào thế giới siêu hình mơ hồ, ảo tưởng.

Chúng ta nên căn cứ vào việc làm thiện hay ác của con người mà xác định được nẻo luân hồi của họ ở kiếp sau. Chứ không phải hơi ấm trên thân người. Dựa vào hơi ấm trên thân người đều sai.



KẾT QUẢ TU TẬP

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong khoảng thời gian ngồi thiền hay đi kinh hành, cảm giác thân và tâm như thế nào để đánh giá mình tu đúng pháp hay không?

Đáp: Mỗi đề mục hơi thở trong khi tu hay đi kinh hành trong khi hành thiền mà tâm thanh thản, nhẹ nhàng, an lạc không phóng dật, phóng tâm là đúng, nhưng phải lưu ý không được tập trung ức chế tâm, còn có những trạng thái khác là sai.

Ngồi thiền mà có hỷ lạc nhiều là sai (xúc tưởng hỷ lạc).

Ngồi thiền mà thấy các sắc tướng hiện ra là sai.

Ngồi thiền mà nghe thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng và pháp tướng là sai. Nói chung 18 loại tướng và còn vô số các loại tướng khác nữa. Có trạng thái tướng nào đến đều là sai.

Theo từng đề mục tác ý dẫn tâm vào trạng thái của đề mục ấy mà thấy kết quả rõ ràng là không sai.

Ví dụ: Đề mục thứ tư trong Định Niệm Hơi Thở **“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”**. Nếu khi ngồi hít thở dẫn tâm như vậy mà thấy có sự an tịnh thì đó là kết quả đúng, còn khi không dẫn mà có thì coi chừng đó là sai.

Chữ an tịnh thân hành ở đây có nghĩa là sự an ổn của thân không bị mỏi mệt, không bị đau nhức, không bị bệnh tật khổ đau. Vì thế dùng câu tác ý trên có nghĩa là làm chủ được bệnh.

Tu đúng khi nào dẫn tâm có kết quả theo pháp hướng, chứ không phải ngồi ức chế tâm. Ngồi xả tâm bằng pháp hướng là đúng. Ngồi làm thình tập trung tâm vào pháp tịnh, pháp động đều là sai. Ngồi vừa hướng tâm, vừa tập trung tâm vào pháp động là đúng. Ngồi mà tập trung tâm vào bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp để tác ý đẩy lui các ác pháp trên bốn chỗ đó là đúng. Ngồi mà không làm theo mọi ý niệm là tu tập đúng pháp.



NHÌN ĐỜI BẰNG NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Một người học Phật phải nhìn cuộc đời như thế nào để không bị đắm chìm, lôi cuốn theo những lạc thú tầm thường của thế gian, nhưng cũng không bị người đời lên án là tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm v.v..*

Đáp: Một người học Phật phải nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả, nên không tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm.

Người học Phật phải có tri kiến nhân quả, tri kiến Thập Nhị Nhân Duyên, tri kiến Thập Thất kết sử, tri kiến ngũ uẩn, tri kiến ngũ triền cái, tri kiến về các pháp bất tịnh, tri kiến các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tri kiến về lòng từ bi, hỷ, xả v.v..

Nếu có những tri kiến như vậy thì người này sẽ không bị đắm chìm, lôi cuốn theo những lạc thú tầm thường của thế gian. Muốn có những tri kiến này thì người học Phật nên nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy, vì trong đó dạy rất đầy đủ và dễ hiểu. Không nên nghiên cứu kinh sách Đại Thừa vì kinh sách

này sẽ gieo vào đầu óc của các bạn một thế giới ảo tưởng, mơ hồ, trừu tượng, phi đạo đức. Một khi các bạn đã chịu ảnh hưởng của nó thì các bạn giống như người nghiện thuốc phiện. Muốn bỏ mà rất khó bỏ.

Những người Cư sĩ Phật tử hiểu sao về Phật giáo có tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm không?

Về Phật giáo là phải có một tinh thần tích cực, tự lực trong sự tu tập các pháp môn; phải tích cực, tự lực chiến đấu với nội tâm của mình khi có ác pháp xâm chiếm để đem lại sự thanh bình cho tâm hồn; phải tích cực chiến đấu với ngoại pháp để đem lại cho mọi người một sự an ổn, một xã hội có trật tự.

Về Phật giáo có hai giới tu tập:

1/ Cư sĩ

2/ Tu sĩ

Cư sĩ thì phải tu theo pháp của người cư sĩ. Pháp của người cư sĩ tu tập là một nền đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người thì làm sao có sự tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm... được. Nếu tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm là làm khổ mình, khổ người thì đâu có đúng chánh pháp. Có lẽ người cư sĩ Phật tử

đã hiểu sai pháp Phật, không hiểu về pháp tu tập của người tu sĩ. Phần nhiều người cư sĩ Phật tử mới vào đạo đều được dạy tu tập Thọ Bát Quan Trai và được tham dự học tu vào lớp Chánh kiến đầu tiên của Phật giáo.

Người cư sĩ chỉ sống có một ngày Thọ Bát Quan Trai như người tu sĩ mà thôi. Một tháng chỉ sống có một hoặc hai ngày thì đâu thể nào gọi là tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm được.

Phật dạy chúng ta biết ác pháp và thiện pháp, ác pháp thì nên tránh và diệt để đem lại cho mình cho người hạnh phúc an vui chứ đâu phải lãnh đạm, vô cảm.

Ví dụ: Trong bữa tiệc mọi người ép chúng ta uống rượu, chúng ta từ chối không tùy thuận theo các ác pháp này thì bảo rằng chúng ta lãnh đạm thì không đúng.

Chúng ta cương quyết làm được điều này là làm gương tốt đẹp cho người khác, để mọi người tránh thứ độc dược hại này.

Cho nên, đạo Phật không phải là đạo yếm thế, tiêu cực, lãnh đạm, vô cảm v.v.. Người hiểu đạo Phật yếm thế, lãnh đạm, vô cảm... là người hiểu sai đạo Phật.

Đạo Phật là đạo đức của loài người, nhờ đạo đức mới xây dựng thế gian này được an ổn và yên vui cho mọi người; nhờ đạo đức mà con người không làm khổ cho nhau. Vậy chúng ta là con người cần phải học đạo đức nhân bản – nhân quả. Nếu chúng ta không học đạo đức thì chúng ta tự làm khổ cho nhau và cuộc sống trên thế gian này trở thành địa ngục. Phải không các bạn? Bằng chứng hiện giờ chúng ta đã chứng kiến cảnh địa ngục: Chiến tranh, khủng bố, thiên tai hỏa hoạn, bão tố, động đất, sóng thần, lũ lụt v.v..

Ví dụ: Tình nghĩa vợ chồng là phải gần gũi nhau, chia sẻ nhau những nỗi buồn vui, thế mà xa lánh nhau, lạt lẽo, lãnh đạm tình chồng nghĩa vợ để gọi là tuyệt dục thì đức Phật đâu có dạy bao giờ. Mà đức Phật dạy không nên tà dâm, dâm dục phải tiết độ, vì tà dâm là làm hại gia đình mất hạnh phúc, dâm dục không tiết độ sẽ đem đến thân bệnh tật, mà thân bệnh tật, đau khổ thì sự an vui hạnh phúc gia đình mất.

Đạo Phật nói đời khổ là để vượt qua mọi sự đau khổ của cuộc đời, chứ không có nghĩa là trốn tránh khổ, nói cách khác cho đúng nghĩa của đạo Phật là làm cho đời hết khổ. Làm cho

đời hết khổ là phải tích cực hết mình. Vì thế, mà đạo đức của đạo Phật là đạo đức không làm khổ mình, khổ người.



CĂN CỨ VÀO MƯỜI THÁNH HẠNH SADI

Câu hỏi của Minh Ngõa

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Để đánh giá một người tu sĩ có phải là một bậc Thánh. Để cho cư sĩ thân cận học hỏi giáo pháp thì phải căn cứ vào những tiêu chuẩn như thế nào để đánh giá? Để khỏi uổng phí thời gian tu tập của mình, nếu vị tu sĩ này xuất gia không phải vì lý tưởng giác ngộ giải thoát.*

Đáp: Đánh giá một người tu sĩ Phật giáo là phải đánh giá ở chỗ Thánh hạnh của vị tu sĩ ấy, nghĩa là vị tu sĩ không vi phạm giới luật.

Muốn đánh giá đúng một tu sĩ đạo Phật thì hãy đem một trăm hai mươi giới (120 giới) đức Thánh Tăng mà kê ra thì thấy rất rõ ràng. Phạm Tăng và Thánh Tăng không giống nhau. Cũng như chúng ta nhìn vào một đoàn dê và

bò, bò thì ra bò mà dê thì ra dê, không thể lầm lẫn được.

Ngày xưa trong thời đức Phật còn tại thế, vua Ba Tư Nặc hỏi:

- ***Bạch Thế Tôn! Chúng con thấy một đoàn khất sĩ đi qua, muốn biết người chứng quả A La Hán, thì chúng con phải làm sao?***

Đức Phật trả lời:

- ***Muốn biết ai là người chứng quả A La Hán thì nên ở gần người ấy nhận xét oai nghi tế hạnh giới luật.***

Đức Phật ngày xưa đã dạy như vậy, thì bây giờ chúng ta cứ theo đó mà nhận xét giới luật đức hạnh của tu sĩ thì biết ngay vị tu sĩ nào là ngoại đạo Bà La Môn và vị tu sĩ nào là Thánh Tăng đệ tử của Phật giáo. Xin quý Phật tử nên nhớ: ***“Giới luật còn là Phật giáo còn, Giới luật mất là Phật giáo mất”***. Người tu sĩ Phật giáo sống đúng giới là Phật giáo còn, người tu sĩ Phật giáo phạm giới, phá giới bẻ vụn giới là Phật giáo mất. Thánh Tăng từ giới mà sinh ra. Giới luật sinh các bậc A La Hán, chứ không phải những tu sĩ có thần thông hoặc ngổi thiên 5,7 ngày, hoặc kiến

tánh thành Phật hoặc trực vãng Tây Phương
cõi Cực Lạc hay Thiên Đàng.



BẢN NGÃ

Câu hỏi của Minh Nghĩa

Hỏi: Kính thưa Thầy! Có một số người khi mới phát tâm tu, hoặc làm công quả ở chùa làm chức hướng dẫn cư sĩ và làm từ thiện xã hội mấy năm đầu thì thấy khuôn mặt rất dễ thương, nhưng khoảng thời gian sau thì nhìn khuôn mặt thấy quậy beo, đụng việc người khác làm trái ý mình thì nổi sân đùng đùng. Có phải những người này làm phước mà còn cầu phước, không có phương pháp tu tập để kiểm soát bản ngã của mình? Khi thấy mình có công đôi chút, thì tỏ vẻ hơn người, nên khi ai làm trái ý họ, thì họ bực tức. Con hiểu như vậy có đúng không? Thưa Thầy.

Đáp: Phần đông người ta tu phước hữu lậu, nên làm có chút ít công đức thì bản ngã to ra, con hiểu như vậy rất đúng.

Người có phước hữu lậu thì bản ngã theo phước đó mà to lớn ra, không những riêng cư sĩ mà cả tu sĩ nữa. Cho nên, các vị tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni hiện giờ hầu hết đều không tu tập đúng pháp ly dục ly ác pháp của Phật giáo Nguyên Thủy. Cứ theo lộ trình Bồ Tát đạo của Đại Thừa tu phước hữu lậu thì bản ngã sẽ to lớn vĩ đại. To lớn theo tiền bạc, chùa to, Phật lớn, danh cao, chức trọng v.v.. Vì thế các vị này dễ sân, dễ phiền não, đời sống của họ trong dục lạc của thế gian, ăn ngủ phi thời. Họ chẳng bao giờ nếm được mùi vị giải thoát chân thật của Phật giáo.



HIỂU SAI PHẬT PHÁP

Câu hỏi của Minh Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Chúng con xét thấy lâu nay, những người cư sĩ tu theo kinh sách Đại Thừa, đa số họ không biết hiểu như thế nào? Khi chưa biết đạo thì còn đỡ, khi biết đạo rồi, lánh vợ, xa con, lánh con, xa chồng, để cho những người trong gia đình phải buồn khổ*

và thù ghét đạo Phật. Thưa Thầy theo cái hiểu cạn cợt của chúng con có phải họ hành sai pháp không?

Đáp: Họ không hành sai pháp, vì kinh sách Đại Thừa và các Thầy Đại Thừa đã dạy chung chung như vậy, không phân biệt rõ ràng: pháp nào tu tập của người cư sĩ và pháp nào tu tập của người tu sĩ, cứ ngôi thiền, niệm Phật, tụng kinh, lạy sám hối v.v.. Tu sĩ cũng tu như vậy và cư sĩ cũng tu như vậy. Cho nên, người cư sĩ tu hành cũng giống như người tu sĩ. Vì thế gia đình đảo lộn, tình nghĩa chồng vợ dường như lạt lẻo, bỏ bê con cái và nghề nghiệp như con đã nói ở trên. Thật là vô cùng tai hại.

Tu như vậy có bốn điều đáng trách:

1/ Thiếu đạo đức làm người, không tròn bổn phận, trách nhiệm đối với bản thân, vợ và con.

2/ Tu như vậy, đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo (Cư sĩ mà tu pháp của tu sĩ là một điều rất sai).

3/ Tu như vậy chẳng đi đến đâu, mất thì giờ, uống phí công sức, uống phí một đời người.

4/ Tu như vậy, bản ngã của người cư sĩ càng ngày càng một to lớn hơn, do đó người cư

sĩ không tìm thấy sự giải thoát chân thật chỉ sống giải thoát trong ảo tưởng. Cho nên, thích tranh luận hơn thua dựa theo lý giải giáo pháp Đại Thừa và Thiền Đông Độ tranh luận hơn thua.

5/ Tu như vậy, người cư sĩ chỉ đạt được miệng lưỡi nói pháp rất hay, nhưng kết quả làm chủ sanh tử chấm dứt luân hồi thì chẳng có gì.

Vì thế, hiện giờ người cư sĩ tu rất nhiều, đi chùa rất đông, nhưng nhìn lại toàn là số không. Tham, sân, si, mạn, nghi vẫn còn nguyên vẹn, chưa có một vị cư sĩ nào làm chủ được đời sống, làm chủ được sự già yếu, làm chủ được bệnh đau và làm chủ được sự chết (tự tại trong khi tử).

Để khắc phục tình trạng này, Thầy sẽ soạn thảo cho ra một bộ sách giáo trình tu tập riêng cho người cư sĩ đúng theo đường lối tu tập của Phật giáo Nguyên Thủy. Các con hãy chờ đợi “*Bộ sách Đạo Đức Làm Người*” ra đời xong thì “*Giáo Trình Tu Tập Cho Người Cư Sĩ*” sẽ xuất hiện. Đó là câu trả lời cho những câu hỏi của con.



LÀNG NGUYÊN THỦY

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Chúng con kính xin ý kiến của Thầy: Nếu muốn làm những ngôi làng Phật giáo Nguyên Thủy thì phải tổ chức như thế nào? Cộng đồng đó sinh sống ra sao? Sinh hoạt tu viện như thế nào? Thầy hãy cho chúng con xin một mô hình để sau này, nếu đủ duyên thì chính quyền cùng các cư sĩ chúng con sẽ thành lập.*

Đáp: Đây là bản dự thảo Phương án thành lập mô hình của một làng Phật giáo Nguyên Thủy.

Các con nên đóng góp thêm những ý kiến với Thầy để chúng ta hoàn chỉnh được bản dự thảo mô hình này, **“Một cây làm chẳng nên non, ba cây đùm lại nên hòn núi cao”**. Thầy chỉ mới sơ thảo phác họa những nét đại cương, còn các con góp ý thêm do học thức chuyên môn và năng tài của mọi người, thì đó là chúng ta làm một cuộc chấn hưng Phật giáo đem lại lợi ích cho đất nước quê hương của chúng ta. Phải không hở các con?

Vì lợi ích của mọi người trên hành tinh này; vì đạo đức nhân bản - nhân quả

của loài người; vì Phật giáo phải được trường tồn và vì đạo đức dân tộc quê hương xứ sở của chúng ta, nên chúng ta phải góp mọi ý kiến để mô hình “Làng Phật giáo Nguyên Thủy” được hoàn thành và sau đó chúng ta sẽ đệ trình lên nhà nước xin phép “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.



THÂN HÀNH NIỆM

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Con kính xin được thưa hỏi:*

Tối và khuya 2 giờ sáng, con thực hành “Thân Hành Niệm”. Con ngồi kiết già rất vững chắc, vậy mà có một lực đẩy cái thân của con nằm sát chiếu, và khi đó con tác ý rằng: “Cái thân phải ngồi dậy, thẳng cái lưng lên”, thì cái lực đó, nó đẩy tiếp, rất nhanh đến nỗi con không cự lại được, giống như là một bài thể dục và con thấy vui quá! Và con cứ để cho cái lực đẩy đó, nó đẩy cái thân con, con theo dõi

nó, càng mỗi lúc càng mạnh, sau rồi con tác ý: “Cái thân phải đứng yên không được nhúc nhích” thì nó dừng lại, khi nó dừng lại, thì bắt đầu, cái đầu trục của con xoay liên tục, huyết bách hội hoạt động rất mạnh (Luân xa số 7) và con tác ý: “Cái đầu phải đứng lại không xoay nữa” thì nó hết xoay, khi con đứng lên đi kinh hành thì ôi thôi! Không thể đứng vững có một cái lực đẩy cái thân của con nhào té, hai cái chân của con nhẹ hẫng. Con phải cố gắng bám chặt hai bàn chân xuống nền thì mới đứng vững, và khi con tác ý: “bước” thì ôi thôi! Một tiếng bước là cái thân của con giống như là bay luôn, con không ám thị tác ý nữa, và đứng một chỗ tay vịn vào cửa sổ để làm điểm tựa, không thôi con sẽ bay ra khỏi thất, một cái lực khủng khiếp chưa bao giờ con cảm nhận như thế. Và khi con ngồi xuống ghé nó đẩy cái thân của con, con tác ý: “Thôi đừng có đẩy nữa” tác ý xong nó hết, khoảng một phút sau nó đẩy tiếp và giờ đây khi viết như thế này nó cũng đẩy con luôn. Thật kỳ lạ! Con để ý, lúc ăn cơm cũng thế, lúc con ngồi rửa chén, và đi toilet cũng thế! Con giữ cái tâm của mình thanh thản, chánh niệm thì nó hoạt động rất mạnh.

Con kính xin Thầy từ bi hoan hỷ giảng trạch cho con được hiểu cái lực đó, nó xuất

phát từ nơi đâu và nó có lợi hay có hại cho con???

Khuya nay con dậy 2 giờ 30' con tu chỉ có một tiếng thôi, không hề có một niệm xen vào và cái lực đẩy nó đến hỏi thăm con như thế đấy. Vì hồi hôm con thức đến gần một giờ sáng, con ngồi kiết già với hai câu tác ý: “Tâm như cục đất từ bỏ tham, sân, si”, “biết rõ toàn thân” rất là tuyệt vời! Tâm của con nó im lặng không cự nự!

Con không có buồn ngủ, không mệt nhọc, cơ thể của con nhẹ nhàng lắm. Mặc dù con ngủ chỉ có hai tiếng trong một ngày. Con thấy trong con có một cái gì vui lắm...

Con cảm nhận trái tim con thương yêu cuộc đời này quá...! Sự tu hành rất khó, gian nan vô cùng. Nên con rất thương kính Thầy, bởi vì con đường tu hành rất khó... mà Thầy đi qua được. Thầy thật vĩ đại và cao thượng biết bao...! Vì thế, con cũng sẽ nối gót của Thầy, quyết chí cũng sẽ đi qua được. Và cuộc đời của con cũng sẽ nói lên những gì Phật đã nói, những gì Thầy đã nói và sẽ làm những gì Phật đã làm và những gì Thầy đã làm. Con sẽ sống như Phật đã sống, như Thầy đã sống v.v..

Đôi dòng con kính dâng lên Thầy.

Con kính chúc Thầy luôn được mạnh khỏe.

*Kính ghi
Con của Thầy
Nguyễn Thanh.*

GIẢI TRÌNH NHỮNG TRẠNG THÁI

Đáp: 1/ Trong thân ngũ ấm có “sắc ấm, tưởng ấm và thức ấm”.

Lực của sắc ấm là lực ám thị của ý thức (Ý thức lực).

Lực của tưởng ấm là lực của ma ngũ ấm (Tưởng thức lực).

Lực của thức ấm là lực của 7 giác chi (Tâm thức lực).

Lực của tưởng và lực của tâm không có liên quan nhau.

Khi tu tập tâm chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì lực của tưởng thường xuất hiện phá lực của ý thức làm cho chúng ta khó phân biệt.

Cho nên, các huyệt trên thân khai mở tức là dao động thì lực tưởng xuất hiện mà hầu hết ngoại đạo thường tu tập để khai mở những

huyệt đạo này khiến cho năng lực này trở thành thân thông.

2/ Có chánh niệm, tức là ý thức thanh tịnh, chứ không phải tâm thanh tịnh.

Có đủ 7 năng lực giác chi thì thân tâm mới thanh tịnh hoàn toàn, nhưng phải biết do ý thức thanh tịnh thì mới có 7 năng lực giác chi xuất hiện. Có chánh niệm thì ý thức mới thanh tịnh, chưa có chánh niệm thì coi chừng có tướng lực xuất hiện. Có tướng lực xuất hiện thì cần phải dẹp. Một người tu khi chưa có Bảy Năng lực Giác Chi thì không làm sao nhập được Sơ Thiền. Chưa nhập được Sơ Thiền thì làm sao làm chủ thân tâm cho được. Phải không con?

Cho nên, hiện giờ con đang tu tập thì chỉ có ý thức thanh tịnh, chứ không có tâm thanh tịnh. Ý thức thanh tịnh lúc ban đầu là nhờ xả tâm ly dục ly ác pháp thô kế sau đó mới dùng pháp Thân Hành Niệm tu tập để thực hiện Tứ Thần Túc, Có Tứ Thần Túc mới nhập các định. Đó là đường đi của Phật giáo từ thấp đến cao, con nên lưu ý.

a/ Cái đầu con quay, tức là huyệt bách hội khai mở, lúc bây giờ ý thức con bất động vì bị ức chế bằng pháp Thân Hành Niệm. Ở đây con

đã tu sai pháp Thân Hành Niệm, biến pháp môn Thân Hành Niệm trở thành pháp ức chế tâm. Con nên hiểu Pháp môn Thân Hành Niệm là pháp tu lệnh tác ý để sau này truyền lệnh thân tâm con làm theo. Đó là Pháp môn Tứ Như Ý Túc.

Ngoại đạo tu tập muốn cho ý thức thanh tịnh bằng cách dùng pháp ức chế, nên tạo cơ hội khai mở các huyệt đạo. Ngoại đạo không có ý thức thanh tịnh do lý dục lý ác pháp hoàn toàn, vì thế mà không có tâm thanh tịnh.

b/ Huyệt bách hội không có liên quan đến Bốn thiên và Tam Minh.

Huyệt bách hội có liên quan với ngũ thông của ngoại đạo.

Con đang nhận lầm ý thức và tâm thức. Khi nào con nhập Bốn thiên thì tâm thức con mới trôi dậy, còn bây giờ con đang tu tập, toàn là dùng ý thức.

Cho nên, hiện giờ tu tập là tu tập ý thức thanh tịnh, ý thức chánh niệm, ý thức tỉnh giác, ý thức định tĩnh, chứ không phải ức chế ý thức. Chỗ này các con nên lưu ý: Pháp của Phật tu tập xả tâm, chứ không có ức chế tâm. Vì vậy, trong khi tu tập các con hãy coi chừng, tu sai là ức chế tâm đó, ức chế tâm thì tưởng

lực xuất hiện. Cho nên, tu tập theo pháp của Phật thì tu tập một cách rất tự nhiên theo từng đặc tướng riêng của mình, không được chịu đựng, gồng mình, gò bó thân tâm bất cứ một sự việc gì đang xảy ra trên thân, thọ, tâm và pháp mà đức Phật gọi là đẩy lui các chướng ngại pháp. Chỉ trừ khi chúng ta tu hạnh nhẫn nhục, lúc ác pháp quá cực mạnh rất khó nhẫn thì Phật mới dạy: đưa lưỡi lên nóc họng và cắn chặt hai hàm răng để kham nhẫn cho bằng được lúc ấy ác pháp đang diễn biến tới tấp.

Những lực xuất hiện nơi thân tâm con hiện giờ chưa đủ 7 lực, thì nên coi chừng là lực của tướng, mà lực của tướng là lực của ma ngũ ấm.

Ta biết sử dụng lực ma chứ đừng để lực ma sử dụng ta.

Biết sử dụng lực ma để tạo thành lực Bảy Giác Chi. Vì lực Xả Giác Chi sẽ giúp cho ý thức ly dục ly ác pháp hoàn toàn. Nhờ đó tâm ta mới không phóng niệm và phóng dật, nhờ không phóng niệm, phóng dật nên tâm mới được định tĩnh. Tâm được định tĩnh thì Trạch Pháp Giác Chi mới xuất hiện. Trạch Pháp Giác Chi xuất hiện, nhờ nó mà ta nhập được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền,

không có khó khăn, không có mệt nhọc. Nhờ nhập Tứ thiền ta mới đánh thức tâm thức, nhờ tâm thức hoạt động ta mới hướng tâm đến Tam Minh chứng quả A La Hán.



PHÁP THÂN HÀNH NIỆM

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Tại sao con phải thực hành, Thân Hành Niệm bằng phương pháp là đi nửa tiếng mà chỉ có 4 vòng hoặc 3 vòng thôi!*

Bởi vì thờ 5 hơi đi kinh hành 20 bước để có được sự định tĩnh trong mỗi thân hành rất khó. Bởi vì từ cảnh tĩnh (thở 5 hơi) bước sang cảnh động (kinh hành 20 bước) để có sự định tĩnh rất khó, nó đòi hỏi hành giả phải tập trung ức chế một cách cao độ trong khi tu tập, vì thế con suy nghĩ phải tìm ra 1 phương cách để trị lại vọng tưởng mà không bị ức chế, là khi thực hành mỗi vòng không được có niệm khởi. Và con thực hành mỗi vòng trong 7 phút và con theo dõi rất kỹ lưỡng miên mật trong mỗi vòng thì có kết quả niệm không khởi,

nhưng nếu sơ suất, lơ đãng một chút xíu là có niệm liền như khi nó được thuần rồi (Định Giác Chi xuất hiện). Ôi thôi! Thật là hay!... Đi rất thoải mái, con không phải tác ý, mà là cái tâm của nó tự điều khiển, nó tự tác ý hay lắm! Vui lắm Thầy ơi!

Nhưng bây giờ con chưa đủ nội lực để Trạch Pháp Giác Chi xuất hiện trọn vẹn, còn rất yếu, vì chưa đủ lực. Con tư duy rằng: tu rất khó, để có được sự định tĩnh trong thân hành, nhất là khi xả thiền con nghĩ rằng: nếu con thiếu sự kỹ lưỡng, kín đáo, dè dặt, cẩn thận thì con sẽ không tu nổi, và phương châm của con mỗi ngày là phải: cẩn thận, dè dặt, kín đáo, kỹ lưỡng trong khi tu tập hoặc đối cảnh tiếp xúc với mọi người để khỏi phải làm khổ mình và khổ người.

Đôi dòng con thành kính gửi đến bậc Thầy tôn kính nhất, con kính chúc Thầy luôn khỏe mạnh và mau bình phục để chúng con được thưa hỏi trong pháp tu của mình.

Kính ghi

Con của Thầy: Nguyễn Thanh

10-7-2002.

TB: KÍNH BẠCH THẦY!

Con kính xin Thầy đọc kỹ lại bài viết thực hành của con và chỉ dạy cho con, những sai sót trong bài thực hành.

ĐỂ XÁC ĐỊNH SỰ TU TẬP CỦA CON

Đáp: Sự tu tập của con đã trình bày ở trên là tu tập rất đúng pháp Thân Hành Niệm. Nhưng các con cần lưu ý khi tu tập pháp Thân Hành Niệm thường hay có những trạng thái tưởng xuất hiện, nếu thấy nó xuất hiện thì phải dùng ý thức ngăn và diệt nó.

Và đây là Thầy khuyên chung các con cần phải tu tập pháp Thân Hành Niệm đúng như vậy, vì có tu tập đúng như vậy thì mới thấy được tâm định tĩnh trên thân hành. Tâm có định tĩnh trên “*Thân Hành*” thì Bảy Giác Chi mới xuất hiện trọn vẹn. Khi có đủ Bảy Giác Chi thì lo gì mà chẳng nhập được Bốn Thiên và Tam Minh; thì có lo gì không làm chủ được sinh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Nhưng các con nên nhớ! Còn phải chịu nhiều gian nan cực khổ và còn biết bao nhiêu sự thử thách đang chờ đón các con, nếu các con chỉ cần có một niệm thối chuyển thì bao nhiêu

công phu tu tập của các con như đã trảng xe cát.

Hỡi các con! Sanh tử là một chiến trận cam go nhất của đời người, nếu không đủ nghị lực, kiên cường, gan dạ, bền chí dũng mãnh, cảm tử... Một là chết, hai là sống, nhưng sống phải chứng quả A La Hán. Đó là một sự quyết tử:

“Chẳng phải một phen xương lạnh buốt

Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương”

Như vậy các con mới biết giá trị quả vị A La Hán không có vật gì mà đem sánh được. Nó rất tuyệt vời các con ạ!

Hỡi các con! Hãy tu tập dũng mãnh, gan dạ, bền chí, kiên cường và bất khuất trước bất cứ một cảm thọ nào; trước bất cứ một chướng ngại pháp nào, các con đều phải vượt qua, vượt qua một cách anh dũng, đều phải giành cho được chiến thắng về mình. Chúc các con thành công tốt đẹp.

Kính ghi

Thầy của các con



DỪNG CÁI Ý

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Tập dừng cái ý có phải: đó là chánh niệm tỉnh giác không?*

Con tư duy rằng: Nếu chánh niệm tỉnh giác không đủ lực thì rất khó có được sự tỉnh giác, đó là cơ bản để bước vào chánh định, như thế có đúng không thưa Thầy?

Kính bạch Thầy: Những điều con thưa hỏi, con kính xin Thầy viết cho con đôi dòng để sự thực hành của con được sung mãn.

Con đã có được sự định tỉnh trong khi tu tập pháp Thân Hành Niệm, dường như Trạch Pháp Giác Chi có xuất hiện nhưng còn rất yếu.

Ví dụ: Cánh tay của con nó đưa lên, là con phải tác ý đến 3 lần, mới thấy nó tự động đưa cánh tay lên, như vậy con mới biết con chưa đủ nội lực hay nội lực con còn yếu.

Kính bạch Thầy! Tập dừng cái ý có phải: đó là chánh niệm tỉnh giác không?

ĐỂ TRẢ LỜI NHỮNG CÂU HỎI CỦA CON

CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC

Đáp: Pháp môn Chánh Niệm Tỉnh Giác Định là pháp môn tu tập “*dừng cái ý*” đúng như con đã tư duy. Muốn dừng ý mà không tỉnh giác trên thân hành thì không bao giờ dừng ý được. Thân hành thì có: thân hành nội và thân hành ngoại. Nếu hành giả tu tập mà cứ trên thân hành tập trung tâm thì sẽ bị ức chế, tâm bị ức chế thì sẽ rơi vào thiền tưởng và tu tập như vậy chẳng bao giờ có ly dục ly ác pháp, có nghĩa là chẳng bao giờ lìa hết tham, sân, si. Vì thế, muốn tỉnh thức trên thân hành thì phải dùng ý thức điều khiển tâm (Như lý tác ý) cho tâm ly dục ly ác pháp lìa hết tham, sân, si. Tâm lìa hết tham, sân, si thì ý thức dừng, tu tập như vậy thì không bị ức chế tâm.

Vấn đề này cần phải lưu ý: Dừng ý thức không có nghĩa là dừng vọng tưởng. Dừng ý thức là phòng hộ sáu căn, do đó ý thức không phóng dật.



ĐỊNH TỈNH

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: 2/ *Con tư duy rằng: Nếu chánh niệm tỉnh giác không đủ lực thì rất khó có được sự tỉnh giác, đó là cơ bản để bước vào chánh định, như thế có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Tâm chánh niệm tỉnh giác là cơ bản để bước vào “**định tỉnh**” của tâm, chứ không phải là “**chánh định**” vì “**chánh định**” là Bốn Thiên, như đức Phật đã xác định: “**Chánh Định là Bốn Thiên**”. Muốn vào Bốn Thiên thì phải có Bảy Năng Lực Giác Chi. Có Bảy Giác Chi mới nhập được Bốn Thiên. Hành giả tu tập không có Bảy Năng Lực Giác Chi thì đừng mơ nhập Bốn Thiên và Tam Minh.

Con nên lưu ý những điều sau đây:

1- Có Chánh niệm tỉnh giác thì tâm mới ly dục ly ác pháp.

2- Có tâm ly dục ly ác pháp thì mới có định tỉnh.

3- Có định tỉnh thì tâm mới không phóng niệm, phóng dật.

4- Tâm không phóng niệm, phóng dật thì mới có Bảy Năng Lực Giác Chi.

5- Có Bảy Năng Lực Giác Chi thì mới nhập được Bốn Thiên.

6- Có Bốn Thiên thì mới có Tam Minh.

7- Có Tam Minh thì mới có chấm dứt tái sanh luân hồi.

Kính ghi
Thầy của con



NGŨ ẤM MA

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính Bạch Thầy Tôn Kính! Con chiến đấu với “ngũ ấm ma” bằng pháp môn Thân Hành Niệm kết hợp rất thiện xảo với Tứ Niệm Xứ sáng, chiều, tối, khuya. Hôm nay con đã chiến thắng được nó với pháp hành Thân Hành Niệm, nó đánh con, bây giờ con đánh lại nó bằng phương pháp “như lý tác ý” khắc phục cho bằng được.*

Khi con bắt chân lên ngòai kiết già, con tác ý: “cái đầu không được xoay” 3 lần, nó nằm im

lặng, có nhúc nhích, lực rất yếu, con tác ý bằng lời nói luôn, không tác ý bằng tâm, hai con mắt của con mở to ra và cương quyết, quyết chí điều khiển nó cho bằng được.

Con tư duy rằng: con sẽ khắc phục được nó bằng pháp hành, Thân Hành Niệm, con ôm chặt pháp và điều khiển nó. Mới đầu khó khăn lắm, nhưng với sự quyết chí của con, cái lực đó nó giảm dần dần... Trước khi vào thực hành, con quỳ trước tấm ảnh của Đức Phật và của Thầy (trong thất của con, có treo hình Đức Phật và Thầy), con nguyện rằng, con sẽ khắc phục nó cho bằng được, bằng pháp hành: Thân Hành Niệm, phải điều khiển cái thân này cho được, phải làm chủ nó, từ thân cho đến tâm. Những tư tưởng và ý tưởng của mình, con ước nguyện như thế, và lúc đó nước mắt của con tuôn rơi ra... Bởi Đức Phật và Thầy làm được, tu được, làm chủ sanh tử được, thật là vĩ đại và cao thượng quá! Nguyên Thanh con quyết chí chiến đấu đến tận cùng, dù con có chết con cũng sẽ ôm pháp Thân Hành Niệm. Và thế là con vào tu với trái tim đầy nhiệt huyết nóng bỏng, cố gắng nỗ lực khắc phục “ma lực” đó bằng pháp hành “Thân Hành Niệm”.

Hồi con còn đi học, con tâm đắc nhất câu nói của Bác Hồ: “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển quyết chí sẽ thành công”.

Và thế là con ôm pháp Thân Hành Niệm với vũ khí sắc bén nhất là “như lý tác ý” để khắc phục nó bằng những câu tác ý sống động và sáng tạo của con. Cái thân của con nằm im, lực yếu dần, cái đầu trọc của con nó bắt xoay. Mỗi lần nó nhẹ xoay hoặc lắc, con nhắc một câu: “thôi đừng có xoay hoặc lắc nữa, nằm im đi!” nó dễ thương lắm, nó nằm yên liền, con mừng và vui quá!

Khi con đi kinh hành, con tác ý “bước” trước khi tác ý “bước” con nhắc liền, “không được đẩy cái thân, đôi chân phải bám chặt nền nhà vững chắc lên” và thế là con bước. Ma lực đó có đẩy nhưng rất yếu, nhẹ thôi.

Con đi Thân Hành Niệm rất thoải mái, và con cảm nhận vui ơi là vui! Vì con đã chiến thắng được nó bằng pháp hành Thân Hành Niệm. Với vũ khí sắc bén “như lý tác ý” và bây giờ đây con không sợ gì hết, tâm con vững mạnh, sau khi vượt qua được chướng ngại, con nhìn thấy trong con trưởng thành lên một chút xíu. Con không sợ một chướng ngại nào hết,

bởi vì con có Thầy, có pháp hành của Phật, có những vũ khí sắc bén nhất đó là “như lý tác ý” của Phật của Thầy để lại..., cho nên Nguyên Thanh con, vững tin để tiến lên.

Nếu con khắc phục “ma lực ngũ ấm” bằng pháp môn Tứ Niệm Xứ đẩy lui chướng ngại pháp ra khỏi thân tâm. Con tư duy rằng khắc phục bằng pháp môn Tứ Niệm Xứ nó dễ... cho nên con khắc phục nó bằng pháp môn: Thân Hành Niệm, vì con tu Thân Hành Niệm nó xuất hiện “ngũ ấm ma” thì bây giờ đây con sẽ sử dụng Thân Hành Niệm để khắc phục cho bằng được, bằng nghị lực, gan dạ, quyết chí của con để đẩy lui chướng ngại pháp ra khỏi thân tâm.

Và con thắc mắc rằng: tại sao lại do ngũ ấm ma tạo ra (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) cái lực đó do ngũ ấm tạo thành nó có liên quan gì đến Thất Giác Chi không?

Và tại sao khi tâm thanh tịnh có chánh niệm thì nó mới xuất hiện, còn nếu cái tâm không thanh tịnh nó không xuất hiện???

Còn cái đầu trục của con nó xoay, tức là huyết bạch hội hoạt động khai mở, tâm thanh tịnh thì huyết bạch hội nó mới hoạt động.

Con kính xin Thầy cho con thưa hỏi là: Huyệt bách hội nó có liên quan gì đến Bốn Thiên, Tam Minh không?

Và con thắc mắc rằng: tại sao với tâm thanh tịnh thì cái “lực đẩy” đó mới có? Còn với cái tâm không định tĩnh thì ôi thôi, nó không bao giờ xuất hiện???

Có nghĩa là khi tâm con, không phóng tâm, không phóng dật “cái lực đẩy” nó mới xuất hiện, và huyết bách hội hoạt động (cái thân thì nhẹ nhàng, cái đầu thì rộng suốt) nhưng vì cái lực đẩy đó, nó mạnh quá cho nên làm chướng ngại trên thân và tâm, vì thế con mới dùng pháp hành “Thân Hành Niệm” để khắc phục nó, khắc phục nó cũng không phải dễ dàng. Với sự quyết chí con cũng làm được, nhắc nó bằng những câu tác ý sáng tạo của mình. Thì nó yếu dần thôi và giờ đây thân và tâm của con yên ổn rồi, không còn bị lực đẩy đó làm chướng ngại, lực đẩy yếu dần.

Con kính gửi lên Thầy bài viết nhỏ bé của mình khi con vượt qua được những chướng ngại trên pháp hành của mình. Bằng trái tim đầy nhiệt huyết, cố gắng nhiệt tâm tinh cần, quyết chí và dũng mãnh.

Con thành kính dâng lên Thầy, người đã trao truyền cho con sự dũng mãnh tràn đầy nghị lực, kiên cường, gan dạ, bền lòng vững chí, khi gặp khó khăn lòng không lo sợ, tâm phải luôn định tĩnh, kham nhẫn...

Con thành kính tri ân.

Kính ghi

Con của Thầy: Nguyễn Thanh

Ngày 12 tháng 7 năm 2002.

NÊN PHÂN BIỆT BA LỰC

Đáp: Nên phân biệt ba lực trong thân ngũ ấm. Ba lực đó là:

- 1/ Ý thức lực (sắc ấm).
- 2/ Tưởng thức lực (tưởng ấm).
- 3/ Tâm thức lực (thức ấm).

Trong ba lực đối với đạo Phật chỉ được quyền sử dụng ý thức lực, tâm thức lực còn tưởng thức lực thì luôn luôn phải đề cao cảnh giác, để ngăn và diệt trừ nó, không cho nó phát triển, nếu nó phát triển sẽ đưa hành giả vào tà định. Vì lực của tưởng ấm là lực của ma ngũ ấm. Lực của ma ngũ ấm thì lấy dục mà tăng trưởng, tức là lấy lòng ham muốn của con

người làm gốc mà phát triển. Vì thế, khi lực này phát triển thì tâm tham, sân, si càng gia tăng, ngã càng to lớn nhưng rất thiện xảo tinh vi lừa đảo trong lối lý luận bùng bít khiến ngay chính hành giả cũng lầm lạc. Lực này rất nguy hiểm trên đường tu tập xả tâm ly dục ly ác pháp. Vì nó không xả tâm dục và ác pháp mà lại nuôi lớn ngã và lòng tham dục danh lợi to lớn.

Lực của thức ấm là lực của Bảy Giác Chi (lực của tâm).

Lực của tướng và lực của tâm không có liên quan nhau.

Khi tu tập tâm chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì lực của tướng thường xuất hiện phá lực của tâm làm cho chúng ta khó phân biệt.

Cho nên, các huyết trên thân khai mở tức là các huyết dao động khi dao động thì lực tướng xuất hiện. Ngoại đạo thường tu tập khai mở những huyết đạo này để có thần thông. Có thần thông để lường gạt người làm danh, làm lợi trên mồ hôi nước mắt của kẻ khác. Những người tu tập có thần thông tướng không bao giờ giải thoát.

Có chánh niệm, tức là ý thức thanh tịnh chứ không phải tâm thanh tịnh.

Có đủ Bảy Năng Lực Giác Chi thì tâm mới thanh tịnh, nói cách khác tâm thanh tịnh thì mới có Bảy Năng Lực Giác Chi.

Ý thức thanh tịnh thì có chánh niệm, có chánh niệm thì coi chừng có tướng lực xuất hiện, có tướng lực xuất hiện là do tâm ly dục ly ác pháp chưa thật sạch.

Khi chưa có Bảy Năng Lực Giác Chi thì không làm gì con nhập được Sơ Thiền. Chưa nhập được Sơ Thiền không làm gì có thân, tâm được thanh tịnh; thân tâm chưa thanh tịnh thì làm sao nhập lưu được quả Tu Đà Hoàn.

Cho nên, hiện giờ đang tu tập thì chỉ có ý thức thanh tịnh chứ không có tâm thanh tịnh.

Cái đầu con quay là huyết bách hội khai mở, tức là ý thức bị ức chế không vọng tưởng, chứ không phải ý thức thanh tịnh. Vì thế, con nên ngăn và diệt tướng lực đó để con tu tập Thân Hành Niệm cho tâm thật định tĩnh trên thân hành thì Xả Giác Chi sẽ xuất hiện, Xả Giác Chi xuất hiện thì mới giúp con xả sạch tâm tham, sân, si... tức là trên pháp Thân Hành Niệm ly dục ly ác pháp để vào Bất Động

Tâm Định. Bất động Tâm Định là một trạng thái tâm không phóng niệm và không phóng dật, như Đức Phật đã dạy: ***“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”***.

Ngoại đạo tu tập dùng mọi pháp môn để ức chế ý thức, khiến cho ý thức không có vọng niệm. Không có vọng niệm ngỡ rằng cách thức tu tập như vậy làm cho ý thức thanh tịnh, nói cách khác là làm cho tâm thanh tịnh, nhưng nào ngờ khi ý thức bị ức chế, không hoạt động được, nhờ ý thức không hoạt động được, do đó tưởng thức hoạt động nên mới khai mở các huyết đạo. Tu theo ngoại đạo như Thiên Đông Độ và kinh sách Đại Thừa thì không có tâm thanh tịnh, mà chỉ có tâm chạy theo dục lạc vật chất thế gian. Con cứ nên suy ngẫm lại xem các thầy Đại Thừa và thiền sư Đông Độ thì lời Thầy nói không sai. Chỉ khi nào ý thức ly dục ly ác pháp thì ý thức mới thanh tịnh.

Cho nên, tất cả các pháp môn Thiên: Thiên Đông Độ, Đại Thừa, Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Minh Sát Tuệ, v.v.. đều là pháp môn ức chế tâm, do đó các vị thiền sư này tu sai pháp Phật nên đều nhập định tưởng, do nhập vào định tưởng nên không bao giờ có ý thức thanh tịnh, ý thức còn chưa thanh tịnh thì còn nói gì

đến tâm thanh tịnh được. Do đó, các vị tu lâu năm thì danh lợi càng nhiều, nên đời sống các vị giống như những nhà giàu tở phú.

Huyệt bách hội không có liên quan đến Bốn Thiên và Tam Minh. Huyệt bách hội có liên quan với ngũ thông của ngoại đạo, vì nó thuộc về thiên tướng.

Con đang nhận lầm ý thức thanh tịnh và tâm thức thanh tịnh. Ý thức thanh tịnh chỉ là một sự khởi đầu cho 7 năng lực giải thoát của Phật giáo (Thất Giác Chi) xuất hiện để thực hiện tâm thanh tịnh.

Khi nào con nhập Thiên Thứ Tư thì tâm thức con mới trở dậy, còn bây giờ con đang dùng dụng cụ rất ráo Thân Hành Niệm để tu tập ly dục ly ác pháp, đó là ý thức thanh tịnh.

Hiện giờ con tu tập là để cho ý thức chánh niệm, ý thức tỉnh giác, ý thức định tĩnh, ý thức thanh tịnh, chứ làm gì có tâm thanh tịnh ở chỗ này được.

Hiện giờ con đang dùng ý thức tu tập pháp Thân Hành Niệm để ý thức thanh tịnh, nhưng ý thức của con có xả ly rất nhiều vì thế mà nó có được một ít thanh tịnh, nhờ vậy mà con đã nhận thấy những lực xuất hiện của Bảy

Giác Chi nhưng chưa đủ trọn vẹn, thì lúc này con nên coi chừng sẽ có lực tướng và lực này nó thoát ra khỏi sự điều khiển của ý thức con, nếu con không cảnh giác nó sẽ dẫn con vào thế giới Ma. Khi tu tập thấy có xuất hiện một trạng thái vượt ra ngoài pháp ý thức dẫn tâm của con thì nên cảnh giác và tìm mọi cách ngăn và diệt nó thì sự tu tập của con mới có đi đúng hướng và đúng đường thì sự tiến bộ nhanh chóng, mà Thầy bảo rằng sử dụng lực Ma chuyển thành Bảy Giác Chi là vậy. Nếu theo lực đẩy này thì con bị Ma xỏ mũi. Thầy thường gọi nó là Ngũ Ấm Ma có nghĩa Ma lưu xuất từ thân ngũ uẩn của con.

Lưu ý: Nên Cảnh giác những loại Ma chướng này. Đối với những Ma chướng này. Ta phải biết sử dụng lực Ma, chứ đừng để lực Ma sử dụng ta. Vì ta có pháp **“Như Lý Tác Ý”**, tức là ta có phương pháp sử dụng lực của ý thức để đối trị lực của tướng thức và nương vào lực của tướng thức để dùng nó chiến đấu với ngoại pháp.

Biết sử dụng lực Ma để tạo thành lực Bảy Giác Chi. Vì trong Bảy Giác Chi có lực Xả Giác Chi, Xả Giác Chi sẽ giúp cho ý thức ly dục ly ác pháp hoàn toàn. Nhờ ý thức ly dục ly ác

pháp hoàn toàn thì ý thức thanh tịnh, ý thức thanh tịnh thì Trạch Pháp Giác Chi mới xuất hiện. Nhờ Trạch Pháp Giác Chi thì mới tâm định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng hoàn toàn, do đó ta mới nhập được Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền. Nhờ nhập được Tứ Thiền ta mới đánh thức tâm thức (thức uẩn). Nhờ tâm thức hoạt động ta mới hướng tâm để thực hiện Tam Minh, chứng quả A La Hán vô lậu.



NHỮNG KINH NGHIỆM THƯ

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Con có cảm nhận rằng: những lá thư Thầy viết cho con, là bằng những kinh nghiệm, tu tập của chính Thầy, bằng những tháng năm khó nhọc nước mắt và máu đã rơi...*

Vì thế, khi nhận được những lá thư này, trái tim con, tâm quý và sung sướng, hạnh phúc... vì đã được Thầy tin tưởng và trao truyền.

Con xin ước nguyện sẽ nỗ lực nhiệt tâm tu tập theo như Thầy đã chỉ dạy cho con, để đền đáp công lao khó nhọc của Thầy, trái tim của con luôn tri ân trong muôn một.

Tâm hồn và trái tim của con thương kính Thầy nhiều lắm... bởi vì con đường tu hành rất gian nan khó khăn vô cùng, gặp chướng ngại rất nhiều... Vậy mà Thầy, đi qua được, Thầy làm chủ được sanh tử. Ôi! Thầy thật là vĩ đại và cao thượng quá! Và con cũng sẽ noi gương theo hạnh của Thầy, con cũng sẽ quyết chí đi qua cho bằng được, làm chủ bốn nỗi thống khổ này: sanh, lão, bệnh, tử và cuộc đời của con sẽ sống như Phật đã sống, như Thầy đã sống. Và con sẽ nói lên những gì Thầy đã nói, và con sẽ làm những gì Phật đã làm, những gì Thầy đã làm. Con thành kính gửi đến bậc Thầy tôn kính nhất của cuộc đời con.

Con kính chúc Thầy luôn khỏe mạnh.

*Kính thư
Con của Thầy,
Nguyễn Thanh.*



PHẬT PHÁP KHÔNG CÓ GÌ BÍ ẨN KÍNH GỬI: NGUYỄN THANH

Đáp: Pháp của Phật không có gì là bí mật, bí truyền cả, mà là những phương pháp chỉ dạy cụ thể rõ ràng sờ sờ trước mắt, nhưng vì bản chất con người cầu thả, thiếu cẩn thận, thiếu kỹ lưỡng, lười biếng v.v.. rồi tự mình kiến giải, tưởng giải chế ra pháp tu tập mới, theo kiểu tự hiểu biết trong danh từ chữ nghĩa hoặc được thừa truyền những nghĩa lý sai mà không qua kinh nghiệm tu hành thực tu, thực chứng của những bậc đã đạt đạo.

Đạo Phật lấy “*THÂN HÀNH*” mà tu tập, tu tập cho tâm được tỉnh thức, nhờ tâm tỉnh thức mà thấu suốt được lý nhân quả vô thường, do thấu suốt được lý nhân quả vô thường nên các pháp ác không tác động vào thân tâm được. Do các pháp ác không tác động vào thân tâm được nên tâm định tĩnh, tâm định tĩnh tức là tâm không phóng dật. Khi tâm không phóng dật là tâm giải thoát, tâm giải thoát là tâm có đủ Bảy Giác Chi. Bảy Giác Chi là bảy năng lực giúp chúng ta làm chủ sanh tử chấm dứt luân hồi.

Cho nên, pháp Phật đâu có gì là bí mật mà gọi là: **“Giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự”**. Pháp của Phật là pháp dạy trực tiếp lia tâm tham, sân, si, mạn, nghi, cho nên gọi là: **“Ngăn ác diệt ác pháp”**, chứ có đâu đi tìm những pháp mơ hồ **“Chân Không diệu hữu”**, cảnh giới ảo tưởng **“Tây Phương Cực Lạc”**.

Thế mà chúng ta lại tu lòng vòng loanh quanh ức chế tâm, cuối cùng nhìn lại thì chẳng có ai giải thoát chỉ toàn là lý thuyết suông.

Chúng ta nên nhớ pháp của Phật là pháp xả tâm, ly dục, ly ác pháp chứ không phải pháp tập trung tâm để nhập định. Chánh định của Phật muốn nhập được là phải có Bảy Giác Chi. Bảy Giác Chi có được là nhờ ý thức ly dục ly ác pháp, tức là ý thức thanh tịnh.

Có hiểu rõ được như vậy thì sự tu tập của chúng ta không có hoài công, vô ích.

Kính ghi
Thầy của con.



BỊ NGOẠI ĐẠO KHIÊU KHÍCH

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Con là Chơn Đức xin Thầy hoan hỷ chỉ dẫn cho con hiểu những điều dưới đây:*

1/ Khi bị ngoại đạo khiêu khích bằng lời nói nhạo báng nói xấu xa hoặc bằng vũ lực, thì chúng con phải giải quyết xử trí như thế nào?

Đáp: Chúng ta nên noi theo gương hạnh của đức Phật ngày xưa, khi đứng trước ác pháp thì phải **“Im lặng như Thánh”**.

Trước những lời khiêu khích, cũng như những lời nhạo báng nói xấu, cho đến họ dùng vũ lực để đánh chúng ta, thì chúng ta cứ nhẫn nhịn và chạy tránh là hay nhất.

Đức Phật thường nhắc chúng ta:

“Nó mắng tôi, đánh tôi

Nó hại tôi, cướp tôi

Không ôm ấp niệm ấy

Hận thù sẽ tự nguôi”.

Lời dạy này trong kinh Pháp Cú, chúng ta nên áp dụng vào đời sống hằng ngày, thì lời

khen cũng như lời chê, lời khiêu khích, lời nhạo báng, nói xấu xa cho đến dùng vũ lực để đánh, chúng ta đều hóa giải được.

Một hôm, có một vị Bà La Môn đến chửi mắng Phật, Phật vẫn im lặng, người ấy chửi mắng đã, rồi bỏ ra về. Thấy thế ông A Nan hỏi Phật: **“Sao Đức Thế Tôn không có lời nào?”**

Đức Phật bảo:

“- Như người mang bánh đến cho ta, nhưng ta không nhận thì người ấy làm sao? Họ đem bỏ hay mang về?”

Ông A Nan nói:

“- Bạch Thế Tôn, họ mang về”.

Phật đáp:

“- Cũng vậy họ chửi ta mà ta không chửi lại và không hờn giận họ thì cũng giống như một người mang bánh cho ta mà ta không nhận thì họ phải mang về nhà”.

Cách thức im lặng như Thánh là chúng ta không nhận những lời mắng chửi nhạo báng trên, còn chúng ta mở lời nói trái, phân phải là chúng ta đã nhận những lời mắng chửi nhạo báng đó. Cũng giống như người ta mang bánh

cho mình vậy, không nhận thì họ mang về. Lối nhân nhục trên đây thật là tuyệt vời, nhưng nếu chúng ta không rèn luyện tu tập đầy đủ sức định tĩnh thì cũng khó im lặng như Thánh.

Xưa, ông Phú Lô Na xin Phật đi vào một xứ xa để độ họ tu tập thiện pháp, nhưng người dân ở đó rất là hung dữ. Phật hỏi ông:

- **Khi người ta chửi ông.**

Ông đáp:

- **Người ta còn thương con.**

Ví dụ: Khi người ta chửi con nói con là ngoại đạo thì con nên thương họ, vì họ nói như vậy chính họ là ngoại đạo. Chỉ có ngoại đạo mới tâm hung dữ chửi mắng người như vậy.

Phật hỏi:

- **Khi người ta đánh ông.**

Ông Phú Lô Na đáp:

- **Người ta còn thương con.**

Phật hỏi:

- **Khi người ta giết ông.**

Ông đáp:

- **Người ta thương con.**

Pháp sai chứ người đâu có sai, pháp có pháp ngoại đạo, chứ người đâu có người ngoại đạo, chỉ vì người theo pháp sai mà không biết, cho nên chửi mắng người khác là ngoại đạo làm sai. Vì biết đâu vui kia mất nọ, vui nọ mất kia, người bỏ pháp tà tu lại đúng chánh pháp thì sao gọi họ là ngoại đạo được.

Cho nên, khi người ta mắng chửi mình thì mình chỉ nên im lặng như Thánh và nên thương họ vì họ là người đáng thương.



THANH MINH

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có những điều vu khống sai sự thật, có cần phải thanh minh làm sáng tỏ không?*

Đáp: Có lúc cần thanh minh nhưng cũng có lúc không cần thanh minh.

Nếu chung quanh chúng ta toàn là những người ác thì chúng ta không nên thanh minh vì có thanh minh thì cũng không bao giờ có người chịu nghe, càng thanh minh thì càng

thêm thù oán, **“thanh minh oán hận càng sanh”**. Lúc bấy giờ chúng ta cần phải im lặng như Thánh. Tại đất nước Phù Tang, có một nhà sư đến xin ở trong một ngôi chùa làng để tu hành. Sau năm tháng ở đây, có một cô gái mang thai đến khai rằng: *“ông là tác giả đưa bé trong bụng cô”*.

Nhà sư không buồn, không giận và cũng không minh oan mà chỉ trả lời bằng câu:

- *“Thế à!”*

Đến khi sanh con ra, cô gái này bế cháu bé giao cho ông. Ông nhận lãnh cháu bé cũng không buồn, không giận và cũng không minh oan và ông cũng dùng câu trả lời ngắn gọn.

- *“Thế à!”*

Trước sự im lặng nhẫn nại như Thánh cuối cùng cô này đến xin đưa con trở lại, vì xấu hổ, ăn năn, sám hối lỗi lầm của mình. Khi cô gái kia biết lỗi ăn năn sám hối, nhà sư vẫn vui vẻ trao trả lại đứa con cho cô và cũng chỉ trả lời ngắn gọn:

- *“Thế à!”*

Chúng ta cũng đều học Phật, nên ai không biết lời dạy này: **“Oan ức không cần mình oan, mình oan oán hận dĩ sanh”**.

Trên đây là những gương hạnh im lặng như Thánh mà đức Phật đã từng dạy cho đệ tử của Người. Vậy chúng ta cũng nên noi gương những bậc Thánh Tăng này mà im lặng như Thánh thì tốt nhất.



KHI TU THEO PHẬT GIÁO CÓ CẦN THAM KHẢO THÊM SÁCH KHOA HỌC...

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy, khi tu hành theo Phật giáo, có cần phải kham khảo những sách khoa học, kỹ thuật, nghe tin tức thời sự thời tiết qua hình thức phát thanh và truyền hình của nhà nước không?

Đáp: Người tu hành để cầu sự giải thoát thì đâu còn có thì giờ rảnh để nghiên cứu sách khoa học, kỹ thuật, nghe tin tức thời sự thời tiết qua hình thức báo chí, phát thanh và truyền hình của nhà nước.

Sanh tử là việc lớn, còn nghiên cứu sách khoa học kỹ thuật, nghe tin tức thời sự, chỉ là

một việc nhỏ. Sự tìm hiểu đó cũng chỉ để hiểu biết trong vòng thế tục, cũng để hiểu biết trong hạn hẹp của đầu óc con người chứ không thể nào vượt không gian và thời gian để hiểu biết thấu suốt sự vận hành của vũ trụ.

Sự hiểu của khoa học kỹ thuật, tin tức, thời tiết chẳng có gì ích lợi cho sự tu tập của một người muốn ra khỏi vòng tục lụy luân hồi sanh tử. Sự tu tập theo Phật giáo là một sự khám phá tìm hiểu để biết thâm sâu vào tâm linh của con người. Sự tìm hiểu biết ấy thì khoa học kỹ thuật chẳng có thể giúp họ hiểu biết được những gì thêm mà còn chướng ngại cho sự tu tập.

Người tu sĩ Phật giáo mà còn tìm hiểu theo dõi tin tức trong nước cũng như thế giới thì họ làm sao tu đến nơi đến chốn được. Đó là một phương tiện giúp cho tâm phóng dật dễ dàng.

Tu theo Phật giáo chúng ta không còn có thì giờ rảnh để nghiên cứu sách đời, theo dõi tin tức điện đài tivi v.v.. 24 giờ trên 24 giờ lúc nào cũng đang tu tập để quét cho sạch cái tâm nhiễm ô của mình.

Theo dõi tin tức, nghiên cứu sách khoa học để hiểu biết nói ra, khiến cho mọi người

phục mình chơi, chứ tu hành có ra gì, chỉ phí công mang tiếng là tu theo Phật giáo.



TRỒNG RAU SẠCH

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong điều kiện tu tập ở nơi không có điều kiện đi khát thực, có được phép trồng rau sạch để tránh khỏi bị ô nhiễm có được không?*

Đáp: Câu hỏi được đặt ra là mất Chánh Nghiệp của đạo Phật. Người tu sĩ Phật giáo chỉ còn duy nhất có một Chánh Nghiệp. Đó là nghề đi ăn xin. Vì có ăn xin mới tu tập diệt ngã, xả tâm ly dục ly ác pháp được, còn làm tất cả các nghề khác để sống là đi ngược lại với đạo Phật. Đi ngược lại với Phật giáo thì sự tu hành để cầu giải thoát chẳng bao giờ có giải thoát và còn làm mất thì giờ vô ích, uống phí một đời tu hành chẳng ra gì.

Trồng lúa, rau, cải để ăn như các nông dân thì nên làm nông dân, chứ đi tu có tu đến đâu? Có giải thoát được chỗ nào?

Người tu sĩ đạo Phật phải là người du Tăng khát sĩ. Xưa đức Phật nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác, không có ở một chỗ nhất định. Ở đây thất mùa đói khát thì đức Phật đi đến xứ khác, nơi đó được mùa, dễ xin ăn, chứ đâu như tu sĩ hiện giờ ở chết một chỗ.

Cái sai của trụ thế Tăng, là vì cuộc sống tạo ra bao thứ nghề sống.

Hiện giờ khắp nơi trên đất nước chúng ta, có chùa thì làm ruộng rẫy, nuôi lợn, gà, vịt, dê, bò để sinh sống như nông dân; có chùa chuyên cúng bái, tế lễ làm những chuyện mê tín để kiếm sống; có chùa lại buôn bán nhang đèn, kinh sách, tương chao v.v.. để sinh sống; có chùa chuyên đi thuyết giảng để sinh sống; có chùa làm những nghề thủ công đan, thêu, may mặc hoặc làm tương chao đem bán để sinh sống v.v..

Tất cả những việc làm này trong các chùa đều không đúng Chánh Nghiệp của Phật giáo, mọi nghề nghiệp làm để sinh sống đức Phật đã cấm không cho, chỉ còn duy nhất là ôm bát đi xin ăn từng nhà.

Nếu chỗ này không có điều kiện đi xin ăn được, thì hãy đến chỗ khác, chỗ nào tiện lợi cho việc tu hành dù cực khổ đói khát ta cũng chấp nhận ở đó tu tập.

Tu sĩ mà làm mọi nghề để sống thì không đúng là tu sĩ Phật giáo. Cho đến cái nghề đi xin, mà xin tiền thì cũng không đúng, chỉ có được quyền đi xin thực phẩm vào lúc buổi trưa từ 10 giờ đến 12 giờ.



TU SĨ GẶT LÚA GIÚP DÂN

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trường hợp của Thầy Chân Trí lao động gặt lúa giúp dân có đúng không?

Đáp: Thầy Chân Trí gặt lúa giúp dân, chỉ vì Thầy là người sống rảnh rỗi, không có pháp hành tu tập, nên ra làm công quả giúp cho dân. Làm như vậy cũng tốt nhưng cuộc đời tu của Thầy rất uống phí. Một người chấp nhận tu hành theo đạo Phật là phải tu rất ráo làm

chủ cho được sanh tử mới thôi còn thì giờ rảnh rỗi đâu mà gặt lúa giúp dân.

Tu như Thầy Chân Trí mang tiếng đi tu, chứ thực chất tu chẳng đến đâu cả.

Người tu sĩ Phật giáo tu đến nổi quên ăn, quên ngủ, tu đến nổi tóc tai, râu ria móng tay, móng chân quên cắt tỉa.

Tu chỉ biết tu không còn biết tất cả những gì bên ngoài xảy ra, thì sự tu hành mới có kết quả, nếu không tu được như vậy thì nên ra đời, sống đời cư sĩ thì làm mọi nghề đều được cả, chỉ trừ sáu nghề Phật đã cấm, còn riêng tu sĩ thì không nên làm nghề nghiệp nào khác, chỉ có nghề duy nhất đi xin ăn và tu tập ngày đêm không rảnh rỗi.

Gặt lúa giúp dân là tốt, nhưng với người tu sĩ làm như vậy là sai. Người tu sĩ làm như vậy là phi Phạm hạnh, là phạm giới luật, là không xứng đáng làm đệ tử của Phật. Một đời đi tu là tìm cầu sự giải thoát, cứ sao lại đi gặt lúa làm nông dân thì còn nghĩa lý gì giải thoát. Làm như vậy không xứng đáng là tu sĩ Phật giáo.



CỨU TRỢ

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kinh thưa Thầy! Khi gặp thiên tai bão lụt có nên tham gia không?*

Đáp: Người tu sĩ là một người chấp nhận nghèo để xin ăn hằng ngày thì lấy đâu mà cứu độ thiên tai bão lụt cho đồng bào.

Khi tham gia vào công tác từ thiện này thì phải có tiền của, không có tiền của mà tham gia thì kêu gọi Phật tử, nhưng Phật tử là những người công dân trong một nước nên được nhà nước kêu gọi đóng góp để cứu trợ, thế mà ta lại kêu gọi họ đóng góp cứu trợ một lần nữa thì thật là đáng thương cho họ, họ phải đóng góp nhiều đoàn thể, như vậy chẳng khác nào chúng ta đã rút mồ hôi nước mắt của họ để làm từ thiện. Nếu chúng ta là người tu sĩ Phật giáo mà không khởi chút lòng thương họ, chỉ biết chuộng danh từ làm từ thiện thì chắc là chúng ta sẽ làm khổ người khác.

Việc làm từ thiện này là của người cư sĩ, họ là những người làm ra của, còn chúng ta là tu sĩ còn có gì cho ai. Vả lại những người đang bị cảnh thiên tai không phải là ngẫu nhiên mà

do nhân quả của họ. Do làm ác mà phải gặt lấy những hậu quả này. Đứng trước cảnh ấy chúng ta không nỡ nhìn tâm nhìn họ trong cảnh màn trời chiếu đất. Vì thế, chúng ta kêu gọi người một ít giúp họ vượt khó.

Ở đây, tùy theo mức độ và tinh thần cứu trợ của Phật tử “*Lá lành đùm lá rách*” thì cứu trợ rất tốt, không có vi phạm gì cả.



ĐƯỢC PHÉP BÁN SẢN PHẨM THỪA KHÔNG?

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Những trường hợp nào được mua bán vật phẩm cụ thể như có sản phẩm thừa có được phép bán không?*

Đáp: Một người tu sĩ làm sao có sản phẩm thừa hay sản xuất ra sản phẩm mà bán? Theo lời dạy của đức Phật: Chỉ trong một bữa ăn còn thừa ra ngoài thì nên bố thí không được để dành thực phẩm ăn uống cách đêm, vì để

dành thực phẩm ăn uống cách đêm sẽ bị phạm giới tức là phạm tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

Người tu sĩ theo Phật giáo không được phép làm bất cứ một nghề nghiệp khác, ngoài nghề đi khất thực ra. Nghề đi khất thực về ăn ngày đó còn không được để lại thực phẩm qua đêm, vì để lại thực phẩm qua đêm thì không xứng đáng là đệ tử của Phật.

Ăn ngày đó chỉ biết ngày đó, không được phép để dành ngày khác, dầu cho hạt muối còn không giữ lại được huống là những vật gì.

Câu hỏi của con là để hỏi cho những người mượn Phật giáo làm cuộc sống, lấy Phật giáo kinh doanh cho cuộc sống, giống như các thầy Đại Thừa, chứ người đệ tử của Phật là những người đã giải thoát khỏi tiền bạc, danh lợi và những vật chất thì có sản phẩm nào mà buôn bán. Đời sống chỉ còn ba y một bát, không có thừa một vật gì thì lấy đâu mà buôn bán.

Một người đã chấp nhận theo Phật giáo tu hành thì không được quyền cất giữ tiền bạc. Tiền bạc mà không được quyền cất giữ thì có vật gì thừa đâu mà bán?

Ăn xin còn không có đủ ăn, có đâu thừa mà bán.

Chấp nhận sự giải thoát trong đạo Phật là chấp nhận một cuộc sống thiếu dục tri túc tận cùng.

Cho nên, làm tu sĩ Đại Thừa thì dễ, chứ làm tu sĩ của Phật thì rất khó. Rất nghèo nhưng không khổ con ạ!. Tâm hồn luôn được thanh thản, an lạc và vô sự không bị mọi vật chất tiền bạc, danh lợi ràng buộc. Người nào có sống như vậy mới tìm thấy sự giải thoát chân thật của đạo Phật.

Còn làm ra vật phẩm để buôn bán, để có tiền chi tiêu, để sống như một người sống thường tình cũng như bao nhiêu người khác trong thế gian này, thì chúng ta khó mà tìm thấy sự giải thoát của Phật giáo.



TRỒNG RAU LÚA SẠCH TRÁNH THUỐC SÂU RẦY

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trồng rau lúa để tránh khỏi bị ô nhiễm thuốc sâu rầy có được không?

Đáp: Đã sợ chết thì đừng nên đi tu, vì đi tu là chấp nhận sự xin ăn, mà đã đi xin ăn thì người ta cho cái gì về ăn cái này, để sống mà tu chứ không cho phép phải lựa chọn rau lúa không bị ô nhiễm bởi thuốc sâu rầy.

Ăn để sống, sống để tu hành chứ không phải lo những điều không thể lo được. Vì cả một đất nước nông dân sản xuất rau, cải, lúa, đậu v.v.. đều phải phòng ngừa sâu rầy bằng cách phun thuốc, và chăm bón phân hóa học thì còn tránh đâu cho khỏi. Đất đai của chúng ta đã bạc màu nếu không dùng phân hóa học thì rau, đậu lúa, khoai làm sao lên được.

Mọi người sống như thế nào thì ta nên sống như thế ấy. Mục đích tu hành là để thoát ra khỏi kiếp làm người mang đầy dẫy những sự khổ đau. Mục đích tu hành là để chấm dứt

luân hồi sanh tử, để không còn tái sanh lại trong thế giới này nữa. Vì vậy, mà chúng ta phải tu hành là để cho tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, chứ không phải sợ hãi lo lắng như con hiện giờ là không đúng chánh pháp của Phật.



LỄ NGHI ĐỐI VỚI NGOẠI ĐẠO

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Theo như lời dạy của Thầy đạo Phật ngày nay đã bị tà sư ngoại đạo làm biến dạng: cụ thể là kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Vậy chúng con khi gặp gỡ và tiếp xúc thì phần lễ nghi phải như thế nào cho đúng oai nghi tế hạnh đối với các tu sĩ ngoại đạo này?*

Đáp: Khi các con gặp các nhà sư Đại Thừa hay các thiền sư Đông Độ thì các con nên chấp tay lên trước ngực, cúi đầu chào họ chứ không được niệm: “**Mô Phật**” như họ.

Về lễ độ lịch sự của người tu sĩ Phật giáo chân chánh luôn luôn phải có thái độ kính

trọng người khác dù người đó là một hạng người nào trong xã hội, chúng ta cũng đều phải cung kính, tôn trọng như nhau không phân biệt giàu sang, quyền thế. Tu sĩ hay không tu sĩ, người ân cũng như người oán thù đều phải giữ lễ độ lúc gặp nhau phải chào hỏi chân tình, chứ không phải chào hỏi lấy lệ.

Người thế tục khi chào hỏi theo kiểu phương Tây đều đưa tay bắt và nói, chào anh, chào chị, chào cô, chào chú, chào bác, chào Thầy, chào em, chào các cháu v.v..

Người Đông phương theo tục lệ lễ nghĩa Nho Giáo thì khoanh tay trước ngực cúi đầu và nói: con kính chào bác ạ! Con kính chào Thầy ạ! Con kính chào mẹ! Con kính chào bố!...

Còn người lớn chào người nhỏ thì không có khoanh tay mà chỉ cúi đầu và nói, bố chào con! Mẹ chào con! Ông chào cháu! Anh chào em!...

Về Phật giáo thì có vẻ bình đẳng hơn nhiều khi chào hỏi. Người lớn tuổi cũng như người nhỏ tuổi chỉ chấp tay để trước ngực chào.

Theo Đại Thừa, khi chào như vậy thì nói: “A Di Đà Phật” hay “Mô Phật”.

Đối với chúng ta là người Việt Nam nên dung thông tinh thần lễ độ của Phật giáo cho phù hợp với dân tộc tính, bằng cách chấp tay lên trước ngực có lễ độ, biểu tượng cung kính của Phật giáo tượng trưng hai bàn tay chấp lại là bông sen búp, tức là tỏ lòng trong sạch cung kính, tôn trọng chào người đối diện, khi chấp tay lên xong chúng ta cúi đầu chào và nói: Con kính chào bác! Con kính chào bố! Con kính chào mẹ! Em kính chào chị! Em kính chào anh! v.v.. đó là người nhỏ chào người lớn, ngược lại người lớn chào người nhỏ thì cũng chấp tay lên ngực cúi đầu chào và nói: Bác chào cháu! Bố chào con! Mẹ chào con! v.v..

Nếu là bạn bè thì nói; chào bạn! v.v.. đó là phần chào hỏi của người cư sĩ.

Còn phần chào hỏi của người tu sĩ, thì như thế nào? Một người đã xuất gia trở thành một tu sĩ khi về thăm nhà cách lễ độ xưng hô chào hỏi những người thân trong gia đình phải rõ ràng, để tránh khỏi người ta chê cười.

Khi xuất gia trở về thăm người thân trong gia đình phải chào hỏi như thế nào cho đúng cách?

Người xuất gia về thăm cha mẹ, khi gặp cha hay mẹ liền chấp tay lên trước ngực cúi

đầu chào nói: Minh Quang xin chào bố! Hạnh Tâm xin chào mẹ!, tức là xưng pháp danh. Minh Quang hay Hạnh Tâm là pháp danh hay là pháp hiệu.

Người tu sĩ khi gặp nhau cách xưng hô nên dùng pháp danh hay pháp hiệu, chứ không được dùng tiếng xưng hô con, trò cháu, thầy, sư, bác, chú, anh, chị, cô, dì, v.v.. Vì đó là những tiếng xưng hô của những người chưa xuất gia, còn người xuất gia thì chỉ duy nhất dùng pháp danh và pháp hiệu để xưng hô như trên.

Lấy pháp danh xưng hô nghe ngọt ngào và thân thiện đúng tư cách của một tu sĩ Phật giáo.

Bây giờ chúng ta đi sâu vào cách lễ nghi chào hỏi cho đúng cách.

Đối với những người thân trong gia đình, khi gặp nhau chào hỏi bằng cách nào cho đúng?

1. Nếu xưng “**con**” thì giống như người thế tục.

2. Nếu xưng “**thầy, sư**” thì có vẻ như người trên.

3. Nếu xưng **“bác, chú”**, thì có vẻ như thế tục.

4. Nếu xưng **“trò”** thì có vẻ là học trò Nho giáo, không đúng cách của người xuất gia Phật giáo.

Đối với người lớn tuổi trong gia đình như cha mẹ, cô, bác, dì, cậu, anh, chị thì nên xưng pháp danh.

Ví dụ: Khi về thăm nhà gặp cha hay mẹ thì nên chấp tay trước ngực cúi đầu chào và nói: Minh Quang xin chào bố.

Hạnh Tâm xin chào mẹ.

Minh Quang xin chào bác, cô, dì v.v..

Đối với các em, các cháu còn nhỏ tuổi, còn trẻ thì nên xưng thầy, sư.

Thầy chào các cháu hay Sư chào các cháu.

Đối với Phật tử thì xưng thầy, sư.

Đối với những người xa lạ không phải là Phật tử người lớn tuổi cũng như người nhỏ tuổi đều xưng là: bần Tăng.

Ví dụ: Khi gặp một người phật tử, dù tuổi già hay tuổi nhỏ, ta cũng đều chấp tay trước ngực người lớn tuổi thì cúi đầu chào và nói:

“Chào phật tử!”. Người nhỏ tuổi thì chỉ chấp tay mà không cúi đầu và nói “Chào phật tử!”.

Khi gặp một người không phải là Phật tử ta cũng chấp tay trước ngực, nếu là người lớn tuổi thì cúi đầu chào và nói: chào bác, chào chú, chào cô. Người nhỏ tuổi thì chấp tay nhưng không cúi đầu và nói: chào anh, chào chị v.v..

Đối với người khác tôn giáo thì ta cũng chấp tay chào người lớn tuổi thì cúi đầu chào còn người nhỏ tuổi thì không cúi đầu nhưng vẫn phải chấp tay trước ngực và nói: “Chào đạo hữu”.



CHÀO HỎI BẠN BÈ CÙNG CHUNG NHAU MỘT THẦY

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Các tu sĩ đã học ở Chơn Như từ trước đến nay. Vậy có phân cấp quan hệ huynh đệ trước sau không? Khi gặp gỡ xưng hô như thế nào cho đúng?

Đáp: Các huynh đệ tu học ở Chơn Như chỉ có hai giai cấp:

Về cư sĩ:

1. Tu chứng được gọi là Trưởng Lão, ví dụ Trưởng Lão Thiện Quang, dù tuổi còn trẻ nhưng cũng vẫn gọi là Trưởng Lão.

2. Tu chưa chứng được gọi là cư sĩ Thiện Quang.

Về tu sĩ:

1- Tu chứng được gọi là Trưởng Lão.

Ví dụ: Trưởng Lão Tịnh Quang (dù vị tu sĩ còn trẻ nhưng vẫn gọi là Trưởng Lão).

2- Tu chưa chứng được gọi là Thầy.

Ví dụ: Thầy Tịnh Quang.

Ở tu viện Chơn Như không có phân giai cấp, người đến trước, đến sau mà căn cứ ở chỗ giữ gìn giới luật nghiêm túc và tu chứng.

Về phần người tu chứng thì người nào lớn tuổi hơn, thì theo tuổi tác mà phân làm anh em trong một nhà, chứ không phải tu chứng trước là anh mà tu chứng sau là em.

Về phần người tu chưa chứng thì người nào tuổi lớn hơn là anh chứ không phải người đến trước là anh, người đến sau là em.

Ở tu viện Chơn Như lấy tuổi tác và công đức tu hành mà phân làm anh em. Nhất là người tu chứng thì mới có đủ khả năng chỉ dạy cho người tu chưa chứng. Dù họ tuổi nhỏ nhưng về kinh nghiệm thì họ là bậc đàn anh, bậc hướng dẫn tu tập: cho nên họ được gọi Trưởng Lão.

Đối với người tu chứng nên gọi một cách tôn kính và thân mật: **“Thưa Thánh Giả Trưởng Lão Tịnh Quang”**.

Đối với người tu chưa chứng nhưng giữ gìn giới luật nghiêm túc thì nên gọi một cách tôn kính và thân mật bằng **“Thưa Hiền Giả Tịnh Quang”**.

Đối với người tu chưa chứng mà giới luật không nghiêm chỉnh thì gọi **“Thầy Tịnh Quang”**.

Còn về phần tự xưng thì người tu chứng hay chưa chứng đều không được xưng hay gọi **“tôi, trò, ta, tao, mày, nó, hắn, y...”** mà nên tự xưng pháp danh **“Tịnh Quang xin hỏi điều này”** hay **“Tịnh Quang xin chào”**.

Muốn nói một điều gì thì không được xưng **“tôi”** mà nên nói **“chúng tôi”** ...

Còn muốn nói cá nhân mình thì xưng pháp danh Ví dụ: “*Nguyên Thanh*” xin thưa hỏi. “*Nguyên Thanh*” có những câu hỏi xin Thầy chỉ dạy cho “*Nguyên Thanh*” rõ.



KHI VÀO CHÙA NÊN LỄ VỊ PHẬT NÀO?

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong trường hợp đi khát thực hoặc lý do nào đó mà phải vào chùa thưa hỏi thì nghi lễ như thế nào? Nếu phải lễ Phật thì lễ những bàn nào?*

Đáp: Trường hợp có dịp đi tham quan ghé thăm một chùa nào. Khi vào chùa thì xin gặp thầy trụ trì, khi gặp thầy trụ trì thì chấp tay chào. Nếu người lớn tuổi thì gọi: Kính chào Thượng Tọa! Nếu người nhỏ tuổi thì gọi: Kính chào Đại Đức. Khi chào hỏi xong thì xin vị trụ trì cho lễ Phật thì nên đến trước tượng Phật Thích Ca lễ lạy hoặc xá một xá rồi lui ra nhà khách nói chuyện, chứ không được lạy lễ các bàn thờ Phật khác. Con nên nhớ: chỉ có lễ đức Phật Thích Ca mà thôi, còn tất cả các tượng

Phật khác, đều là tượng của các vị thần Bà La Môn. Chúng ta là tu sĩ Phật giáo không nên lễ lạy những vị thần đó.

Con hãy nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xác định: ***“Trên trời dưới trời, ta là người duy nhất”***.

Trên cuộc đời này chỉ có con người là duy nhất, tự cứu mình ra khỏi mọi sự đau khổ này, chứ không có ai cứu chúng ta bằng chúng ta. Còn các vị thần ấy không cứu chúng ta được và cũng không giúp gì cho chúng ta được. Chúng ta phải tự lực nên không cầu tha lực, không cầu tha lực thì không lạy lễ những vị thần đó.

Chúng ta lạy lễ Đức Phật Thích Ca là vì chúng ta nhớ công ơn của Người đã để lại cho chúng ta một nền đạo đức nhân bản - nhân quả tuyệt vời và một giáo pháp tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà không có một tôn giáo nào có được. Công ơn ấy rất lớn, nên đến chùa lạy đức Phật Thích Ca mà thôi, một đức Phật duy nhất trên đời này



XUNG HÔ VỚI PHẬT TỬ

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính bạch Thầy! Đối với các cư sĩ Phật tử quan hệ xưng hô như thế nào cho đúng?

Đáp: Đối với những người cư sĩ Phật tử khi đến gặp chúng ta, nếu biết pháp danh thì gọi họ bằng pháp danh, còn nếu không biết pháp danh thì ta nên gọi họ bằng Phật tử.

Biết pháp danh của họ là Minh Đạo thì gọi họ Minh Đạo.

Ví dụ: “**Minh Đạo**” đến Thầy có điều gì không?

Còn không biết pháp danh thì gọi họ là Phật tử.

Ví dụ: “**Phật tử**” đến Thầy có việc gì không?

Đối với Phật tử thì nên xưng với họ là Thầy, dù chúng ta mới xuất gia cũng nên xưng với họ là Thầy.

Ví dụ: Phật tử giúp Thầy một tay.

Ví dụ: Thầy làm lễ quy y cho các cháu.

NHẬN SỰ CÚNG DƯỜNG PHẢI ƯỚC NGUYỆN NHƯ THẾ NÀO?

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Gặp trường hợp các phật tử cúng dường nên nhận thứ gì và không nên nhận thứ gì? Đáp lễ ra sao?*

Đáp: Khi Phật tử cúng dường tiền bạc thì không nên nhận chỉ có nhận những thực phẩm, nếu người Phật tử kỳ kèo cho mình nhận tiền thì nhận tiền nhưng phải nói lý do nhận tiền làm việc gì để sau này tránh khỏi sự tai tiếng không tốt.

Khi nhận của cúng dường thì đáp lễ là phải chấp tay lên trước ngực và ước nguyện cho Phật tử được tu hành như mình và được giải thoát như mình.

Nếu không tự soạn ra lời ước nguyện thì nên theo lời ước nguyện mà Thầy đã biên soạn trong tập nghi thức tụng niệm tại tu viện Chơn Như.

Tốt nhất, tự tâm mình nghĩ ra như thế nào rồi ước nguyện như thế nấy, đừng vay

mượn lời người khác mà thành ra thiếu chân thật, giống như con chim học nói.



XUNG HÔ VỚI NHỮNG BẠC CAO NIÊN

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Đối với những bậc cao niên dân dã thì tiếp đón xưng hô như thế nào cho đúng?

Đáp: Đối các bậc cao niên thì nên gọi bằng “**cụ**” nếu họ không phải là Phật tử, còn nếu họ là Phật tử thì gọi là “**cư sĩ**”.

Xưng hô mình là Thầy.

Ví dụ: Thưa cụ, cụ đến thăm Thầy có việc gì?

Ví dụ: Hôm nay có duyên sự gì mà cư sĩ đến thăm chùa sớm quá vậy. Đó là những cách xưng hô, Thầy chỉ tóm lược để các bạn xưng hô cho đúng cách. Nếu xưng hô không đúng cách, người hiểu biết sẽ cười các bạn đấy, cho các bạn là những người kém văn hóa, đi tu mà

không biết cách xưng giao tiếp với nhau thì rất là xấu hổ. Phải không các bạn?

Vấn đề xưng hô rất là quan trọng xin các bạn nên lưu ý học tập về những oai nghi tế hạnh này. Tuy nó không có gì lớn lao, nhưng con người lịch sự mà không biết cách xưng hô thì không còn lịch sự. Phải không các bạn?



CÁCH VẬN Y THƯỢNG

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy, cách vận y phục: trong những trường hợp nào khoác y thượng? Nghi thức nào mới vận y thượng? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con rõ?

Đáp: Vận y thượng này vào những ngày làm lễ truyền cho Tam Quy, Ngũ giới cho Phật tử. Truyền cụ túc giới cho Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni. Khi ra khỏi thất đi khất thực. Khi tu tập ngồi thiền v.v..

Còn tất cả các ngày lễ khác, tiếp khách tụng niệm thì nên mặc chiếc áo tràng bình thường.

Khi mặc y thượng vào là tướng phước điền cho mọi người gieo duyên để đời sau họ có duyên gặp được Chánh pháp của Phật.

Đắp y thượng vào là hình ảnh của đức Phật nên khi đi, khi đứng, lúc ngồi hay nằm đều phải giữ gìn cẩn thận, nhẹ nhàng, khoan thai. Có như vậy mới không phỉ báng Phật pháp; không làm hư hoại tôn chỉ Phật giáo. Nếu các bạn không tu thì thôi: đừng làm hư hoại Phật giáo rất đau lòng.



CÁCH XUNG HÔ VỚI NHỮNG NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa thầy! Quan hệ của người tu sĩ trong gia đình họ hàng về cách xưng hô như thế nào đúng?

Đáp: Quan hệ trong gia đình họ hàng cách xưng hô theo bình thường như thế nào thì xưng hô như thế nấy, không nên thay đổi, phải đúng theo phong tục nơi mình đang cư trú. Đối

với tất cả cô, bác, chú, dì, cậu, mợ, anh chị em đều gọi đúng giai thứ của họ, nhưng riêng mình phải xưng hô với mọi người thì nên xưng là thầy.

Ví dụ: Thầy muốn nói với cháu Tâm điều này hoặc Thầy kể lại câu chuyện nhân nhục của đức Thế Tôn cho mẹ nghe hoặc mẹ hãy mua bố thí cho Thầy một ít giấy để viết.

Trên đây là những ví dụ xin quý bạn hãy đón đọc tập sách Văn Hóa Truyền Thống tập VI về oai nghi tế hạnh của người cư sĩ và tu sĩ Phật giáo, chỉ dạy rõ ràng mọi oai nghi tế hạnh của một con người sống có đạo đức nhân bản.



KHÔNG NÊN ĐẾN

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy, trong những trường hợp hội làng tế thần ở đình làng nếu được mời thì có nên ra không?

Đáp: Không nên đến, vì nơi đó không phải chỗ cho người tu sĩ Phật giáo đến, thường

cúng Thần kỳ an là họ giết chúng sanh để tế thần. Nên tìm cách từ chối tránh xa quỷ thần, nơi có tục lệ hủ lậu mê tín, lạc hậu, không đúng chỗ cho người tu sĩ Phật giáo đến dự. Người tu sĩ Phật giáo không tin một cách mù quáng, tin những gì bằng mắt thấy, tai nghe, ý thức phân biệt, hiểu biết rõ ràng, không có ảo tưởng xen vào, nhất là thế giới siêu hình thần, thánh, quỷ, ma thì lại còn không tin. Không tham dự vào những nơi tế lễ giết hại chúng sanh một cách ác độc dã man.

Cho nên, người tu sĩ Phật giáo không mê tín, không tin quỷ thần, biết rất rõ ràng không có thế giới siêu hình, vì thế giới siêu hình thật sự không có, cho nên không dự lễ cúng Thần, vì dự lễ cúng Thần là đồng lõa chấp nhận mê tín, đồng lõa chấp nhận giết hại chúng sanh. Đó là một điều phi đạo đức, phi nhân bản. Người tu sĩ Phật giáo cần nên tránh và còn phải tránh xa những nơi sát hại sanh linh như vậy. Đó là những nơi mà con người chân chánh không nên đến.



KHÔNG VÁI BÀN THỜ THÁNH

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trường hợp bất đắc dĩ phải ra thì phải xử trí như thế nào? Có vào vái bàn thờ Thánh không?

Đáp: Là một tu sĩ Phật giáo phải có trí tuệ là phải tìm mọi cách từ chối, nếu bất đắc dĩ từ chối không được thì đến cho có mặt, mọi người đến vái Thần linh, còn con thì nên tìm cách thối thoát, bằng thối thoát không được thì không được thắp hương vái Thần mà chỉ có mặt đứng nghiêm chỉnh thẳng người, mắt nhìn xuống chân một cách nghiêm trang, khi mọi người cúi và xá Thần xong lui ra thì mình cũng lui ra.

Thần là là một sự tưởng tượng của con người, chứ đâu có thật, nó là một ảo tưởng. Vậy mà lạy lễ xì sụp không trí tuệ thật đáng thương.

Nếu một vị Thần là một danh tướng đem lại sự bình an cho dân cho nước thì mọi người nhớ ơn, đến ngày Tết ngày kỵ thì đến nơi thờ phượng Người để tưởng nhớ công lao vì dân vì nước, thắp nén hương tâm đứng trước bàn thờ

chấp tay tưởng niệm công ơn của Người và nghe đọc lại những trang sử oai hùng của vị anh hùng đất nước, để con cháu đời đời mãi mãi không quên.



TỤNG NIỆM MA CHAY

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Theo như phong tục ngoài đời, người chết họ thường hay mời nhà sư đi theo đám ma để độ, vậy trường hợp này đối với chúng con phải xử lý ra sao?

Đáp: Nếu các con ở thất một mình tu tập thì không nên làm những việc mê tín này, việc làm này gây mất uy tín cho một người chân tu, nhất là hình thức này tạo ra những sự mê tín khiến cho Phật giáo thành một tôn giáo mê tín. Và từ đó Phật giáo suy đồi. Phải hiểu tự cứu mình chưa xong còn mong cứu ai nữa?

Hình thức tụng niệm ma chay là hình thức của đạo Bà La Môn, chứ đạo Phật không chấp nhận. Đạo Phật cho đó là Tướng tri chứ

không phải Liễu tri. Đó cũng là một cách thức lừa đảo người khác.

Hiện giờ con lãnh làm trụ trì một ngôi chùa ở miền Bắc thì việc làm này con không thể tránh khỏi.

Con thực hiện cho dân làng vui lòng nhưng con phải có cách thức giáo dục họ. Chỉ cho họ biết việc làm như vậy là nhằm nhí không có ích lợi thiết thực, còn gây cho Phật giáo mất uy tín, biến Phật giáo thành tôn giáo mê tín. Con có biết không?



CÁCH XUNG HỘ TIẾP XÚC VỚI NHÀ CHỨC TRÁCH

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kinh thưa thầy! Khi gặp các nhà chức trách (chánh quyền) thì cách xưng hô tiếp xúc thế nào cho phù hợp?*

Đáp: Đối với chánh quyền họ xem quý Thầy như một người công dân bình thường. Vì thế khi tiếp xúc với nhà chức trách, chúng ta nên chào hỏi họ bằng cách như người đời,

ngĩa là chào hỏi họ bằng cách bắt tay và ngồi ngang nhau nói chuyện. Gọi anh, gọi chị và xưng hô là tôi, là bác, là chú là anh v.v..



GIỚI LUẬT PHẬT KHÔNG NÊN BỎ

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Về giới luật hiện nay có điều gì bỏ sung hoặc có điều gì cũ cần bỏ đi không?

Đáp: Hiện giờ giới luật Phật chưa có những bậc tu chứng quả A La Hán biên soạn lại, thì không được bỏ và cũng không được thêm bớt.

Lúc này nên xem giới luật Phật là Phạm hạnh của người tu sĩ, đầy đủ không cần thêm mà cũng không bớt.

Bởi mỗi giới đều mang theo một đức hạnh thực tế và cụ thể, giúp cho đời sống tu sĩ có đầy đủ oai nghi tế hạnh, xứng đáng là một vị Thánh Tăng.



CÓ NÊN HỦY KINH SÁCH ĐẠI THỪA VÀ THIÊN TÔNG KHÔNG?

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Các kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông có nên hủy hoàn toàn không?*

Đáp: Kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông là kinh sách của ngoại đạo, bắt đầu của Bà La Môn bên Ấn Độ và khi truyền sang qua Trung Hoa thì chịu ảnh hưởng của Lão giáo nên sản sinh ra một loại thiên định theo kiểu Trung Hoa nên gọi là Thiên Đông Độ.

Chúng ta không cần hủy kinh sách đó, mà để lại làm di tích lịch sử để biết rõ các Tổ sư tu hành theo Phật chưa đắc quả A La Hán mà vội đi truyền đạo đã bị đồng hóa với các tôn giáo khác hoặc để biết mưu đồ của các tôn giáo khác diệt Phật giáo.

Những loại kinh sách này gieo vào tư tưởng của mọi người gây mê tín lạc hậu, làm hao tổn tiền của mọi người rất nhiều.

Cho nên, trong gia đình có kinh này thì nên đem đốt sạch để sau này gây ảnh hưởng mê tín mù quáng tai hại cho con cháu, cho người đời sau sống phi đạo đức, sống tiêu cực, yếm thế, bi quan, mất sức tự lực, mất chánh tri kiến, chỉ còn biết cầu tha lực.



TỔ CHỨC CÁC BUỔI LỄ LỚN

Câu hỏi của Chơn Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nghi lễ cúng Phật ở Chơn Như trong các buổi đại lễ như ngày Phật Đản hoặc ngày Tết... phải tổ chức như thế nào khi có đông Phật tử?*

Đáp: Theo đạo Phật chỉ có tu tập ngăn ác diệt ác pháp trong tâm của mình chứ không có cúng bái tế lễ nhưng vì Đại Thừa và Thiên Tông đã biến Phật giáo thành một tôn giáo tụng niệm nay đã thành thói quen, nên hiện giờ muốn bỏ nó cũng rất là khó. Vậy khi có Phật tử đông đảo thì con nên làm lễ thấp 3 cây hương trước bàn thờ Phật rồi theo nghi thức tụng niệm của Chơn Như mà Thầy đã

biên soạn có đầy đủ ý nghĩa của Phật giáo, chứ hiện giờ con bỏ nghi thức tụng niệm thì rất khó.

Tụng niệm là hình thức tôn giáo gây mê tín cho mọi người rất dễ dàng. Đạo Phật là một đạo đức nhân bản – nhân quả nên đạo Phật không phải là tôn giáo. Cho nên, vấn đề tụng niệm được đức Phật dẹp bỏ. Các bạn hãy đọc lại bài kinh Sonadanda để biết đức Phật bài bác tụng niệm của Bà La Môn sát đất.



TỨ THÂN TÚC

Câu hỏi của Kiều Bách Nhân

Hỏi: *Kính thưa cô Diệu Quang! Xin Cô giảng cho chúng con hiểu Tứ Thân Túc là gì?*

Đáp: Kính thưa Bác! Theo Diệu Quang được Thầy dạy thì Tứ Thân Túc là bốn nội lực của tâm thanh tịnh đã đoạn trừ được tâm tham, san, si, nên sức nó mạnh như Thân của Phật giáo, dùng để làm chủ thân và tâm. Có nghĩa là người tu tập có bốn thân túc này mới đủ khả năng làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp

người như: sanh, già, bệnh, chết. Nếu một người tu hành theo Phật giáo mà không có bốn thần túc này thì chỉ uống phí một đời tu hành mà thôi.

1/ Làm chủ được đời sống (sanh) tâm không còn tham, sân, si, giận, hờn, phiền não, lo rầu, ganh tị, thù oán v.v..

2/ Làm chủ cơ thể khi già yếu (già), khiến cho cơ thể già mà không yếu đuối, không lẫn lộn, không quên trước, quên sau, cơ thể quắc thước, khoẻ mạnh, cường tráng như một thanh niên.

3/ Làm chủ đau ốm (bệnh), có nghĩa là đẩy lui tất cả bệnh tật ra khỏi thân.

4/ Làm chủ khi chết (tử), có nghĩa là muốn chết hồi nào là chết ngay hồi ấy một cách tự tại.

Đạo Phật được gọi là đạo giải thoát. Đó có nghĩa là giải thoát bốn chỗ khổ đau của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết như trên đã nói. Nếu tu tập không có Tứ Thần Túc thì không bao giờ làm chủ bốn sự khổ đau này được.

Tứ Thần Túc không phải là pháp môn tu tập mà là bốn thần lực do tu tập từ pháp môn

Thân Hành Niệm mà có. Muốn tu tập pháp môn Thân Hành Niệm thì phải tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ; muốn tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ thì phải tu tập pháp môn Tứ Chánh Cần. Trong pháp môn Tứ Chánh Cần có pháp môn Chánh Niệm Tỉnh Giác; muốn tu tập pháp môn Chánh Niệm Tỉnh Giác thì phải nhiếp tâm trong thân hành nội hay thân hành ngoại. Nhưng trước tiên chúng ta nên nhiếp tâm trong thân hành ngoại tức là đi kinh hành, đi kinh hành nhiều là tốt nhất, bởi vì đi kinh hành thì phá được tâm hôn trầm, thù miên, vô ký ngoan không và hôn tịch v.v.. Nhưng đi kinh hành cần phải nhiếp tâm kỹ từng bước đi để tâm nhiếp phục cho được hành động bước đi.

Căn bản nhất là ở chỗ Chánh Niệm Tỉnh Giác. Từ Chánh Niệm Tỉnh Giác đạt được bốn chỗ: thân, thọ, tâm, pháp sung mãn. Do bốn chỗ: thân, thọ, tâm, pháp sung mãn mới có được Tứ Thần Túc. Chính bốn năng lực Thần Túc là phương pháp sử dụng làm chủ sanh tử luân hồi. Đó là pháp môn sau cùng của Phật giáo.

Con đường tu tập của Phật giáo chỉ có bấy nhiêu đó mà thôi. Xin Bác nên lưu ý về sự tu

tập. Khi tu tập có Tỉnh Giác Chánh Niệm thì sau này mới có Tứ Thần Túc. Còn ngược lại không Tỉnh Giác Chánh Niệm thì không bao giờ có Tứ Thần Túc. Bởi vì Tứ Thần Túc bắt đầu phải có sức Tỉnh Giác, nhờ có Tỉnh Giác mới sống trong Chánh Niệm; nhờ có Chánh Niệm tâm mới đoạn trừ được tham, sân, si.

Cuối cùng Diệu Quang có lời thăm và chúc bác cùng cả gia quyến đều được mạnh khỏe xả tâm tốt.

Kính thư
Diệu Quang



KINH DUY MA CẬT CÓ PHẢI PHẬT THUYẾT KHÔNG?

Câu hỏi của Tuệ Hạnh

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Trong lời tựa Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh pháp sư Từ Thông viết: “Kinh Duy Ma Cật là bộ kinh thuộc hệ tư tưởng Đại Thừa viên đốn là thứ giáo lý mãn tự. Giáo lý kinh Duy Ma Cật dạy*

cho mọi người về pháp môn giải thoát bất tư nghì. Hành giả thực hiện được là thành Phật như đức Phật Thích Ca và thập phương chư Phật đã thành”.

Điều mà con muốn hỏi Thầy: “Thật ra kinh Duy Ma Cật có phải là kinh Phật thuyết hay không? Nhờ Thầy chỉ dạy cho con pháp môn giải thoát khó nghĩ bàn này”.

Đáp: Kinh Duy Ma Cật là kinh Đại Thừa ca ngợi một cư sĩ Duy Ma Cật là một vị Bồ Tát đã thành Phật, có trí tuệ bất tư nghì không thể nghĩ bàn. Vì thế, không có ai lý luận hơn Ngài được.

Kinh so sánh trí tuệ Duy Ma Cật như trí tuệ Phật (Trí tuệ không nghĩ bàn). Vì thế, không có một vị đại đệ tử nào của Phật dám đến thăm ông, dù là đại trí tuệ đệ nhất như ông Xá Lợi Phất cũng còn sợ hãi, khiếp đảm khi nghe nói đến đi thăm bệnh Ông. Do trí tuệ Ông cao siêu như vậy nên đức Phật mới sai ông Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến thăm. Chỉ có ngài Văn Thù Sư Lợi có đủ trí tuệ mới dám đến thăm bệnh và đối đáp với ông mới cân xứng.

Kinh Duy Ma Cật ra đời nhằm có ý đồ diệt Phật giáo để dựng lên một giáo pháp mới.

Đó là giáo pháp bất nhị, còn gọi là giáo pháp bất tư nghi.

Kinh Duy Ma Cật dựng lên một người cư sĩ vĩ đại khiến cho tất cả đệ tử của đức Phật chỉ cần nghe đến tên Duy Ma Cật là đã rét run, cúi đầu, rụt cổ như rùa, đó là những đệ tử lớn của đức Phật như: ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiền Liên, ông Phú Lâu Na, ông Ca Chiên Diên v.v.. còn như vậy huống các đệ tử khác. Biết hàng đệ tử Thanh Văn của mình trí tuệ còn kém xa nên đức Phật của kinh Duy Ma Cật phải nhờ đến một vị Bồ Tát ảo tưởng của nhà văn Khuư Trường Xuân. Một nhà Văn Trung Hoa giàu trí tưởng tượng, tưởng ra những nhân vật tu theo Tiên đạo. Đó là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi trong truyện “Phong Thần Diễn Nghĩa”.

Trong bộ truyện Phong Thần Diễn Nghĩa có hai vị tiên ông, đệ tử của vị tiên trưởng Ngươn Thủy Thiên Tôn. Đó là ngài Phổ Hiền và ngài Văn Thù. Trong truyện có ghi chú: hai vị tiên ông này sau tu theo Phật giáo được đắc quả thành Phật.

Đọc kinh Duy Ma Cật chúng ta rất buồn cười cho những ai không sáng suốt vội tin theo mà không cân nhắc. Người viết kinh Duy Ma Cật đã không khéo léo, nên kinh được dấu đầu,

mà lại ló đuôi khiến cho người có trí một chút là đã tìm cái giả mạo của kinh.

Kinh Duy Ma Cật là một tập tiểu thuyết lý luận triết lý bất nhị, khéo mượn những nhân vật tiểu thuyết Trung Hoa lồng vào kinh để lôi cuốn hấp dẫn người đọc.

Cho nên, đọc xong kinh Duy Ma Cật người có sự nhận xét tinh vi một chút thì biết ngay kinh này không phải Phật thuyết, kinh này chỉ do các Tổ viết ra để diệt Phật giáo, nếu các bạn lưu ý sẽ nhận ra điều giả mạo và có ý đồ thâm độc này.

Đạo Phật ra đời đã làm đảo lộn tư tưởng của loài người bằng bốn sự thật: **“Khổ, Tập, Diệt, Đạo”**. Bốn chân lí độc đáo này đã có sẵn của loài người. Ngài chỉ cần khơi dậy khiến cho tất cả giáo lý của các tôn giáo và các triết lý của những nhà triết học hiện hành trên hành tinh này đã đổ vỡ, trở thành những ảo tưởng. Thế mà lại có một pháp môn bất nhị không hai này lại bảo rằng Phật thuyết, thì e rằng rất oan cho đức Phật. Đức Phật bao giờ nói chuyện giáo pháp không tưởng như vậy. Mới nghe mọi người tưởng là mới mẻ của kinh sách Đại Thừa được diễn tả trong kinh Duy Ma Cật, nhưng nào ngờ giáo pháp ấy cũ rích của Bà La Môn xưa kia. Trong khi kinh sách

Nguyên Thủy còn ghi lại lời đức Phật đã dạy, Ngài đập sạch và quét 62 lập luận tà giáo ảo tưởng của Bà La Môn không còn ngoi đầu dạy được nữa.

Thế mà, kinh Duy Ma Cật lại bảo kinh này Phật thuyết như trên đã nói thì có ai mà tin không? Chỉ có những người không đủ trí quán xét thì mới tin như vậy.

Kinh đã không phải Phật thuyết thì pháp môn giải thoát khó nghĩ bàn cùng không phải của Phật. Đó là một pháp tướng của ngoại đạo.

Thưa các bạn! Đừng bao giờ đem pháp môn cao siêu mà gán cho Phật, vì pháp Phật không có cao siêu, chỉ là những pháp môn rất gần gũi với đời sống của con người, nên nó ***“...thiết thực, cụ thể không có thời gian đến để mà thấy...”***.

Pháp môn không thể nghĩ bàn tức là pháp môn với ý thức không thể hiểu được là một pháp môn ảo tưởng; là một pháp môn nói vọng ngữ.

Pháp môn của Phật là pháp môn đem ra dạy cho người tu tập để mang lại lợi ích cho con người, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai, còn pháp môn không thể nghĩ bàn thì làm sao hiểu được, mà đã không

hiểu được thì làm sao tu tập được; mà đã không tu tập được thì làm sao có giải thoát được. Như vậy, pháp môn bất tư nghì là pháp môn lừa đảo con người. Còn nếu bảo rằng pháp môn này để dạy chư Phật và các bậc A La Hán thì chư Phật và các bậc A La Hán đâu cần phải tu pháp môn này, vì các Ngài đã chứng đạt chân lí giải thoát hoàn toàn, làm chủ sanh tử chấm dứt luân hồi. Cho nên, các Ngài đối với pháp môn không nghĩ bàn này là một pháp môn hý luận cho vui chơi, chứ có lợi ích gì cho cuộc sống của loài người đâu. Vì các ngài biết đó là pháp môn vọng ngữ, lừa đảo con người chứ không thể lừa đảo các Ngài được. Phải không các bạn?

Nghe nói đến pháp môn khó nghĩ bàn là biết ngay pháp môn nói dối. Cho nên, khi nghe Bồ Tát Duy Ma Cật nói: **“Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh”** thì biết ngay Bồ Tát Duy Ma Cật không hiểu Phật giáo, nên mới nói câu ấy. Người không hiểu Phật giáo mà lại nói kinh này của Phật thuyết là sai. Đạo Phật là đạo tự cứu mình chứ không ai cứu mình được. Vì thế, lời tuyên bố của kinh Duy Ma Cật chúng tỏ là Ông chẳng hiểu gì về đạo Phật chút nào cả. Đức Phật đã chẳng bảo: **“Nếu ta nói một điều mà không ai hiểu là ta có**

nói láo". Vì vậy mà ở đây nói pháp môn không nghĩ bàn là nói láo. Có đúng không các bạn?

Vậy pháp môn giải thoát khó nghĩ bàn là pháp môn nói láo, pháp môn này chỉ gạt người vô minh, chứ người nào chỉ cần có một chút hiểu biết cũng không thể lừa đảo họ được.

Pháp môn giải thoát khó nghĩ bàn là pháp môn lừa đảo như trên đã nói, chỉ có những người sống trong tưởng tri nên mới dễ tin pháp môn này.

Pháp môn này chỉ lý luận chơi cho vui chứ chưa có ai sống được, vì con người là có sự tư duy suy nghĩ, chứ con người không phải đất, đá, cỏ, cây v.v..

Như trên đã nói kinh Duy Ma Cật là kinh tưởng, vì thế trường giả Duy Ma Cật là người tưởng, chứ không phải là người có thật. Căn cứ vào lịch sử loài người thì cư sĩ Duy Ma Cật không có. Cho nên, tác giả kinh Duy Ma Cật khéo tưởng tượng ra nhân vật và pháp môn bất tư nghì.

Kính thưa các bạn! Những pháp môn đức Phật dạy trong kinh Nguyên Thủy, như pháp môn Hơi Thở rõ ràng như vậy mà các bạn còn tu tập sai tới, sai lui, hướng hồ là pháp môn

khó nghĩ bàn của Duy Ma Cật thì biết đâu mà tu tập. Phải không các bạn?

Cho nên, kinh Duy Ma Cật là kinh vọng ngữ. Và tu tập pháp môn Bát Tư Nghì để làm gì? Để lý luận tranh đua hơn thiệt với thiên hạ ư! Đạo Phật không có mục đích đó. Xin các bạn lưu ý.



ĐƯỜNG XÂY DỰNG NHÂN CÁCH

Kỷ niệm sinh nhật Thầy 4/8/ Ất Dậu

7rong sự phát triển của xã hội loài người, các tôn giáo đã cùng với sự vận động của xã hội mà xuất hiện. Đó là sự phản ánh một cách tự nhiên quá trình nhận thức của loài người, đối với các hiện tượng khách quan đang tồn tại ngoài ý thức con người thông qua các tôn giáo mà họ đã tin.

Vì vậy, các tôn giáo chính là sản phẩm của loài người, lấy con người làm đối tượng nghiên cứu, để rồi quay trở lại tồn tại cùng con người.

Nhưng do các nghiên cứu đó có những xuất phát điểm khác nhau, mang tính mục đích khác nhau về con người và về thế giới, nên có quan điểm rất khác nhau.

Ví dụ: Đạo Hồi, đạo Do Thái, đạo Ki Tô giáo đều có chung một quan niệm cho rằng con người là do thiên chúa sinh ra. Vì vậy, con người còn phải có nghĩa vụ phụng sự cho Thiên

Chúa, phụng sự đức tin với Chúa, người sáng tạo ra muôn loài trên thế gian này.

Đạo Phật cho rằng có thế giới này là do duyên hợp mà tồn tại, nếu duyên hết thế giới này sẽ tan. Nghĩa là thế giới này cũng chỉ là thế giới của nhân quả. Bản chất của thế giới chỉ là khổ, không, vô thường và vô ngã, qua đó cho thấy đạo Phật không công nhận có Thượng Đế, có Thiên Chúa, có Ngọc Hoàng v.v... nghĩa là đạo Phật không công nhận có thế giới thần linh mang tính siêu hình, nơi mà thần quyền có quyền ban phúc hoặc giáng họa cho thế giới con người.

Còn đối với con người xuất hiện trong cuộc sống từ nhân quả mà sinh ra, sống trong nhân quả chết lại trở về nhân quả.

Từ những nhận thức khác nhau về con người và về thế giới như vậy, mà mỗi tôn giáo có sự nghiệp giáo dục các tín đồ mang tính mục đích khác nhau.

Trong bài viết này chúng tôi không có tham vọng trình bày sự khác nhau trong sự nghiệp giáo dục của các tôn giáo. Mà chúng tôi chỉ muốn đề cập đến sự hiểu biết còn rất hạn chế của chúng tôi, về sự nghiệp giáo dục của đạo Phật, thông qua tiêu đề, đạo Phật, con

đường xây dựng nhân cách để chia sẻ đến các bạn cùng tham cứu về một nền đạo đức mà đạo Phật đã mang tới cho loài người, mà chúng tôi đã cảm nhận được qua việc tu học và rèn luyện.

Muốn hiểu được mục đích giáo dục của đạo Phật đối với con người, chúng ta hãy tìm hiểu khái niệm Nhân Cách. Vậy nhân cách là gì?

Nhân cách chính là tính người - là những hành vi ứng xử văn hóa của con người đối với môi trường sống của mình, mà thông qua đó có thể đánh giá được những giá trị đích thực của con người.

Vậy, như thế nào là người có nhân cách? Xin được dẫn lời của Trưởng Lão Thích Thông Lạc đã nói: ***“Con người chỉ là một loài động vật như bao loài động vật khác. Nhưng con người chỉ được gọi là con người khi nào con người có đạo đức. Còn nếu con người không có đạo đức, con người còn ác độc hơn loài cầm thú”***.

Từ nhận định trên giúp cho chúng ta hiểu rõ: con người có nhân cách phải là con người có đạo đức, hay phẩm chất đạo đức chính là phẩm cách của con người.

Đến đây chúng ta gặp phải một vấn đề rắc rối, bởi vì, đặt vấn đề chuẩn mực để định giá trị đạo đức là rất khó, cách đánh giá đạo đức rất khác nhau, nó phụ thuộc vào quan niệm sống của xã hội, nó thay đổi theo quan điểm giai cấp, thay đổi theo thể chế chính trị, thay đổi theo hoàn cảnh, tùy theo mỗi lúc mà vấn đề đạo đức lại có cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau.

Ví dụ: người phụ nữ trong xã hội phong kiến mà chữa hoang, sẽ bị những dư luận xã hội đương thời lúc đó, lên án một cách mạnh mẽ và xử phạt một cách nghiêm khắc.

Cũng trong xã hội phong kiến, lại có người thông cảm đứng ra bênh vực và bảo vệ họ, như nhà thơ Hồ Xuân Hương đã viết:

“Không chồng mà chữa mới ngoan

***Có chồng mà chữa thế gian thường
tình”***

Trên thực tế quan niệm đạo đức đã bị lạm dụng để phục vụ cho những mục đích khác nhau của loài người.

Trong cái mớ bòng bong rắc rối của những quan niệm đạo đức do con người đặt ra như thế, nó không mang tính nhân bản. Vì vậy cần

phải có một cách nhìn khác, một cách đánh giá khác mang tính khách quan và mang tính chuẩn mực.

Rất may mắn đạo Phật đã giúp đỡ chúng tôi và cả các bạn nữa, nếu bạn đồng thuận với quan điểm này của đạo Phật, nó sẽ giúp chúng ta thoát ra khỏi những rắc rối này.

Quan điểm vì đạo đức của đạo Phật rất cụ thể, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả hai. Chỉ cần ngăn gọn như vậy nhưng vô cùng chính xác, và mang tính bao dung và hàm chứa tất cả.

Chỉ cần sống không làm khổ mình, không làm khổ người là chúng ta đã trở thành một người có đạo đức.

Vấn đề đạo đức mà đạo Phật đề cập tới tưởng chừng đơn giản dễ hiểu, nhưng thực hiện được thì không đơn giản một chút nào.

Muốn thực hiện được, nó đã đòi hỏi phải có một sự hiểu biết sâu sắc, có trí tuệ quán xét, để điều chỉnh các hành vi ứng xử của mình đối với môi trường sống sao cho có văn hóa.

Bởi vì đã từ lâu, con người đã quen sống một cách tùy tiện, buông thả để chạy theo những thói quen mang đầu óc tính toán, vị kỷ,

vụ lợi, tay với người này để chấp nhận lấy người khác, thì cũng ở trong vòng lẩn quẩn chẳng hơn gì. Hoặc có người lén lút làm việc tà hạnh, vi phạm nhân luân, khi thân bại danh liệt cũng chẳng sung sướng mà còn chuốc họa.

Do con người sống trong cuộc đời có nhiều mê lầm quá, ít ai hiểu được chính dục vọng đã đẩy người ta vào lối lầm. Dục vọng làm con người điên đảo, vì những dục vọng con người lao vào tranh đấu và giành giật của nhau, tìm cách mưu mô hãm hại lẫn nhau. Cho nên, cuộc sống của con người đầy những tai ương, hoạn nạn.

Chỉ khi nào loài người có một nền văn minh khác, một nền văn minh tinh thần trong sáng, thánh thiện, mang tính đạo đức nhân bản, khi đó con người mới thoát ra khỏi khổ đau, và những giọt nước mắt đắng cay của chúng sinh không còn phải nhỏ xuống nữa.

Chúng ta tiếp tục tìm hiểu về nền đạo đức của đạo Phật.

Đức Phật sau khi chứng đạo, bằng tuệ Tam Minh Ngài hiểu thấu chúng sinh có những hạnh nghiệp thiện, ác khác nhau, nên thọ nhân quả báo khác nhau: người giàu sang, kẻ nghèo hèn, người tốt kẻ xấu, người khỏe

mạnh, kẻ ốm yếu bệnh tật, người xinh đẹp, kẻ xấu xí, người sống lâu, kẻ chết yểu v.v.. tất cả đều do hạnh nghiệp của chúng sanh đã tạo ra mà nhận lãnh quả khổ vui.

Dù hạnh nghiệp khác nhau, chúng sanh vẫn không thể thoát ra khỏi cái khổ của vị ràng buộc vào vòng sanh tử luân hồi và bị trôi lăn trong vòng lục đạo. Nếu làm ác sẽ còn bị dễ rơi xuống những vực thẳm hay hang sâu của những kiếp sống, mà ở đó họ, luôn luôn bị săn đuổi bởi những đau khổ cùng cực, do nghiệp lực của cái ác mang lại.

Nếu trong kiếp sống hiện tại, họ được nhận một giáo pháp chân chính, từ một vị Thầy đã chứng đắc, và nếu khéo tu tập rèn luyện, họ có thể chuyển đổi nghiệp nhân quả và thậm chí còn có thể thoát ra khỏi sanh tử luân hồi.

Chính vì vậy 50 năm trụ thế, đức Phật đã mang triển khai dạy cho mọi người giáo lý và các phương pháp thực hành từ những kinh nghiệm chứng đắc và sự hiểu biết sâu sắc của Ngài về một con đường thoát khổ, để mọi người qua đó tu tập rèn luyện sẽ trở thành người có đạo đức, nhờ sống có nền nếp đạo đức

mà các thiện pháp được tăng trưởng, các ác pháp được ngăn chặn và tiêu diệt.

Đây chính là cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử loài người, không có đổ máu giúp con người thoát được đau khổ, là ý nghĩa thiết thực và lợi ích cụ thể mà đạo Phật mang tới cho mọi người.

Đạo đức của đạo Phật rất là cụ thể: không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả hai.

Nếu người nào tu theo đạo Phật, mà không trở thành người có đạo đức thì trong cuộc sống hằng ngày còn có những biểu hiện của sự tham lam theo những định kiến sai lầm của lòng đố kỵ, tị hiềm ganh ghét, sân hận từ đó dẫn tới những cuộc xung đột mang đau khổ cho mình và cho người.

Chính từ những hành vi, ứng xử thiếu văn hóa, mang bản chất của sự tham lam và sân hận, mà con người đã sống không đạo đức, thiếu đi tính người.

Do vậy từ bao đời nay, vấn đề giáo dục đã được xã hội loài người rất chú trọng, bởi giáo dục là một qui luật phát triển của xã hội loài người, nhằm truyền trao kiến thức của lớp

người trước cho lớp người sau, nhằm mong muốn thoát ra bản năng của loài cầm thú.

Giáo dục là một sự nghiệp mang đến cho con người những tri thức hiểu biết, để sử dụng nó vào mục đích khám phá và sáng tạo, nhằm phục vụ cuộc sống con người ngày một thỏa mãn hơn những nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của xã hội loài người.

Trong xã hội hiện tại ngày nay, do được hưởng một nền giáo dục đa dạng mang tính thực dụng mà con người không còn lạc hậu như trước, nhưng thực tế, liệu xã hội loài người đã hết khổ đau?

Sự thật chưa một phút giây nào trái đất được bình yên, ở nơi này, ở nơi kia không giây phút nào không có những giọt nước mắt đau khổ của chúng sanh phải nhỏ xuống.

Trên thực tế chúng ta nhận thấy: ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, đã đẩy nền kinh tế phát triển lên theo, nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất để thỏa mãn ham muốn của con người.

Để có nền kinh tế phát triển, phải có đầy đủ nguyên liệu, nhiên liệu cung cấp cho sản xuất, do thế, ngày nay các nguồn tài nguyên

được khai thác một cách bừa bãi, rừng bị chặt phá một cách vô ý thức, đã phá hủy môi trường sinh thái của loài người, làm cho nhiều loài động thực vật bị hủy diệt.

Nhiều nhà máy sản xuất ngày đêm, đã tuôn vào tầng khí quyển hàng triệu mét khối khí cac bon dẫn đến diệt tầng Ô zôn - lớp áo bảo vệ trái đất bị phá thủng.

Nhiều loài động vật bị con người săn bắt, chế biến thành thực phẩm, bị con người khai thác một cách triệt để, khiến nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng.

Vì thế, ngày nay các cuộc chiến tranh tương tàn, tương sát giết hại lẫn nhau không giảm đi, mà ngày càng có chiều hướng gia tăng. Nhiều bệnh dịch quái lạ phát sinh, trong đó phải kể đến bệnh thế kỷ HIV đã cướp đi và sẽ cướp đi hàng chục triệu sinh mạng, mà ngày nay khoa học vẫn chưa tìm cách chữa trị được.

Thời tiết ngày nay cũng trái mùa, trái buổi, giữa mùa hè Châu Phi lại có tuyết rơi, giữa mùa đông Châu Âu có ngày nhiệt độ lên tới 40°, rồi động đất, núi lửa, hạn hán bão lụt, sóng thần, hỏa hạn cháy rừng xảy ra liên miên ở nơi này, nơi kia trên thế giới.

Tất cả những hiện tượng xảy ra, nhằm cảnh báo cho loài người biết vì cơn thịnh nộ của thiên nhiên theo qui luật nhân quả mà không có một kẻ làm ác nào tránh khỏi. Cho nên, tất cả mọi biến cố xảy ra trên hành tinh này đều không có một người nào chịu hàm oan. Tất cả cách xử phạt rất công bằng, công lý trong đạo luật này. Trong đạo luật này người cầm cán cân công lý chính lương tâm và hành động thiện ác của mỗi người.

Nếu con người không chịu dừng ngay các tội ác. Cơn thịnh nộ của thiên nhiên theo qui luật nhân quả sẽ không tha thứ.

Nếu nền văn minh hiện đại ngày nay có khả năng chế ngự được các sức mạnh của nhân quả, của thiên nhiên không? Liệu con người ngày nay có khả năng ngăn chặn nổi được các cuộc chiến tranh đẫm máu, đang xảy ra ở nơi này nơi khác trên thế giới, và có thể chặn tay được những khủng bố cực đoan đang gieo rắc cái chết đến cho mọi người?

Tất cả những câu hỏi trên đã và đang là nỗi bức xúc trần trở cho nhiều người có lương tri trên thế giới. Nhưng hỏi chỉ để mà hỏi, con người vẫn chưa làm sao tìm ra được một câu trả lời thỏa đáng, để thoát ra được khỏi những

ràng buộc của các qui luật nghiệt ngã đang vây quanh chúng ta, để cuộc sống này được bình yên.

Chỉ đến khi nào loài người có suy nghĩ nghiêm túc, về những hiện tượng đang xảy ra chung quanh chúng ta trong mối quan hệ nhân quả tương hỗ. Lúc đó, con người mới có một thái độ ứng xử có văn hóa với chính môi trường sống của chính mình, bằng một thái độ trân trọng, nâng niu và gìn giữ, lúc đó con người mới thoát ra những nỗi khổ đau do chính con người gây ra. Lúc đó con người mới thoát ra khỏi bản năng loài cầm thú. Hay nói cách khác con người sống được với nền đạo đức nhân bản nhân quả không làm khổ mình, không làm khổ người.

Nhưng điều này thật là khó chỉ vì chúng sanh vô minh điên đảo, tạo ra bao lỗi lầm gây ra bao tội ác, để chịu bao quả khổ, điều này lại càng khó, vì con người nếu không có nghị lực, và sự dũng cảm gan dạ để chiến thắng những thói quen, tật xấu đã gắn bó cuộc đời mình trong những hưởng lạc, họ sẽ là và đã là nô lệ cho những ham muốn thấp hèn, vì thế lương tâm bị suy đồi, nền đạo đức bị xuống cấp một cách nghiêm trọng, những tội lỗi nảy sinh như

cỏ dại mọc sau cơn mưa. Phật pháp gọi đó là thời kỳ mạt pháp, thực ra pháp không mạt, chỉ có lương tâm con người bị tha hóa mà thôi, vì muốn có danh có lợi, con người sẵn sàng phạm tội ác không tránh né.

Vì sao chúng tôi mở rộng vấn đề, bởi chúng tôi không muốn tách mối quan hệ của con người ra khỏi thế giới loài người. Vì thế giới của loài người là thế giới khổ đau đầy bất trắc, vui đó buồn đó, cười đó khóc đó, mấy ai được thanh thản, an lạc.

Gia đình là tế bào của xã hội, nhưng nhiều cặp vợ chồng nào được sống an vui hạnh phúc trọn vẹn đâu? Họ đều có sự vui, sự buồn, nghịch ý, trái lòng bất toại nguyện v.v.. nhưng vì cuộc sống là như vậy không có lối nào thoát ra hơn, nên đành phải cam lòng nhẫn chịu mà sống với nhau đến đầu bạc răng long. Hoặc ở người có tâm hồn nổi loạn thì tìm đến sự ly dị, chia cửa. Ngoài ra là phải nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả, để sống trong đạo đức nhân bản - nhân quả. Nếu một ai chịu khó áp dụng vào tu tập, sẽ thấy lợi ích vô cùng, vì nó chuyển hóa được nhân quả.

Ví dụ trong cuộc đời gặp một đối tượng nào đó nổi nóng cãi cọ với mình. Lúc đó chúng

ta có thể nhẫn nhịn mọi xô xát mà họ mang đến, không một lời phàn nàn oán trách, với ý thức đầy đủ của một người quyết tâm trả cho xong món nợ của tiền kiếp, và ta có thể bình tĩnh tìm lời khuyên giải họ. Thật kỳ lạ thay áp dụng lời dạy của Phật, chúng ta sẽ được an lạc và thanh thản tuyệt vời và ta hiểu ra chân lí.

Phật nói gặp khổ không buồn đó là giải thoát, vậy sự giải thoát đó là gì?

Đó là sự giải thoát ý thức khỏi sự trói buộc của ý thức, nếu trước đây chúng ta chấp chặt vào lời nói và việc làm của đối tượng, thì sự việc bỗng trở nên phức tạp hỗn độn và lôi kéo chúng ta vào phiền não.

Bây giờ chúng ta nhìn sự việc bằng cái nhìn hiểu biết sâu sắc hơn, rộng mở hơn, yêu thương hơn, thì sự việc bỗng trở thành bình thường không đáng để lưu ý.

Bởi thế trước mỗi nghịch cảnh của cuộc đời, chúng ta không còn bị chìm đắm và nổi oán hận, và tâm hồn chúng ta bỗng trở nên yên tĩnh và sáng suốt một cách lạ thường.

Trong chúng ta sẽ dâng lên một tình cảm với đối tượng của ta, vừa xót thương đồng thời,

cũng vừa cảm ơn họ về những nghịch cảnh mà họ đã tạo ra cho chúng ta.

Xót thương là bởi họ đã tự làm khổ họ và đầu độc bầu không khí của môi trường sống bằng những chuyện không đâu.

Cảm ơn là họ đã tạo ra cho chúng ta một dịp để thử thách, và đó chúng ta rèn luyện và tu tập tâm hồn chúng ta thật tốt, học được chữ nhẫn và học cách yêu thương của Phật.

Khi biết nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả, mọi sự việc bỗng trở nên đơn giản, rõ ràng và ta có nghị lực để chịu đựng.

Khi biết nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả, thì con người không còn muốn làm ác, chỉ muốn tạo ra nhân lành thiện để đem lại hạnh phúc cho mình và cho người.

Khi biết nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả con người biết xa rời những ham muốn thấp hèn, để vươn lên một đời sống thánh thiện hơn.

Các bạn có biết giá trị đích thực của con người là gì? Đó là nhân cách của một người sống vì người khác, khi đó họ là người có hạnh phúc.

Nói đến hạnh phúc là nói đến niềm vui của một người biết sống vì người khác. Khi người nói đến người, là khi họ biết làm phát triển con người họ một cách điều hòa và đầy đủ về tất cả phương tiện thể chất tri thức xã hội và tâm đức.

Cho nên có một câu danh ngôn đã viết ***“Người ta nghiêng mình trước tài năng, song người ta chỉ bái phục trước lòng nhân”***.

Vì thế, của cải danh lợi không tạo ra giá trị cho con người, nó chỉ tô điểm cho con người và thực ra có cái gì phù vân hơn là của cải và danh vị, mà suốt đời con người phải chạy đuổi theo nó một cách mệt mỏi.

Vì vậy, nếu ta muốn sống có hạnh phúc, ta hãy ban phát hạnh phúc cho con người xung quanh bằng những điều thiện tâm, và từ việc làm thiện tâm của ta, sẽ làm nở ra một nụ cười trên môi của một người khác.

Thưa các bạn! Chỉ khi nào chúng ta đã quá nếm trải mùi vị đắng cay, lúc đó chúng ta mới có ý thức đầy đủ để đánh giá đúng đắn hơn vì niềm hạnh phúc chân chính này, mà đến bây giờ nhiều người vẫn hiểu sai về hạnh

phúc, mơ hồ như là một khái niệm của sự thụ hưởng vật chất.

Nếu bạn có được cặp mắt trí tuệ nhân quả của đạo Phật, trang bị cho cái nhìn sâu sắc, bạn sẽ thấy niềm hạnh phúc giả tạm của cuộc đời mà nhiều người đang ham hố, là không thực và đầy nguy hiểm. Nó là sự cám dỗ để lôi kéo con người vào những kiếp khổ trong tương lai vì nó được, hình thành từ những dục vọng thấp kém.

Bởi vì tất cả sẽ hư hoại, chỉ có nghiệp lành hay dữ là đeo đuổi con người sau khi chết. Cho nên, khi đang còn sống mọi người chỉ biết lấy vật thực để nuôi thân. Ít ai biết lấy đạo đức để nuôi sống tâm hồn mình.

Bởi vì chúng ta đã bị nghiệp ác chi phối, cho nên chúng ta nhìn nhận các sự việc trên mặt hiện tượng đối đãi của đúng, sai, phải, trái trong thế giới nhị nguyên đó, chúng ta đã bị kẹt cứng ở bờ bên này hoặc bờ bên kia. Bị lạc trong thế giới ma quái của những khái niệm ấy, chúng ta đã đánh mất đi con tim của mình, đánh mất đi tiếng nói của tình thương yêu, mà chỉ có nó mới xóa đi lòng thù hận, mà chỉ có tình thương mới vượt qua, và siêu thoát mọi đúng, sai, phải, trái. Do thiếu tình thương mọi

người đang quần quai khổ đau mà không ai hay biết.

Chính vì vậy giới luật của đạo Phật là cái phao giúp chúng ta vượt qua biển khổ. Giới luật của đạo Phật chính là lẽ sống, là nền đạo đức mà mọi người cần học hỏi, để sống được với nếp sống đạo đức. Bởi đạo đức mới xác định được phẩm chất của con người.

Nhìn cách đối xử của con người với con người, chúng ta có thể xác định và biết được con người đó có đạo đức hay không. Nếu không có đạo đức chúng ta nên tìm cách tránh xa họ.

Đức cung kính và tôn trọng lẫn nhau, rất cần thiết cho mọi người chung sống. Đức cung kính và tôn trọng chỉ có con người mới có mà thôi, vì đây là thái độ ứng xử có văn hóa của con người.

Nếu con người không biết cung kính và tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống này sẽ là địa ngục, sân hận đố kỵ, ty hiềm, ganh ghét, ngã mạn, cống cao, danh lợi, tật đố, bè phái, nói những lời chia rẽ, độc ác v.v.. thì người đó đã tu sai hoặc họ là trùng trong lòng sư tử, người đó đang phá hoại đạo Phật.

Cho nên, nói đạo Phật là con đường tu dưỡng đạo đức, con đường của cái thiện, mà giới luật là hàng rào bảo vệ vững chắc không cho cái ác xâm chiếm.

Đức phật đã chỉ dạy rất rõ: *“Giới luật ở đâu đức hạnh ở đó, đức hạnh ở đâu giới luật ở đó”*.

Vì vậy chỉ cần nhìn và quan sát một hành giả tu theo đạo Phật, có giữ gìn giới luật nghiêm túc hay không, nếu người đó không tự biết thương mình để rèn luyện trong giới luật thì làm sao họ có được đạo đức để thương được người khác, họ sống chỉ làm khổ mình và làm khổ người khác mà thôi.

Cho nên giới luật là nền tảng, nếu không có giới luật, thì không có đức hạnh và trí tuệ, cũng không có sự giải thoát.

Giới luật trong đạo Phật không phải là một điều cấm, giới luật là những điều khuyên mọi người nên thực hành, mang tính tự giác cao, vì chính giới luật là thiện pháp giúp mọi người thoát khổ.

Trong cuộc sống mỗi con người chỉ là một cá thể sống chung, có nhiều cá thể khác cùng tồn tại. Và các quan hệ trong xã hội đó với

nhau là nhân, là duyên của luật nhân quả. Vì vậy các quan hệ vợ chồng, con cái bố mẹ, anh em bạn bè Thầy trò v.v.. đều là mối duyên nợ của nhau từ nhiều đời, nhiều kiếp, kiếp này gặp được nhau, tìm đến nhau để trả món nợ ân oán với nhau, người có ân trả ân, người có oán đòi oán.

Trong môi trường xã hội cùng sống chung này, có những người gặp được may mắn. Có những người gặp phải bất hạnh đắng cay. Cuộc sống làm cho họ phải đau đớn, buồn tủi và uất hận, vì phải chịu đựng những khổ đau do cuộc đời mang lại đã dần vặt họ, sai khiến họ.

Dù cùng sống chung trong một xã hội, mà cuộc sống của người này đã hoàn toàn xa lạ đối với người khác.

Lúc khổ đau dồn đến, nhiều người thường tấm tức oán trách trời đất sao nữ bất công. Có lúc quá uất hận, họ muốn đập phá một cái gì đó cho hả giận, và cuối cùng đành đổ lỗi, phải chăng đó là số mệnh?

Nhưng với người có duyên may được đạo Phật giác ngộ, thì sẽ sớm hiểu ra: tất cả khổ vui của cuộc đời này, đều do duyên nghiệp từ trước mang tới.

Vì vậy đức Phật thường dạy các đệ tử nếu con người đối xử với nhau hung dữ, đấu tranh chống nhau bằng miệng lưỡi, đánh đập nhau bằng sức lực,... thì cuộc sống sẽ tồi tệ, xấu xa và đen tối.

Khi mọi người biết cung kính và tôn trọng lẫn nhau, thì gia đình và xã hội trở nên thuận hòa mọi người biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Một cuộc sống hạnh phúc chân thật xuất hiện và thế giới này sẽ thành Thiên đường. Còn ngược lại sẽ trở thành hỗn độn bất ổn và Địa ngục.

Làm người tại sao ta lại làm khổ mình, khổ người tạo ra cả một bầu trời ảm đạm, thê lương, u buồn và đau khổ cho con người?

Một con người mà tự làm khổ đau cho mình, chỉ có những kẻ thiếu đạo đức và trí tuệ mới làm như vậy!

Làm khổ mình, làm khổ người có hạnh phúc gì đâu, mà đó chỉ là hành động phi nhân tính, mang đau khổ cho nhau, không những trong kiếp này và mãi mãi trong muôn kiếp.

Vì vậy một nếp sống đạo đức là điều rất cần thiết cho mọi người cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

Và nền đạo đức không làm khổ mình, không làm khổ người là nền đạo đức nhân bản nhất, ai cũng đều nên học và thực hành.

Có những người không phải hoàn toàn là xấu, xấu tốt đều do ý thức biến hiện mà sinh ra.

Nếu ai đó không thể đấu tranh nổi với những ham muốn thấp hèn ở trong tâm đã để cho những tham vọng mù quáng lôi kéo người đó là người xấu.

Còn ai biết dùng lương tri tỉnh thức của mình, để tiêu diệt cái ác, người đó là người tốt.

Trên bình diện của cái xấu và cái tốt, cái thiện và cái ác, nếu ai khéo tu sửa, người đó sẽ trở thành người có đạo đức.

Chúng ta nếu biết khéo tu dưỡng đạo đức thì từ người ác sẽ trở thành người hiền, từ người hiền sẽ trở thành bậc Thánh nhân.

Kính thưa các bạn! Vấn đề đạo đức của đạo Phật là một đề tài quá rộng lớn trong bài viết này chúng tôi chỉ dám mang ra mạn đàm cùng quý bạn những mảng hiểu biết còn rất hạn chế của chúng tôi về đề tài rộng lớn này.

Chúng tôi chỉ hy vọng với sự hiểu biết còn rất hạn chế, chúng tôi xin được đóng góp với

quý bạn những kinh nghiệm, những hiểu biết còn quá ít ỏi của chúng tôi, để cùng nhau xây dựng đóng góp chung một sự hiểu biết vì nền đạo đức thật tuyệt vời của đạo Phật.

Mong rằng ai cũng tu dưỡng đạo đức thật tốt để biến cảnh thế gian này thành nơi Thiên đường, Cực lạc.

Xin được chân thành tri ân!

Kính ghi
Minh Đạo

Hà Nội ngày 2 tháng 9 năm 2005



MUỐN NHẬP THIÊN ĐỊNH PHẢI CÓ TỬ THẦN TỨC

Bài của cô Diệu Quang

Kính gửi: Bác Đức Thông.

Kính thưa bác! Khi đọc xong bài: “Tìm Hiểu - Cơ Chế - Tâm Sinh Lý - Học Thiền - Đến Trí Tuệ” thì Diệu Quang xin thành thật góp ý với Bác, nhưng không biết Bác có vui lòng nghe sự thành thật góp ý này không?

Khi đọc xong bài “Tìm Hiểu - Cơ Chế - Tâm Sinh Lý...” Diệu Quang có một cảm tưởng Bác là một bác sĩ Đông y đang nghiên cứu những vị thuốc thiên mà xưa nay đã có nhiều vị bác sĩ Tây y, Đông y đã phối hợp thành một toa thuốc đặc trị có nhiều vị thuốc, bây giờ Bác lại thêm một vị thuốc y học mooc - phin nữa.

Vào câu đầu Bác giới thiệu nghe rất hay: ***“Thực ra, thiên là một diễn tiến tâm linh, sống động, liên tục; hồn nhiên, không có kỹ thuật, không chia thành những giai đoạn tách bạch rõ rệt và vô cầu”***. Nếu một

người đã từng hiểu biết và nhập các loại thiền định thì câu giới thiệu thiền của Bác họ sẽ biết ngay Bác là một học giả thiền.

Bởi vì, thiền định là một sự bất động của thân tâm con người, cho nên sự bất động của thân tâm có từng phần. Mỗi phần trong thân tâm bất động là một loại thiền định, chứ không theo như bài luận thiền của Bác. Sự bất động trong thiền hữu sắc gồm có:

1- Bất động ý thức uẩn nhập Sơ Thiền.

2- Bất động sắc uẩn nhập Nhị Thiền.

3- Bất động tưởng uẩn Tam Thiền.

4- Bất động thọ uẩn và hành uẩn nhập Tứ Thiền.

Muốn cho sự bất động này nhập các định thì hành giả phải có **TỨ THÂN TỨC**, nếu không có **TỨ THÂN TỨC** thì không bao giờ có ai bất động được thân ngũ uẩn. Không bất động được thân ngũ uẩn thì không bao giờ nhập được Bốn Thánh Định.

Trên đây là thiền định của Phật giáo (Tứ Thánh Định), nếu muốn nhập các định này thì phải có đủ năng lực **ĐỊNH THÂN TỨC** như trên đã nói. Phần này Diệu Quang xin giải thích sau nếu có dịp.

Đọc bài luận thiền của Bác: ***“Thiền là một diễn biến tâm linh, sống động, liên tục; hồn nhiên, không có kỹ thuật, không chia thành những giai đoạn tách bạch, rõ rệt và vô cầu”***. Như những lời luận thiền trên thì đây là thiền tưởng của kinh sách phát triển, Đông Độ, Yoga v.v.. Tâm linh, sống động tức là 18 loại hỷ tưởng xuất hiện mà từ lâu các Tổ sư Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam đã chịu ảnh hưởng kinh sách Vệ Đà của Bà La Môn giáo mà dạy về thiền này.

Thiền của Phật không có điều thân, điều tức, điều tâm, mà chỉ có ngăn ác, diệt ác pháp, sinh thiện, tăng trưởng thiện pháp, như Ni sư Dhammadinna nói: ***“Này Hiền giả Visakha, Bốn Tinh Cần là định tư cụ”***.

Ngồi kiết già đối với đạo Phật là một tư thế ngồi bình thường của một người tu sĩ Phật giáo, chứ không phải ngồi kiết già là điều thân. Đối với Phật giáo, ngồi kiết già không phải là vấn đề quan trọng, ngồi được cũng tốt, ngồi không được thì ngồi trong tư thế khác cũng được, chứ không có bắt buộc ngồi kiết già. Trong Bát Chánh Đạo không có nói ngồi kiết già. Cho nên ai ngồi được kiết già cũng tốt, ngồi không được, ngồi tư thế khác cũng không

sao. Trong Bát Chánh Đạo chỉ có phân biệt chánh và tà. Chánh và tà là điều quan trọng nhất con đường tu tập của Phật giáo. Chánh là thiện pháp, là không còn tham, sân, si. Còn tà là ác pháp, là còn tham, sân, si. Chỗ này là chỗ tu tập giải thoát ngay liền, chứ không phải chỗ điều thân, điều tức, điều tâm. Vì điều thân, điều tức, điều tâm không có giải thoát ngay liền. Đức Phật dạy: **“Đạo Ta đến để mà thấy không có thời gian...”**.

Pháp môn Định Niệm Hơi Thở, đức Phật không có dạy điều tức (hơi thở) mà chỉ dạy tác ý theo hơi thở để an trú tâm trong hơi thở. An trú tâm trong hơi thở là để khắc phục những tham ưu trên thân hay nói cách khác cho dễ hiểu hơn là để đẩy lui những bệnh khổ trong thân (cảm thọ): **“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”** hoặc là để đẩy lui tâm tham, sân, si: **“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”**. Cho nên, đạo Phật không có dạy điều hơi thở, xin các bạn hãy lưu ý để các bạn sẽ không tu sai lạc vào thiền ức chế tâm bằng hơi thở như xưa nay các Tổ Sư đã dạy.

Pháp Thân Hành Niệm không phải là pháp môn điều thân mà là pháp môn dùng thân niệm tác ý tu tập tỉnh thức và tạo thành ý thức lực, để luôn luôn sống và bảo vệ Chánh niệm nên thường đẩy lui các Tà niệm tham, sân, si. Cho nên pháp môn Thân Hành Niệm là pháp môn tu tập để có Tứ Thần Túc và đầy đủ mười Như Lai lực.

Pháp môn Tứ Niệm Xứ không phải là pháp môn điều tâm mà là một pháp môn để hộ trì chân lí. Cho nên Tứ Niệm Xứ là pháp môn tu tập để khắc phục mọi ưu phiền trên thân, thọ, tâm, pháp như trong kinh dạy: ***“Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu, trên tâm quán ... trên thọ quán thọ..., trên pháp quán pháp... để khắc phục tham ưu ở đời”***... Như vậy pháp môn Tứ Niệm Xứ không phải là pháp môn điều tâm như trên đã nói. Xin các bạn lưu ý để tránh khỏi sự tu sai lạc. Cho nên thiền của Phật giáo không có điều thân, điều tức (hơi thở), điều tâm.

Trong kinh Nguyên Thủy dạy căn chặt rằng, uốn lưỡi cong để chạm lên hàm ếch là khi có những ác pháp tấn công vào thân tâm quá mạnh khiến cho đau đớn khôn cùng thì phải dùng tư thế này để giữ gìn tâm bất động, để đẩy lui các ác pháp đó ra khỏi thân tâm.

Chứ không phải đó là điều thân như kinh sách phát triển và Thiền Đông Độ dạy.

Đạo Phật không có dùng hơi thở tập trung tâm để loại bỏ mọi tạp niệm mà dùng hơi thở để loại trừ tham, sân, si, và bệnh khổ **“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”** hoặc khi thân bị đau bệnh thì dùng hơi thở : **“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”** hoặc phá tâm si tức là khi bị hôn trầm, thùy miên và vô ký thì: **“Với tâm định tĩnh tôi biết tôi hít vô, với tâm định tĩnh tôi biết tôi thở ra”**. Như trên đã dạy. Hơi thở không phải là chìa khóa vàng giúp cho hành giả luôn tỉnh giác, mà hơi thở chỉ là lỗ chu mai để cho hành giả núp vào đó để đẩy lui các ác pháp **“quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”**

Như trên đã nói thiền của Phật giáo không có điều tâm, không có gom tâm, không có hóa niệm, không có thân vong- tâm hư, không có tuyệt mạng, tuyệt thể.

Thiền của Phật giáo khi hành giả tu tập Tứ Niệm Xứ thì với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản thì

dẫn tâm nhập thiền định không có khó khăn, không có phí sức, không có mệt nhọc. Tại sao đức Phật lại nói như vậy ?

Khi tu tập Tứ Niệm Xứ làm cho sung mãn thân, thọ, tâm, và pháp. Khi thân, thọ, tâm, và pháp sung mãn thì Tứ Thần Túc xuất hiện như những dụng cụ để nhập các loại thiền định. Người tu thiền mà chưa xuất hiện những dụng cụ Thần Túc này thì không bao giờ nhập được chánh định, nếu có nhập được cũng chỉ nhập tà định tức là định tưởng. Cứ dựa theo bài của Bác viết trong tài liệu này thì tu thiền là phải điều thân, điều tức, điều tâm, nhưng điều thân, điều tức, điều tâm thì không đúng cách thức tu thiền định của Phật giáo. Điều thân, điều tức, điều tâm đó là cách thức tu tập để nhập vào tà thiền của ngoại đạo. Cho nên điều thân, điều tức, điều tâm là phương pháp ức chế thân tâm để đạt chất lượng không niệm khởi

Kính thưa các bạn! Thiền Phật giáo chỉ có xả tâm ly dục ly ác pháp để cho tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham, sân, si, là mục đích của đạo Phật đã đạt. Mục đích của đạo Phật đã đạt là chỗ tâm bất động tâm trước các ác pháp và các cảm thọ. Cho nên người tu sĩ Phật giáo sống rất bình thường như mọi

người, nhưng không ai làm cho họ tham, sân, si được, và không bệnh tật nào làm cho họ dao động tâm được. Đời sống của họ lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự. Tu tập họ không cần phải điều thân, điều tức, điều tâm, họ không cần có cái ***trí tuệ “nhất nguyên” tuyệt đối, mang tính xuất thế, vô sai biệt, vô ngã.***

Phật giáo chỉ dạy cho mọi người biết cách tu tập thiền định là thường ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp, để cuối cùng tham, sân, si không còn nữa, Có tu tập được như vậy thì người tu sĩ Phật giáo đã chứng đạt chân lí giải thoát hoàn toàn, họ không còn mơ ước gì hơn nữa. Cho nên nhập thiền, nhập định họ chẳng cần những điều này.

Khi một người tâm đã không còn tham, sân, si, thì tâm họ rất định tĩnh, nhu nhuyễn và dễ sử dụng. Khi tâm họ định tĩnh, nhu nhuyễn và dễ sử dụng thì họ nhập thiền định không có khó khăn, không có mệt nhọc như lấy đồ trong túi. Cho nên nhập thiền định của đạo Phật không quan trọng.

Khi tâm chưa hết tham, sân, si mà điều thân, điều tức, điều tâm để nhập thiền định thì

Phật giáo không có dạy điều này. Phật giáo dạy khi chúng ta muốn tu hành thì đầu tiên chúng ta chọn một vị thầy tu chứng đạt chân lý, giới luật phải sống nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Khi chọn được một thầy như vậy thì nên thân cận thưa hỏi. Nhờ thân cận thưa hỏi, vị Thầy đó chỉ dạy cho các bạn hiểu biết chân lý tức là giác ngộ chân lý; khi giác ngộ chân lý xong, vị thầy ấy chỉ cho các bạn cách thức hộ trì chân lý. Khi chân lý được hộ trì đúng cách thì chúng ta chứng đạt được chân lý; khi chứng đạt được chân lý thì tâm các bạn đã đoạn diệt tham, sân, si. Tham, sân, si đã đoạn diệt thì tâm các bạn định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng. Lúc bấy giờ các bạn mới có đủ Tứ Thần Túc. Nhờ có Tứ Thần Túc các bạn mới nói đến chuyện nhập thiền, nhập định. Như vậy sự nhập thiền định của Phật không có liên quan đến vấn đề điều thân, điều tức, điều tâm. Phải không các bạn?

Cho nên thân tâm của họ không bị ức chế, võ não xám không bị ức chế. Không bị ức chế thì không bị hưng phấn. Không bị hưng phấn thì sự sống của họ bình thường như mọi người khác, nhưng rất phi thường vì thân tâm họ bất động trước các ác pháp và các cảm thọ.

Như Bác viết trong bài này: ***“Điều tức do ức chế được hô hấp là đã ức chế được thần kinh thực vật. Giây thần kinh phế vị hôn nhiên được ức chế đã làm cho sự hoạt động của tạng phủ phổi dạ dày ruột,... giảm dần sự hoạt động. Việc tiêu thụ oxy khi ấy xuống rất thấp đã kéo theo sự giảm dần toàn bộ sự hoạt động toàn thể của tạng phủ, tim, não và hệ vận động đi sâu vào trạng thái đồng đẳng”***.

Thiền định của đạo Phật không có tu tập những điều này. Chỉ khi cần muốn nhập định nào thì ra lệnh tác ý câu trạch pháp của thiền định đó, tức khắc thân tâm làm theo lệnh và nhập định.

Ví dụ: muốn nhập Nhị Thiên thì ra lệnh: ***“Thân tâm phải diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên”*** lúc bấy giờ sáu căn ngưng hoạt động, liền đó thân tâm nhập vào Nhị Thiên, chứ không có nghĩa là điều thân, điều tức, điều tâm để diệt tâm tứ rồi mới nhập Nhị Thiên. Nhập thiền định mà nhập theo kiểu ức chế là sai, là không đúng theo thiền định Phật giáo. Và như vậy không bao giờ nhập Nhị Thiên được.

Trong Định Niệm Hơi Thở của Phật giáo không có dạy dùng hơi thở để nhập các định.

Mà Định Niệm Hơi Thở chỉ dùng hơi thở để ly tham, sân, si và các ác pháp như trên đã nói: ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”***. Hơi thở của đạo Phật không giống hơi thở của bác đang luận: ***“Chúng ta trở lại hơi thở trong trường hợp sợ hãi, tức giận nhịp tim tăng nhanh, nhịp thở gấp, người ta không thể sáng suốt, minh mẫn. Người ta chỉ có thể tỉnh táo, sáng suốt khi thân, tâm được thăng bằng, thở điều hoà, từ nhận thức này, từ hàng ngàn năm nay, ở Ấn Độ cũng như ở Trung Quốc, môn yoga, khí công, dưỡng sinh luyện đan, tu tập trường sinh bất lão chủ yếu đều tập trung vào hơi thở. Các phương pháp thở tùy theo truyền thống của từng nước, từng môn phái... chủ yếu vẫn là “THỞ” tập như thế nào để làm cho hơi thở chậm lại, “QUY TỨC” (thở như rùa, ba ba đòi mỗi có thể không thở trong 72 giờ). Sau đó là kết hợp luyện hình, luyện ý theo ba yếu tố chủ chốt TINH, KHÍ, THẦN, luyện TINH hóa KHÍ, KHÍ hóa THẦN, luyện THẦN hóa HƯ, luyện HƯ hợp ĐẠO. Luyện THẦN đến chỗ hoàn HƯ có nghĩa là dẫn tâm đến chỗ “CHÂN KHÔNG” hay còn gọi là***

TỊNH TÂM VÔ THỨC. Người mà luyện được tới chỗ “THẦN HOÀN HƯ” thì có nhiều khả năng sống lâu và có trí tuệ. Việc luyện linh đan đã hoàn tất tức luyện HƯ hợp ĐẠO”.

Đoạn luận trên đây của Bác dùng hơi thở để dung hóa các pháp môn Phật, Lão, Yoga, Bà La Môn v.v.. Từ chỗ thiền Phật giáo để trở thành thiền luyện **TINH, KHÍ, THẦN** của Tiên đạo. Đó là một hòa đồng pháp môn mà người sau kiến giải dung hóa thành lập ra. Bây giờ Bác cũng nhắm lại lối mòn đó (Hòa Đồng Tôn Giáo theo kiểu Thông Thiên Học).

Theo Diệu Quang hiểu biết thì thiền của Phật giáo không giống một thứ thiền nào của các tôn giáo khác, và cũng không có ai có thể dung hoà được thiền của Phật giáo với các thứ thiền khác được. Vì thiền định của Phật giáo là một pháp môn thiền độc nhất không có một thứ thiền nào giống được. Cho nên thiền định của Phật giáo không phải là một pháp môn tu tập như các pháp môn thiền của các tôn giáo khác. Thiền của Phật giáo là một chương trình giáo dục đào tạo con người sống có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Một chương trình có bài vỡ hần hoi, có phần lý thuyết học tập, có phần thực hành tu tập để

sống trở thành một thói quen đạo đức làm Người, làm Thánh rõ ràng cụ thể.

Bởi vậy mục đích của đạo Phật không luyện **THÂN** đến chỗ **HOÀN HƯ**, không dẫn tâm đến chỗ **“CHÂN KHÔNG”** như Tiên Đạo và Đại Thừa. Tiên Đạo và Đại Thừa khéo tưởng tượng pháp, tu tập trong tưởng, sống trong tưởng. Còn riêng đạo Phật sống như thật không mơ mộng những điều cao siêu ảo tưởng, chỉ có một mục đích là bất động tâm trước các ác pháp và các cảm thọ. Cho nên muốn sống được như vậy thì phải sống biết đúng đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai, đó là giải thoát, là thiên định của Phật giáo, đây các bạn ạ!

Bốn thiên và Tam minh không phải là mục đích của đạo Phật, nó chỉ là một năng lực của đạo đức nhân bản - nhân quả làm người, khi người ấy sống trọn vẹn với đạo đức thì những năng lực này sẽ xuất hiện. Vì thế, Bốn thiên và Tam minh đối Phật giáo nó không có quan trọng. Khi tâm lìa tham, sân, si, tâm định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng thì đức Phật dạy: **“Nhập Bốn thiên và Tam minh không có khó khăn, không có mệt nhọc”**.

Kính thưa Bác! Diệu Quang đọc bài luận về thiền của Bác viết, Diệu Quang rất lo lắng: **“Nếu mọi người cứ hiểu thiền của Phật như bài luận của Bác thì tự nó đã dìm thiền Phật giáo mất. Như vậy về sau còn ai biết thiền của Phật giáo nữa”**.

Thiền của Phật giáo là đạo đức của mọi người, lợi ích cho mọi người, đúng căn cơ của con người, chứ không phải như thiền của Bác viết. Thiền của Bác là thiền của những bậc đạo sĩ luyện **TINH, KHÍ, THẦN** để trở về với **CHÂN KHÔNG BẢN THỂ**. Những loại thiền này chỉ giành riêng cho những bậc cao siêu, còn những người bình thường phàm phu làm sao tu tập nổi, nếu có tu cũng trở thành điên khùng như một số người hiện giờ mà Diệu Quang đã chứng kiến. Cho nên thiền này chỉ nói suông nghe chơi, chứ không phổ cập cho loài người được, vì chẳng lợi ích thiết thực cho đời sống của con người, và con người căn cơ thấp kém không phù hợp với những loại thiền này.

Kính thưa Bác! Từ khi có những loại thiền này có mấy người đã chứng được nó? Có người nào luyện **TINH, KHÍ, THẦN** mà sống được 1000 tuổi chưa? Kinh sách viết về thiền này quá nhiều, biết bao nhiêu giấy mực của thế

gian mà có lợi ích gì cho ai, con người khổ cũng vẫn khổ như thường. Có đúng không thưa Bác?

Đối với đạo Phật, thiền là đạo đức làm người, làm Thánh, chứ không phải luyện **TINH, KHÍ, THẦN**, thiền không phải là khoa học, y học, vật lý học như trong bài viết Bác đã luận.

Theo như bài viết của Bác đã luận: **“Đến đây chúng ta có thể nhận xét sơ bộ, nếu nhận xét trên đây là có thể chấp nhận:**

- Moóc - phin nội sinh là do cơ thể tiết ra nên không gây nghiện.

- Moóc - phin chỉ tiết ra trong trường hợp châm tê ngoại khoa và châm để làm giảm đau trong điều trị nội khoa, sản khoa.

- Có thể moóc - phin nội sinh chỉ tiết ra trong khi nhập thiền sâu xa (hiện chưa có nghiên cứu nào).

- Nhập thiền càng sâu, này độ moóc - phin nội sinh càng tỏa lan.

- Niềm an lạc do moóc - phin sinh đem lại cho hành giả thực hành thiền quán thuần thành là không thể nào hình dung nổi đối với tâm trí thế tục; và không một sự khoái lạc thế tục nào sánh nổi. Đó

là chắc chắn; trí tuệ và thân thông đến là điều tự nhiên do “nhập định sâu xa nhu nhuyễn dễ sử dụng, lâu dài... tuyệt nhiên không phải do lòng cầu mong thế tục”.

Kính thưa các bạn! Theo Diệu Quang nghĩ: *“Thiền là thiền, thiền không thể là khoa học, y học, vật lý học. Cái lầm lạc của những người trí thức là hay tổng hợp lấy khoa học, y học, vật lý học, để minh chứng cho thiền định và lấy thiền định lồng trong y học, vật lý học, khoa học để bảo rằng thiền định là một sự thật không hư tưởng”.*

Kính thưa các bạn! Thiền định là thiền định; khoa học, y học, vật lý học là khoa học, y học, vật lý học, chứ không phải là thiền định; thiền định cũng không phải là khoa học, y học, vật lý học xin các bạn lưu ý cho.

Nói đến thiền định là nói đến tôn giáo; tôn giáo là một chân lí của loài người, ngoài chân lí của con người đi tìm tôn giáo thì tôn giáo ấy là tôn giáo ảo tưởng. Còn chân lí của loài người là tôn giáo thì tôn giáo ấy mới thật sự là tôn giáo của con người; tôn giáo không phải là chân lí của loài người là tôn giáo tưởng

tri, do con người tưởng ra Thánh khái hay Cơ bút giảng.

Cho nên tôn giáo là đạo đức của loài người. Đạo đức của loài người là tôn giáo và như vậy tôn giáo ấy mới thật sự là lợi ích của loài người.

Ở đây bác và mọi người trí thức khác đều chưa phải là những người đã chứng đạt chân lí; chưa phải là những người nắm mùi vị thiên định, nên khi viết ra sợ mọi người không tin thiên định mình viết, mình đang hiểu biết và đang tu học, nên dựa theo lý giải của khoa học, y học và vật lý học để lồng ghép vào thiên định khiến cho mọi người chưa biết thiên định đều tin theo bài viết của mình là thiên như thật.

Đức Phật đã hiểu biết những điều này nên Ngài đã răn nhắc chúng ta: ***“Đừng có tin! Đừng có tin! Và đừng có tin!!!! ... Chỉ có đạo đức mới đem lại sự lợi ích cho mình, cho người thì nên tin”***.

Đã lâu Diệu Quang nhận được bản dịch Việt ngữ tập sách **“THE TAO OF PHYSICS”** của tác giả FRITJOF CAPRA do Nhà khoa học vật lý Nguyễn Tường Bách biên dịch: **“ĐẠO CỦA VẬT LÝ”** đã tóm lược vật lý khoa học

lồng vào đạo học như sau: ***“Đặc trưng của nền vật lý hiện đại của thế kỷ 20 là sự tìm kiếm nguồn gốc khởi thủy của vật chất cố tìm ra những “HẠT CƠ BẢN”, cuối cùng tạo nên nguyên tử. Thế nhưng khi đến cánh cửa cuối cùng mở ra để thấy bộ mặt thật của vật chất, nhà vật lý phát hiện vật chất hình như không phải do những hạt cứng chắc tạo thành nữa mà nó chỉ là dạng xuất hiện của một thực tại khác, vì thế mà vật chất mang những tính chất hầu như đối nghịch nhau, nó vừa liên tục, vừa phi liên tục, vừa hữu hiện vừa phi hữu hiện; dạng xuất hiện của nó tùy theo cách quan sát của con người. Những tính chất lạ lùng đó đưa ngành vật lí vào thẳng cửa ngõ của triết học: nền vật lý hiện đại vừa thống nhất và lý giải nhiều khái niệm cơ bản của triết học, vừa đề ra những câu hỏi lớn của loài người mà các nhà Đạo học từ xưa đã tổng kết, và kỳ lạ thay, những phát hiện hiện nay của nền vật lý hiện đại không khác bao nhiêu với những kết luận của các Thánh nhân ngày xưa”***”.

Đọc qua đoạn luận này các bạn thấy rất rõ ngành khoa học vật lý hiện đại đã lũng vào đạo học để dẫn chúng đạo học (thiền) là vật lý khoa học.

Thưa các bạn! Diệu Quang thiết nghĩ: *“Nếu những nhà vật lý khoa học này đã nhập được thiền định đúng chánh pháp của đức Phật thì các vị ấy không bao giờ viết và dịch cuốn sách này **“ĐẠO CỦA VẬT LÝ”**, rõ ràng các nhà khoa học lấy vật lý để minh chứng cho đạo học, nhưng đạo học vẫn là đạo học; vật lý khoa học vẫn là vật lý khoa học, nếu Diệu Quang nghĩ không lầm, các nhà khoa học vật lý không thể hiểu mục đích của đạo học. Vì lợi ích cho con người nên Đạo học mới ra đời, nhưng Đạo học lại đưa ra một thứ thiền hư tưởng, nó không đáp ứng nhu cầu đạo đức sống của con người, nên nó không được phổ cập đến mọi con người, vì thế, nó chỉ giành cho những bậc tiêu cực yếm thế”*.

Kính thưa các bạn! Mục đích của đạo học, nhất là thiền của Phật giáo là đem lại sự an vui, thanh thản, bất động thân tâm ra khỏi mọi sự khổ đau của con người. Đạo học giúp cho con người có một cuộc sống hài hòa với mọi người không làm khổ mình, không làm khổ người, chứ đâu phải nêu ra và so sánh để đi

vào kết luận đạo học của vật lý. Nếu đạo học của vật lý là vật lý thì còn có nghĩa gì là đạo học nữa, là thiên nữa.

Nếu như vậy thiên định là một vật lý đâu còn phải là một tinh thần sống động, đầy đủ sự an lạc, thanh thản, yên vui của từ tâm hỷ, xả.

Kính thưa các bạn! Khi chưa nhập thiên định các bạn đừng nên viết nói về thiên định, dù có viết nói về thiên định thì các bạn sẽ viết không đúng, chỉ khi nào các bạn có Định Thân Túc thì các bạn viết và nói về thiên định thì không còn sai nữa các bạn ạ!

Sau khi tu tập Tứ Niệm Xứ viên mãn Thầy Thông Lạc có đủ Tứ Thần Túc. Khi có đủ Tứ Thần Túc mới nhập các định và thực hiện Tam minh, còn chưa có thì không bao giờ nhập định được như đã nói ở trên. Khi nhập các định xong, bấy giờ Thầy mới xem xét lại kinh sách phát triển, Thiên Tông và tất cả những kinh sách của những nhà Đạo học họ viết và luận về thiên, Thầy biết rất rõ tất cả các vị ấy chưa bao giờ nắm được mùi vị của thiên định, họ chưa bao giờ biết thiên định ra sao? Họ chưa bao giờ biết nhập định như thế nào? Họ

chỉ nói theo kiểu suy luận như giáo sư Capra và giáo sư Nguyễn Tường Bách.

Tóm lại, thiên không phải là khoa học, khoa học không phải là thiên, thiên thuộc về tinh thần đạo đức nên nó mang đầy tính thiện chứ không phải là những loại thiên mang tính chất vật lí của đạo học Đông phương xin quý vị đừng gán cho nó là thiên của Phật giáo, nếu quý vị cho nó là thiên của Phật giáo là quý vị quá nông nổi.

Thăm và chúc bác Đức Thông vui, mạnh và xả tâm tốt. Nếu Diệu Quang nói có điều chi sơ sót xin Bác vui lòng tha thứ cho, Vì Diệu Quang biết mà không nói ra thì rất tội nghiệp cho con cháu những thế hệ mai sau sẽ lầm lạc.

Kính thư
Diệu Quang



PHẬT PHÁP TUYỆT VỜI

Hôm nay con từ cõi chết trở về, con kính xin Thầy và Cô từ bi hoan hỷ cho con tỏ nỗi lòng về chánh pháp của Phật. Giờ phút này con vẫn còn đủ duyên phước để đóng góp những viên gạch nhỏ bé của mình làm sáng tỏ đường tu theo pháp môn Giới, Định, Tuệ của Thầy triển khai. Bấy lâu nay con đã vận dụng vào cuộc sống để tu hành trong chiếc áo của người cư sĩ tại gia. Con xin phép Thầy và Cô Út cho con được tâm sự đạo pháp cùng toàn thể cư sĩ bốn phương.

Liễu Kim xin gửi tới các quý bạn cư sĩ bốn phương lời kính chúc sức khỏe và hạnh phúc.

Chúc quý bạn cư sĩ tu tập xả tâm tốt để ngày càng thăng hoa hơn trên đường về xứ Phật.

Thưa các quý bạn! Liễu Kim xin kể sơ lược về cuộc đời tu hành của mình, những gì trắc trở, những gì thuận lợi, để chúng ta sách tấn cùng nhau trong cuộc sống đời và đạo...

Liễu Kim sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở ngoại thành Thủ Đô Hà Nội. Cuộc sống thanh bần nhưng đầy đủ đức hạnh gia phong của nếp sống cổ xưa. Thật mai mắn Liễu Kim ra đời tự lực rất sớm và gặp đạo cũng không muộn, nhưng lại không may vì Liễu Kim đã để cho một quãng thời gian trôi đi quá lãng phí vì không gặp được chánh pháp, nên đã rẽ ngang, rẽ tắt qua rất nhiều pháp môn để cầu đạo.

Thế rồi duyên may đã đến, phước báu hãy còn, nên Liễu kim đã gặp được pháp môn xả tâm của Thầy Chân Như qua cuốn băng đầu tiên, đó là cuốn băng “Phật môn bảo huấn”. Sau 3 năm nhập thất Thầy ra thất... con thật là vui mừng vô cùng xiết kể như hạn hán lâu năm mà gặp được mưa rào và từ đó Liễu Kim được đủ duyên nghe băng và đọc giáo án Thầy soạn. Liễu Kim lấy một cuốn tập của mình ra ngồi ghi chép lại tỉ mỉ các pháp hành và các pháp hướng để dễ bề tóm lược trong khi áp dụng pháp để tu hành. Liễu Kim còn đang công tác ở cơ quan y tế nên công việc rất bận rộn, nhưng không phải vì thế mà Liễu Kim không tu được. Tu xả tâm tham, sân, si và nhãn nhục, tùy thuận, bằng lòng, không làm

khổ mình khổ người, do có pháp hành trì nên trong cuộc sống của gia đình và xã hội được cởi mở trong bầu không gian thanh thản, an lạc và vô sự...

Liễu Kim trên đà phát triển xả tâm rất tốt nên vì thế trong cuộc sống của gia đình có nhiều cải thiện về thân tâm và cộng đồng nhân quả ở khối duyên hợp này... Thế là Liễu Kim đã lấy được lòng tin với chồng con, cả nhà viết đơn xin Thầy cho phép quy y Thầy. Đó là điều Liễu Kim sung sướng nhất trong cuộc đời của mình. Cả nhà theo Phật, theo Thầy là vì họ cảm nhận được tính chất thanh cao, trong sáng và giải thoát của đạo màu nhiệm Phật Giáo. Đây là hạnh phúc nhất trong cuộc đời của Liễu Kim.

Kính thưa các quý cư sĩ bốn phương!

Một câu chuyện Liễu Kim sắp kể tiếp ra đây, là một câu chuyện mà ở đời thường người ta cho là lạ, lạ về sức chịu đựng trước nghiệp thân của Liễu Kim. Liễu Kim rất vững vàng trong lúc trả nghiệp. Nhưng chỉ cho ai có tu theo lộ trình Giới, Định, Tuệ của Thầy Chân Như chỉ dạy thì mới thấy là tuyệt vời nhất thế gian...

Vâng, Liễu Kim đang có cuộc sống tốt, cao đẹp nhất đời như trên Liễu Kim đã mô tả... Ấy thế mà 180 độ, lật ngược trục quay khiến cho Liễu Kim rơi vào một dòng sông nhân quả, để cho Liễu Kim được có dịp độ sức tĩnh thức và quán xét tư duy theo luật vô thường, khổ, không và vô ngã. Đây chính là một đề án cho Liễu Kim thành tốt nghiệp 3 năm tu luyện pháp môn của Thầy... Các bạn có hay biết không? Đó là một tin khá bất ngờ đối với Liễu Kim, còn đối với mọi thành viên trong gia đình thì đó là một tin sét đánh ngang tai. Liễu Kim được bệnh viện kết luận là ung thư buồng trứng.

Vâng một bệnh hiểm nghèo được gọi là nan y... Liễu Kim phải trấn tĩnh ngay và quán xét nhân quả trả vay thiện, ác của cuộc đời mình quá khứ, hiện tại. Luật vô thường nó đang chi phối Liễu Kim, Liễu Kim viết thư bạch Thầy để Thầy chỉ dạy cho Liễu Kim. Thế là Liễu Kim cảm động quá, Thầy đã mau mau gửi ngay pháp bố thí trả lời cho Liễu Kim là một bài pháp Thầy cho Liễu Kim, rất cụ thể và ngắn gọn:

“Này con! Tất cả các pháp đều do duyên hợp mà thành nên không có vật gì trường tồn vĩnh cửu.

Thân, thọ, tâm, pháp của chúng ta cũng vậy, cũng sẽ trở về cát bụi.

Chỉ còn có nghiệp lực thiện, ác đi tái sanh luân hồi mà thôi.

Vậy con nên giữ gìn tâm thanh tịnh, vô sự, an lạc đừng để tâm buồn lo, sợ hãi, thương ghét, giận hờn, đau khổ v.v.. Thì con sẽ được giải thoát hoàn toàn chấm dứt tái sanh, luân hồi thoát khỏi kiếp làm người đau khổ vô cùng.

- Thân là vô thường - cái gì vô thường là khổ con ạ!

- Thọ là vô thường - cái gì vô thường là khổ con ạ!

- Tâm là vô thường - cái gì vô thường là khổ con ạ!

- Các pháp là vô thường - cái gì vô thường là khổ con ạ!

Cho nên cái bệnh đau khổ của con là vô thường, nó do nhân quả hợp lại mà thành nên có đau khổ - chứ không có cái ta đau khổ con ạ! Đừng sợ, nó đến rồi nó đi, để nhân quả trả

vay nhân quả. Nếu không sợ hãi, buồn lo, thương ghét thì con sẽ sinh vào Niết Bàn, tức là tâm thanh tịnh, an lạc, vô sự của con. Nơi ấy không có thiện, ác nên không có đau khổ - không có đau khổ nên không có luân hồi - không có luân hồi là vĩnh viễn giải thoát.

Con nhớ kỹ lời Thầy dạy đừng sợ hãi mà hãy giữ tâm thanh tịnh, vô sự, an lạc.

Thăm và chúc con thành tựu viên mãn thoát cơn bệnh khổ đau”.

“Sinh ra làm người có 4 cái khổ mà ai cũng khắc khoải trong lòng làm sao để thoát 4 nỗi khổ này?.

Đức Phật ra đời chỉ dạy cho chúng ta là quét sạch nó đi, nhưng chúng ta còn ngu si lắm, không dám buông bỏ ngũ triền cái, không dám đoạn dứt thất kiết sử mà cứ loanh quanh luẩn quẩn trong vòng thương ghét, giận hờn và khổ đau. Để rồi hết một kiếp người mà không thoát ra khỏi nanh vuốt của 4 con quỷ vô thường sinh, già, bệnh, chết này.

Nhìn trước sau số người theo Thầy tu học mà không chịu nghe lời Thầy buông xả, cứ lo tu theo kiểu kinh sách phát triển, Yoga, thiền Đông Độ, thiền Minh Sát...

Để rồi 4 con quỷ vô thường này chụp đến thì không biết lấy gì đối trị nó; để rồi phải chịu nô lệ dưới nanh vuốt sắc bén của chúng từ đời này sang kiếp khác”.

“Nếu không có thanh gươm thư hùng kiếm **như lý tác ý** thì làm sao diệt chúng được, hiện giờ các con còn mạnh tay khỏe chân mà không gia công mài thanh gươm này cho sắc bén thì đến khi lâm trận các con sẽ là người chiến bại.

Liễu Kim giờ này con còn nhớ thanh gươm của con không? Con hãy lấy ra cầm chặt nơi tay hằng phút, hằng giây, đánh mạnh, chặt vào đầu loài quỷ vô thường bịnh, tử này.

Con còn nhớ pháp như lý tác ý không?

“Thọ là vô thường hãy lui khỏi nơi đây”.

“Bệnh tử là vô thường không được ở đây phải ra khỏi nơi đây?”.

“Tâm ta phải bất động, chẳng hề sợ hãi loài quỷ vô thường này”.

“Tâm ta hãy bất động trước ác pháp và các cảm thọ khổ đau này”.

“Tâm ta phải vững vàng thanh thản và an lạc”.

Liễu Kim con còn nhớ bài Định niệm hơi thở Phật dạy hay không?

Mặc dù thân con đau nhức con nên nhớ như lý tác ý.

“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô

An tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”

“An tịnh tâm hành tôi biết tôi hít vô .

An tịnh tâm hành tôi biết tôi thở ra”

Con nên nhớ vừa hướng tâm vừa hít thở để chiến đấu với 4 con quỷ vô thường sinh già, bệnh, chết. Có như vậy thì tâm con sẽ bất động đến giờ phút mười hai nhân duyên tan rã thì con vào cảnh giới thanh thân, an lạc và chấm dứt luân hồi. Thầy có gửi cho con một bức thư, quán thân, thọ, tâm, pháp vô thường, khổ, không, vô ngã để khi ra đi tâm con không vướng mắc vào các pháp thế gian thì nghiệp con sẽ được chuyển hoá thành tịnh, và vào được trạng thái thanh thân, an lạc, vô sự.

Bức thư này cũng dạy chung cho các con khi gặp 4 loài quỷ vô thường này thì phải dùng thanh gươm như lý, tác ý mà diệt nó đi.

Thăm và chúc con vui mạnh và xả tâm tốt.

T/B: Giữ tâm thanh thân, an lạc và vô sự là các con đang ở gần bên Thầy.

Biết được Phật pháp dù trong hoàn cảnh nào:

1. **Thứ nhất** con nên tu tập xả tâm, ngăn ác, diệt ác pháp không làm khổ mình khổ người .

2. **Thứ hai** con nên đẩy lùi chướng ngại pháp nơi tâm con để tâm hồn con được thanh thân, an lạc, dù trong hoàn cảnh nào.

3. **Luôn giữ gìn tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ khổ đau** đừng để tâm dao động, dù có chết cũng chẳng sợ.

Con hãy nhớ cố gắng trong 3 điều dạy trên đây con sẽ chuyển được nghiệp và con được giải thoát.

Con nên nhớ kỹ tâm thanh thân, vô sự là tâm giải thoát, là nơi người tu theo đạo Phật xả bỏ báo thân”.

Thế là, lại một lần nữa rùa mù được gặp bọng cầy trôi giữa biển. Liễu Kim dùng pháp “**Như lý tác ý**” Thầy bảo đó là thư hùng kiếm, luôn luôn phải mài sắc nó Liễu Kim ngày đêm vận dụng pháp hướng, xả cảm thọ, xả khổ giữ tâm luôn thanh thân an lạc, vô sự... trong vòng

14 tháng, Liễu Kim đã thành công 4 lần phẫu thuật và 7 lần truyền hóa chất Liễu Kim không chịu đầu hàng cảm thọ đấu tranh với nó giành giật với nó, thế là cuối cùng nó cũng khuất phục. Trải qua hơn một năm trời vất vả kể từ khi mổ lần đầu, do nhờ có pháp hướng của Thầy nên Liễu Kim đã ôm phao pháp để không bị chìm đắm khi đi ra biển (nhân quả). Tối hôm ấy vào hồi 23 giờ đêm ngày 14 - 5 - 2001, Liễu Kim bị một cơn cao huyết áp đột biến và hạ can xi huyết do đó cứng từ chân đến mồm.. mồm nói cũng ngưng cả... Liễu Kim thư thả bình tĩnh nói với mọi người trong gia đình là tất cả đi ra ngoài hết... Nếu ai khóc thì không được ở đây! Để cho tôi thanh thản nhé... Lúc này Liễu Kim xác định mình sắp bỏ thân rồi... Nên vì thế tâm lúc nào Liễu Kim cũng nhắc thanh thản vô sự không được sợ hãi gì hết, thân là vô thường, là bất tịnh là ổ bệnh tật... có gì đâu mà sợ mà lo... phải thanh thản như lời Thầy đã dạy đoạn trước khi cận tử nghiệp đến phải tác ý như thế nào?... Lúc này thân tâm Liễu Kim ở trạng thái rất an ổn thanh thản vô kể. Lúc này Liễu Kim luôn nghĩ về Chơn Như và mồm gọi Thầy ơi! Chờ con với! Cô Út ơi! Đón con về Chơn Như với!... nói xong tâm Liễu Kim rất thanh thản... Liễu Kim

tưởng rằng sẽ đi trong giây phút này cơ đấy. Vì mình đã thiết kế được một dòng suy tư thanh thản, an lạc, vô sự, không hề sợ hãi vướng vấp điều gì, hoặc nhớ thương và mong đợi gì cả thật là sung sướng chết đến cổ rồi mà tâm vẫn thanh thản, thế rồi vừa lúc này xe ô tô cấp cứu gia đình gọi đến họ tiêm thuốc cho thân tâm bình tĩnh lại Liễu Kim buồn cho sự thể. Vì người thân còn níu kéo nên duyên chưa tan được. Sau đó vừa đúng lúc các bạn cư sĩ khác cũng được nghe tin, thế nên cũng phát khởi tâm đến gặp Liễu Kim để trợ duyên lúc bỏ báo thân... Chị em gặp nhau như ngày hội sau một lần sắp chết của Liễu Kim ai cũng an nhiên tự tại không ai khóc lóc chi cả.

Thế mới biết pháp hành của Thánh Tăng Bốn Sư Thông Lạc. Ngài có đủ oai lực, thần lực để chỉ dạy lại cho các đệ tử con mình chuyển hóa tuyệt vời. Không ai bị lay động trước cảm thọ và trước cái giờ phút bỏ báo thân, coi nó nhẹ nhàng như lông hồng, như chỉ mảnh treo chuông vậy...

Kính thưa các cư sĩ bốn phương! Nhờ có pháp chánh của Thầy dạy Liễu Kim đã khéo léo tác ý để ứng dụng vào những lúc cam go khắc nghiệt nhất của cuộc đời, lúc trả nghiệp

thân, thọ, tâm, pháp, mà trong cuộc sống không ai tránh khỏi, nhất là căn bệnh nan y này. Liễu Kim sẽ phải khổ sở như thế nào? Ngay bây giờ Liễu Kim vẫn phải bình tĩnh, an nhiên, tự tại để chuẩn bị **“thanh gươm thư hùng kiếm”** của mình làm vũ khí làm chiếc phao đi theo Liễu Kim cho đến khi nào 4 duyên tứ đại tan rã.

---☯📖☯---

HẾT TẬP V

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh.....	33
Thế giới siêu hình.....	62
Giới luật.....	83
Bốn định vô sắc.....	104
Vọng tưởng.....	127
Như lý tác ý.....	144
Ức chế tâm có hại gì?.....	155
Nhân quả.....	181
Làm chủ sanh, già, bệnh, chết.....	187
Sáu nẻo luân hồi.....	192
Đạo Phật chỉ có một đấng giáo chủ.....	198
Tu hành nên tránh pháp ức chế.....	205
Ăn chay làm cây cỏ biết đau.....	209
Trứng gà công nghiệp là những chất bất tịnh.....	215
Thần thông.....	217
Diệt trừ bản ngã.....	219
Diệt trừ bản ngã là chứng đạo.....	222
Đời khổ là do chấp ngã.....	222
Phương pháp diệt ngã.....	224
Kết quả diệt ngã như thế nào?.....	226

Ý thức thanh tịnh.....	227
Ý thức có mấy loại?.....	229
Các hành có ác và thiện.....	231
Tâm sắc dục.....	233
Định niệm hơi thở.....	242
Ước nguyện loài vật nhỏ bé được sinh làm người	244
Ức chế.....	246
Tác ý phá cảm thọ.....	247
Tứ quả và Tứ Thánh Định có giống nhau không?	248
Hơi nóng chỗ nào thì tái sinh chỗ đó.....	251
Kết quả tu tập.....	255
Nhìn đời bằng nhân quả.....	257
Căn cứ vào mười Thánh hạnh Sadi.....	261
Bản ngã.....	263
Hiểu sai Phật pháp.....	264
Làng nguyên thủy.....	267
Thân hành niệm.....	268
Pháp thân hành niệm.....	275
Dừng cái ý.....	279
Định tĩnh.....	281
Ngũ âm ma.....	282
Những kinh nghiệm thư.....	293
Bị ngoại đạo khiêu khích.....	297
Thanh minh.....	300

Khi tu theo Phật giáo có cần tham khảo thêm sách khoa học.....	302
Trồng rau sạch	304
Tu sĩ gặt lúa giúp dân	306
Cứu trợ.....	308
Được phép bán sản phẩm thừa không?.....	309
Trồng rau lúa sạch tránh thuốc sâu rầy.....	312
Lễ nghi đối với ngoại đạo.....	313
Chào hỏi bạn bè cùng chung nhau một thầy.....	318
Khi vào chùa nên lễ vị Phật nào?	321
Xưng hô với phật tử.....	323
Nhận sự cúng dường phải ước nguyện như thế nào?	324
Xưng hô với những bậc cao niên.....	325
Cách vận y thượng.....	326
Cách xưng hô với những người thân trong gia đình	327
Không nên đến.....	328
Không vái bàn thờ Thánh	330
Tụng niệm ma chay	331
Cách xưng hô tiếp xúc với nhà chức trách	332
Giới luật phật không nên bỏ	333
Có nên hủy kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông không?	334
Tổ chức các buổi lễ lớn	335

Tứ Thần Túc	336
Kinh Duy Ma Cật có phải phật thuyết không?.....	339
Phụ bản I: Đường xây dựng nhân cách	347
Phụ bản II: Muốn nhập thiên đình phải có Tứ Thần Túc.....	370
Phụ bản III: Phật pháp tuyệt vời.....	391
Mục lục.....	403

GIỚI THIỆU SÁCH

1. Đường về xứ Phật (Mười tập, bộ mới - 2011).
2. Những lời gốc Phật dạy (4 tập, bộ mới - 2011).
3. Văn hóa Phật giáo truyền thống (2 tập, bộ mới - 2011).
4. Đạo đức làm người (Tập I, II...).
5. Cẩm nang tu Phật (Hai tập).
6. Thiên căn bản.
7. Hành thập thiện & Tứ vô lượng tâm.
8. Những chặng đường tu học của người cư sĩ.
9. Thời khóa tu tập trong thời đức Phật.
10. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Hiếu Sinh (Tập I, II, III).
11. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Ly Tham (Tập I...).
12. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đạo Đức Gia Đình (Tập I...).
13. Mười Đức Thánh Sa Di (Tập I, II).
14. Giới đức Thánh Tăng, Thánh Ni.
15. Định niệm hơi thở.
16. Phật giáo có đường lối riêng biệt.
17. Pháp môn niệm Phật tứ bất hoại tịnh

18. Nghi thức thọ trai.
19. Những lời tâm huyết...
20. Mười hai cửa vào đạo (2009).
21. Tọa duyên giáo hóa chúng sinh (mới 2009).
22. Lòng yêu thương (2009).
23. Linh hồn không có (2010 quý I).
24. Muốn chứng đạo phải tu pháp môn nào? (2010)
25. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (2010).
26. Giới đức làm người – 2 tập (bộ mới - 2010).
27. Lịch sử chùa Am (bộ mới - 2010).
28. Linh hồn không có – tái bản lần I (2010 quý IV).
29. Sống một mình như con Tê Ngưu (2010)
30. Thanh qui Tu viện Chơn Như (2010)
31. Lòng yêu thương – tập 2 (2011 quý I)
32. Sống mười điều lành (2011)

Các trang web hiện hành có đăng tải sách của Trưởng lão Thích Thông Lạc:

<http://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.chonlac.org>

<http://www.chonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

...

Ước mong mọi người sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sinh.

PHẬT TỬ ẨM TỔNG KINH

“ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP V”

- Gia đình Thích Nữ Liễu Nghĩa
- Gia đình Thích Nữ Liễu Châu
- Gia đình Thích Nữ Liên Phước
- Gia đình Thích Nữ Diệu Minh
- Gia đình Thích Nữ Diệu Tâm
- Gia đình Thích Nữ Liễu Thắm
- Phật tử Hà nội
- Phật tử Tp. Hồ Chí Minh
- Nhóm thọ bát quan trai sư P.N

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP V

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Q.Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: **Nguyễn Hà**

Bìa & Trình bày: **Thanh Tuệ**

Sửa bản in: **Ngọc Phúc**

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: 066.3892911

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 1.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm

In tại **CTY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

(Tp.HCM. ĐT: 38164415)

Số xuất bản: ...

In xong và nộp lưu chiểu ...

